

Van B. Choat

PHẢI SỐNG

Hành trình từ Chiến tranh đến Tự do của một bé gái mồ côi

Hoàng Phương dịch



PN PHÚC

PHẢI SỐNG

(Undaunted A Memoir)



Tác giả: Van B. Choat

Phương Nam phát hành

NXB Phụ Nữ 7/2017

ebook©vctvegroup

10-04-2018

Để nhớ về những kỷ niệm đẹp của Ba Mẹ và ông bà ngoại tôi.

* * *

Dành tặng những Người Mồ Côi trên toàn thế giới:

Mong bạn tìm thấy sự bình an và sức mạnh bên trong và có đủ nghị lực để thực hiện ước mơ của mình.

Cho những ai đã nắm lấy bàn tay của những Người Mồ Côi, cầu Chúa ban nhiều phước lành cho bạn vì sự tử tế và lòng trắc ẩn của mình.

* * *

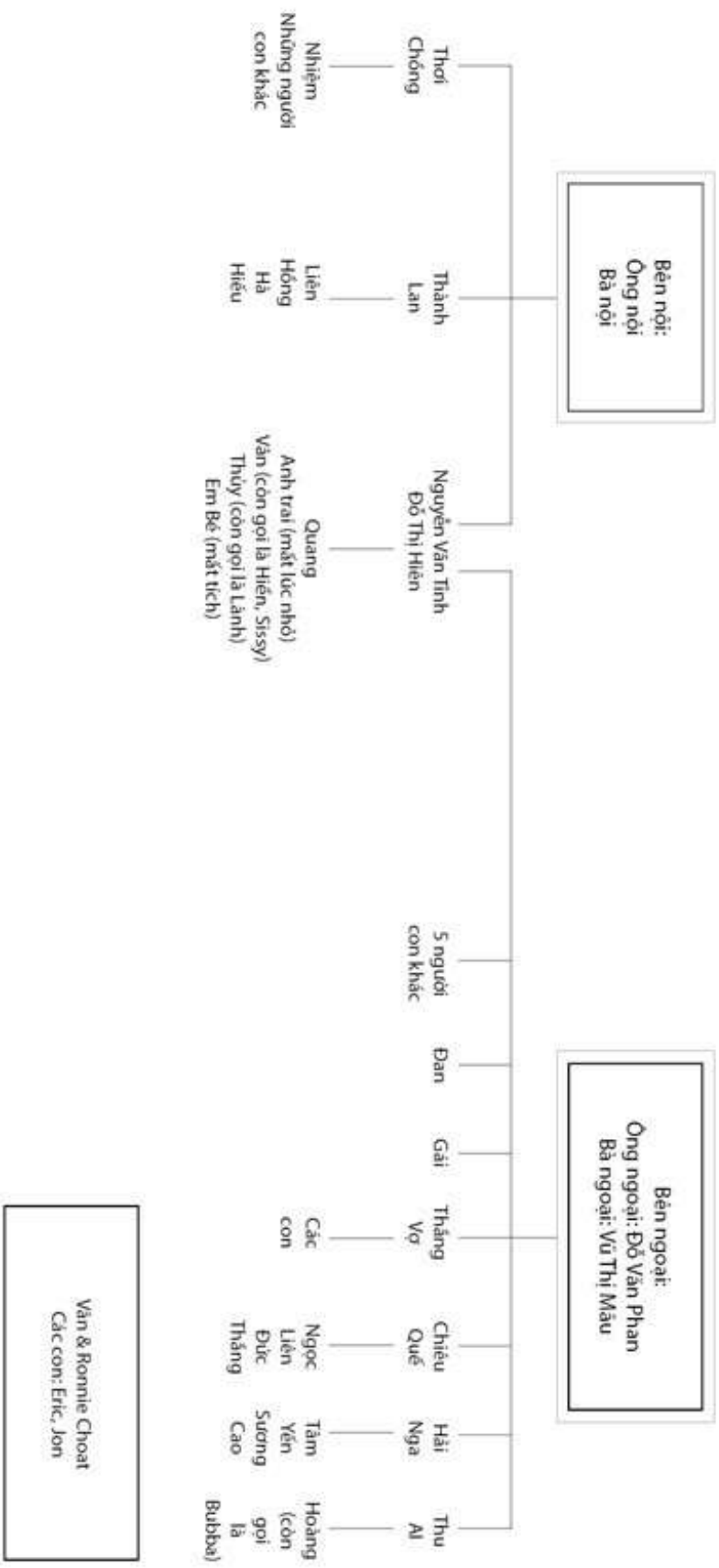
Dành tặng cho bạn bè và gia đình tôi, đặc biệt là hai con trai Eric và Jon, những người đã cùng tôi chia sẻ hành trình cuộc đời...

Cuộc đời rồi sẽ làm cho tất cả chúng ta mồ côi, chỉ là một số người
sẽ bắt đầu sớm hơn những người khác.



Vân (còn gọi là Hiền, Sissy), 1965

NHỮNG THÀNH VIÊN
TRONG GIA ĐÌNH
VÂN B. CHOAT



Lời tựa

Bản chuyển ngữ từ tiếng Anh sang tiếng Việt này rất quan trọng đối với tôi, vì Việt Nam là mảnh đất nơi tôi đã sinh ra, là quê nhà yêu dấu của tôi, và cũng là nơi mà tổ tiên của tôi đã lưu dấu, trên mỗi tác đất, mỗi dòng sông hay mỗi ngọn núi. Tôi luôn muốn bày tỏ tấm lòng biết ơn đối với họ, những người đã dành cả cuộc đời hi sinh cho con cháu, để chúng tôi có được cuộc sống tươi đẹp ngày hôm nay.

Kể lại câu chuyện cuộc đời mình cho đồng bào nơi quê nhà, đó là một điều mang nhiều ý nghĩa đối với tôi. Như một món quà tôi muốn trao tặng thế giới này.

Qua câu chuyện về một bé gái mồ côi ở Việt Nam, tôi muốn khơi gợi trong lòng mỗi người sự suy ngẫm về cảnh ngộ của tất cả những người mồ côi trên thế giới, và hơn hết là niềm suy tư về những cuộc chiến tàn khốc mỗi ngày, mỗi giờ vẫn đẩy người ta vào hoàn cảnh ấy. Khi chúng ta đã học cách thấu hiểu, chấp nhận và cảm thông cho người khác, đó cũng là khi chúng ta biết yêu thương cả thế giới quanh mình. Vì lẽ đó, *Phải sống* là một quyển sách đáng đọc, có thể xem như một tài liệu tham khảo trong các lớp học – nơi khởi nguồn cho những thay đổi tốt đẹp mãi về sau này.

Lẽ ra tôi nên bắt đầu câu chuyện khi tôi mới sinh ra, nhưng tôi không biết chính xác đó là khi nào, còn những người có thể cho tôi biết thì đã qua đời cả, và thế giới mà chúng tôi cùng chia

sẽ cũng không còn nữa. Mà cũng chẳng quan trọng. Chuyện của chúng tôi là một câu chuyện cũ rích, lặp lại mỗi ngày ở những vùng chiến khắp nơi trên thế giới. Những người mồ côi tạo thành một gia đình lớn, và những thành viên trong gia đình này rất hiếm khi ở cùng nhau. Chúng tôi chỉ biết những người đã nắm lấy tay mình.

Chúng tôi đã nắm tay nhau đi qua hết những tháng ngày đó, những tháng ngày nhọc nhằn, những tháng ngày cay đắng. Nhưng dù có bất cứ chuyện gì xảy ra với tôi, sớm hay muộn, thời gian cũng đến hồi cáo chung, và nỗi đau khổ này, dù sao đi nữa, cuối cùng cũng sẽ bị quên lãng.

Do đó, cuốn hồi ký này ra đời. Nơi rồi đây tôi sẽ gửi lại ký ức của mình, và câu chuyện riêng tư của tôi sẽ trở thành tài sản ký ức chung của nhân loại.

Tôi đến với cuộc đời này, đầu đó trong những năm tháng xô lệch vào thập niên sáu mươi của thế kỷ đã trôi tuột khỏi tay chúng ta, và đối với tôi, một thế giới dù biến mất nhưng dư âm của nó vẫn còn vương vấn mãi, nên tôi bắt mình phải dừng lại, hít một hơi thật sâu, suy ngẫm lại những gì tôi đang trải qua. Bởi tôi biết, để đủ sức bước vào thế giới quá khứ ấy, để trở về vùng đất bị quên lãng ấy, tôi cần có nhiều thứ hơn ngoài sự can đảm.

Nhớ, đối với tôi là một cực hình. Gần sáu mươi năm sống trên cõi đời này, tôi đã tập cách để quên, nhưng rồi tôi nhận ra rằng ký ức không tuân theo sự điều khiển của mình, rằng mọi thứ rồi cũng sẽ như thế, tôi không chịu nhìn vào nó không có nghĩa là nó sẽ biến mất, nó vẫn ở đó, mãi mãi ở đó. Nó đang chờ tôi giải quyết những món nợ quá khứ.

Chỉ khi nào tôi giải quyết xong, tôi và ký ức mới giải thoát được cho nhau.

Tôi sợ những dòng riêng tư của tôi sẽ ảnh hưởng đến bạn, những độc giả của tôi. Để đi xuyên suốt được cuốn sách này, bạn cũng cần rất nhiều can đảm, như chính tôi ngày xưa vậy.

Nhưng cũng giống như chính tôi ngày xưa, hành trình của bạn lần này sẽ không cô độc, bởi tôi sẽ nắm tay bạn, như những con người ngày xưa từng nắm lấy bàn tay tôi. Những bàn tay xuyên qua chiến tranh, những bàn tay nổi giận hận thù, tổn thương.

Thỉnh thoảng những bàn tay ấy cũng chẳng dịu dàng gì, chúng mạnh mẽ như một cú tát, những cú tát dạy tôi bài học: **PHẢI SỐNG!**

Mở đầu

RỜI MIỀN BẮC – NHỮNG GÌ TỪNG THUỘC VỀ CHÚNG TÔI, NGÀY XƯA ẤY

Những người thông thái hơn tôi đã nhìn hướng “bắc” không chỉ đơn thuần là phương hướng. Ở nhiều nơi trên thế giới, đó là biểu tượng của cuộc sống – viễn cảnh cuộc đời, một triết lý thường khác xa với những khu vực khác, thậm chí là trong cùng một đất nước; hướng bắc như một ngôi sao dẫn lối cho những người anh chị em đang ở những phương trời đối lập nhau. Điều này hoàn toàn đúng ở Việt Nam.

Anh em tôi được sinh ra ở miền Nam, nhưng điều này không biến chúng tôi trở thành người miền Nam. Ngược lại, Ba Mẹ chúng tôi được sinh ra ở miền Bắc, được những người miền Bắc nuôi dạy và những người này, qua nhiều thế hệ, là hiện thân cho các đặc tính của quê hương họ, thừa hưởng sức sống và sức mạnh từ gia đình và chòm xóm, từ quá khứ, từ bầu không khí họ hít thở và từ mảnh đất họ nương tựa. Sống trên một vùng đất đai cằn cỗi với khí hậu khắc nghiệt và mối họa xâm lăng thường trực đến từ người Hán (người Trung Quốc), người miền Bắc trở nên khô khan như thế giới xung quanh họ. Họ được coi là những người nghiêm khắc, thậm chí là khắc nghiệt; tuy nhiên, như mọi người Việt Nam khác, họ cũng tận hưởng những niềm vui nhỏ bé của cuộc đời, dù họ không ăn mừng rầm

rộ như người sống ở những khu vực dễ thở hơn ở miền Nam. Sâu thẳm trong họ là niềm tin tôn giáo mạnh mẽ như bất cứ nền văn hóa Khổng Tử nào, một mầm hạt bùng cháy mạnh mẽ như lò phản ứng hạt nhân, thúc đẩy họ có được những thành tựu to lớn với sự kiên định mà thế giới ít được biết đến. Nếu miền Nam là trái tim và thân thể của quê hương cũ của tôi thì miền Bắc chắc chắn là khối óc, với đôi mắt hướng về tương lai và hàm răng nghiền chặt thể hiện quyết tâm sắt đá. Chính mảnh đất này đã sinh ra ông ngoại tôi, ông Đỗ Văn Phan, và người phụ nữ sau này ông sẽ lấy làm vợ, bà ngoại tôi, bà Mâu, bạn sẽ sớm biết đến bà trong những trang sách này.

Theo lời bà ngoại tôi kể, ông ngoại được sinh ra ở tỉnh Thái Bình trong một gia đình quan lại cấp cao và có nhiều ảnh hưởng đến triều Nguyễn, triều đại thống trị Việt Nam trong nhiều thế kỷ. Ông cố của tôi qua đời trong một thời kỳ khá thanh bình và để lại cho ông ngoại hầu như toàn bộ gia tài. Ông ngoại dùng của cải thừa kế được để quản lý một đồn điền rộng lớn và thịnh vượng ở miền Bắc. Ở đó, Ông đã xây một “cung điện” cao sang để người vợ mới của mình, bà ngoại tôi, có thể sống trong nhung lụa, quyền quý, xứng tầm với một quý bà miền Bắc, một cung cách bà đã quá quen khi còn là con gái của một gia đình giàu có. Cuộc hôn nhân này như hổ mọc thêm cánh với một viễn cảnh tương lai tươi sáng – ít nhất là ban đầu.

Ba của bà ngoại làm chủ những mỏ muối ở Hải Phòng, và bà được sinh ra ở đây vào khoảng năm 1890. Những ngày đó, dù ở tầng lớp hay giai cấp nào, phụ nữ cũng ít được đi học, nên dù ba mẹ bà khuyến khích việc học nhưng họ vẫn để bà tự quyết định. Bà chọn việc nội trợ dù có thể bà không có ý định như thế, vì

vậy, cho đến cuối đời mình, bà ngoại tôi vẫn không biết chữ. Thay vào đó, bà học cách quản lý một gia đình giàu có thật tiết kiệm, cai quản người ăn kẻ ở khôn khéo và cuối cùng, tạo nên một tổ ấm cho người chồng danh giá của mình.

Người chồng danh giá ấy chính là ông ngoại Phan, và mỗi người đều bắt đầu cuộc hôn nhân của mình với quyết tâm không làm người kia thất vọng. Dinh thự của ông bà, với sân vườn được chăm chút kỹ lưỡng và những mẫu ruộng quý giá giúp tạo ra nguồn thu nhập chính cùng với hàng trăm người làm. Qua lời kể của bà – bà kể với niềm hân hạnh diện – bà ngoại sống cao quý, sang cả như một nàng công chúa, có kẻ hầu người hạ từ chuyện tắm rửa cho riêng bà đến việc chăm sóc cho mười một đứa con (tám con trai và ba con gái, nhưng hơn một thế kỷ sau, chỉ có hai người còn sống sau khi bà qua đời). Nhưng bà không phải là một bạo chúa. Bà đối xử với tất cả mọi người, gồm cả tôi tớ trong nhà, bằng sự tôn trọng và bà đề cao lao động, dù cho người lao động là ai đi chăng nữa – đây cũng là một đặc tính của người miền Bắc.

Trong nửa đầu những năm 1950, Việt Minh nổi dậy và cuối cùng cũng giành chiến thắng trong trận chiến dài đằng đẳng với người Pháp, thoát khỏi ách đô hộ cả trăm năm. Ông bà ngoại kẹt giữa cuộc chiến, theo đúng nghĩa đen. Họ không về phe người Pháp, cũng không theo phe những người cộng sản, và vì vậy hiển nhiên trở thành kẻ thù của hai bên. Nhưng vào những thời khắc hiểm nguy đó, họ vẫn sống tốt một thời gian, để có thể duy trì được đồn điền ở Thái Bình, một thị trấn thuộc tỉnh Hà Nam. Và rồi, theo lời bà ngoại, một người thuộc phe Việt Minh đã gửi cho người Pháp lá thư nặc danh tố cáo ông ngoại Phan tham gia

một cuộc họp bí mật với hơn hai mươi người miền Bắc khác để âm mưu chống lại chính quyền. Lời tố cáo này dĩ nhiên là bịa đặt vì cả gia đình biết rõ đứng về phe nào trong cuộc nội chiến cũng sẽ gặp nguy hiểm, và họ công khai thừa nhận sự trung lập của mình. Nỗ lực là thế nhưng con trai yêu quý nhất của ông bà, bác Đan, vừa trở về nhà từ một chuyến đi câu, đã bị một toán lính Pháp bắt đi. Chúng có nhiệm vụ trừng phạt những kẻ âm mưu mà lá thư nặc danh kia đã chỉ ra. Tôi trốn trong nhà chạy tán loạn khi đám lính ập đến, còn bác Đan thì buộc phải trốn trong ao cá sau nhà. Đám lính vẫn tìm ra bác, và sau khi trói bác sau ngựa và kéo lê quanh nhà, chúng thực hiện một cuộc tra hỏi qua quýt, ngắn gọn trong khi bác bị treo trên cây, đầu chúc ngược xuống. Rồi bác bị bắn một phát ở giữa hai mắt. Hồi đó, tuy còn nhỏ nhưng dì Thu nhớ rất rõ chuyện này, dù cho bác Gái, chị của dì đã cố gắng che chắn để dì không phải nhìn thấy cảnh tượng này. Còn bác Gái thì sau này cũng bị sát hại vì không chịu hợp tác với người Pháp – một kết cục mỉa mai cho hai anh em được học ở Paris sau Thế chiến thứ hai.

Cứ như thế cái chết của hai người con còn chưa đủ, thế giới của ông bà tôi bắt đầu đổ vỡ thật sự vào năm 1954 sau khi những người yêu nước Việt Nam đánh bại người Pháp. Hiệp định hòa bình đã chia cắt thuộc địa cũ của người Pháp thành hai phần, miền Bắc và miền Nam, ở hai bờ của vĩ tuyến 17. Theo hiệp định thì đây chỉ là một thỏa thuận tạm thời, sẽ bị bãi bỏ khi cuộc bầu cử toàn dân – vào năm 1956 – thống nhất hai miền Nam – Bắc dưới một chính quyền duy nhất. Cho đến lúc đó, miền Bắc là một quốc gia cộng sản, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, người theo chủ nghĩa Marx-Lenin và đã học hỏi nhiều kỹ năng

chính trị từ Liên Xô và nước cộng sản Trung Quốc, trong khi miền Nam được giao phó cho Ngô Đình Diệm, vị Thủ tướng được chính vua Bảo Đại tín nhiệm là người bảo hộ trong thời kỳ gián đoạn này. Tuy nhiên, việc chuyển đổi đã không bao giờ diễn ra.[...]

Vốn đã quá tuyệt vọng trước cái chết của hai người con – bác Đan và bác Gái, tình hình ở miền Bắc mỗi lúc một trở nên căng thẳng vì chiến tranh, ông bà nhận ra rằng gia đình mình không còn an toàn trên mảnh đất của tổ tiên nữa. Cuối cùng, ông bà ngoại đi đến một quyết định khó khăn – trốn chạy về miền Nam. Sau sự chia cách vào năm 1954, người Việt ở bất cứ nơi đâu cũng được cho 300 ngày để quyết định di chuyển đến miền Nam hoặc miền Bắc của vĩ tuyến 17. Đối với một số người, chẳng hạn như ông bà ngoại của tôi, sự áp bức ở quê nhà đã làm cho việc này trở nên cấp bách. Còn đối với những người khác, nó liên quan đến việc quyết định nơi đâu là đất lành để an cư: ở miền Bắc, nơi thù ghét phương Tây, hay ở miền Nam, nơi cởi mở hơn với tôn giáo, tư tưởng và tự do kinh doanh.

Như bất cứ điều gì khác ở thời kỳ loạn lạc này, việc trốn chạy không hề dễ dàng. Con đường đến miền Nam nung nấu là một chặng đường dài và lắm chông gai. Ông ngoại tôi dẫn theo những người con trai còn sống sót của mình là bác Thắng, bác Chiêu, và cậu Hải đến thành phố cảng Hải Phòng. Ở đây, Giáo hội Công giáo Việt Nam đã cho họ nơi nương thân dù chính giáo hội cũng là mục tiêu của chính quyền lúc đó. Bà ngoại cùng với hai người con gái của mình là Mẹ Hiền và dì Thu ở lại với bạn bè và người thân ở làng Ô Trinh gần đó, cầu nguyện cho những chuyện ở miền Bắc trở lại với nếp sống trước đây. Tại đây, họ

làm việc ở những ruộng lúa như những người khác và thường xuyên nhịn đói vì chính quyền yêu cầu đóng góp thêm lương thực cho những khu vực đói nghèo hơn hoặc để cung cấp cho Quân đội miền Bắc Việt Nam. Có một lần, tình hình trở nên tồi tệ khi bà ngoại lén trở về đồn điền cũ để lấy gạo mà bà đã giấu để phòng cho những trường hợp khẩn cấp như thế này. Tuy nhiên ngôi nhà chính bây giờ đã trở thành tổng hành dinh của một tổ chức địa phương. Bà bị bắt khi đang tìm cách trốn thoát và bị giam vì tội ăn trộm. Bạn bè và những người làm công cũ gom góp đủ gạo để trả cho chính quyền và chuộc bà về. Thật không may, giờ thì nơi ăn chốn ở của các con gái bà đã bại lộ và tất cả họ cũng bị bắt, bị kết án phải làm việc gập đôi trên những mẫu ruộng công. Mẹ tôi không để yên chuyện này vì giờ Mẹ đã lớn và biết bộc lộ suy nghĩ của mình. Mẹ tuyên bố với mọi người rằng Mẹ “hết chịu nổi” những tội danh mà gia đình mình bị quy kết, vì thế mà Mẹ cũng bị bắt giam nhiều ngày liền. Một lần nữa, những người bạn và họ hàng ở đó phải mua chuộc để cứu Mẹ ra. Mẹ đã được thả ra, nhưng với một lời răn đe nghiêm khắc rằng nếu tái phạm sẽ bị trừng phạt nặng nề hơn.

Tình thế ngặt nghèo của ông bà ngoại cuối cùng cũng được giải quyết khi con trai của ông bà – bác Thắng, người đã tham gia vào cuộc kháng chiến chống Pháp – vào ngày 20 tháng 10 năm 1954 được cho phép tái định cư ở miền Nam cùng với toàn bộ trung đoàn của mình bởi Quân đội miền Bắc Việt Nam cho rằng họ không đáng tin. Hầu hết những người lính này – một phần tham gia vào cuộc di cư lớn theo Hiệp định Paris – đã dời đi cùng toàn bộ gia quyến của mình. Nhờ Chúa phù hộ và nhờ sự kiên cường của bác Thắng, ông bà tôi và những người con

còn sống sót của mình đã thoát khỏi cái chết cận kề và tiến về miền Nam, bắt đầu một cuộc hành trình kéo dài trong hai năm.

* * *

Vì cả gia đình rời đi chỉ với manh áo trên người và một ít lương thực, nên cuộc hành trình bị ngắt quãng với những lần dừng chân tại nhiều làng mạc và thị thành khác nhau. Ở những nơi đó, họ làm việc như những người lao động bình thường – trong vài tuần hoặc có khi vài tháng – để kiếm đủ tiền và lương thực cho chuyến đi.

Như lúc ở Đà Lạt chẳng hạn, ông ngoại tôi làm thợ mộc, còn cậu Hải theo việc học. Bà ngoại, Mẹ tôi và dì Thu tham gia hái trà bên những sườn đồi và còn kiếm thêm việc này việc nọ để trang trải trên đường. Những người miền Bắc thực thụ, từ ngàn xưa đã không nề hà bất cứ công việc chân chính nào có thể giúp họ kiếm tiền để có cái ăn và một mái nhà che đầu cho người thân.

Cùng với nhau, cả gia đình đã kiếm đủ tiền để trang trải cho cuộc hành trình. Họ đi mãi cho đến khi tới được Rạch Giá ở cực Nam của chế độ cộng hòa Ngô Đình Diệm. Ông ngoại kết bạn với một linh mục Công giáo – người đã cho phép Ông cư ngụ tại một khu đất thuộc nhà thờ. Cảm kích trước hành động này cũng như trước lòng tốt Ông nhận được từ những người Công giáo khác ở miền Bắc, ông ngoại và cả gia đình (gồm cả bác Thắng và bác Chiêu, dù trên đường đi, hai bác thất lạc và phải ít lâu sau mới đến miền Nam) cải đạo sang đạo Thiên Chúa giáo. Không

lâu sau đó, ông ngoại mua thêm đất đai, bắt đầu trồng lúa và rau màu, rồi sống rất sung túc.



Ông bà ngoại kính yêu của tôi

Tôi được sinh ra ở Rạch Giá và những anh em khác của tôi cũng vậy, vì thế đây là nơi phù hợp để gợi nhớ lại cuộc sống của Ba Mẹ tôi ở miền Bắc, chuyện tình và cuộc hôn nhân của Ba Mẹ, cũng như những nhọc nhằn mà cả hai đã phải chịu trên đường đến miền Nam.

Ba tôi tên Tỉnh. Ông gặp Mẹ, cô dâu tương lai của mình thông qua anh trai của Mẹ – bác Thắng – khi hai người phục vụ trong quân đội quốc gia ở miền Bắc. Họ đều là những người nhập ngũ, tuy Ba tôi là một hạ sĩ quan cao cấp và chức vụ cao hơn bác tôi một chút. Ba sinh ra trong một gia đình Công giáo và bị đẩy đến

miền Nam trong cuộc đại di cư. Ông bà nội của tôi đều bị giết khi Thế chiến lần thứ hai đang đến hồi kết và cả Đông Dương đều bị quân Nhật chiếm đóng. Chị của Ba – bác Thơi – đã nuôi lớn Ba cùng với em trai của Ba – chú Thành. Là người đứng đầu gia đình, bác Thơi sắp đặt hôn nhân của Ba với Hiên – cô con gái của ông ngoại Phan, khi họ đã yên bề ở miền Nam.

Để hai gia đình kết giao, bà ngoại tôi – dựa vào quyền hành của mẹ vợ, một vị thế quan trọng trong những gia đình truyền thống Việt – đã đưa ra một điều khoản. Điều khoản trong hợp đồng hôn nhân này là Ba Tỉnh phải tham gia vào mọi chuyện trong gia đình ông ngoại và “thử” làm một anh con rể. Việc của Ba là phải gây ấn tượng với ba mẹ vợ tương lai bằng sự chăm chỉ và vâng lời, và phải cố gắng tiếp thu càng nhiều kiến thức điều hành công việc của ông ngoại càng tốt, đầu tiên với vai trò là một người nông dân, sau đó với tư cách là một người quản lý đồn điền. Như tôi đã nói, người miền Bắc là những người rất chịu khó, kỷ lưỡng và chu toàn trong bất cứ việc gì họ làm. Hôn nhân theo sắp đặt cũng không ngoại lệ.

Sau một năm thử thách, Ba Tỉnh “đậu” và được đính hôn với Mẹ Hiên. Ba Mẹ kết hôn vào năm 1957, nhưng đêm trăng mật của hai người thì chẳng thể gọi là lãng mạn được. Mẹ tôi bắt đầu đêm tân hôn bằng cách cầm chổi đánh đuổi Ba tôi chạy khắp phòng, dọa đập bể sọ Ba nếu Ba không chịu để Mẹ yên. Sau khi Ba thoát ra, Mẹ khóa cửa phòng và hét toáng lên rằng Mẹ còn quá nhỏ để kết hôn, dù rằng lúc ấy Mẹ đã 22 tuổi. Ông ngoại không hài lòng trước phản ứng của con gái mình với chàng rể được ông bà tự tay chọn lựa, vì thế, Ông mở cửa, mắng “cô con gái nhỏ” của mình một trận ra trò và nhắc nhở Mẹ rằng bốn

phận bây giờ của Mẹ là trở thành một người vợ hiền. Sau vài ngày chiêm nghiệm (Mẹ tôi rất ngoan cố – một đặc điểm nữa của người Bắc), Mẹ cho phép đức phu quân được lên giường mình, đây thật là điều tốt lành cho anh Quang, tôi, Thủy và Em Bé (và cả người anh trai thứ hai của tôi sau anh Quang, người anh này đã mất khi mới sinh) – tất cả chúng tôi đều chờ đợi Ba Mẹ thai nghén ra mình trên đám mây thiên thần nào đó.

Dù đa số những cuộc hôn nhân sắp đặt đơn thuần là những vụ làm ăn, hôn nhân của Ba Mẹ tôi đã nảy nở thành tình cảm thương mến, để cuối cùng trở thành một tình yêu bền chặt và lan tỏa ra mọi mặt trong đời sống của cả hai, bao gồm cả tình yêu của Ba Mẹ dành cho những đứa con. Có lẽ đây là lý do khiến dì Thu sinh lòng đổ kị với chị gái mình. Mẹ Hiền có một người chồng hết mực yêu thương mình và một gia đình hạnh phúc – những điều mà dường như số phận đã khước từ trao cho dì, nhưng đó chỉ là sự phỏng đoán của riêng tôi mà thôi. Trong những năm ngắn ngủi này, chúng tôi sống như một gia đình bình dị – một món quà quý giá cho bất cứ ai ở bất cứ nơi đâu, đặc biệt là ở những thế giới đảo lộn như thế giới của chúng tôi.



Mẹ và anh Quang hồi bé

Ông ngoại Phan qua đời một năm sau khi tôi sinh ra, nên tôi không có nhiều ký ức về Ông, ngoài sự phấn khởi khi được cưỡi trên vai Ông và được dẫn theo khắp làng trên xóm dưới ở Rạch Giá. Giờ thì cả bác Thắng và bác Chiêu đã kết hôn và cũng đã ra riêng. Cậu Hải thì gia nhập Hải quân miền Nam Việt Nam.

Những cuộc bạo động của người miền Bắc đã tạo nên sóng gió ở miền Nam và Ba phải nhập ngũ. Vì không còn đàn ông để đảm đương các công việc đồng áng ở Rạch Giá, Mẹ tôi (giờ quản lý toàn bộ công việc gia đình) bán hết đất đai và đưa mọi người – Mẹ, anh Quang, tôi, Thủy, bà ngoại và dì Thu – đến Sài Gòn để ở gần Ba hơn và sống ở quận Phú Nhuận. Tuy nhiên, trước khi chúng tôi rời đi, Mẹ đã dùng gần hết số tiền bán đất để lo cho đám cưới của em trai Ba (chú Thành), và chúng tôi chẳng còn nhiều nhận gì khi ra đi.

Chuyến xe từ Rạch Giá lên Sài Gòn là một trong những kỷ ức đầu đời của tôi. Chiếc xe đò chúng tôi đi đã cũ, chật như nêm và hôi kinh khủng. Mùi xăng dầu, mùi khí thải khiến tôi nôn ói suốt. Chuyến xe đi mất khoảng năm, sáu tiếng gì đó, và khi đến nơi, chúng tôi đều đã mệt lả nhưng vẫn phải đi săn nhà ngay lập tức, bằng không chúng tôi sẽ không có nơi nào để ngủ. Mẹ tôi là một người mua hàng sành sỏi. Mẹ từ chối nhiều nơi không phải vì chúng tôi không thích mà bởi chủ nhà không chịu hạ giá. Ở Việt Nam, thậm chí cho đến nay, hầu như mua bán cái gì cũng có thể mặc cả. Cuối cùng, Mẹ gặp một người chủ nhà cũng đang cần tiền như chúng tôi cần nhà vậy, nên sau một lúc kì kèo qua lại như lễ thường, bên thuận mua, bên vừa bán.



Dì Thu (bên trái) và Mẹ (bên phải) thời còn trẻ

Căn nhà mới của chúng tôi chỉ tầm 30 mét vuông, nổi vách với nhà chủ như một cái nhà kho với một khoảng trống toang hoác giữa mái tôn và bức vách lợp bằng lá để chứa chỗ cho không khí, côn trùng, và chuột. Vật dụng duy nhất trên nền xi măng cũ kỹ và sứt mẻ là chiếc giường gỗ ọp ẹp và một cái tủ cũ đủ lớn để treo quần áo và chứa đồ đạc. Hiển nhiên, đây là một chỗ ở xuống cấp trầm trọng đối với bà ngoại và các con gái bà, và chẳng thể bì được căn nhà ở Rạch Giá dù cho nó cũng khá là nghèo nàn, nhưng Mẹ đã nói với mọi người: “Tất cả những gì chúng ta cần là một cái giường khô ráo để ngủ nghỉ và một mái

nhà để che mưa che nắng cho đến khi chồng con gửi thêm tiền.
Cả nhà mình sẽ xoay xở được.”

Thì đúng là vậy.

Chương 1

CON ĐƯỜNG – 1964

Vào một buổi sáng ảm thấp ở Hồng Ngự, miền Nam Việt Nam, hai đứa trẻ bơ vơ, một em gái và một anh trai, bốn tuổi và sáu tuổi, lên chuyến xe đò về Sài Gòn với hy vọng tìm đường về nhà và, bằng cách nào đó, sống sót...

Anh Quang và tôi không chớp mắt được một chút nào. Thức còn dễ hơn ngủ bởi chiếc xe đò cũ kỹ và tồi tàn cứ liên tục vấp vào ổ gà, ổ voi và máy móc rệu rạo kêu còn to hơn cả tiếng của cái động cơ đầy khói. Và xe chật ních. Khi những người lớn mỗi một, nhớp nhúa mồ hôi đang mang theo hơn nửa số hàng hóa, của nả của mình nhường ghế cho một con nhóc bốn tuổi ốm nhách và thằng anh đang sụt sịt của nó, họ sẽ chẳng thêm quan tâm đến chuyện hông, khuỷu tay hay túi xách của họ có va vào cạnh sườn của bạn, đập vào đầu bạn hay tiếng ngáy của họ làm ai cũng tỉnh trừ ông tài xế. Ít nhất thì ông ta cũng hiểu rõ tuyến đường từ Hồng Ngự về Sài Gòn đến nỗi có thể lái xe với đôi mắt gật gà gật gù, tôi dám chắc như vậy.

Chúng tôi đến bến xe ở Phú Nhuận vào chiều muộn. Đây cũng là chặng cuối nên những gia đình có trẻ con và người già cũng như những người đi một mình với vẻ mặt hồi hải quanh chúng tôi lóc cóc xuống xe. Ông tài xế ngồi chờ như thuyền trưởng của một con tàu đang chìm. Khi mọi người xuống hết, ông đốt một điếu thuốc nữa, rồi ngó xuống dây ghế, nhìn anh Quang và tôi,

vẻ mặt thể hiện rõ ông ta đã hết nhiệm vụ rồi.



Một chiếc xe đồ liên tỉnh vào những năm 1960, rất giống với chiếc xe chúng tôi đi từ Hồng Ngự lên Sài Gòn

Anh Quang cao và vững vàng hơn tôi, bất chấp những chuyện chúng tôi đã trải qua trước đó, nên tôi lẻo đẻo theo anh ra đến cửa xe. Anh lấy ra một tờ giấy có chữ viết tay từ túi áo mình. Ông tài xế đọc tờ giấy, phà khói từ mũi như một con rồng, rồi đưa lại tờ giấy cho anh Quang.

“Không biết,” ông ta nói, chỉ tay về phía cửa xuống. “Tao không có thì giờ cho mấy chuyện này. Tụi bây mau xuống xe đi.”

Chúng tôi lùi thúi xuống xe. Tấm biển “Hết Giờ” được bật lên, và chiếc xe đi khỏi, hòa vào dòng xe cộ trong giờ tan tầm, bỏ lại chúng tôi đang đứng như hai cái vôi chữa cháy trên vệ đường. Anh Quang bắt đầu khóc. Và tôi cũng thế.

Sau màn khóc lóc ỉ ôi, vì chẳng có chuyện gì xảy ra nên anh Quang nhất quyết không khóc nữa, chùi nước mắt xong, anh nhìn xung quanh. Từ biểu hiện của anh, tôi có thể đoán chắc rằng tên đường, những cửa hiệu, hay những ngôi nhà quanh đó, chẳng có gì quen thuộc cả. Anh mở tờ giấy ra và giơ nó lên cho những người đi qua như tấm biển của một người ăn mày.

“Làm ơn đi” – anh van xin. “Đây là thư của ông cảnh sát! Xin ông. Chúng cháu cần phải tìm bà ngoại! Xin bà, chúng...”

Tất cả những người qua đường đều có nhiều thứ khác phải làm, và những vết máu khô vẫn còn lốm đốm trên áo quần của chúng tôi cũng chẳng thể giúp gì được. Tôi nắm chặt lấy tay anh Quang cho đến khi tay anh trắng bệch. Việc này tuy cũng không giúp ích được gì nhưng nhờ vậy tôi cảm thấy đỡ lạc lõng hơn một chút.

Anh Quang nghĩ chúng tôi sẽ may mắn hơn ở bên kia đường nên anh lôi tôi đi vào dòng xe cộ. Đến nửa đường thì một chiếc xe thắng kết lại và bóp còi inh ỏi.

“Trời đất, tội ngu này!” – người tài xế taxi la lên, ít nhất thì ông cũng sợ như chúng tôi vậy. “Tội bây tính tự tử hả? Ba mẹ tội bây đâu rồi?”

Hỏi hay lắm. Không biết vì lẽ gì mà tôi trả lời trước:

“Mẹ đang bị thương, còn Ba thì đi đâu mất rồi. Chúng cháu phải đi tìm bà ngoại.”

Trong lúc đó, anh Quang đưa tờ giấy cho người tài xế, chú cầm lấy và đọc, mặc kệ dòng xe đang bóp còi inh ỏi phía sau. Không chút do dự, chú nhào người qua ghế và mở cửa hành khách phía sau.



Người tài xế taxi đã cứu tôi và anh Quang khỏi trở thành những
đứa trẻ không nhà cửa

“Vào đi,” chú nói, và chúng tôi vào xe.

Cả buổi tối hôm đó, chúng tôi ngồi trên băng ghế ẩm áp của
chiếc taxi, đi khắp quận Phú Nhuận. Tôi phải quỳ trên ghế để

nhìn ra cửa sổ. Vì tôi không biết phải nhìn cái gì, nên khi mặt trời lặn tôi cũng ngồi sụp xuống và chập chờn lúc ngủ lúc thức. Cái đầu bé nhỏ mệt mỏi của tôi chờn vờn những ký ức dai dẳng về những chuyện chúng tôi trải qua mấy ngày nay khiến chúng tôi phải đi tìm bà như thế này.

Mẹ tôi chưa bao giờ vui đến thế. “Mẹ con mình sẽ đi thăm Ba tại đồn của Ba ở Hồng Ngự!” Mẹ nói. “Không, không, em Thủy không đi được. Em còn nhỏ quá. Em sẽ ở lại với bà. Nhưng con và anh Quang sẽ đi, và Em Bé nữa – em phải được bú – và dì Thu nữa nếu dì chịu đi cùng chúng ta. Sao cơ? Không, không xa chút nào đâu con. Chưa tới một ngày đường bằng xe đò. Mẹ con mình sẽ được ở với Ba trong căn nhà bên bờ sông của Ba. Sẽ vui lắm, đúng không nào?”

Chiếc xe vấp phải ổ gà, tôi giật mình tỉnh giấc. Tôi nhìn ra ngoài từ ô cửa xe, trong khi anh Quang chăm chăm ngó ra từ ô cửa còn lại. Trời đã tối, đường phố đã lên đèn, những ngôi nhà xung quanh cũng vậy. Tôi ngồi lún trong ghế và chìm vào giấc ngủ.

“Đồn Kế Sách.” Mẹ đọc tấm bảng trên cổng khi chúng tôi bước xuống thuyền và một người lính có vũ trang vẫy chúng tôi vào. Ba đang ở đó, chào đón chúng tôi – Ba thật đẹp trai với áo sơ mi và quần tây, không phải bộ đồ quân đội màu xanh lá cây với những kẻ sọc nơi ống tay áo như tôi vẫn nhớ. “Ba con là chỉ huy đây,” Mẹ thì thầm, “Vì thế chúng ta là khách đặc biệt!” Những đứa trẻ và những người mẹ khác đang nhón nháo xung quanh tiền đồn, trẻ em thì chạy chơi còn người lớn nấu bữa tối. Trông như một

gia đình khổng lồ vậy. Đôi tay rộng của Ba vòng quanh tôi và anh Quang, và Ba nhắc bổng chúng tôi lên. Người Ba có mùi mồ hôi, mùi cà phê và... mùi Ba...

“Dạ không... không phải...,” anh Quang lễ phép nói mỗi khi người tài xế hỏi liệu căn nhà này hay nhà kia có quen không. Xe cộ trên đường thưa dần, và chẳng còn gì để xem nữa, vì thế tôi lại ngồi xuống, tiếp tục chìm vào giấc ngủ.

Đây là căn nhà Quân đội của Ba à? Nó giống một mái nhà tranh của một người rất nghèo. Khung tre. Vách lá. Nền đất. Nồi đất nấu cơm và chum đất đựng nước. Một chiếc giường đơn trải chiếu cói. Chúng tôi sẽ ngủ ở đâu đây? “Thật như một cung điện!” – Mẹ nói với Ba rồi ôm hôn Ba lần nữa. Rõ ràng là Ba Mẹ nhớ nhau rất nhiều. Bộ quân phục được treo trong một góc nhà như một vị khách không mời, còn tôi thì tự hỏi vì sao Ba không mặc nó – nhưng, những người lính khác trong đồn, họ cũng không mặc. Họ sợ cái gì chứ? Ngay khi trời vừa tối, lúc tôi đang chuẩn bị đi ngủ, tôi nghe Ba nói với Mẹ và dì Thu. “Hai người phải về nhà ngay. Hồng Ngự không còn an toàn nữa rồi.” Tôi nhìn vào màn đêm bên ngoài cửa và cảm thấy những cặp mắt đáng sợ đang nhìn lại. “Ngày mai em sẽ đón xe về,” dì Thu quả quyết với giọng run run. Mẹ trả lời cũng với cái giọng quả quyết như vậy, “Mẹ con em đến ở với anh một tuần, và mẹ con em sẽ ở lại.”

Khoảng nửa đêm, anh Quang thúc tay tôi. Chiếc taxi đang đi ngang qua một ngôi chợ, anh Quang nhớ có lần bà ngoại đã mua trái cây ở đây nên chúng tôi dừng lại. Thay vì ném chúng tôi

xuống xe ngay mạnh mỗi đầu tiên về một cảnh vật quen thuộc, người tài xế dừng xe, tắt đèn, và đi ra cùng chúng tôi. Chắc là chú thấy chúng tôi vẫn còn sợ nên nắm tay chúng tôi. Chú quay người lại, mặt lộ vẻ lo lắng khi nhìn chiếc xe của mình.

“Chiếc xe không sao chứ ạ?” tôi hỏi.

Chú nhún vai. “Đừng lo... mà cũng có thể khi chú quay lại thì nó cũng không còn.” Rồi chúng tôi leo đèo theo sau chú đến quầy hàng gần nhất, người chủ hàng đang chuẩn bị đóng cửa.

“Xin cho hỏi,” chú nói, “Chị có quen hai đứa nhỏ này không?”

“Ai mà nhớ tụi con nít chớ?” bà bán hàng chẳng thèm nhìn chúng tôi.

“Còn bà của tụi nó? Thằng nhóc này nói bà hay mua hàng ở đây. Bà đội khăn đồng, hút thuốc bằng tẩu. Hoặc có thể chị nhớ mẹ của tụi nó. Nó nói mẹ nó đẹp lắm.”

“Không.”

Những người bán hàng khác cũng chẳng giúp được gì, rồi tắt cả những quầy hàng và xe hàng đều đóng cửa. Chú tài xế dẫn chúng tôi quay lại đường chính. Những người đi bộ đang hỏi hă qua lại, vội vã về nhà, chẳng mấy ai dừng lại để nghe chú hỏi. Ở tuổi đó, tôi chẳng biết gì nhiều, nhưng tôi biết rõ ở ngoài đường lúc trời tối là không khôn ngoan.

Ba ngó qua hàng rào thép gai, nhìn về phía những bụi cỏ cao. Không khí rất tĩnh lặng, nhưng đó đây, đám cỏ đại nhấp nhô lao xao. Trông Ba rất lo lắng, nên tôi cũng lo. Anh Quang đang dọn dẹp bữa tối, còn Mẹ thì cho Em Bé bú. Cả tuần nay, chúng tôi rất vui – Ba dạy anh Quang bơi, Ba

cũng dạy tôi nữa nhưng tôi chỉ biết chìm chứ không bơi được. Giờ Ba quyết định chắc nịch: “Ngày mai, mấy mẹ con phải bắt xe về Sài Gòn,” Ba ra lệnh. “Không bàn cãi nữa.” Mẹ nói với đám chúng tôi, “Các con đừng lo, cả nhà sẽ sớm đoàn tụ thôi...”

Người tài xế gõ cửa mọi ngôi nhà chúng tôi đến, chúng tôi lê bước theo chú với đôi chân mềm như bún. Việc tìm bà ngoại đã trở thành một cuộc săn lùng còn vị hiệp sĩ của chúng tôi vẫn chưa chịu đầu hàng.

Cả tiếng đồng hồ sau, một bà lão mở cửa với cây đèn dầu trên tay. Lạ thay, bà không chỉ nghe người tài xế nói mà còn đọc mảnh giấy nhàu nát của anh Quang, rồi hạ cây đèn dầu xuống để nhìn mặt chúng tôi.

Bà nói: “Có, bác có biết hai đứa này. Tụi nó là cháu của bà Mậu. Bả sống cách đây vài căn. Đi, đi theo bác, bác chỉ đường cho.”

Đêm trở nên ẩm đậm và lạnh hơn nên bà quay vào nhà, khoác thêm một chiếc áo choàng sờn rách, rồi dẫn chúng tôi đi với ngọn đèn của mình. Đến một cánh cửa nữa, gõ thêm một lần nữa, rồi bà ngoại xuất hiện. Thấy vẻ mặt đang sửng sốt của bà, chúng tôi lại có thêm chút sức lực.

“Lạy Chúa tôi, hai đứa đang làm gì ở đây? Các cháu phải ở Hồng Ngự chứ!”

Bà kéo chúng tôi vào lòng. Mùi thuốc lá quen thuộc tỏa ra từ quần áo của bà làm tôi chệnh choáng. Bà hỏi người tài xế: “Mẹ tụi nó đâu? Còn anh là ai?”

Người tài xế đưa tờ giấy của anh Quang ra.

“Anh đọc giúp tôi với.” Bà ngoại, một thời là tiểu thư cành vàng lá ngọc ở miền Bắc, chưa bao giờ nghĩ việc biết đọc biết viết là cần thiết.

Người tài xế đọc to, và đây là lần đầu tiên tôi biết lá thư có nội dung gì. Thư của một cảnh sát, người giúp chúng tôi ở Hồng Ngự viết. Tôi bắt đầu cảm thấy bồn chồn. Tôi không hiểu phần lớn nội dung thư – ông ấy viết cho người lớn đọc chứ không phải cho đám trẻ con – nhưng tôi có thể biết được từ vẻ mặt của bà ngoại, lá thư chứa những điều khủng khiếp, giống như cơn hải hùng của tôi khi nghĩ về con quái vật đang chờ bắt mình bất cứ khi nào tôi nhắm mắt. Trông bà như sắp khóc nhưng sự kiên cường của người miền Bắc đã ngăn những giọt nước mắt lại. Con gái khác của bà – dì Thu, một người phụ nữ mạnh mẽ, xinh đẹp và nhìn rất giống Mẹ, người đã nghe theo lời cảnh báo của Ba mà rời Hồng Ngự về Sài Gòn ngay sau đêm đầu tiên – giờ đang từ sau nhà đi ra chỗ chúng tôi. Vẻ mặt của bà như đang cố kiềm lại cơn bão tố, còn mặt dì Thu thì cứng đờ như khuôn mặt của một thầy ma – cũng giống như một bà thầy bói nhìn thấy được số phận khủng khiếp qua quả cầu tiên tri. Người tài xế đọc xong và đưa bức thư cho dì Thu. Bà ngoại run rẩy lục tìm mảnh khăn bà dùng để cất tiền và cảm ơn người tài xế không ngớt lời. Bà đang lo tiền taxi sẽ nhiều lắm.

“Không cần đâu bác,” chú tài xế đặt tay lên đôi vai nhỏ xíu của chúng tôi và bóp nhẹ. Chú cúi xuống, ngang tầm mắt của chúng tôi: “Tụi con phải mạnh mẽ để giúp bà và dì nhé.” Rồi chú rời đi, cánh cửa đóng lại sau lưng. Tuy chỉ quen chú trong một buổi tối thôi nhưng tôi cảm thấy như thể mình đã để vượt mặt một người chú thân thiết.

Bà ngoại cho chúng tôi ăn đồ còn lại của bữa tối, tắm rửa cho chúng tôi, rồi cho chúng tôi đi ngủ, bà cố gắng nhẹ nhàng để không đánh thức em Thủy, từ này giờ em vẫn ngủ ngon lành trên chiếu. Tôi lắng nghe hai người lớn vừa bàn chuyện về bức thư vừa sụt sùi khóc. Tôi chẳng hiểu bất cứ điều gì họ nói trừ chuyện tất cả chúng tôi phải trở lại Hồng Ngự vào sáng hôm sau, chắc là trên chiếc xe đồ ọp ẹp đó. Một chuyến xe mà tôi chẳng muốn đi lại một lần nữa.

Chúng tôi hôn tạm biệt Ba và lên thuyền vào thị trấn để bắt xe về Sài Gòn, nhưng Mẹ đau bụng và nói tài xế rằng Mẹ không chịu được năm tiếng ngồi xe, Mẹ có thể sẽ ói hoặc tệ hơn thế nữa, vì thế ông ta cho chúng tôi xuống và chúng tôi quay lại trại của Ba. Tôi biết Ba chẳng hài lòng một chút nào, nhưng mặt Ba chỉ thể hiện sự lo lắng. Mẹ và Em Bé nằm nghỉ trên giường, còn tôi và anh Quang chạy chơi bên ngoài. “Không được đi xa,” Ba ra lệnh như thể chúng tôi là lính của Ba vậy. Rồi Ba lại chĩa ống nhòm về phía bụi cỏ. “Lẽ ra mẹ con họ nên lên chuyến xe đó,” Ba nói, không với bất cứ ai.

Sau một đêm ngon giấc, chúng tôi thức dậy còn sớm hơn tiếng gà gáy. Chúng tôi ăn vội chén cháo, rồi gửi em Thủy ở nhà chú Thành, lên đường đi đón xe. Em trai của Ba tôi là người lạng lế và chu đáo, chú cũng mới nhập ngũ nhưng không như Ba tôi vì Ba đầu quân hai lần rồi. Lần đầu tiên Ba giải ngũ khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc. Giờ lại nảy sinh rắc rối giữa hai miền Nam – Bắc, nên Ba cảm thấy mình có nghĩa vụ đứng lên để phục vụ một lần nữa. Chuyện này có vẻ lạ vì ông bà của

tôi đều là người miền Bắc, gia đình của bà ngoại đã sống rất vương giả với kẻ hầu người hạ xung quanh. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, họ không theo phe nào nhưng cuối cùng lại bị cả hai bên trừng phạt. Có lẽ vì thế mà ánh nhìn của chú Thành làm tôi liên tưởng tới một con cú già khôn ngoan. Nó biết lúc nào nên im lặng và lúc nào nên hú rúc. Dù vậy, điều duy nhất mà mọi người trong cả hai gia đình đều biết, đó là tránh xa rắc rối.

Lần này, chuyến xe từ Sài Gòn đi Hồng Ngự có vẻ nhanh hơn, nhưng bất ổn hơn. Chúng tôi xuống xe trong khung cảnh quen thuộc, dù đây là làng chài nghèo gần khu vực trung tâm Tây Nam Bộ, nhưng nó giống một khu ổ chuột hơn là thành phố. Ít nhất, Sài Gòn có công viên đẹp, đường xá rộng rãi và những tòa nhà lớn, có người châu Âu mắt to đi qua đi lại với những bộ trang phục thời thượng. Rõ ràng bà ngoại và dì Thu cũng chẳng thích nơi này, vì từ lúc chúng tôi đến, họ cứ khóc suốt, kể cả khi đi hết đường này đến đường kia để tìm căn nhà được nhắc đến trong lá thư của viên cảnh sát. Cuối cùng, dì Thu dừng lại trước một mái nhà tranh, chỉ lớn hơn nhà của Ba một chút.

“Đây rồi,” dì nói, như thể xóa đi một lời nguyện.

Một người đàn ông gầy mặc quần áo thường dân như Ba ra mở cửa. Trông chú quen quen và có vẻ hiền hậu. Chú gật đầu với tôi và anh Quang nhưng chỉ chú ý đến bà và dì. Một em bé đang la khóc sau lưng chú. Tôi nhận ra đó là tiếng khóc đòi sữa của đứa em gái ba tháng tuổi của tôi. Vì tôi quen thấy em bám chặt lấy bầu vú mẹ hoặc nằm trong vòng tay mẹ, nên tiếng khóc xa vắng của em nghe thật lạ lùng và đáng sợ. Em Bé không có Mẹ cũng giống như mặt trăng không có trái đất vậy.

“Tôi là mẹ của Đỗ Thị Hiên,” bà ngoại nói một cách trang trọng, không phải kiểu chào hỏi thân thiện lắm. Bà chỉ dì Thu, rồi tới anh Quang và tôi, “Đây là em gái và các con của nó. Tôi nghe tiếng đứa con nhỏ của nó trong nhà...”

“Con có nhớ hai đứa nhỏ,” viên cảnh sát buồn bã nhìn chúng tôi, “Con rất mừng là tụi nhỏ về tới nhà. Đứa bé vẫn khỏe. Mẹ con đang chăm sóc nó.”

“Cảm ơn anh. Giờ thì tôi muốn gặp con gái tôi,” bà ngoại nói tiếp, “Ngay bây giờ, nếu không phiền gì.”

Dù có thấy phiền hà hay không thì người đàn ông tốt bụng này cũng vào một căn phòng khác, nói nhanh vài lời với mẹ của ông rồi dẫn chúng tôi đi xuống đường về phía bờ sông. Chú hạ giọng nói chuyện với bà ngoại và dì Thu. Tôi nghe tiếng được tiếng mất và hầu như không hiểu gì cả. Chú vẫn nói cho đến khi chúng tôi đi vào một căn nhà mái tôn, vách lá có hai phòng, cửa trước sơn hình chữ thập lớn màu đỏ.



Mẹ và tôi ở trạm y tế Chữ thập đỏ, Hồng Ngự

Bên trong còn khó chịu hơn chiếc xe đi Hồng Ngự. Tôi biết chỗ này, cũng như biết chiếc xe và người cảnh sát. Tôi cảm thấy buồn nôn. Trong mỗi căn phòng có kê nhiều giường khung sắt, những gia đình – gồm có trẻ con, ba mẹ, ông bà như chúng tôi – đi qua đi lại giữa mấy cái giường như đưa đám. Ở đó rất đông nên lúc bước vào, bà ngoại đẩy tôi ngồi xuống băng ghế gỗ trong một phòng chờ nhỏ. Tôi nhìn mấy cái giường. Trên giường, có người quấn băng trắng quanh đầu, có người tay, chân chỉ còn lại một mẩu cụt ngắn. Những tấm khăn trải giường từng trắng tinh giờ lốm đốm màu nâu, màu đỏ. Đi chen giữa mấy cái giường và người viếng thăm là những y tá mặc đồ trắng, tay bê những khay thuốc và dụng cụ. Nơi này có mùi rất tởm, mùi thuốc, mùi máu và mùi chua lét của thứ rượu rẻ tiền mà ông ngoại Phan thường uống bằng cốc rượu cũ.

Cuối cùng, họ tụ lại quanh một cái giường và gọi tôi vào. Vì thấp nhất nên tôi phải cố chen lấn để lên phía trước. Bà ngoại đang cúi xuống bên một người bệnh và khi bà đứng lên, tôi nhận ra người nằm ở đó là Mẹ.

Ba và lính của Ba vội vội vàng vàng dựng một căn hầm nhỏ trước căn nhà lá của Ba. Ban đầu chỉ là cái rãnh vừa đủ cho ba người đứng, rồi bùn đất được chất lên xung quanh như một mái vòm. Họ đặt vỏ dừa xung quanh – không phải để trang trí, mà theo lệnh Ba: “Vỏ dừa giúp chắn đạn,” tôi nghe Ba nói thế. Sau bữa tối căng thẳng và im lặng, mặt trời bắt đầu lặn và pháo sáng lóe lên. Khi đèn pha bên kia hàng rào tắt, ba hồi hả giục chúng tôi xuống hầm – Mẹ

xuống trước, rồi đến Em Bé, anh Quang và tôi. Ba nhìn chúng tôi với vẻ mặt đau khổ tột cùng, rồi gương mặt đó biến mất khi Ba phủ tấm mền màu xanh hình con rồng lên miệng hầm.

Mẹ là người đẹp nhất trên đời. Kỳ lạ là Mẹ vẫn đẹp, dù Mẹ đang phải đeo tấm gạc ướm sưng máu trên vai trái. Trông mẹ như thiên thần bị đóng vào thập giá.

Đột nhiên, tôi nhớ ra lần cuối tôi thấy Mẹ là ở đâu và lúc nào. Đây chính là nơi anh Quang và tôi bỏ Mẹ lại hai ngày trước. Cơn buồn nôn bắt đầu trào lên cổ họng tôi. Tôi không muốn ở đây! Tôi không muốn Mẹ ở đây! Chỉ khi trông thấy gương mặt nhỏ của anh Quang, mạnh mẽ và cương quyết, tôi mới có thể kiềm nén, không để mình nôn ói hay bật khóc.

Như thể cảm động trước những ý nghĩ chưa thốt thành lời này của tôi, một y tá nắm lấy cánh tay tôi, nhắc tôi lên giường, đặt tôi ngồi cạnh chiếc cánh thiên thần lạnh lặn của Mẹ. Cặp mắt ngấn nước của tôi mở to như để thu lấy tất cả hình ảnh của Mẹ, nhưng cái cổ họng khô khốc không bật ra được tiếng nào. Mẹ mỉm cười với tôi qua cơn đau, và dùng bàn tay không bị thương vuốt mấy sợi tóc lòa xòa trước trán tôi ra sau.

“Bé Hiền,” Mẹ nói, “Mẹ sẽ sớm khỏe lại và sẽ đi chợ. Con muốn Mẹ mua gì cho con nào?”

Tâm trí tôi như đang gào thét. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ tới là xôi và tôi thì thảo từ này.

“Được rồi, Mẹ sẽ mua xôi. Còn gì nữa không con?”

Tôi biết chắc chắn mình muốn gì, nhưng không thốt ra được từ nào khác. Mắt Mẹ ngấn nước, rồi Mẹ nhìn cô y tá.

“Xin hãy mang con tôi đi,” Mẹ nói, “Tôi không muốn con bé nhìn thấy tôi như thế này.”

Cô y tá bế tôi lên và áp tôi lên vai. “Chị có cần gì không?” cô hỏi Mẹ tôi.

“Tôi... tôi không nhìn thấy,” Mẹ tôi nói.

Người y tá đặt tôi xuống và cúi xuống gần Mẹ tôi. Cô kéo mí mắt Mẹ lên, bóp chặt cổ tay Mẹ, đặt hai ngón tay lên cổ Mẹ và tôi không biết còn gì nữa không. Lúc đó, bà ngoại đã nắm tay tôi, và giường của Mẹ khuất sau những tấm lưng của người lớn.

“Tôi không thấy gì hết,” giọng Mẹ trở nên yếu hơn, “Tôi nghĩ đã đến lúc rồi.”

Một y tá khác chen tới, tay cầm nửa quả chanh rồi vắt nước chanh vào mắt Mẹ, nhưng Mẹ không chớp mắt. Cảnh tượng lại biến mất sau bức tường người.

“Nó sắp đi rồi,” ai đó nói. Tôi nghĩ đó là bà ngoại.

“Nếu được truyền máu, cô ấy có thể vẫn còn cứu được,” người y tá nói, “nhưng máu này chỉ dành cho quân nhân mà thôi.”

Ngay lúc này, người cảnh sát nhắc bồng tôi lên và vác tôi như vác một bao cát ra khỏi nơi khủng khiếp đó. Tôi cứ chờ Mẹ và người nhà của tôi đi theo, bởi vì rõ ràng có cái gì đó không đúng – nhưng không ai theo tôi cả. Nhìn qua vai chú, tôi thấy người ta đến gần giường Mẹ, bước chân của các y tá hối hả hơn. Khi đã ra ngoài với bầu không khí của miền sông nước, người cảnh sát đặt tôi xuống. Thật kỳ lạ là chú không nói lời nào mà chỉ nắm lấy bàn tay ướt nhẹ mồ hôi của tôi. Chú nhìn ngang qua căn phòng chờ u tối và cứ quay ra quay vào khi có người đi vào hay ra.

Ít phút sau, bà ngoại, dì Thu và anh Quang đi ra với gương mặt trắng bệch, theo sau là hai người hộ lý đang vác một cuộn chiếu. Chiếu được cuộn lại thì không có gì là lạ cả, chúng tôi vẫn thường cuộn chiếu lại để quét dọn bên dưới hoặc để có chỗ làm việc khác. Nhưng lần này, cuộn chiếu nặng nề được treo dưới một đòn gánh tre, lắc lư qua lại. Khi họ đi ngang qua, người cảnh sát thả tay tôi ra, và tôi lén nhìn qua cửa một lần cuối để xem thử Mẹ có còn nằm trên giường không. Mẹ không còn trên giường nữa. Ngay tức khắc, tôi tự bảo mình chắc Mẹ đã đi chợ để mua xôi cho tôi, như Mẹ đã hứa.

Rồi người cảnh sát đẩy nhẹ vai tôi, và chúng tôi hòa vào đoàn người tiễn đưa buồn bã.

Đoạn đường đi bộ đến sông Cửu Long khá ngắn – chỉ một vài bước qua con đường đất đến mé sông bùn lầy lội, nơi có mấy con đò cột bên cọc tre. Chẳng nói năng gì nhiều, hai người lái đò bước xuống dòng nước sâu tới gối, đẩy hai chiếc đò vào bờ, rồi kéo mũi đò lên. Như một đàn kiến, đoàn người chúng tôi lũ lượt lên một chiếc, còn viên cảnh sát cùng hai người hộ lý với thanh tre dài và cuộn chiếu nặng trĩu của họ lên chiếc đò còn lại. Không ai nói lời nào, người lái đò lặng lẽ chèo đi, khua mái chèo qua bên này, bên kia cho tới khi chúng tôi đến một cù lao thấp và dài ở giữa sông. Đó là một nơi xinh xắn với cánh đồng cây thân cỏ mọc ở giữa – ít nhất thì chỗ đó trông có vẻ như vậy cho đến khi chúng tôi đến đủ gần để nhìn thấy bia mộ quần đầy dây leo và thập giá bằng đá cắm trên mặt đất màu mỡ. Chúng tôi xuống thuyền, và kỳ lạ thay, gió sông ngừng thổi để lại không khí quanh đảo tĩnh mịch và có mùi cá.



Người lái đò chở chúng tôi qua sông Cửu Long để đến Cù lao Mả

Hai người hộ lý bắt đầu đào một rãnh đất nông trên mặt đất ướt gần bờ. Khi xong việc, họ đặt cuộn chiếu vào trong, rút đòn gánh tre ra, lấp đất vào lại chỗ vừa đào, và quay trở lại đò. Lúc họ làm việc, bà ngoại chỉ nhìn chăm chăm vào đám cây cối, tay vòng qua người dì Thu, một, hai lần gọi anh Quang khi anh đi quá xa. Tôi đứng ở rìa nghĩa địa và nhìn hai người đàn ông làm việc, âm thầm tự hỏi không biết khi nào Mẹ sẽ đi chợ về.

Khi rãnh đất được lấp xong và dẫm phẳng, bà ngoại và dì Thu quỳ bên cạnh, nước mắt rơi lã chã xuống má. Đột nhiên, bà ngoại nhìn quanh như đang bối rối, rồi bảo anh Quang và tôi đi chặt mấy nhánh cây khô ở nghĩa địa. Chúng tôi rất vui khi làm chuyện này. Chúng tôi chỉ tìm được hai cành non hơi có vẻ vừa ý bà (“Chắc hai đứa chỉ kiếm được bấy nhiêu,” bà lẩm bẩm). Như một ngư phủ đang sửa lưới chài, bà nhỏ sậy bên bờ sông và

buộc hai cành cây lại thành hình thập giá và nhẹ nhàng cắm xuống đất, ở đầu nương đất. Mặc ai nấy ủ ê buồn khổ, tôi khá hãnh diện với sự đóng góp của mình.

“Con phải khoe với Mẹ,” tôi nói, vẫn mong chờ Mẹ trở về trên một con đò, hai tay Mẹ ôm đầy rau củ và quà bánh. Lời của tôi làm mọi người khóc nhiều hơn nên tôi cũng bắt đầu khóc, dù tôi không hiểu vì sao. Tôi biết bà ngoại và dì Thu buồn vì Mẹ không tham gia nghi lễ này, nhưng tôi cũng buồn nữa vì tôi phải chờ lâu hơn nữa để được ăn xôi.

Chúng tôi đón đò qua lại sông để trở về nhà người cảnh sát, ai nấy sụt sùi như trẻ con. Chúng tôi không hẳn là khách trong nhà nên người cảnh sát bảo chúng tôi đứng trước cửa chờ người mẹ có bộ mặt khó chịu của chú trể Em Bé lại. Bà ta đưa em cho bà ngoại cứ như thể đang đưa một củ khoai thối. Bà ngoại gửi em để xem có cần thay tã cho em không, rồi quần em lại trong tấm khăn cũ kỹ.

“Có vẻ con bé vẫn khỏe,” bà ngoại thông báo, lịch sự gật đầu với bà già hách dịch, bà ta có vẻ vui mừng khi thấy chúng tôi bỏ đi. Tất cả chúng tôi đều quay đi, trừ anh Quang. Anh chìa bàn tay ra trước mặt bà già.

“Nhẫn của Mẹ đâu?” anh nói bằng giọng rần rỏi. Lời anh nói như sét đánh ngang tai tôi.

Mẹ đang hoảng sợ. Tôi chưa bao giờ thấy Mẹ như vậy! Anh Quang và tôi đắp tấm mền dơ dáy lên Mẹ, chừa chỗ cho Em Bé thở, em đang gào khóc như một con thú bị thương. Mẹ có vẻ dịu lại. Dưới tấm mền, Mẹ xé vạt áo dầm máu của mình rồi tháo hai chiếc nhẫn ra khỏi ngón tay đang sưng

vù. Một chiếc là nhãn cười của Mẹ, còn chiếc kia của Ba. Mẹ xỏ mảnh vải qua hai chiếc nhãn, thắt gút hai đầu rồi cột vào nách tay anh Quang. Mẹ siết chặt đến nỗi anh phải la lên “Ồi a!” rồi mẹ mới nới lỏng ra một chút. “Con phải giấu kỹ nó dưới áo. Hãy bán nó đi nếu con cần tiền để lo cho hai đứa hay Em Bé.” “Vâng, thưa Mẹ,” anh Quang nói. “Con sẽ lo cho các em.”

Rồi tôi nhớ lại. Sau khi chúng tôi đến nhà của người cảnh sát, mẹ của ông đã tịch thu mảnh vải có hai chiếc nhãn của anh Quang lúc bà cởi áo anh ra để rửa ráy cho anh – dù vậy, lý do tại sao chúng tôi lại ở với người cảnh sát và vì sao chúng tôi không dùng nhãn để mua vé xe thì tôi vẫn chưa hiểu được. Có lẽ bà ta giữ lại cặp nhãn làm vật thế chấp, để đảm bảo rằng chúng tôi sẽ quay lại đón Em Bé. Giờ thì anh Quang muốn lấy lại vật thừa kế của mình.

Sau một lúc lặng thinh, bà lão đi vào sau nhà rồi quay lại với mảnh vải thắt gút và thả vào tay anh Quang. Anh coi kỹ chiếc nhãn như lúc bà ngoại kiểm tra Em Bé, rồi anh nhăn mặt.

“Một chiếc không giống,” anh nói một cách tức tối.

“Mày đang nói gì vậy hả?” bà lão la lên.

“Nhìn nè – Chiếc nhãn này nhỏ hơn chiếc kia. Đây là nhãn của Mẹ. Nhãn của Ba to hơn. Cả hai chiếc đều đeo vừa tay Mẹ. Chiếc này quá nhỏ. Nhãn của Ba đâu rồi?”

“Đừng có mà than vãn nữa, nhãi ranh!” bà già quạt lại. “Hãy mừng là tao trả lại đồ cho mày.”

Anh giơ cái vòng vải lên, chuẩn bị đánh bà ta, nhưng bà ngoại đã kéo anh lại.

“Quang! Đừng có hỗn!” bà nói. “Được rồi. Người phụ nữ tốt bụng này đã chăm sóc Em Bé, còn cho cháu và em Hiền ăn. Con trai bà đã cho các cháu tiền xe, còn bỏ thì giờ ra để viết thư nữa. Chú ấy còn dẫn chúng ta vào nhà thương gặp Mẹ cháu. Mau xin lỗi bà rồi bà cháu mình về.”

Anh Quang không hề xin lỗi nhưng chúng tôi vẫn ra về sau khi bà ngoại và dì Thu cúi đầu chào lần nữa và rồi rít cảm ơn người canh sát.

Chuyến xe về Sài Gòn gặp ghềnh, dằn xóc và đầy cay đắng, còn tồi tệ hơn bởi không ai nói với ai lời nào. Trừ tôi ra thì ai cũng đang bận rộn với những mối suy tư thâm lặng. Chúng tôi về tới nhà lúc trời tối. Dù cho ai nấy đều mệt nhoài, nhưng ngoài tôi ra, không ai có vẻ vui mừng khi về tới nhà. Ngay khi chúng tôi rẽ vào khu nhà của mình, tôi chạy vượt lên trước và gọi to: “Mẹ ơi, Mẹ! Tụi con về rồi! Mẹ đi chợ có mua gì về cho con không?”

Không ai trả lời. Khi tôi đẩy cửa mở, trong nhà tối đen. Tôi đành phải chờ Mẹ thêm một chút nữa vậy.

Chương 2

NHỮNG NGÃ RỀ - 1964

Đêm đầu tiên sau khi trở về Sài Gòn, tôi ngủ với bà ngoại thay vì với anh Quang hay dì Thu. Tôi nghĩ rằng bà ngoại cần người ngủ chung còn dì Thu thì phải lo cho Em Bé. Ban đêm, tiếng khóc của bà làm tôi thức giấc nhiều lần. Tôi vẫn chưa biết điều gì đã khiến bà buồn đến vậy, tôi bèn lăn qua, khẽ chạm vào lưng bà, để bà biết tôi đang ở kế bên bà, để an ủi bà. Sáng hôm sau, anh Quang vẫn còn tức tối chuyện chiếc nhẫn, và dù anh không giận dai, nhưng lúc ăn sáng, anh lặng thinh. Vì thế tôi không còn việc gì khác để làm ngoài chuyện lắng nghe dì Thu và bà ngoại nói chuyện với nhau.

“Mình nên đưa tụi nhỏ đến nhà chú Thành,” bà ngoại nói. “Chú ấy là em trai duy nhất của Ba tụi nó, bây giờ lại là người đứng đầu gia đình bên nội nên sẽ biết phải làm gì với con cái của anh trai mình.”

“Mẹ nói đúng,” dì Thu ôm Em Bé trong tay, nhìn tôi và anh tôi từ trên xuống dưới như chọn cá trong chợ. “Anh ta sẽ biết phải làm gì.”

Những lời này khá lạnh lùng nhưng tôi không nghĩ ngợi gì nhiều. Dù sao thì em Thủy cũng đang ở đó, chúng tôi phải đi đón em về. Mẹ sẽ không đi lâu, khi Mẹ đi chợ về, Mẹ sẽ muốn nhìn thấy tất cả con cái của Mẹ ở nhà. Và Ba cũng vậy, khi Ba hoàn thành nhiệm vụ và trở về.

Chúng tôi đón taxi đến một doanh trại lớn nằm trên đường đến sân bay Tân Sơn Nhất. Gia đình chú Thành đang sống ở đó, trong những khu nhà dành cho gia đình của các quân nhân. Chú đã cưới vợ – thím Lan, nhưng tôi không gặp thím thường xuyên cho lắm, vì thế tôi không biết rõ tính tình thím như dì Thu, em gái của Mẹ tôi. Thím Lan rất đẹp và có tiếng là tiểu thư lá ngọc cành vàng. Bà ngoại từng phàn nàn chuyện Mẹ dùng hết tiền bán đất của ông ngoại ở Rạch Giá để sắm lễ đất tiền khi chú Thành hỏi cưới thím Lan. Nếu đây là điều không hay, tại sao Ba không phản đối, nhưng lúc đó, Ba đang tại ngũ. Mẹ lo liệu chuyện tiền nong trong nhà, dù bà ngoại và dì Thu đang ở cùng chúng tôi. Nếu Mẹ nghĩ gia đình chúng tôi cần tổ chức một đám cưới linh đình cho em trai của Ba thì chuyện không cần bàn cãi nữa.

Chiếc taxi dừng ở lối vào chính của doanh trại – chỉ có xe quân đội mới được phép vào sâu hơn. Lính gác cổng gọi điện đến đồn của chú Thành và ít phút sau, chú xuất hiện đằng sau tay lái của một chiếc xe jeep của Mỹ. Tôi không biết những người lính, gồm cả Ba tôi, làm gì ngoại trừ những việc có liên quan đến súng (và thường mặc đồ giống nhau) và động tác đưa tay lên trán khi đi ngang qua người lính khác. Rõ ràng là chú Thành cảm thấy vui với công việc trong quân ngũ. Chú có nhiệm vụ lái xe jeep cho một người nào đó được gọi là “Top Brass” (“Sĩ quan cao cấp”) – mà người này thường mặc quân phục cứng nhắc, choàng khăn vàng và đi ủng bóng lộn – nên tôi nghĩ rằng ông ấy là một người quan trọng. Khi chú ra đến cổng, mọi người hành động đầu ra đó rất chững chạc và trao đổi với nhau nhiều loại giấy tờ. Sau khi người lính canh hài lòng, ông ta mở cổng và chúng tôi lữ

lượt kéo vào như mấy con chuột nhắt. Chú Thành lái xe đưa chúng tôi đến khu nhà lính, và vì quanh đó rất ồn nên tôi không nghe rõ chú nói gì với bà ngoại và dì Thu, nhưng tất cả trông rất buồn bã.

Khi chúng tôi đến, em Thủy đang chơi với con gái của chú Thành ở trước nhà. Ba cô con gái của chú cùng độ tuổi và có tính cách khá giống ba anh em tôi. Người con đầu vui vẻ và biết bênh vực em, cũng như anh Quang. Người con giữa thì ít nói và tò mò như tôi. Còn người con út thì rụt rè và nhút nhát, giống cái cách em Thủy hay bám vào chân bà ngoại khi có người lạ đến nhà. Tôi rất thích đến thăm nhà chú và cũng rất tiếc là không được đến chơi thường xuyên hơn.

“Chiến tranh,” bà ngoại trả lời khi tôi hỏi vì sao chúng tôi không được gặp họ thường xuyên. “Ba cháu và chú là lính. Không ai biết được những gì sẽ xảy ra. Cả Ba và chú đều là nạn nhân của số phận.”

Thím Lan đi ra gặp chúng tôi. Gương mặt tươi cười thường ngày của thím trở nên ủ rũ như ngày mưa. Bọn trẻ ngừng chơi ngay khi thấy những người lớn buồn bã.

“Em hãy kể cho Lan biết chuyện,” chú Thành nói với dì Thu. Dì kể bằng những từ mà tôi không hiểu chút nào, nhưng khi dì nói, bàn tay nhỏ của em Thủy nắm lấy tay tôi.

Và ngay sau đó chúng tôi đi vào nhà, lũ trẻ chúng tôi tự chơi trên sàn nhà trong im lặng.

Người lớn tiếp tục cuộc nói chuyện nghiêm túc của mình. Chuyện gì đã xảy ra với anh Tỉnh? Còn lũ trẻ thì sao? Chúng ta sẽ phải thay đổi. Làm sao chúng ta lãnh được trợ cấp khi cả hai anh chị

đều không còn sống?

Câu cuối cùng làm tôi không hiểu được. Tôi không biết “trợ cấp” là gì, nhưng chắc là Mẹ sẽ biết. Tôi mong Mẹ mau đi chợ về, và Ba sẽ trở về từ chiến trường trong vài tháng nữa. Câu nói đó chẳng có nghĩa gì hết. Ngay lúc đó, một chiếc xe quân đội lớn rầm rầm đi qua, ồn ào hơn cả chiếc xe đồ ở Hồng Ngự, và tôi suýt chút là nhảy dựng lên.

Tiếng pháo rền vang bên tai tôi, ngay trong đầu tôi. Đoàn đoàn đoàn. Ầmmmm. Tiếng người kêu gào trong đêm tối. Người ta đang la hét. Vì sao Ba không đến với chúng tôi? Tấm mền Ba phủ lên cửa hầm quét vào mặt tôi và tôi cảm thấy những luồng gió nóng. Mẹ đang rên rỉ và ôm chặt Em Bé vào lòng. Có lẽ cả hai người đang kêu khóc, nhưng ai nghe được chứ? Đất đá và bùn thi nhau rơi tung tóe từ mái vòm căn hầm mỗi khi màn đêm nổ tung. Khói tràn vào mũi tôi. Tôi muốn đi ra, nhưng tay anh Quang ghì chặt tôi xuống.

Tôi ôm một món đồ chơi bóng bẩy của cô em họ vào ngực và ngược nhìn anh Quang. Anh hơi nhăn mặt nhưng nhìn tôi với cái nhìn “Không sao cả” của một người anh lớn. Những người lớn ngồi ngoài phòng khách vẫn còn đang nói chuyện.

“Con khát nước!” tôi đột nhiên nói với bà ngoại.

Bà nhìn tôi với đôi mắt buồn bã.

Thím Lan nói, “Được rồi, để thím đi pha trà.”

Sau một tuần trà im lặng và căng thẳng, bà ngoại tôi với đôi mắt ráo hoảnh dắt anh Quang, em Thủy và tôi ra ngoài, rồi bà

bảo chúng tôi ngồi dưới bóng một cây me.

“Được rồi,” bà nói. “Chú Thành của các cháu là người đứng đầu trong gia đình. Chú đã quyết định.”

“Quyết định gì vậy bà?” tôi hỏi.

“Quyết định xem ai sẽ đi đâu,” bà trả lời. “Quang và Em Bé sẽ ở lại đây với chú thím. Cháu và Thủy sẽ ở với bà. Nhưng chúng ta không có tiền để tiếp tục thuê căn nhà hiện tại. Bà cháu mình sẽ đi khỏi Sài Gòn. Chắc là vợ chồng bác Chiêu, anh của Mẹ cháu sẽ cho chúng ta ở nhờ. Hai bác đang sống ở một đồn điền lớn dưới Bình Dương.”

“Bác Chiêu có đồn điền ạ?” anh Quang há hốc miệng, không muốn để lỡ một điều trọng đại như thế.

Bà khẽ cốc vào trán anh. “Không phải, cậu ngốc ạ. Hai bác là người ở. Bác Chiêu là quản gia còn bác gái là hầu gái. Cả hai đang sống trong khu nhà dành cho người làm. Khu nhà này rất lớn, chắc sẽ có phòng trống cho bà cháu mình.”

Cuối cùng thì chúng tôi cũng hiểu bà cháu mình không bao gồm anh Quang và Em Bé. Tôi vẫn không biết vì sao Ba Mẹ lại đi lâu đến nỗi gia đình phải chia năm sẻ bảy như vậy, nhưng nỗi buồn đau khi phải xa anh Quang cũng nguôi ngoai phần nào bởi bà ngoại và em Thủy vẫn ở cạnh tôi. Dù gì thì chúng tôi cũng kinh qua việc dọn nhà, mà nhà nào thì cũng như nhà nào thôi – đầu tiên là lúc chúng tôi chuyển từ Rạch Giá lên Sài Gòn, Mẹ và dì Thu đã kì kèo trả giá để thuê căn phòng vách thủng lỗ chỗ, với đám chuột gặm ngón chân của chúng tôi, rồi đến Gò Vấp nơi Em Bé ra đời, còn tôi tận hưởng sự xa xỉ của nền gạch bông và nước máy ngay trong nhà. Ba Mẹ tôi sẽ sớm trở về thôi, và mọi

chuyện sẽ ổn cả. Ít nhất thì tôi cũng biết chắc điều này. Và nhớ lại câu chuyện bà hay kể về miền Bắc, về cuộc sống trong một ngôi nhà lớn như ngôi nhà mà ông ngoại Phan từng làm chủ, nghe có vẻ thú vị; vì thế, tôi không khóc khi tạm biệt anh Quang và Em Bé. Dù gì thì họ cũng ở lại với chú, người rất giống Ba, và họ sẽ được chăm bẵm như ông hoàng bà chúa, mà tôi cũng chẳng màng lắm chuyện này, bởi sớm muộn gì tôi cũng được sống như một nàng công chúa vậy.

* * *

Gia đình bác Chiêu và bác Quế là phiên bản ngược lại của nhà chú Thành. Thay vì ba cô con gái, họ có ba cậu con trai, và người con lớn – anh Ngọc – chỉ hơn tôi có một tuổi. Hai bác cũng có một cô con gái, nhỏ hơn tôi một tuổi, nhưng vì em Thủy rất nhát và lúc nào cũng đòi có tôi cạnh bên nên tôi không có nhiều thời gian dành cho người chị họ này – dù tôi cho rằng chắc chị cũng vui hơn khi có thêm mấy đứa con gái trong nhà để cân bằng với đám đực rựa.

Bác Chiêu và bác Quế làm thuê cho một cặp vợ chồng người Pháp giàu có trông như bước ra từ bìa một tờ tạp chí bóng loáng. Họ nói tiếng Pháp – đây không phải là điều lạ lắm gì ở miền Nam, nên bác Chiêu và bác Quế cũng nói thứ tiếng này. Tuy nhiên, những người mới đến như chúng tôi không biết tiếng Pháp, và rào cản ngôn ngữ là một khó khăn nữa phải vượt qua. Bác Chiêu là quản gia chính trong nhà, còn bác gái là “chủ nhân” của các tủ chén, chổi, đệm và khăn trải giường. Ban đầu,

những kẻ ăn nhờ ở đậu chúng tôi được giao một vài nhiệm vụ quanh nhà như quét dọn khu nhà của người ở, nấu nướng cho hai gia đình để bác Quế không phải nấu. Sau này, bà ngoại bắt đầu làm ăn buôn bán rất phát đạt với người Mường khi họ xuống núi để đổi bắp tươi, khoai lang, khoai mì lấy những thứ họ không mua được ở nhà như báo chí (họ dùng để nhét mấy cái lỗ trong căn nhà thô sơ của mình), nồi niêu xoong chảo bằng kim loại vì chúng không dễ vỡ như đồ bằng đất mà họ tự làm. Đàn ông và đàn bà Mường đều rất rắn chắc, có nước da ngăm đen và nghiêm nghị. Nói thật là em gái tôi và tôi không thể phân biệt được đâu là đàn ông, đâu là đàn bà. Đây là một dấu hiệu nữa cho thấy rằng có một thế giới rộng lớn xung quanh chúng tôi với nhiều điều chúng tôi không thể hình dung nổi. Chỉ có giọng nói của Mẹ, cất lên dịu dàng trong đêm tối khi có lần tôi gặp phải ác mộng, mới có thể làm tôi yên tâm rằng một thế giới như thế không chỉ cất chứa những điều bí ẩn mà còn tràn đầy yêu thương.



Cả gia đình ở Sở Thú Sài Gòn – Bà ngoại (hàng sau, đứng giữa) với bác Quế và họ hàng của bác. Thủy và Vân (hàng trước, thứ hai và thứ ba từ trái qua) với các con của bác Quế (Ngọc, Liên, Đức, Thắng)

Một ngày nọ, lúc bà chủ đi khỏi, bác Quế dẫn tôi vào dinh thự để nhìn một chút. Tôi chưa từng thấy cái gì đẹp đẽ như vậy, cứ như trong chuyện cổ tích. Bên trong nhà còn rộng lớn hơn cả phần mặt tiền nhiều cột trụ, sàn gỗ bóng loáng dưới những chùm đèn pha lê và trần mái vòm. Chỉ rèm cửa không thôi cũng đủ để lợp mái cho cả dãy nhà nơi tôi sống lúc trước. Bác Quế lo rằng tôi sẽ làm dơ ly tách hay làm xước đồ gỗ nên trong khi bác cầm chổi lông gà phủ bụi, thì tôi lù đù theo sau. Tất cả như có phép màu. Và rồi, cô chủ thành linh trở về, chót vót trên đôi giày cao gót, và nhướn mắt qua cặp kính mát hàng hiệu nhìn chúng tôi – hai con nai đang sợ cứng người dưới tia nhìn của cô.

“*Et qui est cette jeune femme?*” cô hỏi, nhả nhận hất mái tóc vàng chải chuốt cầu kỳ.

Tim tôi đập mạnh. Tôi không biết cô nói gì nhưng giọng cô nghe có vẻ ngờ vực.

“*C’est ma nièce. Elle reste avec nous dans la petite maison. Son nom est Hien Nguyen.*” Bác Quế kính cẩn cúi mặt xuống, và tôi cũng thế. Rồi tôi lén nhìn lên.

“Ah!.” Mặt cô chủ sáng bừng lên. Cô bước tới và đưa tay ra để bắt tay tôi. Giờ thì mắt tôi mở to, tôi bắt tay cô. Móng tay sơn đỏ, bàn tay mềm như nhung và đeo nhiều nhẫn, vòng tay đến nỗi có thể chất đầy một cửa hàng trang sức. “*Bonjour, Hien Nguyen. Vous êtes serez toujours le bienvenue ici!*”

Cô mỉm cười và nháy mắt với tôi, rồi quấy túi xách qua vai và đi lên lầu.

“Cô chủ nói gì vậy bác?” tôi hỏi bác Quế. “Chúng ta có gặp rắc rối gì không?”

“Không. Mà nên cảm ơn thiên thần hộ mệnh của mà! Cô chủ chỉ hỏi mà là ai, và tao bảo mà là cháu tao. Cô bảo mà có thể ở đây. May mà mà mặc đồ sạch sẽ! Giờ thì mau về với bà mà đi, đừng có gây chuyện đây.”

Hắn là bộ đồ sạch sẽ của tôi không chỉ tạo nên ấn tượng tốt như thế. Tối hôm đó, khi chúng tôi đang dọn chén đĩa, cô chủ đến trước cửa của khu nhà người ở và nhờ bác Quế đi gọi tôi. Khi tôi tới, cô đưa cho tôi một cái hộp chứa nhiều chiếc váy trẻ con rất đẹp, tất cả đều may kiểu châu Âu. Tôi ngạc nhiên quá đỗi. Những chiếc váy này cho tôi ư? Cô xoa xoa đầu tôi, nhéo má tôi và nói điều gì đó bằng cái giọng du dương mê hoặc của mình rồi trở lại căn nhà chính. Khi cô đi khỏi, tôi bày toàn bộ váy áo ra cho mọi người chiêm ngưỡng, không thể tin được những chiếc váy này là của mình.

“Bà ấy nói gì vậy bác?” tôi hỏi bác Quế.

Bác Quế nhường mà rồi sờ soạn chất vải như thể kiểm tra dầu mỡ cẩn. “Ồ, không có gì. Bà ấy chỉ nói mấy cái váy này trước đây của con gái bà ấy, bà cho rằng mà sẽ thích.”

Tôi cảm thấy thật kinh ngạc và vinh dự, bởi một quý bà như vậy lại nghĩ rằng những chiếc váy đẹp đẽ này có thể dành cho đứa trẻ tầm thường như tôi. Sau đó, bà ngoại kéo tôi ra một bên, bà nói bác Quế không vui vẻ gì chuyện này vì bác cũng có con gái nhỏ nhưng chưa bao giờ được cho những món quà như vậy,

dù đã phục vụ trong nhà này bao năm nay. Đây là một bài học nhớ đời – như cái tát vào mặt, bà ngoại nói như vậy – mà một số người phụ nữ sẽ không bao giờ bỏ qua.

* * *

Ba, bốn tháng sống ở đồn điền là khoảng thời gian khá yên ổn và vui vẻ. Tôi vẫn không hiểu gì về cái chết, và bà ngoại thường khóc khi tôi hỏi khi nào Mẹ đi chợ về. Mỗi lần như vậy bà lại nói “tội nghiệp cháu tôi,” nhưng bà vẫn không giải thích chuyện đã xảy ra. Gần đó không có trường học và cũng không có chiến tranh – thật ra là chưa có – thường khi xong việc, tôi chơi với em gái và mấy người anh chị họ vòng quanh khu nhà người ở, hoặc cũng có lúc liêu đi vào rừng cao su, chỗ có con đường đất ngoằn ngoèo chia thành hai ngả. Một ngả đường sẽ vòng trở lại đồn điền, con đường vòng này làm tôi man mác nhớ tới những lần ông ngoại công tôi trên vai đi vòng quanh khu vườn của chúng tôi ở Rạch Giá.

Ngả đường còn lại dẫn đến một tháp nước cũ hoen rỉ, chênh vênh nghiêng về phía con đường mòn. Các anh chị họ của tôi đã quen với cái tháp nước nghiêng này nên thường chạy nhanh qua và đi tiếp. Nhưng tôi không thể làm vậy. Tôi bắt đầu gọi nó là Con Quái Vật vì dù nhìn từ xa, trông nó vẫn rất ghê rợn – một cỗ máy đồ sộ có thể đổ sụp xuống bất cứ lúc nào và đè bẹp tôi, bỏ tôi lại đó không toàn thây trên đường, và ngay cả giọng nói của Mẹ cũng không thể cứu được tôi. Tôi thường quay đầu lại chạy biến đi, nhưng hình ảnh kinh khủng này – và những thứ khác –

quay trở lại trong những giấc mơ.

Có tiếng gà gáy bên ngoài căn hầm của chúng tôi. Trời đã sáng và không còn ai la hét nữa. Không còn những vụ nổ. Không còn “Đoàng đoàng đoàng.” “Đi ra tìm Ba các con đi,” Mẹ bảo tôi và anh Quang. “Nói với Ba là Mẹ cần Ba.” Tôi ngồi gần tấm mền quân đội đang trùm miệng hầm nên anh Quang đẩy tôi. “Em lên đi,” anh nói, “Em ngồi gần nhất mà!” Tôi cố gắng hết sức nhưng có cái gì đó đang chặn tấm mền làm nó không động đậy được. Anh Quang phụ tôi đẩy, và toàn bộ đổ sụp xuống. Tấm mền, tôi và anh Quang ở trên. Anh lăn qua và dùng chân mình đẩy tôi ra. “Đi đi! Mau tìm Ba!” Trời chưa sáng hẳn và trong không khí mờ mờ, khung cảnh trông lổn nhổn. Tôi bước một bước, rồi một bước nữa. Thật khó giữ thăng bằng – cứ như tôi đang đi trên nệm ấy. Tôi cảm thấy mấy ngón chân mình trơn ướt và nhớp nháp. Tôi nhìn xuống. Tôi đang đứng trên ngực của ai đó, không phải là Ba. Tôi cúi xuống gần hơn để nhìn mặt. Không có mặt. Không có đầu! Đó chỉ là cái cổ áo quần quanh một cái cổ như giấy gói thịt. Tôi nhìn ra chỗ khác cách đó vài bước chân, và cái đầu đang trừng trừng nhìn tôi bằng cặp mắt mờ đục, tóc và má phủ đầy cát. “Anh Quang! ANH QUANG!!!!.”

Đôi lần, tôi kể cho các anh chị họ nghe về giấc mơ này của tôi, nhưng họ đều nghĩ tôi bị điên. Tuy vậy, bà ngoại lại lắng nghe một cách chăm chú và nói với tôi rằng một số người có thể thấy những thứ mà người khác không thấy được. Bà nói chính vì vậy mà những người ngoan đạo, dù là đạo Phật hay đạo Thiên Chúa,

đều cầu nguyện. Tôi nhớ có lần, cách đây khoảng một năm, khi Mẹ đang ở trong bếp, em Thủy gọi tôi “Đến nhanh lên!” và tôi chạy ra ngoài, vừa kịp lúc thấy Đức Mẹ Maria trong bộ váy dài màu xanh dương và trắng bay qua nhà của chúng tôi, theo sau là hai thiên thần mặc đồ màu trắng kem với dây thắt lưng bằng vàng. Họ tạo ra một tiếng ồn lớn như tiếng kèn trumpet rồi biến mất. Chuyện đó cũng không mang nhiều ý nghĩa lắm, nhưng, như giấc mơ của tôi, mọi thứ trông rất thật – và tôi không thể làm ngơ được. Hẳn là thế giới đang nói với tôi một điều gì đó quan trọng hoặc cũng không phải vậy. Có thể là tôi điên rồi.

Dù vậy, ký ức về giấc mơ luôn phai mờ nhưng Con Quái Vật vẫn còn ở đó. Nó trở thành khắc tinh của tôi. Sau vài lần không được những đứa trẻ khác rủ tôi đi chơi cùng, vả lại tôi chán việc bị cho ra rìa nên quyết định phải làm gì đó.



Tháp nước nghiêng của đồn điền, “Con Quái Vật”

Một ngày nọ, sau khi ngủ trưa dậy với cơn ác mộng đâm mồ hôi về người lính không đầu, tôi lấy một ổ bánh mì nhỏ trong giỏ bánh của bác Quế rồi đến ngã đường đó, dù hoảng sợ nhưng quyết tâm sống mái một phen với Con Quái Vật. Tôi cũng chẳng đói lắm, và bà ngoại thường luôn dạy tôi phải xin phép bác Quế trước khi lấy đồ ăn, nhưng tôi cần được giúp sức. Bằng cách nào đó, lấy ổ bánh mì là một việc làm đúng đắn – cứ như thể ổ bánh nhỏ bé chứa toàn bộ sức mạnh của gia đình tôi. Tôi cắn một miếng và bắt đầu nói với Con Quái Vật. “Xin đừng đe tao.” Tôi nhìn nó một lúc, nhưng nó vẫn thờ ơ với sự hiện diện của tôi. Có thể là nó đang ngủ. Tôi rón rén nhích lại gần hơn, rồi nhìn ra sau lưng, hy vọng thấy em gái hay các anh chị họ đến giải cứu mình, nhưng tôi đang ở một mình. Tôi cố gắng tìm nghe giọng nói của Mẹ, nhưng tất cả những gì tôi nghe thấy là tiếng gió ào xào trên cây.

Rồi tôi nảy ra một ý tưởng. Nếu nhắm mắt, tôi sẽ không thấy Con Quái Vật nữa, và vì thế nó cũng chẳng thấy tôi. Dù gì đi nữa, tôi cũng giỏi nhắm mắt trước nhiều thứ: lỗ thủng trên áo quần, bộ trong cơ, chuột trong góc nhà, và những tiếng động ngoài cửa sổ vào ban đêm. Trong khi suy nghĩ, tôi nhìn chằm chằm vào cái cây nằm bên kia đường ngoài bóng của Con Quái Vật và nhắm tính số bước chân để đến được đó. Cắn thêm một miếng bánh để lấy thêm dũng khí, tôi nhắm nghiền mắt và bắt đầu chạy. Khi đang vội vã chạy, tôi lại đếm sai số bước, nhưng chuyện này không còn quan trọng nữa. Tôi chạy miết vì lo sợ Con Quái Vật sẽ ngã ập xuống bất cứ lúc nào. Tôi chạy cho đến khi cảm thấy cổ cao quẹt ngang đầu gối thì dừng lại, xem đưng cái cây bên đường. Tôi mở mắt ra và nhìn lại. Con Quái Vật, to

lớn và thờ ơ, giờ thì trông có vẻ bình thản – một người bạn đồng hành mà tôi sẽ không cần phải cố gắng vượt qua nữa. Tôi nháy mắt lên và hò reo vì chiến thắng của mình, dù không có ai chứng kiến hành động can đảm của tôi. Tôi không còn là tù binh đứng bên kia đường. Bằng việc băng qua tháp nước nghiêng, tôi đã học được cách chiến đấu một mình, cân đo rủi ro, lấy can đảm và bắt đầu chạy.

Tôi cắn thêm một miếng bánh mì và bước đi... bước đi... về phía đồn điền, lần này thì đi con đường vòng. Tôi không còn phải vội nữa. Thật tuyệt khi lui thủi một mình, và tôi có nhiều câu chuyện mới để kể cho Mẹ nghe.

Chương 3

NHÀ LÁ – 1965

Vài tháng sau, chúng tôi rời khỏi đồn điền khi chiến tranh đui theo sát gót. Khu vực Tây Nguyên đang nóng bỏng. Những tiếng nổ đặng xa xé toạc màn đêm và những sườn núi sáng rực lên. Bà ngoại nói Bình Dương không còn an toàn nữa ngay cả cho người bản xứ, vì “kẻ thù” – cách người lớn gọi những người Việt Cộng – là người địa phương về phe với miền Bắc để gây hấn với miền Nam. Tôi nghĩ về Ba tôi và nghĩ rằng tin này sẽ ảnh hưởng đến việc Ba về thăm nhà, và em của Ba, chú Thành, hẳn sẽ mất công việc lái xe jeep nhân hạ, buộc phải cầm súng đi vào rừng, nơi nhiều Con Quái Vật nữa cần phải được thuần hóa – và không phải bằng cách nhắm mắt.

Tôi nhớ một lần, hồi ở Gò Vấp, chú Thành mang thư của Ba tới nhà, trong thư Ba nói Ba sẽ sớm về phép. Mẹ rất đổi vui mừng nên cho tôi cắt một kiểu tóc ngắn xinh xắn rất giống Liên, chị họ tôi – tôi đã nài nỉ việc này nhiều tuần liền – và mua váy mới cho tôi. Mẹ dẫn tôi đi chợ, mua đồ nấu món khoái khẩu của ba – món gà kho gừng – để chào đón Ba. Ba về với một túi vải thô nhỏ cùng một phong bì giấy màu nâu và nói trong này chứa nhiều tài liệu Ba phải đi giao liền, đây là lý do ba được về nhà. Ba chỉ ở lại một đêm, và khi Ba sửa soạn để đi giao phong bì, tôi xin đi theo Ba. Ba do dự một lúc rồi nói, “Được rồi, nhưng con phải hứa giữ im lặng!.” Tôi phải khóa môi lại. Người tài xế quân đội

đến đón Ba và ngạc nhiên khi thấy tôi, nhưng cấp vị của Ba cao hơn nên tôi được đi theo. Chúng tôi dừng ở một miền quê – đẹp như vùng đất xung quanh ngôi nhà đồn điền – rồi Ba đưa phong bì bí ẩn cho một người lính khác, hầu như không nói gì nhiều. Trên đường chở tôi về nhà, tôi xin Ba ghé một quán gần xa lộ mua nước dừa, nhưng người tài xế nói, “Không được, dừng lại rất nguy hiểm!”. Một lần nữa, Ba phải dùng đến quyền hành của mình và tôi được uống nước dừa, nhưng chúng tôi không nấn ná ở lại lâu. Người tài xế nhấn ga ngay khi chúng tôi quay lại và tiến về thành phố. Đó là lần đầu tiên tôi nhận ra có cái gì đó thật sự tồi tệ, như những cơn ác mộng của tôi, sắp sửa diễn ra ở đất nước này.

* * *

Bác Chiêu và bác Quế phải bỏ việc ở đồn điền và dùng tiền tiết kiệm để mua một căn nhà ở quận Phú Nhuận, vùng ven Sài Gòn. Đó quả là một bước đi xuống. So với những cột nhà cẩm thạch và đèn chùm pha lê của căn biệt thự và khu nhà tắm tất dành cho người ở, thì căn nhà một phòng của chúng tôi trông như túp lều của người tị nạn. Nền đất dơ bẩn, nước lấy từ bên ngoài, một cái giường gỗ tồi tàn đồng thời là bàn ăn, và cột tre chống đỡ những bức tường mỏng tanh kết từ lá dừa, một cơn gió nhỏ nhất cũng đủ khiến nơi này run rẩy. Bà ngoại tự hỏi không biết căn nhà chống chọi ra sao trong mùa mưa tới. Ngay cả mấy cái cửa sổ bằng khung tre cũng cần gác vào thanh gỗ để mở, nhưng tôi và Thủy vờ như đang chơi nhà chòi. Chúng tôi cười đùa còn

bà ngoại thì phát bực, và tôi gọi nơi này là Nhà Lá bởi vì tôi cảm thấy chúng tôi như đang sống trên cây.

Bác Chiêu gia nhập Cảnh lực Quốc gia, còn bác Quế thì tìm được việc ở một căn cứ Mỹ – giờ thì những cái này mọc khắp nơi. Hai bác không ở nhà thường xuyên nên bà ngoại phải lo toan mọi việc trong nhà và chăm sóc lũ chúng tôi. Bà đặt một cái bàn cửa sau phòng để đặt lò than và xếp hết số chén đĩa, muống nĩa, xoong nồi khiêm tốn của chúng tôi lên cái kệ nhỏ mà người chủ cũ bỏ lại. Mỗi đứa trong chúng tôi được bà phân công cho từng nhiệm vụ khác nhau. Việc của tôi là giúp bà xách nước từ cái giếng dùng chung trong xóm. Bà đặt hai thùng nước lên hai đầu của một đòn tre và gánh lên vai. Tôi mang theo cái thùng nhỏ của mình, đổ đầy nước rồi xách về nhà, mặc dù tôi thường vấp vấp và làm đổ rất nhiều. Những đứa khác thì quét nhà và rửa chén, nên sau khi xong việc và trong cái nóng (tiết trời gần thành phố nóng hơn không gian rộng lớn ở đồn điền) chúng tôi túm tụm trên chiếc giường chung mỗi đêm, ai nấy đều kiệt sức. Đầu óc vốn đã mệt nhoài của chúng tôi còn chịu phiền muộn hơn nữa khi phải tìm hiểu hành động khác thường vào ban đêm của bà ngoại. Dù bà làm việc nhiều hơn bất cứ ai, nhưng hầu như bà chẳng bao giờ ngủ. Sau khi cho chúng tôi lên giường ngủ, bà ngồi cạnh chân giường, bên dưới mùng, thì thầm cầu nguyện, nghe như giọng của Mẹ vậy. Lát sau, bà ngồi dậy lúc nửa đêm và lầm bầm nói bằng cái giọng rất giống giọng ông ngoại. “Lỗi tại tôi. Lỗi tại tôi.” Bà không nói với ai hết. Thỉnh thoảng, bà còn đập tay vào lồng ngực, trông rất đáng sợ. Nhiều tiếng đồng hồ liền, em Thủy và tôi nằm im, mắt mở to trong bóng tối, chỉ để nhìn và chờ xem chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo,

nhưng rồi chúng tôi lại ngủ lúc nào không hay.

Một lần, khi những cú đập vào ngực của bà trở thành những cú đấm mạnh, tôi ngồi dậy cạnh bà, chạm vào tay bà và nói “Bà ơi, dậy đi, dậy đi!”. Không hề nhìn tôi lấy một cái, bà nằm xuống như một bộ xương và nhìn chăm chăm lên trần nhà. Khi tôi trở lại chỗ của mình, em Thủy cuộn người lại như con mèo nhỏ, khóc nức nở và ôm ghì lấy cái mền của em. Không có bà để bám víu – bà như cái gối ôm của em – tôi trở thành người thay thế nên em cuộn người cạnh tôi, tôi ôm lấy em và cuối cùng chúng tôi ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, mọi việc còn trở nên kỳ quặc hơn. Khi bà đang chuẩn bị bữa sáng, tôi thấy trên người bà có vết bầm tím, bên dưới áo. Tôi hỏi bà bị làm sao vậy, nghĩ rằng bà sẽ kể cho mình nghe chuyện đêm qua, nhưng bà chỉ xào thức ăn và nói “Ông ngoại Phan đang trừng phạt bà.”

“Vì sao vậy bà?”

“Vì không đi lễ cầu nguyện cho các con của bà. Có lẽ chúng không được lên thiên đàng.”

Có lẽ các anh chị họ của tôi cũng nghe thấy và kể lại với ba mẹ họ. Rồi bác Chiêu và bác Quế hẳn đã nói gì đó với bà, bởi vì, ít tuần sau, bà bắt đầu đọc kinh và dẫn chúng tôi đi lễ tại một nhà thờ Công giáo cách đó mấy khu nhà. Bà ngoại cũng không còn tự đánh mình nữa và cũng thôi cầu nguyện bằng cái giọng rì rầm. Tôi cảm thấy hơi nhớ chuyện cầu nguyện một chút, vì thật lạ lùng là khi được nghe lại giọng của Mẹ qua miệng bà ngoại, tôi cảm thấy được an ủi rất nhiều. Ít nhất, qua vài phút ngắn ngủi đó, tôi có thể ngừng lo lắng tại sao giờ này Mẹ vẫn chưa đi chợ

về.

* * *

Không khí phòng bị cho chiến tranh làm bà ngoại và lũ trẻ chúng tôi căng thẳng, nhưng còn gây nhiều khó khăn hơn cho bác Chiêu và bác Quế. Họ có giờ giấc trái ngược nhau, và dù về nhà cùng ăn tối thì hai bác cũng rời đi ngay theo hai hướng khác nhau. Không người nào quan tâm đến đám con của họ, chuyện này thật là lạ, nhất là đối với bác Quế, bởi Mẹ tôi thường nói chăm lo cho con cái – yêu thương và chăm sóc chúng – là nghĩa vụ cao cả nhất của người phụ nữ Việt. Có thể đó là lý do bác ấy và bác Chiêu bắt đầu cãi vã, mặc kệ ai nghe thấy thì nghe. Việc này không được hay ho cho lắm vì ở đây hàng xóm sống sát vách nhau.

Tôi không biết là tôi nghe được điều này từ bà ngoại, từ hàng xóm, hay từ con của hàng xóm, bác Chiêu buộc tội bác Quế ngoại tình với một người Mỹ nên đuổi bác ra khỏi nhà. Thế là bác gái rời đi, đến sống trong căn nhà đẹp đẽ của người Mỹ, để lại bà ngoại với sáu đứa nhỏ để lo, không đứa nào đủ lớn để có thể đỡ đàn cho bà. Tiền gạo, áo quần, thuốc men và những thứ khác đa phần đều do bác Chiêu lo liệu, nhưng vì bác mới vào làm, lương của một cảnh sát không được bao nhiêu, và nhiều đêm bác ở lại doanh trại gần đồn của bác hoặc ở căn hộ bác mượn khi bác Quế bỏ đi. Vào những đêm bác về nhà, trông bác như một ông già và bác thường ngủ thiếp, người vẫn mặc nguyên bộ đồng phục, chân còn đi giày và bao súng vẫn giắt

ngang lưng.

Thỉnh thoảng, bác Quế có tạt qua nhà khi bác biết bác Chiêu không có ở đó và để lại ít tiền để bà mua thức ăn. Với sự vắng mặt của mình, bác Quế đã tỏ rõ cho bà thấy rằng lũ trẻ chúng tôi, trong đó có bốn đứa con của bác, bây giờ là trách nhiệm của bà – đền đáp lại việc hai bác cho chúng tôi ăn nhờ ở đậu khi còn ở đồn điền. Điều họ không bao giờ nhận ra – hoặc cố tình làm lơ – là lúc nào chúng tôi cũng đói cả.

Tôi thấy thương cho anh Ngọc – con trai lớn của họ. Ba Mẹ của tôi và Thủy vắng nhà vì có chuyện quan trọng phải làm nên không thể lo cho chúng tôi. Nhưng ba mẹ anh Ngọc không ở nhà để lo liệu cho con họ, đơn giản chỉ vì họ không muốn. Tôi biết điều này làm anh tổn thương. Anh làm tôi nhớ tới anh Quang. Tôi chỉ gặp anh đôi ba lần kể từ khi gia đình ly tán. Lần đầu tiên anh Quang thỉnh thoảng xuất hiện trước cửa nhà chúng tôi là sau khi chúng tôi dọn đến ở Nhà Lá được vài tháng. Chuyện này vô cùng kỳ lạ vì anh đến một mình và trông như thể anh đã chạy suốt quãng đường từ trại quân đội của chú Thành. Anh rất đau khổ và tức giận.

“Chuyện gì vậy cháu?” bà ngoại vừa hỏi vừa dùng vạt áo lau gương mặt lấm lem mồ hôi và nước mắt của anh.

“Có chuyện xảy ra với Em Bé rồi,” anh Quang nức nở. “Hôm qua cháu đi học về, cháu không thấy em đâu cả. Cháu đi tìm em nhưng không thấy. Có chuyện gì đó đã xảy ra với em rồi!” Anh vừa thở hổn hển vừa khóc tức tưởi.

Nghe vậy, bà đuổi tôi và mấy đứa khác xa ra. Bà dẫn anh Quang đến ngồi trên ghế, cho anh uống nước, rồi ngồi bên cạnh

ôm lấy anh một lúc. “Bà chắc là sẽ có lời giải thích cho chuyện này thôi,” bà bình tĩnh nói, tay vuốt vuốt chòm tóc đang bết vào mặt anh.

Anh Quang làm bầm, “Chú Thành bảo rằng Em Bé đã được một nhà giàu nhận làm con nuôi...”

Bà ngoại nói bằng giọng dịu dàng, “Tội nghiệp, đừng lo lắng. Bà cháu mình sẽ đi hỏi chú Thành về Em Bé. Giờ thì cháu kể cho bà nghe những gì đã xảy ra xem nào.”

Anh Quang bắt đầu kể chuyện buồn của mình...

“Hôm qua, cháu đi học về, không thấy Em Bé ở nhà, nên cháu hỏi chú Thành. Chú nói rằng một gia đình giàu có đã xin nhận nuôi em và em đang được chăm sóc chu đáo. Cháu biết thím Lan không thích cháu và em. Thím mới sinh em bé, một bé gái, chắc chắn là thím không muốn chăm sóc cả hai em bé. Cháu cứ hỏi mãi vì cháu không tin họ. Chú Thành và thím Lan không thêm nói chuyện với cháu nữa. Cháu đi hỏi mấy người hàng xóm xem thử họ có biết gì về Em Bé không. Một người kể rằng có tiếng la hét và tiếng khóc, rằng cả hai em bé đều khóc rất nhiều nhưng đó là lúc trước rồi. Một người khác nói thím bán em lấy tiền nhưng cháu không nghĩ vậy... bé gái khó bán hơn con trai, và giờ thì trẻ mồ côi đang đầy ra đó, nên chẳng có lý do gì người ta đi mua một em bé gái. Rồi vài người bạn của cháu kể tụi nó nghe tiếng thím Lan la hét với một em bé và bắt em “Đừng khóc nữa, đồ khôn kiếp!.” Rồi có tiếng đổ vỡ vọng ra từ ngôi nhà, và rồi im lặng. Không còn tiếng khóc. Cháu hỏi mẹ của tụi nó xem thử cô ấy có biết gì không nhưng cô không chịu trả lời, chỉ nhìn xuống đất, và lắc đầu. Vì vậy hôm nay cháu không biết phải làm gì, cháu rất sợ và buồn bởi vì Em Bé không còn nữa. Cháu thay đồ

đi học như mọi ngày, nhưng thay vì đến trường, cháu chạy thẳng đến đây. Cháu không biết phải làm gì khác nữa.”

Ngay tức khắc bà ngoại quyết định đi gặp chú Thành và thím Lan để hỏi cho ra lẽ. Bà nhấn lời đến chỗ làm của dì Thu và bảo dì về nhà. Ngay sáng hôm sau, tất cả chúng tôi – bà ngoại, dì Thu, anh Quang, em Thủy và tôi – đi tìm hiểu xem thử chúng tôi biết được gì về số phận của Em Bé.

Khi chúng tôi đến, chú Thành đuổi hết trẻ con ra ngoài chơi, gồm cả bốn đứa con của chú, bảo rằng đây là chuyện người lớn. Nhưng Thủy không chịu nhúc nhích mà vẫn bám dính lấy chân bà ngoại như thường ngày. Em được ở lại. Anh Quang và tôi cũng không muốn đi chỗ khác nên chúng tôi cứ quanh quẩn ở cửa chính. Tôi cảm nhận được một bầu không khí buồn bã, căng thẳng, nặng nề và cả sự căm ghét không thể hiện ra, đặc biệt là xung quanh thím Lan.

Cuộc thảo luận về Em Bé Bắt đầu. Bà ngoại lớn tiếng dù bà ít khi nào làm vậy, yêu cầu được biết vì sao không ai hỏi ý kiến bà trước khi mọi việc xảy ra. Chú Thành không trả lời trực tiếp mà chỉ nói rằng Em Bé đang ở trong một gia đình khá giả và danh giá. Bà đòi xem giấy tờ nhận con nuôi, nhưng chú bảo không được, vụ này đã xong rồi, không thể làm gì được nữa. Em Thủy đang ngồi trên đùi bà nên tôi từ từ nhích tới bên cạnh bà, thấy rằng cuộc nói chuyện sắp kết thúc rồi. Và đúng là vậy. Chú Thành không còn gì để nói, còn thím Lan thì chẳng nói lời nào cả.

Không nói lời nào, bà ngoại đứng dậy, bế em Thủy trên tay. Dì Thu, anh Quang và tôi đi tới đứng bên cạnh bà. Chúng tôi lặng lẽ rời ngôi nhà, đi bộ ra cổng. Ở Việt Nam, theo phép lịch

sự thì người chủ nhà sẽ tiễn khách ra cổng, dù đó là với người trong nhà cũng vậy, nhưng cả chú Thành lẫn thím Lan đều không ra tiễn chúng tôi. Bà ngoại nói nhỏ với dì Thu rằng bà không tin chuyện “nhận nuôi” và rằng họ nên bí mật đi hỏi người hàng xóm mà anh Quang rất quý và biết rõ để hỏi về Em Bé.

Cô hàng xóm cũng lặp lại y như những lời anh Quang đã kể và nói thêm rằng cô có nghe tiếng la hét của Em Bé, rồi đột nhiên im lặng – cũng y như câu chuyện anh Quang nghe bạn anh kể hôm trước. Bà ngoại và dì Thu nhìn nhau, rồi bắt đầu đi bộ về nhà. Anh Quang ở lại đó, nhưng không phải anh chọn như vậy. Chú Thành bắt anh ở lại, còn bà ngoại thì không còn sức chống lại “chủ gia đình” nên phải miễn cưỡng chấp nhận. Anh Quang bị buộc phải ở lại ngôi nhà thống khổ và đáng sợ đó.

Sau ngày hôm đó, tôi không nhận thấy có bất cứ nỗ lực nào đáng kể từ phía những người lớn – bà ngoại, bác Chiêu, chú Hải hay dì Thu – để đào sâu vào điều bí ẩn này. Tất cả đều bỏ cuộc và không ai còn nhắc đến Em Bé nữa.

Lần thứ hai chúng tôi gặp anh Quang là khi chú Thành dẫn anh đến thăm. Tôi thấy một miếng băng gạc trên trán anh nhưng cũng không nghĩ ngợi gì nhiều. Lúc nào thì đám con trai chẳng bị thương chỗ này chỗ kia cơ chứ, vả lại, sống trong một khu doanh trại, chú Thành (người giám hộ của anh ấy) chắc chắn là đã bảo y tá hay bác sĩ chữa vết thương cho anh ấy. Dù vậy, bà ngoại biết có điều gì đó không ổn, nhưng bà không thể đoán ra được. Anh Quang ở lại vài ngày rồi trở lại đó mà không kể cho chúng tôi biết chuyện gì đã xảy ra.

Sau khi anh Quang về lại nhà của anh, tôi nhận ra tôi nhớ anh

đến chừng nào. Và tôi có cơ để nói chuyện với anh Ngọc – người anh lớn mới của tôi. Tôi bảo anh kể lại những câu chuyện xưa về gia đình, về những vị anh hùng trong truyền thuyết của đất nước chúng tôi. Nói thật là tôi rất thích giọng của anh. Nó làm tôi nhớ đến Ba và khiến tôi tự hỏi Ba đang làm gì, đóng quân ở đâu. Hồi trước, Ba thường gửi thư về, Mẹ sẽ đọc to cho chúng tôi nghe, nhưng chúng tôi không nhận được lá thư nào kể từ chuyện ở Hồng Ngự. Giờ thì Mẹ cũng đi rồi nên tôi cho rằng chúng tôi phải đợi chiến tranh, đợi tất cả mọi thứ ổn định để mọi chuyện lại trở về như trước kia.

Gần một năm trôi qua mà nỗi mong nhớ gia đình cũ của tôi vẫn khôn nguôi, ít nhất là phần nào đó. Hồi tôi khoảng năm tuổi, dì Thu xuất hiện trước cửa Nhà Lá. Trong khi tất cả chúng tôi đều gầy nhẳng gầy nhẳng vì ăn uống theo thực đơn kham khổ của bà ngoại, dì Thu lại tăng cân. “Dì đang mang bầu,” bà ngoại nói, tôi không hiểu vì sao bà lại thì thầm. Tôi không nhớ rõ lắm cái lần Mẹ mang bầu Em Bé, nhưng đó là khoảng thời gian có nhiều tiếng cười, nhiều dự định lớn lao. Bà cho dì Thu uống một loại trà loãng, và chúng tôi ngồi trên chiếc giường gỗ, chìm đắm trong những câu chuyện phiếm của gia đình. Tôi ngạc nhiên vì không ai đề cập đến đám cưới của dì – bình thường đây là chuyện trọng đại trong một gia đình Việt – nhưng sau đó, tôi biết được rằng điều này sẽ chẳng bao giờ xảy ra.

Tất nhiên, mấy lần trước dì có ghé qua, dẫn theo những người bạn trai. Một năm trước, dì ra mắt một chú sĩ quan quân đội Việt Nam điển trai. Chú này đã mời Mẹ và tôi cùng đi xem phim Bollywood với họ. Vì người soát vé rất mê Mẹ nên thường cho chúng tôi vào xem miễn phí, chuyện này không phải là

chuyện to tát gì cho đến khi bà ngoại cho tôi biết chuyện này là chỗ nào. Bồ bịch thường muốn ở một mình, và vì Mẹ ít khi đưa chúng tôi đi chơi đâu nên bà cho rằng tôi đã làm điều gì đó đặc biệt để được ưu tiên như thế. Lý do gì thì cũng chẳng quan trọng với tôi, nhưng đó là lần đầu tiên tôi nhận ra đàn ông và đàn bà gặp rắc rối như thế nào khi tìm hiểu nhau, gây ấn tượng cho nhau trước khi kết hôn. Có lẽ dì Thu và ba của đứa bé không có thời gian để làm những điều đó. Dì giúp việc tại gia cho một gia đình giàu có trong thành phố, nhưng giờ, đứa bé sắp ra đời, bà ngoại nói tất cả đã kết thúc.

Dì Thu nhìn xuống tôi và hỏi, “Cháu nghĩ chúng ta nên đặt tên thằng bé là gì? Dì chắc chắn nó sẽ là con trai!”

Chưa bao giờ có ai hỏi ý kiến tôi về bất cứ điều gì, nói chi đến việc quan trọng như thế. Tôi há hốc sững sốt và bắt đầu kể ra một lô một lốc những tên con trai mà tôi nghĩ ra, cho đến khi dì ngừng tôi lại và nói: “Hoàng, dì nghĩ chúng ta sẽ gọi nó là Hoàng.”

“Đó có nghĩa là hoàng tử!” tôi nói, cảm thấy tự hào vì vừa nhớ được một điều anh Ngọc đã chỉ.

“Ừ, đúng thế.” Dì Thu mỉm cười. “Nó sẽ là hoàng tử bé của dì! Và dì sẽ cho cháu phụ dì chăm sóc em bé. Cháu có thích không?”

Tôi nói rằng tôi rất thích, và do đó Hoàng bước vào cuộc đời tôi. Dì Thu cho phép tôi sờ qua lớp áo để cảm nhận cái đầu nhỏ, cái chân hay cái mông của em, và tôi cảm thấy như được ôm cả thế giới.

* * *

Chẳng bao lâu sau chuyến viếng thăm, dì Thu dọn về ở với một đứa bé – giờ phải nuôi thêm một miệng ăn nữa, một cái miệng ồn ào. Nhưng tôi không quan tâm. Thỉnh thoảng, dì cho phép tôi bế Hoàng hay ru em ngủ khi những người lớn quá mệt hoặc quá bận. Thỉnh thoảng chính tôi cảm thấy mình như một người mẹ, dù tôi chỉ mới 6 tuổi. Tôi bắt đầu yêu quý Hoàng như em ruột. Vì có con nhỏ để chăm lo và cho bú mớm, nên dì Thu không thể đi làm bên ngoài. Dì dùng tiền dành dụm được mua một chiếc xe đẩy nhỏ để bán đồ ăn nước uống. Đồ dì bán – si-rô đá bào – là món ưa thích trong thời tiết oi bức quanh đây. Đặt xe hàng chỉ cách nhà vài bước, dì cố gắng bán tới giọt si-rô cuối cùng.

Cách dì làm dạy tôi rất nhiều về chuyện buôn bán. Dì dậy trước khi trời sáng để hầm đậu xanh, đậu đỏ – việc cần thiết để giữ nguyên được hương vị thơm ngon – rồi nghiền mịn. Đến lúc bán, dì cho thêm hạt é, bánh lọt đủ màu, sương sáo, nước cốt dừa, và si-rô. Một băng đá lớn bọc bằng bao bố và vỏ trấu được giao tới vào sáng sớm, và đến khi tôi đánh răng rửa mặt xong, thì dì đã bào đá cho khách, bỏ những đồng xu vào hộp thiếc cũ.

Tuy dì có thể làm tất cả những chuyện này trong khi điệu em Hoàng trước ngực, nhưng nếu tôi ẵm em Hoàng thì sẽ dễ dàng hơn, nên chúng tôi thường làm việc như một đội, vỗ tay nhau như đội cổ vũ khi dì Thu dắt hàng. Chẳng bao lâu sau, dì Thu biết được tất cả sở thích của từng khách hàng và bổ sung thêm những loại đậu khác nhau, thêm bột báng, ít hay nhiều nước cốt dừa, và cho thêm nhiều nước đường, nhờ vậy, càng ngày càng có nhiều người muốn mua kem đá bào của dì. Vì chúng tôi không có tủ lạnh, nên đêm chúng tôi được “hưởng xái” đồ thừa

sau khi dì bán xong vào cuối mỗi ngày, dù lúc đó chỉ còn lại nước đường. Chúng tôi cũng không màng cho lắm. Đó vẫn là một món ngon, nên chúng tôi luôn thầm cầu nguyện một cách ích kỷ cho trời mưa để dì bán không hết.

Dù vậy, dì Thu không nghĩ rằng chuyện buôn bán của dì đã thành công. Nguyên liệu không miễn phí, giá cả phải phù hợp với giá thị trường nên tiền lời cũng không nhiều nhận gì. Thời tiết xấu thì buôn bán ế, và tuy rằng lũ chúng tôi rất thích ăn đồ thừa nhưng chúng tôi biết mình đang nuốt chửng những đồng tiền lời của dì. Khi mùa mưa đến, trời mưa suốt nhiều ngày không dứt, mọi người hối hả đến nơi cần đến, người mua trở nên thưa thớt dần. Dì quyết định bán xe hàng và kiếm một công việc lâu dài hơn vì Hoàng (lúc này đã được 3 tháng) đã có thể uống sữa bột. Dì chỉ biết giúp việc nhà và hầu như người giúp việc nào cũng phải ở trong nhà chủ, nên dì phải dọn ra. Điều này cũng có nghĩa là “trại trẻ mồ côi” không chính thống của bà ngoại giờ có được bảy đứa, không đứa nào quá bảy tuổi.

Những tháng mưa gió u tối, buồn bã, ngay cả bà ngoại cũng trở nên lầm lì, ít nói khi sống trong tù túng với lũ nhóc chúng tôi. Bác Chiêu và bác Quế ít ghé lại hơn, công việc mới của dì Thu làm dì bận rộn suốt ngày đêm, nên chúng tôi có rất ít tiền. Bà ngoại thường phải vun vén làm sao để lương thực của một ngày có thể nấu được cả tuần. Chiêu quen thuộc của bà là nấu một nắm gạo với rất nhiều nước, thành một kiểu cháo loãng với vài ba hạt cháo trong mỗi chén. Bà nêm muối vào, và khi tôi đề xuất bưng chén lên uống (để tôi không phải rửa thêm muống), bà bảo “Không được, ăn bằng muống sẽ làm cháu ăn chậm hơn và giúp no lâu hơn. Thêm nữa, cháu sẽ không bỏ sót một hạt

cháo nào!.” Thỉnh thoảng, chúng tôi được ăn cơm với nước mắm, lúc lại chan nước trà loãng để dễ nuốt và mau no hơn. Em Thủy đặc biệt thích món cơm chan trà, nên tôi hay nhường cho em phần của tôi khi chúng tôi được ăn món này. Khi tôi làm vậy, bà ngoại khẽ tay tôi, nhưng vì bà thường ăn sau cùng và ăn ít nhất, nên tôi nghĩ tôi phải noi gương bà. Một người hàng xóm của chúng tôi – cô Hân (chồng cô có công việc ổn định) – thỉnh thoảng ghé qua cho chúng tôi chút đồ thừa, và bà thường vờ bảo rằng chúng tôi không cần đến – đúng kiểu cách của một tiểu thư lớn lên ở miền Bắc. Tôi trở thành bạn bè thân thiết với cô con gái tên Trúc của cô Hân, cô bạn này cũng trạc tuổi tôi. Việc đến chơi nhà Trúc trở thành những dịp xả hơi vui vẻ, thoát khỏi căn nhà đầy nhóc anh em họ hàng, vì thế tôi thường nán lại khá lâu.

Trúc là một cô bạn thông minh, già dặn và không quan tâm lắm đến những trò trẻ con, nên những khi tôi qua chơi, chúng tôi toàn nói chuyện như người lớn. Gia đình Trúc theo đạo Phật nhưng bạn rất thích mọi thứ về đạo Công giáo, từ chuỗi hạt cườm của bà ngoại tôi cho đến cây thánh giá nhỏ xiu gắn trên vách lá nhà tôi. Bạn muốn biết ý nghĩa của những thứ đó nên tôi kể cho bạn nghe mọi điều tôi biết và cũng bịa thêm một số chuyện, vì khi đi lễ ở nhà thờ, chỉ có cha xứ mới được nói còn đối với lũ trẻ chúng tôi, nhiệm vụ tôn giáo cao cả nhất chúng tôi được phép làm là im lặng và ngồi yên. Đổi lại, Trúc kể cho tôi nghe mọi chuyện về đức Phật, về cuộc đời và chuyện thuyết pháp. Nghe bạn kể, tôi cảm thấy ông ấy giống như một ông bác vui vẻ hơn so với Thiên Chúa nghiêm trang và khắc khổ của chúng tôi. Cuối cùng, chúng tôi quyết định rằng cả Chúa và đức Phật đều tốt và thần thánh, chẳng có ai mắc sai lầm khi sống

một cuộc đời như họ đã sống.

Tín ngưỡng và thế giới tâm linh là chuyện rất thật đối với hầu hết người Việt Nam, dù theo đạo Công giáo La Mã hay đạo Phật. Phải xoa dịu những linh hồn giận dữ, bằng không sẽ gặp họa. Ở xóm chúng tôi có một người, ông ta sống trong mộ của mình, và vì lý do nào đó, ngôi mộ nằm kế bên nhà Trúc thay vì ở nghĩa trang. Khi tôi hỏi Trúc về điều này, mắt bạn mở to và bạn thì thầm với tôi rằng linh hồn này vừa nói chuyện với ba mẹ bạn. Ông ta không vui vẻ gì khi đám trẻ hàng xóm tè lên ngôi mộ. Chuyện này có thật, mấy đứa con trai nghĩ tè trên mộ là vui lắm. Nhưng linh hồn thì không nghĩ vậy. Ông ta nói rằng nếu mộ của mình không được dời tới nơi an toàn và khô ráo hơn, ông sẽ “phá hoại” công chuyện làm ăn của gia đình Trúc. Lời đe dọa phát huy tác dụng. Vài ngày sau, ba Trúc dời bia mộ về sân sau nhà họ, dựng bàn thờ để thờ cúng và, để chắc chắn rằng linh hồn sẽ hài lòng, bắt đầu thắp nhang và cúng thức ăn như cúng Phật trong nhà. Chú ấy còn để một băng ghế đá lên chỗ cũ của ngôi mộ để người khác không chiếm dụng chỗ đó. Từ đó về sau, linh hồn giữ im lặng, và tất cả chúng tôi đều thấy nhẹ nhõm và vui vẻ hơn. Vì những chuyện này, công việc làm ăn của nhà Trúc không còn lao xuống dốc nữa và bắt đầu tiến triển tốt đẹp. Bạn muốn hiểu sao thì hiểu.

Việc tốt đẹp nhất khi đến chơi nhà Trúc là nếu chúng tôi nói chuyện và chơi với nhau lâu, mẹ bạn sẽ gọi chúng tôi ăn trưa, nên thỉnh thoảng tôi có ít nhất một bữa ăn đàng hoàng trong khi những người còn lại trong nhà tôi chỉ có nửa khẩu phần. Ban đầu thì tôi từ chối và nói với cô rằng thật không công bằng lắm khi tôi được ăn, trong khi em gái và anh chị họ đang nhịn

đói, nhưng cô Hân cố nài. Thật ra, tôi càng từ chối thì cô càng tò mò về gia đình chúng tôi. Trong một bữa cơm trưa, cô hỏi về ba mẹ của đám trẻ trong nhà. Tôi kể cho cô nghe những gì tôi biết, rằng bác Chiêu là cảnh sát, bác Quế làm việc cho người Mỹ, còn dì Thu giúp việc trong phố. Tôi kể Ba tôi là lính phải đi làm nhiệm vụ ở xa, còn Mẹ tôi thì đang đi chợ ở một thành phố khác và sẽ sớm về với chúng tôi.

Nghe vậy, cả bàn đều im lặng. Khi chúng tôi ăn xong, cô Hân rửa chén, Trúc chỉ vào mảnh vải đen bên trên túi áo của tôi. Lâu nay tôi vẫn đeo nó nên thường quên rằng nó có ở đó.

“Cái này là gì vậy?” Trúc hỏi.

Tôi nhìn xuống và sờ lên mảnh vải đen bà ngoại đã khâu vào áo ngay khi chúng tôi từ Hồng Ngự trở về. “Ờ... ờ thì bà ngoại bảo mình phải đeo nó để cho mọi người thấy mình yêu thương và kính trọng Ba Mẹ như thế nào.”

Trúc im lặng một lát rồi nói: “Mình nghĩ rằng bạn phải đeo nó thêm hai năm nữa.”

Việc này khá bất ngờ. “Vì sao vậy?”

“Vì mình đã thấy những đứa khác và cả người lớn cũng đeo nó. Mẹ mình nói đó là dấu hiệu để tang.”

“Để tang?”

“Bạn biết đấy, khi bạn rất buồn vì ai đó chết đi... Bạn hiểu chết là gì mà, đúng không?”

Thật ra thì tôi không biết, và vì giờ đây trong nhà Trúc trở nên tối sầm lại, mọi chuyện trở nên tù mù trong đầu tôi, tim tôi bắt đầu đập nhanh hơn nên tôi không thể nghe bạn nói, tôi chỉ có thể khẽ nhún vai.

“Chết là khi một người ngừng thở và được chôn dưới đất,” Trúc nói. Không một chút ác ý, bạn nói thêm: “Mẹ bạn đi chợ lâu rồi, phải không?”

“Anh Quang! Em không đi được! Em đang đứng trên một xác chết!.” Từ trong bóng tối của căn hầm hẹp, anh Quang nói: “Được rồi. Hãy vờ như chúng ta đang chơi trốn tìm. Em hãy nhắm mắt lại và đếm tới ba, rồi nhảy xuống và đi tìm Ba.” Tôi làm theo và nhảy xuống đất. Trời đã sáng hơn, và tôi thấy ngoài thân thể này và cái đầu kia còn nhiều thân thể khác. Khắp nơi vương vãi những cánh tay, những cẳng chân, những mảnh áo quần, đồ đạc, những chiếc hộp rỗng và những mái nhà rách nát. Trời mát mẻ nhưng không khí có mùi như trong một cái lò. Anh Quang theo sau tôi, leo ra khỏi căn hầm và Mẹ đưa Em Bé cho anh, người em giờ bê bết máu. Đến lượt Mẹ leo ra, người Mẹ cũng đầy máu từ vai trái xuống tới hông. Trong khi tôi đứng nhìn Mẹ, anh Quang trả em lại cho Mẹ, rồi lôi chiếc chiếu trong nhà ra, kéo nó sát bên căn hầm. Mẹ nằm lên đó, ôm Em Bé dưới cánh tay lành lặn của mình. Ngay lúc đó, một đám người – những hồn ma xám xịt với gương mặt vô hồn – tiến lại gần chúng tôi, bị ba người cầm súng dí sau lưng. Khi họ tới gần hơn, tôi thấy nửa số người có gương mặt vô hồn, không cầm khí giới trong tay, là những người lính như Ba, còn những người khác đang kinh hãi trông như những người vợ, những người ông, người bà mà chúng tôi đã thấy đóng trại quanh chúng tôi trong một tuần qua. Những người cầm súng trông như phiên bản lớn hơn anh Quang, họ không phải là đàn ông mà là những thằng nhóc. Những

người lính-hồn-ma không có vũ khí bị bắt quỳ xuống, quay mặt vào hàng rào. Thân nhân của họ ngồi xổm sát bên vách nhà của Ba. ẦMMMM!!! Một tiếng nổ lớn xé toạc không gian. Tôi không thở nổi, tai ù đi. Mọi người hoặc hụp xuống hoặc ngã xuống, nhưng không ai đứng dậy. Một người cầm súng vẫn nằm đó, cùng với thân nhân gồm anh Quang và tôi. Anh Quang ôm lấy cổ và nhìn xuống bàn tay dính máu của mình. Đàn chim xao xác bay khỏi bờ sông. Hai người còn sống tay cầm súng nhìn xung quanh, mắt mở to rồi chạy mất. Những người sống sót còn lại trong khu trại cũng nhìn quanh, rồi họ lóc cóc chạy theo hướng ngược lại, về phía bờ sông. Anh Quang, Mẹ, Em Bé và tôi là những người duy nhất ở lại. Em Bé bắt đầu gào khóc nên Mẹ phải cho em bú. Mặt trời đã lên quá ngọn cây, và tôi thấy một vết thương lớn đỏ au trên vai Mẹ, gần cổ Mẹ. Máu rỉ rả tuôn ra như nước được dẫn vào ruộng lúa. Giọng Mẹ làm tôi bừng tỉnh. “Đi tìm Ba con, nhanh lên!.”



Sau trận đánh – Cuộc thăm sát tại đồn lính của Ba ở Hồng Ngự
(1964)

“Bé Hiền, cháu không sao chứ?” Cô Hân chạm vào vai tôi và cúi xuống, nhìn vào mặt tôi.

Tôi nhìn lên, trán tôi lấm tấm mồ hôi. Tôi không thể nói, không thể chớp mắt.

“Đến lúc về nhà rồi.” Cô Hân giúp tôi đứng dậy, rồi giúi một giỏ nhỏ chứa đầy trái cây và bánh gạo vào tay tôi. “Tụi con có thể chơi tiếp vào ngày mai. Nói với bà ngoại chuối và đu đủ là cho mấy đứa. Đây là đồ cúng nên không còn tươi nữa. Để lâu quá hư uống. Ngày mai, cô đi chợ mua thứ khác.”

Đi chợ... Tôi đứng dậy và bỏ đi, loạng choạng như đứa trẻ đang tập đi. Lần đầu tiên trong đời, tôi tự hỏi có thật là Mẹ đang đi chợ không... Bạn biết đấy, như khi bạn buồn và nhớ ai đó đã chết và được chôn dưới đất...

Tôi đưa giỏ đồ cúng cho bà ngoại, bà liếc nhìn. Tôi lo bà sẽ bắt tôi quay lại bên kia đường, trở lại căn nhà đã làm mắt tôi cay xè, tai ù lại và bắt tôi trả lại nó. Nhưng thay vào đó, bà ngửi ngửi mở trái cây để xem thử còn tươi không và nói: “Chúng ta có thể ăn đồ cúng Phật, miễn là mình không thờ Phật. Chúng ta biết ơn cô Hân vì cô có lòng tốt của người Công giáo, dù cô ta không theo đạo Công giáo. Cháu đi nói các anh chị tối nay chúng ta sẽ có một bữa thịnh soạn.”

Tôi leo lên giường với cái bụng no gấp đôi bình thường, nhưng không ngủ yên được. Bà ngoại trở lại với nghi thức hàng đêm và đập nhẹ vào người mình cho đến khi bà khóc nức nở, trông như một tử thần bên dưới cái mùng rách rưới của bà, rồi bà nằm trở lại, nhắm đôi mắt buồn bã của mình. Tôi cũng nhắm mắt, cố hết sức để xua đuổi Con Quái Vật đã trở lại và ngồi nhìn tôi như một con rồng to khủng khiếp, chực chờ bẻ đầu tôi và đẩy tôi xuống đất. Cuối cùng, tôi nghe tiếng Mẹ xa xăm gọi tôi từ chợ, rồi chập chờn đi vào giấc ngủ.

Kỳ lạ là chính ngôi chợ trong xóm cuối cùng đã cứu sống tất cả chúng tôi.

* * *

Tôi không biết ba Trúc làm nghề gì nhưng chắc chắn vừa mất việc. Cô Hân không còn mời tôi ở lại ăn trưa nữa, và những chiếc giỏ đựng đồ cúng mà chúng tôi đang sống nhờ vào đó trở nên thừa thớt dần rồi ngừng hẳn. Ngay cả Trúc cũng ít nói hơn

và thường chơi ở xóm khác với những đứa khác, tôi đoán chắc bạn cũng trở thành một vị khách quen ở mấy khu xóm đó rồi. Chỉ ít giờ đây cả nhà tôi ai cũng đói, và mấy giỏ đồ cúng mà gia đình cô Hân đã hào phóng trao cho chúng tôi khiến bà gạt sãi diện sang một bên, và bước ra thế giới bên ngoài để kiếm đồ cho vào bụng. Bà không biết chữ, gầy như một khúc cây, với bảy đứa nhỏ phải chăm lo nên không thể làm gì dù có kiếm ra việc. Thay vào đó, bà phân công tôi phụ việc cho bà; thế là trong khi những đứa trẻ khác trong nhà đi ngủ trưa, chúng tôi đến khu chợ gần đó, và khám phá ra một chiêu mới lạ để mua đồ.

Đầu tiên, bà bắt đầu cuộc trò chuyện thân mật với chủ quầy trong khi bà giả vờ như đang lựa hàng của họ, thỉnh thoảng bà mua vài thứ bằng những đồng tiền hiếm hoi của bác Chiêu. Sau một lúc, bà canh giờ để chúng tôi ghé lại vào lúc chiều muộn, khi những quầy hàng đang chuẩn bị đóng cửa. Chủ quầy đang muốn nhanh về nhà nên họ không phiền hà gì khi một bà già và đứa cháu gái nhỏ xíu của bà giúp họ dọn đáy thùng, đáy giỏ, nhặt nhanh lá rau sót lại, cả mấy cọng trà mà bà xem như phần thưởng. Nếu có trái cây hay rau củ sót lại mà vẫn còn nguyên vẹn, đã bị dập hoặc sắp hư – bà ngoại sẽ chỉ ra mấy thức này, và than thở rằng giờ bà không có tiền, một tuần nữa bà sẽ quay lại mua. Hầu như người bán nào cũng biết đồ hư thì không để lâu được, vả lại dù có để được lâu thì cũng không ai mua, nên đa số sẽ bảo bà cứ lấy đi trong khi họ đang kéo dù hay bạt che nắng xuống. Tôi luôn tự hỏi vì sao bà cần tôi trong việc này cho đến khi một bà bán hàng vỗ vỗ đầu tôi và gọi tôi là “đứa trẻ dễ thương nhất” bà từng gặp, rồi cho tôi một mẩu đường vàng miễn phí. Chuyện này xảy ra lần nữa ở quầy khác, ở đó, một

người đàn ông tốt bụng cho chúng tôi thêm một quả cam, và lần thứ ba thì người chủ cho bà ngoại lấy một nhúm thuốc Lào để hút. Dù việc học chính thức của tôi chỉ khiêm tốn với vài tháng mẫu giáo, tôi có thể hiểu một cộng một bằng hai. Một bà già trò chuyện cùng đứa cháu dễ thương cũng có thể kiếm sống được chỉ bằng cách tỏ ra vui vẻ. Dù bà ngoại đã chịu cúi mình, nhưng việc này cũng có những giới hạn.

Một ngày Chủ nhật sau khi lễ xong, cha xứ thông báo rằng Hội Chữ thập đỏ Mỹ sẽ phát gạo cho những gia đình nghèo khó thông qua nhà thờ. Đối với tôi, chuyện này nghe thật tuyệt vời, nhưng bà ngoại lại nghĩ đứng trong hàng để chờ đồ phát chẩn của nhà thờ thì khác và, vì lẽ nào đó, tôi tệ hơn chuyện xin xỏ trái cây thừa từ những quầy bán thân thiện. Tôi chỉ ra rằng chúng tôi đã may mắn khi có ít thực phẩm để sống qua ngày, nhưng không người bán hàng nào cho gạo miễn phí, đây là lương thực quan trọng của người châu Á. Để chuyện dễ dàng hơn, tôi nói tôi sẽ đi với bà, cùng đứng xếp hàng với cái nồi nhỏ của mình để lấy được nhiều gạo hơn. Bà miễn cưỡng đồng ý.

Khi chúng tôi đến thì người ta đã xếp một hàng rất dài, nên có rất nhiều thời gian để nghe những người xung quanh bàn tán về quy định: *mỗi nhà một phần – một phần hai lon, không thêm hạt nào*. Tôi cảm thấy rất có lỗi vì đã ăn đồ cúng Phật của gia đình cô Hân. Tôi không cho rằng tôi khôn ngoan khi xúc phạm Chúa vì lấy hai phần đồ từ thiện của nhà thờ. Mặt khác, chúng tôi đã có hơn một gia đình sống dưới mái nhà mình, với gia đình bác Chiêu, em Hoàng con trai dì Thu, chưa kể đến em Thủy và tôi, nên nếu việc cộng thêm cái nồi nhỏ của tôi với phần của bà là một cái tội thì chắc cũng không phải là tội lỗi lớn lao gì.

Hàng người từ từ tiến về phía trước. Bà ngoại nhận phần của mình với cặp mắt cúi xuống đất đầy tôn trọng, và người phụ nữ tiếp theo cũng vậy, rồi đến lượt tôi. Tôi chìa cái nồi nhỏ của mình ra – chỉ bằng một nửa so với nồi của những người xung quanh – và ngược nhìn mặt một sơ xinh đẹp.

“Ồ, bé Hiền.” Sơ mỉm cười. “Ta vừa cho bà ngoại con khẩu phần của gia đình con rồi. Con không gặp bà à? Chắc là bà đang đợi con đây.”

Tôi cảm thấy hai má nóng bừng, nhưng đây là lúc được ăn cả, ngã về không. Chúa sẽ hiểu thôi. “Con biết,” tôi nói, rồi lèo lái sự thật một chút. “Cái nồi này là của bác Chiêu, bác đang đi làm và hôm nay không đến đây được.”

Sơ liếc tôi nhưng rồi cũng đổ gạo vào nồi – chưa đầy một lon – rồi bảo tôi “chuồn mau đi,” và tôi vui vẻ làm ngay. Bà chỉ khịt mũi và nhìn chỗ khác khi tôi kể bà nghe chuyện (xưng tội rất tốt cho linh hồn mình). Tôi chuẩn bị để nhận một lời khen, hoặc là bị la một trận khi về đến nhà, nhưng không có điều nào xảy ra cả. Nhờ vậy chúng tôi được ăn cháo trong suốt hai tháng, kèm thêm những thực phẩm quý giá kiếm được ở chợ. Nếu Chúa hay Phật có trách tội chúng tôi thì họ cũng không thể hiện điều đó ra đâu.



Bà ngoại và tôi, xếp hàng để nhận gạo của Hội Chữ thập đỏ Mỹ ở nhà thờ Phú Hải

* * *

Sáu tháng nữa trôi qua với trái tim hân hoan và cái bụng no đủ, chúng tôi đủ ăn hơn trước đây nhưng vẫn còn ít hơn những gì mong muốn. Ngoại trừ những cơn ác mộng thỉnh thoảng ập đến như bom đạn trong đầu tôi, đó là khoảng thời gian vui vẻ và bình yên. Tôi phần khởi đóng vai dì nhỏ với em Hoàng và cặp em bên hông, tha em đi khắp nơi như một người mẹ, cho em ăn cháo trắng và nước dừa, cho đến một ngày kia, dì Thu xuất hiện cùng ba của em.

Ba của Hoàng còn trẻ, đẹp trai và cao so với người Việt. Bà ngoại kể cho tôi biết chú là công chức ở một hãng hàng không và đang sống với mẹ như một người con trai hiếu thảo. Và vì chú là

người con hiếu thảo, chú không thể cưới vợ trái ý với mẹ, đó là lý do vì sao dì Thu phải làm mẹ đơn thân.

“Cháu thấy đấy,” bà ngoại nói với tôi sau khi họ đi khỏi, “người mẹ nào cũng muốn con mình cưới vợ tốt, còn dì Thu của cháu lại không được học hành đàng hoàng. Nếu nó có tiền thì không có vấn đề gì. Nhưng dù là vậy thì nó vẫn thấp kém hơn chồng nó.”

“Nhưng mà,” tôi nói, “bà cũng không đi học, bà cưới ông ngoại và sống trong một ngôi nhà lớn ở miền Bắc. Bà có người ở, có đầu bếp và quần áo đẹp...”

“Đúng là vậy,” bà mỉm cười. “Bố bà cho bà chọn giữa việc kết hôn và việc học. Bà đã chọn cuộc sống gia đình. Bà đã nghĩ vì sao cần phải học khi con có chồng để lo mọi chuyện chứ? Việc đọc sách không làm chúng ta biết thay tã hay làm chuyện này chuyện kia! Bà cứ nghĩ cuộc đời sẽ diễn ra như thế, nhưng dĩ nhiên...,” bà bỏ lửng câu nói như khi bà đập vào ngực mình, nhưng đây chưa phải giờ đi ngủ – và những hôn ma sẽ không quay lại cho đến nửa đêm.

“Dù gì thì” – bà vỗ vỗ đầu gối tôi và đứng dậy để chuẩn bị cơm tối – “dì Thu chỉ muốn người đàn ông của mình được gặp con trai của anh ta trước khi chia tay. Nó sẽ ra Quy Nhơn làm việc cho người Mỹ. Dĩ nhiên là Hoàng sẽ ở lại đây cho đến khi cuộc sống của dì ổn định. Rồi thì, ai mà biết được? Có lẽ nó sẽ có một tám chồng.”

Không lâu sau đó, chúng tôi có cuộc đoàn tụ gia đình khác, ít thân tình hơn. Bác Quế tạt qua để đưa ít tiền và kẹo cho con. Mấy đứa con của bác rất vui khi gặp bác, còn bác cố tình ngó lơ

các cháu của mình – Hoàng, Thủy và tôi. Khi chuẩn bị đi, bác lạnh lùng nói: “Xin lỗi, không có kẹo cho đám tụi mày đâu. Nếu tụi mày là con tao thì khác, có cha mẹ sẽ khác. Hãy mừng là tụi bây không bị tống vào trại mồ côi, tao còn cho tụi bây cái để ăn và chỗ để ngủ. Giờ thì đi giúp bà mày chuẩn bị cơm tối đi. Tao đói rồi, tao còn phải về nhà trước khi trời tối.”

Khi bác quay đi, em Thủy nhìn tôi, mắt em mở to và ngỡ ngàng như cặp mắt của một con mèo ướn. “Sao bác Quế ác vậy? Vì sao Mẹ chưa đi chợ về để lo cho chúng ta? Khi nào thì chúng ta sẽ đi gặp Ba?”

Tôi không thể trả lời các câu hỏi của em. Bản thân tôi cũng buồn và tổn thương, tôi đang cố gắng hết sức để không bật khóc. Tôi chỉ để em ôm tôi còn tôi thì ôm chặt em Hoàng như chuẩn bị tinh thần cho chuyến viếng thăm tiếp theo của Con Quái Vật.

* * *

Không may là Con Quái Vật trong giấc mơ không phải là thứ duy nhất tra tấn tôi. Không biết là do những câu chuyện phiếm qua lại của cô Hân với hàng xóm hay vì đó là việc ai cũng biết mà càng ngày càng có nhiều người – cả trẻ con lẫn người lớn – đều bắt đầu đối xử với chúng tôi như bác Quế, gọi chúng tôi là Đám con gái ngu xuẩn, hư hỏng, không cha không mẹ. Đám trẻ mồ côi xui xẻo! Tôi biết tôi không ngốc, nhiều đứa khác còn ồn ào và hỗn xược hơn tôi. Dù có mấy lần tôi đánh nhau vì chuyện gọi tên này kia, tôi vẫn không biết ý họ là gì khi gọi chúng tôi là lũ mồ côi,

nên tôi đi hỏi bà.

“Đừng lo chuyện đó,” bà nói, cứ như thể đó chỉ là chuyện cái đầu gối bị trầy, nhưng tôi biết điều này cũng làm bà phiền lòng nữa. Một lần, bà ngoại phải lôi một bà mẹ đang phừng phừng tức giận ra khỏi tôi khi tôi có trận chiến kéo tóc với con gái cô ta, vì nó đã gọi tôi là “đồ mỗ côi ngu ngốc hư hỏng.” Vì, theo lời nó nói, tôi không được dạy dỗ nên tôi cho rằng tôi có thể đấm nó, và tôi đã làm thế. Nó ngã xuống, nắm lấy tóc tôi theo cùng. Mẹ nó chạy ra khỏi nhà và túm lấy vai tôi, khiến bà tôi cũng đáp trả y như vậy.

“Con quỷ cái của bà là đồ ác ôn!” người phụ nữ trẻ la lên. “Phải dạy nó một bài học!”

“Nó không học được gì từ cô đâu!” bà to tiếng đáp lại. “Con ranh nhà cô nghĩ nó là ai mà gọi tên người ta thế này thế kia?”

Và chuyện xảy ra. Trận chiến bắt đầu. Người phụ nữ đánh bà ngoại, bà đang ghì lấy lưng cô ta và cả hai ngã xuống đất. Tôi nhảy lên lưng người phụ nữ còn đưa con gái kia đấm đá vào bà và tôi. Gần như ngay lúc đó, Trúc và ba mẹ bạn từ nhà chạy đến và tách chúng tôi ra.

“Cô làm gì vậy hả?” cô Hân la người phụ nữ trẻ, “Cô dám đánh cả một người già mà lại lớn lối nói về tư cách ư?”

“Đám mỗ côi xui xẻo!” người phụ nữ hét lên rồi dắt con gái mình bỏ về phía nhà họ. “Chúng là tai ương cho cả cái xóm này! Nhìn chồng mày kia – mất việc rồi đấy! Nếu mày thích chúng thì cứ chơi với chúng. Đám chúng mày cút xuống địa ngục hết đi!”

Cô Hân giúp tôi đưa bà về nhà – một cánh tay áo của bà bị xé toạc khỏi áo, và mặt bà bầm tím với nhiều vết cào. Dù tôi rất

buồn vì bà bị thương khi bảo vệ tôi, nhưng tôi không bao giờ hối tiếc về chuyện đập vào mặt con nhỏ xấu xa đó. Nó không làm phiền tôi lần nữa. Cô Hân lau vết thương cho bà ngoại bằng khăn ướt, nhưng thật lòng mà nói, tôi đã nhìn thấy bà trông còn tồi tệ hơn trong một lần bà tự trừng phạt mình. Em Thủy lặng thinh đứng nhìn, và mơ hồ nhận ra rằng đây sẽ là một cảnh tượng quen thuộc. Sau đó, vì em mà mỗi ngày tôi phải đeo lên mặt chiếc mặt nạ dửng cảm, cũng như cái cách tôi mặc lên người áo quần sạch sẽ và đeo miếng vải đen – một cái khiên để bảo vệ cả hai chúng tôi.

* * *

Vài tuần sau, tôi phát hiện ra rằng những lần bác Quế ghé qua gửi lại tiền, kẹo, và cả sự ác ý không phải là tình cờ. Thời vận của bác đã thay đổi theo hướng tốt đẹp hơn, điều đó có nghĩa là bác có thể làm gì đó cho chúng tôi. Bất cứ ai làm gì liên quan đến người Mỹ cũng đều phát lên. Người Mỹ xuất hiện ngày càng đông ở khắp thành phố. Bác đã kiếm đủ tiền để thuê thầu khoán sửa sang lại căn nhà lá thành nơi thoải mái hơn cho bốn đứa con của bác. Nếu điều này làm lợi cho Thủy và tôi thì đây chỉ là tình cờ và nhất thời. Rõ ràng là bác Quế cho rằng cuộc sống của các con bác sẽ tốt hơn nếu chúng tôi không có mặt trong cuộc sống của họ.

Người ta thay tường lá, cột tre bằng cấu trúc hai tầng bằng xi măng để chống chịu mưa gió tốt hơn. Bên trong có trát vữa để nhà mát hơn và đẹp hơn – không phải là căn nhà đồn điền,

nhưng chắc chắn là tốt hơn trước rất nhiều. Bác Quế rất hài lòng với ý tưởng này nên bác ghé nhà thường xuyên hơn và cho các con mình nhiều kẹo và tiền. Dĩ nhiên, đám họ hàng chúng tôi bị gạt ra, nhưng đây không phải điều mới mẻ gì. Điều mới mẻ là chị Liên – con gái lớn của bác, trạc tuổi em Thủy và giờ bắt đầu nhận ra những gì đang xảy ra trong nhà – đã đến gặp tôi trong khi bác Quế ở trong bếp và thì thầm “Đừng lo, chị sẽ chia phần cho em.” Cổ họng tôi nghẹn lại và mắt bắt đầu ngấn nước. Tôi không quan tâm đến kẹo, và dù rằng chúng tôi sử dụng tiền của bác, nhưng tiền không thể thay thế được sự quan tâm. Tôi không biết vì sao bác Quế lại đột ngột quay lưng với chúng tôi, nhưng số phận có vẻ như đền bù cho tôi phần nào khi mang lại cho tôi một người chị nữa.

Nhưng, vận may của tôi kết thúc trong cùng ngày hôm đó.

Lúc các anh chị họ và bà ngoại dẫn Hoàng ra ngoài chơi, bác Quế từ bếp lên với hai sợi dây thừng. Chúng thô ráp và cứng, như kiểu dây thừng chúng tôi thường dùng để cột những cây tre chống mái nhà, nên tôi không nghĩ ngợi nhiều về chúng – cho đến lúc này. Bác Quế cầm chúng như những cây roi.

“Cái đó để làm gì vậy bác?”

“Không có gì,” bác Quế nói. “Chỉ là mớ dây cũ tao cần kiểm tra lại. Dùng để sửa nhà. Chỉ mất vài phút thôi. Không đau đớn gì đâu.”

Không đau đớn?

Bác bảo Thủy và tôi đứng trên giường của bà ngay bên dưới thanh xà đỡ mái. Bác nhanh tay cột dây quanh cổ tay chúng tôi, rồi đưa lên tới đầu. Bác vòng dây vào cổ chúng tôi mấy vòng liền

rồi ném sợi dây qua thanh xà. Rồi bác giật mạnh sợi dây, nhắc bổng chúng tôi lên.

Chúng tôi cố la hét nhưng cuộn dây làm chúng tôi nghẹn thở. Bằng sự thuần thục như thợ lành nghề, bác Quế cột đầu dây dài vào chân giường, và rồi đứng lùi ra, chiêm ngưỡng công trình của mình. Chúng tôi vùng vẫy như cá sa vào lưới, những giọt nước mắt lặng lẽ chảy trên má chúng tôi, nhưng bác ta chỉ đứng nhìn. Bác khịt khịt gò đó, có lẽ là khúc khích cười, rồi mở nút cột khỏi chân giường, chúng tôi rớt bịch xuống chiếu.



Thủy và Vân bị treo trên thanh xà

“Được rồi, cũng không đến nỗi nào, đúng không? Giờ thì thử kiểu khác nhé.”

Bác cởi dây khỏi cổ và tay, rồi cột vào mắt cá chân chúng tôi. Chúng tôi còn quá nhỏ, hoặc quá hoảng sợ, hoặc quá ngu ngốc, hoặc quá cả tin, nên không đưa nào giãy giụa, hay la hét, hay

đầm đá khi có cơ hội. Trước khi chúng tôi kịp nhận ra thì sợi dây lại được siết chặt, và chúng tôi bị treo ngược như những con gà bầy bán trong chợ.

“Chúng cháu đã làm gì để bác tức giận đến vậy?” tôi hỏi qua đôi môi run rẩy. “Tại sao... tại sao bác làm đau chúng cháu?”

“Thôi thôi, im nào,” bác hờ hững nói. “Tụi bây không chết được đâu. Hãy cầm mồm. Tao sẽ trở lại.”

Nói xong, bác đi khỏi nhà. Bị bỏ lại một mình mà không có người lớn nào – thậm chí đó là người đã tra tấn mình – làm em Thủy sợ hãi hơn sợ sợi dây thừng, nên em bắt đầu khóc. Nhưng tiếng trẻ con khóc không phải chuyện lạ lòng gì ở xóm chúng tôi. Trong tiếng la hét chơi đùa của mấy người anh chị họ và lũ trẻ ngoài kia cùng tiếng xe cộ trên đường, chẳng ai nghe thấy chúng tôi. Tôi cố gắng rướn người, chồm tháo dây buộc cổ chân nhưng không đủ sức nên rớt về vị trí cũ. Thủy càng la hét, tôi càng quyết tâm không khóc. Tôi vịn vịn để nhìn ra cửa, nhưng bác Quế đã đóng nó lại sau khi bước ra khỏi nhà. Tôi đành vịn vịn trở lại trong vô vọng. Trong thâm tâm, sự sợ hãi đang biến thành nỗi căm phẫn. Lần đầu tiên, trái tim sáu tuổi của tôi biết thế nào là căm ghét, và tôi thề rằng bác Quế sẽ không bao giờ làm tôi khóc một lần nào nữa. Tôi nói lớn, “Khi chị em mình lớn, không ai có thể bắt nạt chúng ta. Đừng khóc nữa, em gái à....”

Anh Quang nắm lấy tay tôi, và chúng tôi chạy thật nhanh xung quanh tiền đồn, nhảy cóc qua những xác chết và gạch đá đổ nát, vừa chạy vừa gọi “Ba ơi, Ba ơi...” nhưng không có tiếng trả lời. Chúng tôi quay trở lại với Mẹ và Em Bé lúc

này đang nằm trên chiếu, và Mẹ bảo chúng tôi tìm cái lò than và một cái nồi trong nhà Ba. Nghe lời Mẹ, tôi nhặt gạo rơi vãi trên đất, còn anh Quang xuống sông xách nước. Chúng tôi nhóm lửa và nồi cơm bắt đầu sôi lên. “Cho ít nước gạo vào chén để Mẹ uống,” Mẹ nói, “Mẹ cần uống nước để có sữa cho Em Bé.” Vai mẹ vẫn còn rỉ máu, và mẹ bắt đầu trông như một quả chuối chín nẫu – khô quắt lại, biến sắc và dập nát. Anh Quang đang đút từng muỗng nước gạo cho Mẹ thì hai thằng lính mặt non choẹt, mặc đồ màu đen, đội nón lá, mang dép cao su xuất hiện ở chỗ chúng tôi. Hai thằng lính trẻ con này mang súng có lưỡi lê lớn gắn trên đầu súng. Một đứa đá anh Quang ra rồi xé toạc áo Mẹ, làm lộ một bên ngực, rồi bên ngực còn lại. Chúng cười lớn cho đến khi thấy vết thương trên vai Mẹ. “Bả không qua nổi đâu,” một đứa nói rồi quay qua vỗ vỗ lên đầu tôi. “Đừng có lo, em gái. Ai đó sẽ tìm thấy em.” Chúng đi khỏi. Anh Quang giờ nắm đấm và bắt đầu ném cái muỗng về phía chúng, nhưng Mẹ hét lên “Dừng lại.”

Sau khi chúng tôi bị treo trong một lúc lâu – Một tiếng? Hay lâu hơn? – bà ngoại ẵm Hoàng từ cửa bước vào. Thấy chúng tôi, bà sửng người. “Lạy Chúa tôi!” bà la lên, đặt Hoàng xuống rồi chạy đến giường. Bà tháo dây ở cổ chân tôi trước, thả tôi xuống giường. “Chuyện gì thế này? Ai gây ra chuyện này?” Thủy rút xuống bên cạnh tôi. Chúng tôi xoa xoa cổ chân phồng rộp, còn bà thu dây từ trên thanh xà xuống. Trước khi chúng tôi kịp trả lời, bác Quế bước vào.

Bà ngoại trừng mắt giận dữ: “Cô gây ra chuyện này đúng không?”

Bác ném cho chúng tôi ánh nhìn khinh bỉ mà không nói gì.

Bà ngoại nạt: “Chúa có thể tha thứ cho cô, nhưng tôi thì không. Như thế này là quá đủ! Quá đủ!”

Bác Quế thò tay lấy cái ví từ trên kệ rồi quay ra cửa. “Bình tĩnh đi bà già,” bác nói khi đi ngang qua chúng tôi. “Tội nó không chết được đâu.” Bác rời nhà và ngọt giọng gọi đám con của mình, “Chào các con nhé! Ngoan với bà nội nha các con!”

Thủy nín khóc còn bà kiểm tra cổ tay và cổ chúng tôi. “Vì sao cô ta lại làm điều này chứ?” bà hỏi, không thể tin được cũng như chúng tôi vậy. “Các cháu làm cô ta giận à?”

“Chúng cháu không làm gì hết,” tôi nói. “Chỉ là bác không ưa chúng cháu.” Im lặng. Một sự quyết tâm mới mẽ dâng lên trong tôi và tôi bật thốt ra, “Và chúng cháu cũng không ưa gì bác ấy.”

“Các cháu không cần phải yêu thích cô ta,” bà ngoại nói, sự thấu hiểu của bà làm tôi kinh ngạc. Vậy mà tôi cứ nghĩ rằng mình sẽ bị rầy vì dám nói về người lớn một cách hỗn hào như vậy.

Nếu bác Quế không ưa chúng tôi – ghét chúng tôi đến nỗi tra tấn chúng tôi – hẳn bác có lý do của bác. Nếu bác muốn giết chúng tôi, bác sẽ có nhiều cách khác, nhanh hơn và chắc chắn hơn, như cách mà người lớn vẫn giết heo, giết gà. Nếu bác muốn chúng tôi cảm thấy tồi tệ, thì bác đã biết cách làm điều này rồi, bằng cách ưu ái con mình hơn, đến mức nhục mạ chúng tôi. Không. Bác đang nghĩ điều gì đó khác. Bác muốn chúng tôi biến đi. Bác muốn làm chúng tôi khiếp sợ đến mức phải bỏ đi hoặc làm bà sợ đến mức bà phải tìm cho chúng tôi ngôi nhà khác, hoặc cho chúng tôi vào trại trẻ mồ côi. Chỉ có cách lý giải này

thôi.

Tôi nhìn em gái tôi và giúp bà xoa bóp đôi chân trắng bệch của nó. Em nấc lên từng tiếng trong mỗi hơi thở. Ngay lúc đó, tôi quyết tâm rằng dù cho bà ngoại luôn có thể bảo vệ tôi, nhưng người duy nhất tôi có thể dựa vào là chính bản thân mình.

Chương 4

NHÀ GẠCH – 1967

Tôi không biết bà ngoại có làm lớn chuyện vụ tra tấn bằng dây thừng với bác Quế, hoặc bác Chiêu hay không, nhưng theo Thủy và tôi biết thì bác Quế tránh chúng tôi (một chuyện dễ thôi vì chúng tôi tránh bác như tránh bệnh dịch). Cuối cùng, chuyện này trở thành một bí mật đen tối khác trong gia đình, rồi chỉ còn xuất hiện trong những cơn ác mộng.

Trong khi đó, công cuộc biến căn nhà lá thành nhà xi măng và vôi vữa bắt đầu vào mùa hè năm đó, khi tôi lên bảy. Tầng đầu tiên nhanh chóng được dựng xong, nhưng tôi đoán bác Chiêu và bác Quế đã hết tiền. Tầng thứ hai được nâng lên chỉ cách mái nhà cũ chừng một mét rồi được lợp tôn. Chính bác Chiêu lát gạch nền nhà, bác hì hục làm việc trong bóng đèn dầu mỗi đêm sau khi tan ca. Cuối cùng, chúng tôi cũng có điện, nhưng chỉ được dùng sau khi nhà sửa xong. Vì ngôi nhà rất mới và có không gian riêng tư nên bác Chiêu và bác Quế quyết định là con của họ sẽ sống và chơi trên tầng hai, còn bà, Hoàng, Thủy và tôi sống và làm việc nhà ở tầng dưới, ở đây giờ đã có một căn bếp đang hoàng. Hẳn là bác Chiêu và bác Quế đã quay về với nhau, vì thi thoảng họ ở cùng nhau trên gác mái và đẩy đám con xuống tầng một ngủ chung với chúng tôi. Mặc dù hiểu rõ là Thủy và tôi không được bén mảng lên tầng hai, nhưng lâu lâu chúng tôi cũng lén trèo lên cầu thang để ngủ trưa hay chuyện trò với chị

Liên và anh Ngọc, hai đồng minh bí mật chúng tôi có được khi đang ở “trong lòng địch.”

Phải công nhận rằng việc sửa sang đã làm ngôi nhà cải thiện đáng kể. Tường vôi giúp bên trong nhà dễ chịu hơn dù trong mùa nóng, còn nền gạch bông có viền xanh nước biển mát hơn nhiều so với nền đất. Căn bếp giờ có một bồn chứa nước lớn có gắn vòi, chúng tôi chỉ việc mở nước để dùng, tuy vậy, lâu lâu chúng tôi phải bơm nước vào bồn từ cái giếng trong xóm. Chúng tôi chỉ thiếu mỗi cầu tiêu trong nhà nên vẫn phải đi bộ vài dặm nhà để đến nhà vệ sinh công cộng ngoài sông Sài Gòn.

Việc có điện làm thay đổi đáng kể cách chúng tôi sinh hoạt mỗi tối, ít nhất là trong thời gian đầu. Để thưởng cho bà vì đã nuôi nấng Hoàng, dì Thu mua cho bà cái ti-vi trắng đen nhỏ. Đôi lần tôi đã thấy cái hộp kì diệu này ở nhà đứa khác và trong tiệm nhưng chưa bao giờ mơ nhà mình sẽ có một cái như thế. Giờ thì chúng tôi có ti-vi và nó nhanh chóng trở thành “đền thiêng” của cả nhà dù ánh hào quang của nó không kéo dài mãi. Tuy chúng tôi gắn dây nối điện chẵn chu nhưng điện đước ở nhà tôi khá yếu, còn đài đóm thì chập chờn. Những chương trình địa phương như thời sự, kinh kịch, trò chơi truyền hình không làm tôi hứng thú, mà đám trẻ chúng tôi chỉ thích phim Mỹ, đặc biệt là phim *Miền Tây hoang dã*^[1]. Tôi và chị Liên lập tức chết mê chết mệt diễn viên Robert Conrad. Tối nào chiếu phim này và ăng-ten bắt sóng tốt, hàng xóm của chúng tôi sẽ tụ tập ngoài cửa sổ và ngó vào. Việc này làm bà ngoại cảm thấy mình giống một bà hoàng, như hồi xưa, nên đám đông không làm bà thấy phiền; tuy vậy, thỉnh thoảng bà xùy suýt nếu họ bàn tán quá ồn ào. Đám trẻ con chúng tôi cảm thấy mình như người nổi tiếng, và

mọi chuyện đều diễn ra tốt đẹp cho đến cuối tháng, khi bà ngoại nhận được tờ hóa đơn tiền điện đầu tiên. Từ đó trở đi, không ai được phép bật ti-vi, trừ những lúc dì Thu hay khách khứa đến nhà. Dù vậy, cái ti-vi vẫn là vật dụng tiện lợi, và cũng là thứ chúng tôi phải phỉ bủi.

Sau khi căn nhà lá chuyển thành ngôi nhà gạch, bà ngoại bị cúm. Bà nằm liệt giường và muốn ăn phở vì nghĩ rằng nó sẽ giúp bà lấy lại sức. Tôi xin bà ra chợ để mua phở. Ban đầu bà do dự, nhưng tôi thuyết phục bà rằng tôi có thể làm được một nhiệm vụ quan trọng như vậy. Bà lấy ra chiếc khăn bà dùng để gói gém tiền bạc trong nhà và đưa tôi vài đồng xu. Tôi vào bếp lấy tô rồi chạy ù ra chợ. Tôi đứng xếp hàng tại tiệm phở, cảm thấy mình như người lớn vì được bà giao cho một nhiệm vụ như thế. Dĩ nhiên, tôi cũng hy vọng mình sẽ được bà cho ăn ké. Nước dùng phở phải luôn được nấu trong nồi cả ngày để luôn nóng khi có người mua. Đến lượt tôi mua, tôi trả tiền phở, chủ quán múc đầy phở vào tô, và tôi quay đi để về nhà.



Tai nạn Phở

Tôi vừa bước lên vỉa hè thì một đứa con trai trạc tuổi tôi đang cố lái xe đạp người lớn tông vào tôi và hất cả tô phở vào mặt tôi. Tôi la hét, vừa hét lên đau đớn, vừa mắng thẳng con trai. Bà chủ quán bước ra, không phải để coi tôi có bị thương không mà để mắng tôi vì sự vụng về của mình. Tất nhiên là không có chuyện được tô nữa... “Đồ xúi quẩy, cút về đi,” bà ta nói. Bị đuổi khỏi quán, tôi chạy về với cái tô trống không và vừa khóc, tôi vừa kể cho bà nghe chuyện xảy ra. Thấy tôi đau đớn như vậy, bà khỏe lại ngay tức thì, bà bật ra khỏi giường để xem có thể làm gì để giúp tôi bớt đau. Lúc này tôi khóc rống lên vì quá đau đớn. Tất nhiên, chúng tôi không có thuốc men gì và cũng không có tiền đi bác sĩ, nên bà tìm hàng xóm nhờ giúp đỡ. Không ai có thuốc, nhưng ai đó gợi ý nên đặt một lưỡi dao lạnh nên chỗ bị thương để tránh phòng rộp và sẹo. Người đàn bà nữa gợi ý bôi nước mắm lên mặt tôi. Bà thử cả hai cách nhưng không thấy hiệu quả

gì. Rồi sáng hôm sau, một người hàng xóm khác đến bảo chúng tôi đốt lá tre rồi lấy tro đắp lên mặt tôi. Tôi không biết những phương thuốc gia truyền này đến từ đâu nhưng không có cách nào hiệu quả. Ngày thứ ba sau vụ tai nạn, mẹ Trúc mang đến một loại thuốc mỡ của Mỹ. Cô nói cô mượn từ người quen ở chợ. “Thuốc Mỹ hay lắm, cháu sẽ bớt đau thôi,” cô nói. Nhờ Chúa phù hộ hay nhờ áp dụng nhiều phương pháp, hay cả hai, tôi cũng không biết nhưng chỗ bỏng không để lại sẹo ngoài một vết nhỏ trên má tôi. Tôi chỉ nhớ rằng trán, hai bên má và môi mình rất đau, nhiều chỗ phỏng rộp phải mất nhiều ngày mới đỡ.

* * *

Mùa thu năm đó, bà ngoại đăng ký cho anh Ngọc và tôi học trong trường dòng ở giáo xứ Phú Hải. Đây không phải là lần đầu tiên tôi có cuộc phiêu lưu vào lĩnh vực giáo dục. Hồi còn ở Gò Vấp, Mẹ ghi danh cho anh Quang vào lớp Một tại trường dòng gần đó. Vì tôi có đi theo, sơ bề trên thấy tôi và nói tôi đủ tuổi để vào nhà trẻ. Tôi sửng sốt và không nói nên lời. Cho đến lúc đó, tôi nghĩ chỉ có những chị lớn mới được đi học. Không kiềm được niềm vui sướng, tôi nắm tay Mẹ và gật đầu lia lịa. Tôi sắp được đi học! Còn anh Quang lại nhìn mọi chuyện theo hướng khác. Anh biết thế nào Mẹ cũng bắt chúng tôi đi học cùng nhau, và anh phải chịu trách nhiệm về tôi – không phải là việc anh thích cho lắm.

Mẹ gọi chúng tôi dậy rồi cho chúng tôi ăn sáng, thường là bánh mì nóng chấm sữa đặc, nhưng thỉnh thoảng, vào những

dịp đặc biệt, là xôi có rắc đường, dừa bào sợi và mè rang. Mẹ giúp chúng tôi mặc đồng phục, anh Quang mặc áo sơ mi trắng và quần soọc xanh còn tôi thì áo trắng và váy xếp li xanh. Rồi Mẹ chải mái tóc dài đen nhánh của tôi và cột thành một chùm hoặc hai chùm, tùy vào tâm trạng ngày hôm đó của Mẹ. “Tóc của con gái tôi đen mượt ghê!” Mẹ thường nói những lời này như đang hát và dịu dàng hôn lên trán tôi.

Một lần, chúng tôi vừa rời khỏi nhà thì anh Quang dừng lại, anh rủ tôi xin Mẹ tiền ăn quà vặt. Hầu như mấy đứa trẻ khác đều có còn chúng tôi thì rất hiếm khi được cho tiền.

“Mẹ sẽ la đây,” tôi phản đối, dự báo phản ứng của Mẹ để cho qua chuyện này.

“Nếu em xin thì Mẹ không la đâu,” anh Quang nói. “Em đòi gì Mẹ chẳng cho. Em xin Mẹ đi!”

“Nếu Mẹ không cho thì sao?”

“Thì khóc. Lăn lộn trên sàn nhà. Nói Mẹ nếu Mẹ không cho tiền thì anh em mình không đi học. Đi đi. Mẹ sẽ làm gì cơ chứ?”

Chúng tôi sớm được biết.

Mẹ giận điên lên, quơ lấy cây roi Mẹ hay cất ở góc nhà để đánh anh Quang khi anh nghịch phá. Tôi ba chân bốn cẳng bỏ chạy ra khỏi cửa. Anh Quang thấy vậy nên bắt đầu chạy trước để tránh cây roi của Mẹ. Tôi ráng đuổi theo anh nhưng Mẹ gần tôi hơn anh Quang nên quất trúng tôi. Tôi đau điếng và khóc rống lên, lần này thì khóc thật, còn Mẹ thì chạy theo anh Quang và đánh anh ít nhất một lần trước khi chúng tôi đến tận cổng trường. Mẹ không muốn xúc phạm Chúa vì sau cổng trường có tượng Đức Mẹ La Vang, nên Mẹ ngừng lại.

Trưa đến, khi anh Quang và tôi gặp nhau trước cổng trường để cùng đi bộ về, anh xin lỗi vì đã làm cho chúng tôi bị đòn. Tôi bảo anh cút đi. Rồi anh nhắc cho tôi biết là nếu mình không về nhà cùng nhau như lời Mẹ dặn thì sẽ lại bị đòn nữa, tôi phải đồng ý chuyện này. Nói xong, anh Quang bước đi, còn tôi thì vừa đi vừa vụng vụng hờn dỗi mấy bước phía sau, hất tung đất đá dưới chân. Khi chúng tôi về tới nhà, Mẹ đã dọn cơm sẵn trên bàn và đang khe khẽ ngân nga một khúc nhạc ngân như thể không có chuyện gì xảy ra. Tôi nghĩ chúng tôi không phải là những đứa trẻ hư hỏng. Khi năm học kết thúc, ngay cả anh Quang cũng cảm thấy buồn, dù có hay không có quà vật.

Giờ thì, tôi lên bảy và anh Ngọc lên tám. Tôi bắt đầu vào lớp Một còn anh học lớp Hai. Dù tôi biết tôi chẳng phải là đứa dốt nhưng học lực của tôi khiến ai nấy đều ngạc nhiên, ngay cả hàng xóm, và những lời bóng gió hằng ngày về mấy đứa mồ côi đàn độn trở nên ít dần, đặc biệt trong năm sau đó khi tôi vào lớp Hai, lúc những bài hát thiếu nhi, môn thủ công, những giấc ngủ trưa, giờ chơi nhường chỗ cho đọc, viết và tính toán. Tôi quyết tâm chứng minh giá trị của mình trước người khác, bất kể cái mác “mồ côi.” Những thành công nho nhỏ của tôi ở trường bắt đầu được bạn bè đồng trang lứa chú ý tới.

Cho dù Phú Hải là một giáo xứ nghèo nhưng trường dòng nhận được nhiều trợ cấp từ nhà thờ và những cá nhân khác. Vì thế, chúng tôi có những quyền lợi mà học sinh trường ngoài không có được. Trước hết, chúng tôi mặc đồng phục để phân biệt với đám trẻ trường công. Sách giáo khoa khá hiếm hoi nhưng ít nhất lớp nào cũng có được vài cuốn, dù sách này chỉ được dùng trong lớp. Mỗi ngày đi học đều giống nhau: nửa số

học sinh học buổi sáng và số còn lại học buổi chiều. Chúng tôi ngồi học trên bàn dài và chép vào vở những gì thầy cô ghi trên bảng. Chúng tôi học bằng cách thuộc lòng và thi đua trả bài trước cả lớp, hòng nhận được những tràng pháo tay và những phần thưởng nhỏ như thể chúng tôi là các nhà tranh luận. Ngay từ nhỏ, chúng tôi đã biết tôn sùng việc học và kính trọng những ai tinh thông học thuật. Những ai chịu học hành nghiêm túc sẽ nhìn cuộc đời mình bằng ánh sáng khác.

Một trong những điều thú vị khi đi học cùng anh Ngọc là anh thường dành cả buổi chiều trên gác để đọc những quyển truyện tranh tiếng Việt mà mấy anh chị lớp lớn chuyền tay nhau. Thể loại ưa thích của anh là truyện trinh thám và kinh dị, tôi thì không dám sờ tới những quyển này. Tôi khá giỏi đánh vần và biết kể chuyện từ hình vẽ nhưng tôi chưa hiểu được những gì mình đọc, và chưa bao giờ nghĩ hình và chữ có liên hệ với nhau. Một ngày nọ, anh Ngọc cười phá lên khi đang đọc một quyển truyện tranh mà tôi chưa bao giờ thấy, nên tôi hỏi anh truyện gì mà vui vậy.

“Đây này, cô em Đậu Đũa của anh.” Anh đưa tôi xem trang anh gấp lại. “Hãy đọc lớn lên, từng câu một, và vờ như người trong hình đang nói điều đó.”

Tôi làm theo, rồi cũng phá lên cười. Tôi hiểu rồi! Từ ngữ có nhiều tầng ý nghĩa, và khám phá này làm tôi mê mẩn. Sau đó, tôi nuốt chửng tất cả số truyện tranh mà anh Ngọc mang về nhà như thể đó là bánh kẹo vậy. Một thế giới mới mẻ, giàu trí tưởng tượng mở ra trước mắt tôi, và đó chính là thế giới không có Những Con Quái Vật.

* * *

Gần kết thúc năm lớp Hai, một ngày nọ, bà ngoại gặp tôi trước cửa Nhà Gạch với vẻ mặt nghiêm trang. Chuyện này khá là lạ vì thường thì giờ này, khi tôi về nhà, bà đang chuẩn bị cơm trưa còn những người anh em họ chưa tới tuổi đi học thì chạy chơi quanh đó, hoặc là bám riết lấy chân bà, như em Thủy. Chắc có điều gì đó quan trọng đang diễn ra.

Không nói lời nào, bà quỳ xuống và tháo mẫu vải đen gắn trên túi áo tôi. Bà nhìn xuống tôi và tuyên bố: “Đã ba năm rồi. Cháu không cần đeo cái này nữa. Cháu có hiểu cái này có nghĩa là gì không?”

“Rằng Mẹ đã đi chợ về?”

Bà tiếp tục nhìn chăm chăm vào tôi, không nói gì. Tôi cảm thấy hai má mình nóng bừng. Mắt tôi bắt đầu ngấn nước, nhưng tôi không khóc. Thời khóc lóc đã qua rồi. Tôi nhắm chặt mắt lại, nhắm nghiền mắt như để thử thách lòng quyết tâm của mình.

“Rằng Mẹ sẽ không về nhà từ chợ?”

“Gì nữa?”

Những cơn ác mộng và những nỗi sợ hãi lướt trong đầu tôi, và dù tôi biết bà muốn nghe điều gì, nhưng tôi sợ phải thốt ra những lời đó.

“Gì nữa nào?” bà nhắc lại.

“Rằng Ba... Ba...,” tôi không thể nói nổi, nhưng gương mặt bà không suy suyển và bà chờ đợi. “Rằng Ba cũng sẽ không trở về?” Những hình ảnh mới mẻ nhảy múa trong bóng tối.

Bà lặng lẽ kéo tôi vào lòng, dúm đầu tôi qua vai, và bà khóc. Tôi khóc trong lòng. Tôi biết lâu lắm rồi nhưng bà chưa bao giờ nhận ra điều đó. Tôi biết khi ở trường những đứa khác trêu chọc và gọi tôi là đứa mồ côi ngu ngốc. Tôi biết từ Trúc, khi bạn hỏi tôi về mảnh vải đen và cho tôi biết nó có nghĩa là gì. Tôi biết điều đó – tôi biết rõ điều đó – khi tôi nhớ về Hồng Ngự.

... căn hầm cát được phủ bởi những trái dừa xẻ nửa; khuôn mặt tươi cười của Ba khi Ba chào đón Mẹ, Em Bé, anh Quang và tôi ở cổng tiền đồn vào hôm ấy; gương mặt lo lắng đầm mồ hôi của Ba khi Ba cùng lính của mình đào những cái hào cuối cùng để sau này thành những nấm mồ của họ; đêm đen khủng khiếp đầy bom đạn và bên vai đầm máu của Mẹ; bình minh xám xịt khi tôi vấp lên ngực một người chết với cái đầu đứt lìa đầy thương tích nhe răng cười với tôi; những cậu bé Việt Cộng vây lấy những người còn sống và “gây chuyện” – làm nhục Mẹ tôi; người cảnh sát cao gầy phát hiện ra anh Quang và tôi đang co ro bên tấm chiếu sưng máu của Mẹ và Em Bé vẫn còn bú; cùng người cảnh sát đi đến trạm cứu trợ Chữ thập đỏ, rồi đi về nhà người cảnh sát để ở qua đêm, và mẹ người cảnh sát lấy cái vòng vải đựng nhũn của anh Quang; chuyến xe đò đơn độc về Sài Gòn và trở lại đó cùng bà ngoại và dì Thu để nói lời từ biệt Mẹ và cùng Mẹ đi đến Cù lao Mả trên những chiếc đò; cuộn chiếu được thả vào ngôi mộ nông nơi mà bà ngoại, dì Thu và anh Quang đã ngồi khóc cạnh bên; cây thập giá mỏng manh mà anh Quang và tôi đã làm để đánh dấu nơi an nghỉ của Mẹ...

Tôi không rõ mình đã biết chắc điều này được bao lâu rồi, nhưng ngày hôm đó, khi thốt lên những lời này với bà ngoại là lần đầu tiên tôi nói to những lời buồn bã đó.

“Vâng thưa bà, cháu đã biết điều này lâu rồi.”

* * *

Không còn mẩu vải đen để tang, những cảnh tượng đó tan biến thành một cuộc sống khác. Vài ngày sau, người đưa thư giao tới một lá thư gửi cho Vũ Mâu – tên của bà ngoại tôi. Bà không biết đọc nên, trước sự ngạc nhiên của bà, tôi tình nguyện đọc cho bà. Vẻ sửng sốt của bà làm tôi ngạc nhiên. Vậy bà nghĩ ở trường tôi học được gì vậy chứ?

Theo yêu cầu của bà, tôi xé phong bì và thông báo “Thư của cậu Hải!” điều này làm tôi còn mừng hơn nữa vì cậu là lính Hải quân nên tôi nghĩ cậu Hải có tin tức về chú Thành và chúng tôi sẽ biết gì đó về anh Quang và Em Bé.

“Cậu Hải nói rằng sau một năm lênh đèn trên biển, thuyền của cậu sẽ cập bến Sài Gòn ở bến Bạch Đằng vào cuối tháng. Cậu muốn ghé thăm Ngoại và vì cậu biết giờ cháu đã lớn rồi nên cậu muốn thấy cháu mặc váy áo như một người lớn, rồi dẫn cháu đi mua sắm ở chợ Bến Thành. Cậu nói nếu cháu không có tiền mua váy thì hỏi xin dì Thu, vì cậu nói dì Thu làm cho người Mỹ nên kiếm được rất nhiều tiền. Nha bà, nha. Cháu viết thư cho dì Thu để xin dì tiền mua váy mới nha.”

Chúng tôi đã biết dì Thu làm ăn khá khá, vì dì gửi tiền về

cho Hoàng thường xuyên hơn. Bà ngoại do dự khi phải hỏi thêm tiền, đặc biệt là cho một thứ xa xỉ như váy mới, nhưng với những gì tôi đã trải qua mấy năm vừa qua, tôi cho rằng bà nghĩ số phận còn đang mắc nợ tôi.

Dù lý do là gì đi chăng nữa thì bà cũng cho phép tôi viết một lá thư ngắn, và tôi làm ngay hôm đó. Trong vòng một tuần, dì Thu gửi về ít tiền – không phải là nhiều nhưng đủ để mua vài bộ đồ mới. Dù vậy, thay vì mua váy mới, bà mua cho tôi đồng phục đi học mà tôi đang rất cần, bộ đồ còn phải lớn hơn một số so với hiện tại để mai mốt tôi còn mặc vừa và rất lâu sau mới phải mua đồ mới. Số còn lại, bà mua cho tôi một đôi hoa tai để kỷ niệm cho lễ ban Thánh thể đầu tiên của tôi – đôi hoa tai nhỏ bằng vàng ròng với viên đá xanh treo tòng teng mà tôi tự chọn cho mình! Tôi đeo ngay tại chợ và hứa sẽ không bao giờ tháo ra. Tôi không nói ra điều này nhưng tôi biết rằng Mẹ tôi sẽ rất tự hào về tôi.

Cuối tháng, cậu Hải ghé qua Nhà Gạch trên chiếc Vespa màu xanh mới cáu. Cậu mặc đồ thủy thủ trắng hào nhoáng, đội mũ lưỡi trai vành đen, đeo cầu vai, khăn choàng vai màu đỏ và ruy-băng trước ngực. Vì chúng tôi không biết chính xác khi nào cậu đến nên tôi vẫn đang mặc đồ ở nhà và tôi chạy lại ôm cậu, nhưng cậu đưa tay ra như cảnh sát.

“Từ từ đã nào!” cậu nhe răng cười. “Cháu làm dơ đồng phục của cậu mất.”

Tôi dừng lại, vui mừng nhảy lên nhảy xuống, cười khúc khích rồi chạy vào trong nhà để mặc áo váy mới, trong khi bà ngoại trò chuyện với con trai bà. Khi tôi đi ra, cậu khởi động xe, tôi leo lên đứng phía trước, rồi cậu lái đi, tiến về hướng chợ Bến

Thành.

Nói thật là tôi không biết lý do vì sao cậu Hải lại muốn chở tôi đi mua sắm. Dù gì thì tôi không phải là con của cậu, còn cậu lại là một gã độc thân điển trai – tại sao cậu lại cần một con nhóc như tôi xen vào? Và khi đến chợ, tôi biết lý do. Vẻ ngoài bảnh bao cộng với bộ đồng phục đẹp đẽ của cậu đủ để thu hút đám đàn bà con gái, nhưng với tôi lẽo đẽo theo sau, sạch sẽ và gọn gàng, cậu trở thành niềm mơ ước của tất cả đàn bà: một người đàn ông có nghề nghiệp đàng hoàng lại yêu quý trẻ con. Máy cô bán hàng và khách hàng chủ động trò chuyện với cậu về “cô bé xinh xắn” và cậu sẽ nói “Vâng, con bé là con tôi” nếu cậu không thích người phụ nữ đó, hoặc “Ồ không, con bé chỉ là cháu tôi thôi” nếu người phụ nữ trông xinh xắn và còn độc thân. Phải có lý do bà ngoại mới nghĩ cậu Hải là người có đầu óc nhất trong nhà chứ!



Cậu Hải trong bộ quân phục trắng tinh của cậu, điều mà tôi không được phép chạm vào

Nhưng “người lính Hải quân” của gia đình chúng tôi còn muốn thực hiện một việc khác. Bà ngoại đã ghi danh cho chúng tôi học bằng họ của Ba tôi, nên tôi đi học bằng tên Nguyễn Thị

Hiền. Tuy nhiên, sau chuyện ở Hồng Ngự, tất cả giấy tờ khai sinh của tôi đã bị mất. Tôi không có cách gì để chứng minh tôi sinh ra lúc nào, ở đâu, ba mẹ là ai và ngày nào đó sẽ gặp rắc rối với điều này – và em Thủy cũng vậy. Vì thế, cậu Hải quyết định chúng tôi cần có giấy khai sinh mới, và vì hồ sơ của chúng tôi giống như tờ giấy trắng, chúng tôi có thể khai sao cũng được. Cậu Hải nghĩ ra những cái tên mới và tôi phải thừa nhận rằng tên mới nghe hay hơn tên cũ. Tôi trở thành Đỗ Thị Bích Vân, hoặc gọi ngắn là Bích Vân, có nghĩa là “đám mây màu ngọc bích.” Em gái tôi giữ lại tên cũ nhưng đổi thành Đỗ Thị Bích Thủy, có nghĩa là “nước màu ngọc bích,” có lẽ để thể hiện tình yêu biển cả của cậu Hải. Và giờ đây, hai đứa chúng tôi có những cái tên “thành phố” hợp với hai cô gái Sài Gòn hiện đại trong tương lai. Tôi thích tên mới của mình và sử dụng nó ngay lập tức.

Tất nhiên, tất cả những điều mới lạ này – quần áo mới, trang sức mới, tên mới, và sự quan tâm của người đàn ông đáng mơ ước như cậu Hải – làm tôi cảm thấy mình như người lớn, dù tôi chỉ mới bảy tuổi. Khi dì Thu đến nhà để ra mắt bồ mới, một người lính Mỹ cao, lớn hơn dì một chút, tôi thấy chú thật đẹp trai – lần đầu tiên một điều như vậy xuất hiện trong óc của tôi. Dì cho tôi biết tên của chú, nhưng vì tên khó phát âm quá nên tôi quên ngay và chỉ gọi chú là “G.I”^[2] hoặc “chú G.I” như những đứa trẻ khác trong xóm. Người Mỹ này, như những đồng đội thường đi trên đường ngang nhà chúng tôi, rất tốt bụng, hào phóng và có một cái túi không đáy đựng đầy kẹo hoặc những đồng xu để phân phát thoải mái cho lũ trẻ chúng tôi, tạo nên một đạo quân nhỏ xung quanh mình.

Tuy nhiên, vì tôi hay chăm lo cho Hoàng nên chú nhìn nhận tôi như kiểu một cô em nhỏ của dì Thu và vì thế ưu tiên tôi hơn hẳn. Sau khi phát kẹo cho mấy đứa kia, chú cho tôi một túi kẹo sô-cô-la bọc đậu phộng M&M bự chẳng. Những viên kẹo này ngon cực kỳ bởi ngoài lớp sô-cô-la mỏng (loại này không bị chảy nhão ra dưới cái nóng của miền nhiệt đới), mỗi viên kẹo còn chứa một viên đậu phộng giòn rụm. Tôi khúm núm nhận bịch kẹo và cảm ơn chú bằng thứ tiếng Anh bập bẹ mà tôi đang học. Khi những đứa khác chạy ra ngoài chơi, còn dì Thu và người lính Mỹ tạm biệt Hoàng và bà, tôi còn lại một mình trên giường với bấu vật của mình. Tôi xé một góc nhỏ và đổ vài viên kẹo ra tay. Tôi cho một viên vào miệng, nhưng tôi không để mình ăn hết túi kẹo như mấy đứa khác. Thay vào đó, tôi bắt đầu suy nghĩ như cậu Hải.

Tôi cần gì hơn một túi kẹo? Nếu tôi ăn hết ngay lúc này, tôi sẽ bị đau bụng và lại không có gì tốt cả. Không. Tôi phải sử dụng kho báu của mình theo cách khác.

Tôi đi vào bếp, lấy một cái tô gỗ và hai cái ghế đẩu. Rồi tôi đi ra đường, ngay trước nhà, mở một cửa hàng gồm có tôi – ngồi trên một cái ghế, và cái tô – giờ đầy kẹo M&M – nằm trên cái ghế còn lại.

Bọn trẻ trong xóm tự động vây lấy tôi để xin kẹo. Tôi chia cho các anh chị họ của tôi, em tôi và tất nhiên bạn thân của tôi – Trúc, nhưng còn với những đứa khác, tôi bảo chúng phải trả một đồng để mua một viên. Ngay lập tức, chúng không xin nữa, nhưng mắt chúng hau háu mở to như tô kẹo. Những đứa không có sẵn tiền liền về nhà lấy, và cửa hàng của tôi bắt đầu mở cửa. Một đứa trong lớp của anh Ngọc hỏi liệu nó có thể mua hai viên

M&M với một đồng không. Tôi nói, “Được thôi, mày có thể có hai viên với hai đồng!.” Nó nghĩ ngợi một lúc rồi chìa ra mấy đồng xu. Trong một tiếng đồng hồ, tôi kẹo hết sạch. Tôi đưa tiền cho bà ngoại và nhờ bà giữ, vì bà là người giữ tiền trong nhà. Tôi không có nơi nào để giữ tiền ngoài túi áo, mà theo tôi thì cất tiền ở đó không phải là một ý hay.



Cửa hàng kẹo M&M

Bà ngoại khen tôi có máu kinh doanh và để tiền của tôi trong cái hũ trên kệ bếp cao. Tôi quá đổi vui mừng. Tôi cảm thấy mình thật giàu có, và tôi không đụng tới một đồng nào trong một thời gian khá lâu. Bảy tuổi và tôi đã là một nữ doanh nhân thành công, là bảo mẫu tốt của Hoàng, là nhà tri thức lớp Hai, và là nam châm thu hút phụ nữ của cậu Hải. Tôi biết tôi phải hành xử một cách có trách nhiệm. Dù vậy, một tuần sau, tôi lấy ít tiền để mua một cái quạt giấy cho bà ngoại và vài cái bánh gạo để đám chúng tôi tráng miệng sau bữa tối. Tôi không biết điều

nào làm tôi phần khích hơn: tôi kiếm được tiền một cách khôn ngoan, hay niềm vui tôi đem lại cho gia đình mình khi tiêu những đồng tiền này, nhưng tôi biết rõ tôi sẽ không nhìn tiền bạc như trước đây nữa.

* * *

Đến cuối năm 1967, những thay đổi đang lớn vồn trong gió. Dì Thu dẫn về một người bạn trai Mỹ khác, nhưng lần này thì già hơn rất nhiều – không phải là lính Mỹ mà là một nhà thầu dân dụng. Dì giới thiệu ông ta tên Alvin Strauss, ông ta có vẻ tử tế. Đây là việc quan trọng vì sau đó, dì Thu tuyên bố họ đã đính hôn.

Bấy giờ, là học trò giỏi và là doanh nhân thành đạt, tôi cho rằng mình hiểu biết chút gì đó về con người. Dù thỉnh thoảng cậu Hải dùng tôi như cái cớ để khơi chuyện khi đi tìm bồ bịch, tôi biết một số người khác sẽ không đối đãi tử tế với những đứa trẻ không phải con họ. Bác Quế là một ví dụ. Tôi đã thấy sự thất vọng hiện trên mặt của những người đàn ông mà dì Thu dẫn về để gặp đứa con không cha của dì – và lời chửi rửa lũ mồi côi đàn độn vẫn còn văng vẳng bên tai tôi. Thế nhưng, người đàn ông này, cao gầy, với cặp mắt kín đáo, mái tóc lưa thưa và bộ ria mép mỏng có vẻ không nề hà chuyện Hoàng hay đám con nít lớn vồn quanh ông. Ông có vẻ quan tâm đến tôi và em Thủy, có lẽ vì sự tử tế đặc biệt dì Thu dành cho chúng tôi. Bạn cũng nên biết rằng một đứa ranh con như tôi sẽ biết những điều tốt đẹp không thể kéo dài mãi mãi.

Chương 5

CON SỐNG DỮ – 1968

Năm 1968 bắt đầu bằng một tiếng nổ lớn. Tết đang đến gần. Đây là thời khắc của pháo hoa, của những bữa ăn thịnh soạn, và của những chuyến viếng thăm gia đình. Bà ngoại hy vọng, như mọi người mẹ khác, là được thấy những người con còn sống của mình ở cùng một nơi, trong cùng một thời điểm, và cùng quây quần ít nhất là thêm một năm nữa.

Lũ trẻ chúng tôi có lý do để thích Tết, đặc biệt là Tết năm nay, vì nhiều năm rồi chúng tôi không được đón Tết một cách đàng hoàng. Trong ngày đầu tiên, chúng tôi mặc quần áo mới và nhận tiền lì xì. Khi được cho tiền bằng cách này, chúng tôi được phép tiêu hoang một chút, có thể là để mua kẹo, đồ chơi, trang sức. Đặc biệt, năm nay cũng là năm vui vẻ vì có đám cưới của dì Thu với nhà thầu người Mỹ – dượng Al, cậu Hải thì được thăng chức trong Hải quân, chú Thành lên chức trong quân đội và bác Chiêu trong sở cảnh sát. Để Tết này hoàn hảo, điều duy nhất tôi cần là em Thủy và tôi được đoàn viên cùng anh Quang và Em Bé. Thì Tết mà, mọi điều tốt đẹp đều có thể xảy ra.

Thế nhưng, những gì xảy ra tiếp theo không có gì là tốt đẹp cả.

Khoảng ba giờ sáng trong cái đêm chúng tôi được nhận tiền lì xì, mọi người trong Nhà Gạch bị đánh thức bởi tiếng pháo hoa vọng lại từ xa. Đây là chuyện khác thường, bởi pháo hoa thường

kết thúc vào buổi chiều hay ngay sau bữa tối để những gia đình đông con có thể đi chúc Tết nhau, ngủ ngon sau bữa tối thịnh soạn và sẵn sàng cho tiệc tùng vào hôm sau. Không phải đêm nay.

Thủy và tôi thức giấc với đôi mắt mở to. Tiếng pháo nổ bốp bốp giờ như tiếng sấm gần, và tôi cảm thấy như thể ngôi nhà đang rung chuyển. Đất cát từ trên trần rơi xuống, nồi niêu xoong chảo từ trên kệ rớt xuống loảng xoảng. Bà ngoại mở cửa đi ra – những thứ khủng khiếp đang chuẩn bị ăn thịt chúng tôi – bà tập hợp tất cả trẻ con trong nhà lại giữa phòng, tránh xa những bức tường. Những tia sáng lóe lên ngoài cửa sổ.

Sau một khoảng thời gian dài như vô tận, đêm đen nhường chỗ cho bình minh, nhưng bão tố ngoài kia trở nên khủng khiếp hơn. Khi mặt trời vừa lên, trận chiến đã xảy ra ngay trên đường của chúng tôi, với những tiếng nổ lớn. Người ta đang chạy, la hét, và bắn nhau. Người chết nằm cách chúng tôi chỉ vài mét. Tiếng súng nghe gần hơn, còn những tiếng nổ lớn làm sụp những thanh chắn cửa, làm cửa sổ đóng sầm lại. Những cỗ xe lớn chưa từng thấy chạy qua chạy lại trên đường, trong những con hẻm trong xóm với tiếng động cơ ầm ầm và tiếng máy móc gào rú. Khói đen dày đặc, hôi hám, khét ngột bao trùm không khí và bay vào căn nhà nhỏ của chúng tôi.

Bà ngoại không biết làm gì ngoài việc đẩy chúng tôi bò nhanh sát sàn rồi nhét chúng tôi xuống gầm giường, nhưng tôi đang bị mong muốn nhìn ra ngoài chế ngự. Tôi đã đánh bại Con Quái Vật bám theo tôi sau chuyện ở Hồng Ngự; có lẽ lần này tôi cũng có thể đánh bại con quái vật này. Tôi chỉ biết mình sẽ không thể chịu nổi nếu thấy bà bị như Mẹ, với vết thương sâu hoắm trên

vai, hay thấy Thủy, chị Liên hay anh Ngọc xuất hiện từ nơi ẩn nấp bé Hoàng trên tay, cơ thể em nhom nhớp máu như Em Bé. Tôi phải mở to mắt mà chạm trán với con quái vật này.

Tôi trườn trên nền nhà và đẩy cửa mở. Nắng đã phủ khắp những ngôi nhà xung quanh, và những hình hài tối đen đang chạy qua chạy lại. Nhiều tiếng nổ nữa. Những cơn chấn động nữa. Đồ đạc đổ gãy, đất đá thi nhau rớt xuống. Người ta rên rỉ, người ta la hét. Người ta quát tháo, người ta chửi thề. Rồi im lặng. Khói khét nghẹt cuộn cuộn len qua lối cửa vào nhà chúng tôi, và tôi cố nằm thấp xuống đến khi khói tan.

Tôi không biết phải làm gì trừ chuyện hét lên cho cả hai phe biết rằng trong nhà này không có kẻ thù nào hết. Trận chiến mà các người muốn đang ở chỗ khác kìa! Nhưng cái miệng nhỏ bé của tôi không thốt được lời nào.

Sự im lặng đáng sợ trở nên đáng sợ hơn. Tôi nghe thấy bà và mấy đứa trẻ khác đang khóc nức nở và hẳn là tôi cũng đang khóc, nhưng thay vì bò xuống gầm giường, tôi lại bò ra ngoài khi bà ngoại không để ý. Tôi thấy những người lính mặc quân phục xanh và lính mặc đồ bà ba màu đen khuất dạng sau những con hẻm và trong đám khói. Tôi không thấy người chỉ huy, như Ba, và hồ nghi không biết ngoài tôi ra thì Chúa có đang chỉ dẫn cho ai khác không. Vài người lính đi ngang qua; vài người dừng lại và cúi thấp người; vài người nhìn xung quanh với những gương mặt kinh khiếp. Hẳn là những hành động này có ý nghĩa nào đó chứ không đơn thuần là sự hỗn độn trước mắt tôi. Nhưng khi tận mắt chứng kiến một trận chiến thực thụ, tôi không biết rằng đây chính là trận chiến giành lấy Sài Gòn... đang diễn ra trên từng con đường, từng ngõ ngách, ở từng căn

nhà, cho đến khi Việt Cộng và binh lính miền Bắc rút khỏi thành phố.



Trận chiến Tết Mậu Thân năm 1968

Thêm nhiều tiếng nổ nữa ở những dãy nhà khác. Nhiều tiếng sấm rền và tiếng bước chân. Tôi đứng tựa vào tường.

Giờ thì, cách đó vài mét, hai người lính đang chạm trán nhau như trong một vở kịch ở trường diễn về những chiến binh trong huyền thoại. Họ sấn vào nhau như những đồ vật, và tôi không biết tiếng súng và kim loại lóe sáng có phải từ họ hay không. Nhiều mảnh kim loại văng vào tường. Họ kêu la, đấm đá và lăn lộn trên mặt đường, rồi họ đứng bật dậy. Vì lý do nào đó, cả hai người đều nhìn tôi, còn tôi nhìn chăm chăm vào họ. Tôi không sợ. Tôi không có cảm giác gì về việc mình có thể bị giết. Chứng kiến cảnh những người lính đang đánh nhau, tôi tò mò và chỉ muốn biết trận chiến này có ý nghĩa gì. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu có người bị bắn hoặc bị đâm? Tôi bắt đầu xâu chuỗi những gì tôi

đang chứng kiến tại đây và những gì tôi đã thấy ở Hồng Ngự, khi lần đầu tiên tôi nhìn thấy những xác chết. Tôi còn đứng lên cái xác nữa chứ. Hồi đó, sau khi rời khỏi hầm trú, anh Quang và tôi trở thành tù binh. Ba người lính Việt Cộng đứng canh bọn tôi. Có vài người lính miền Nam Việt Nam còn sống và đang quỳ gối bên hàng rào gai, còn mấy gia đình bị dồn vào một nhóm riêng biệt quỳ trước tường nhà Ba tôi. Một người phụ nữ ngồi cạnh tôi đang khóc lóc thảm thiết, tay ẵm một đứa bé, nó im lìm, đầu nó xoay tròn. Cô cố lay đứa bé dậy, nhưng nó không phản ứng. Cô đứng dậy, trong cơn hoảng loạn và điên dại, cô cứ chạy qua chạy lại giữa hai nhóm người. Những người lính Việt Cộng hét lên bảo cô quỳ xuống. Nhưng cô phớt lờ họ. Rồi cô bị đẩy tới chỗ mấy người còn sống bên hàng rào. Cô ngã quỵ xuống rồi vấp vào cái đầu bị đứt lìa mà tôi thấy lúc này. Tôi nhớ đã thấy cô ngã xuống đất, và rồi, có tiếng nổ rất lớn. Hẳn cô đã vô tình ngã lên và kích hoạt một thứ quân nhu chưa hoạt động, có lẽ là lựu đạn hoặc mìn. Vụ nổ giết chết tất cả những người đang quỳ cạnh hàng rào gồm cả một trong ba người lính Việt Cộng, và làm tôi cùng những người khác ngã nhào xuống đất. Mảnh đạn bay khắp nơi, và một mảnh kim loại cắm phập vào cổ họng anh Quang, để lại vết sẹo đến tận ngày nay. Tôi đã thấy người sống trở thành người chết, dù tôi không đủ hiểu biết để xâu chuỗi các thông tin với nhau. Lúc này, khi tôi đang nhìn hai người lính, tôi bắt đầu hiểu chuyện gì đã xảy ra trong cái đêm kinh hoàng ấy ở Hồng Ngự...

Tôi nghe tiếng bà ngoại gọi tên mình từ trong nhà. Tôi phớt lờ bà, dù biết rằng bà mà thấy tôi ở ngoài này, thế nào tôi cũng gặp rắc rối to. Nhưng rồi một người anh họ đã tố giác tôi. Việc

tiếp theo mà tôi biết, một bàn tay đã tóm lấy sau áo tôi và hất tôi bay vào nhà. Tôi rơi bịch xuống nền nhà bóng loáng, trượt dài qua phòng khách rồi đập người vào bức tường tít bên trong. Cửa đóng sầm lại, cuộc chiến biến mất. Bà ngoại đứng sừng sững trước mặt tôi với gương mặt như những người lính ngoài kia – đáng sợ và quả quyết.

“Đồ ngốc! Cháu muốn chết hay sao vậy hả?” bà chỉ tay, “Chui xuống giường, mau!”

Trước giờ, bà chưa bao giờ phải lên giọng hay lên tay với tôi, nên cú ném làm tôi bay qua phòng của bà còn khiến tôi khiếp sợ hơn cuộc chiến ngoài kia. Đạn và mảnh đạn tiếp tục đập vào vách nhà tôi – may mắn thay giờ là xi-măng kiên cố – chỉ để lại vài cái lỗ. Dù vậy, cơn sóng dữ vẫn đang gào thét bên ngoài cửa nhà chúng tôi.

Những người anh chị họ và em Thủy nhường chỗ cho tôi bên dưới gầm giường. Em Hoàng la hét đòi mẹ, rồi em dịu lại khi thấy tôi, nhưng miệng tôi vẫn mở, cứng đờ trong tiếng thét lặng thẳm.

Cơn lũ kim loại và bụi khói sôi sục vẫn tiếp diễn, dần trở thành những tiếng sấm xa xăm, rồi biến mất. Chúng tôi chờ đợi một lúc lâu để đảm bảo rằng họ đã thực sự đi khỏi rồi mới lồm cồm bò ra khỏi giường. Mọi thứ đều bám đầy bụi. Phân nửa nền gạch bị vỡ, những đồng đồ và mấy cái lỗ bí ẩn xuất hiện trên tường và trên trần. Chén đĩa vỡ đầy trên nền nhà. Như những chủ nhà say lão đảo sau một bữa tiệc quá dài, chúng tôi bắt đầu dọn dẹp.

Một tiếng sau đó, hàng xóm bắt đầu rón rén đi ra cửa, và

chúng tôi cũng thế. Tôi đi đầu tiên vì tôi biết những mảnh cơ thể rách tươm trông như thế nào nên sẽ không nôn ọe như em Thủy và chị Liên. Bà ngoại có vẻ đánh giá cao sự từng trải của tôi nên cho phép tôi tự đi thăm dò. Điều đáng ngạc nhiên nhất là xác hai người lính đang nằm trước cửa nhà tôi. Lúc bà ngoại lôi tôi vào trong thì họ chưa ở đó. Tôi không biết họ đến từ đâu, trừ chuyện họ là hai người lính tôi thấy trong trận đấu tay đôi lúc này. Khuôn mặt họ đầm đìa máu nhưng bình thản một cách lạ kỳ. Mẹ họ chắc hẳn sẽ nhận ra họ. Nhiều xác chết khác nằm vương vãi trên đường, máu tung tóe khắp nơi – trên lề đường, trên tường và đọng thành vũng như những vũng nước mưa. Vũ khí của họ nằm kề bên hoặc cách một khoảng không xa. Cảnh tượng rất kinh khủng, nhưng thú thật, cảnh ở Hồng Ngự còn khủng khiếp hơn. Dù đang là giữa sáng nhưng một màn khói bụi dày còn vương vất trong không khí làm trời trông như lúc chạng vạng. Mặt trời đang lên như cái đĩa tròn đỏ rực. Cùng với mùi khói khét nghẹt, tôi ngửi thấy – gì thế nhỉ? Tôi đã ở cạnh khi người ta giết heo, giết gà vịt nhiều lần, nhưng cái mùi này không giống vậy. Tôi nghĩ đây là mùi của con người khi bạn lộn họ từ trong ra ngoài, rồi trộn chung với thuốc súng, mồ hôi và nỗi sợ. Tôi nhận ra đây là mùi của chết chóc. Tôi trở vào trong đúng lúc bà ngoại đánh liều bước ra ngoài.

“Giờ hãy ở yên bên trong,” bà nói với tôi như cách Ba ra lệnh cho lính của mình. “Bắt mấy đứa này ở trong luôn.”

Tôi không nghĩ mình có thể ngăn được anh Ngọc nếu anh muốn đi ra, có lẽ là để tìm ba mẹ anh, nhưng có vẻ bà ngoại cho rằng tôi kiểm soát được. Tôi nghe theo lệnh của bà, và trong khi những người anh chị họ quét dọn nhà cửa, tôi nhìn ra cửa sổ

thấy bà đang cùng hàng xóm dọn dẹp con đường đầy xác người và vũ khí. Không ai có vẻ biết hay quan tâm xem người lính nào bên phe nào, ai là kẻ nổi loạn miền Bắc và ai là chiến binh tự do miền Nam. Bọn họ đều có chung bộ đồng phục màu máu đỏ và chẳng ai có điều gì phàn nàn cả.

Chương 6

CHUYỆN NÀY CHUYỆN KIA – 1968

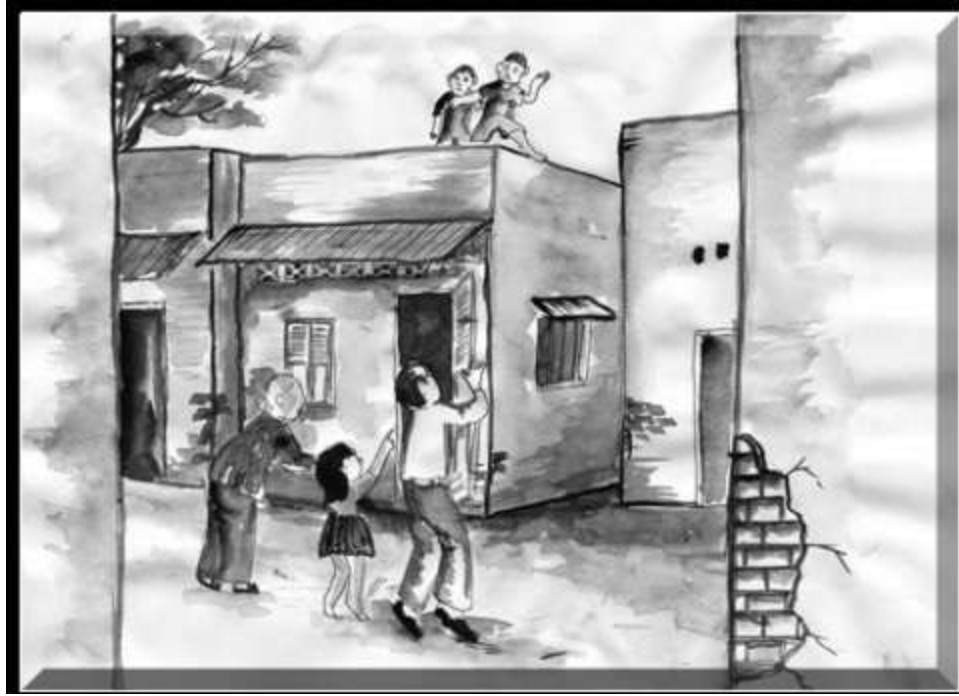
Như cuồng phong bão tố, cuộc tấn công Tết Mậu Thân để lại một sự im lìm đáng sợ sau đó.

Tôi nghe từ bà ngoại, dì Thu, bác Chiêu, và hàng xóm điều này điều kia, rằng lính Việt Cộng và Quân đội miền Nam Việt Nam đã lao vào một trăm mục tiêu khắp cả nước với nỗ lực to lớn nhằm giành chiến thắng trong cuộc chiến. Họ đánh vào lực lượng bảo vệ của miền Nam, chiếm được một số thị trấn và làng mạc, nhưng bị đẩy lùi chỉ trong vài ngày hoặc vài tuần sau đó – đặc biệt là khi người Mỹ vận dụng hết công suất những cỗ máy chiến tranh tuyệt đỉnh của họ. Trong khi lính tráng và các chính trị gia của chúng tôi nghĩ trận đánh Tết Mậu Thân này là một chiến công lớn của miền Nam thì dượng Al của chúng tôi không dám nói chắc. Người Mỹ ở Việt Nam đã rất ngạc nhiên trước quy mô và sự quyết liệt của cuộc tấn công từ một địch thủ mà họ nghĩ họ sẽ thắng chắc. Trong khi chính phủ tuyên bố thắng trận và tổ chức nghỉ lễ để tôn vinh những người lính quả cảm, thì cánh nhà báo phương Tây lại cho đăng những bài tường thuật đáng sợ về trận xáp lá cà và cảnh báo quốc gia của họ rằng dù miền Nam có thể không thua cuộc như Hà Nội dự đoán, nhưng vẫn chưa thể biết được kết quả của cuộc chiến.

Tuy vậy, như những người vừa trải qua thảm họa, hàng xóm của chúng tôi ở giáo xứ Phú Nhuận cố gắng hết sức để mọi việc

trở lại bình thường. Một trong những dấu hiệu của sự bình thường đó là anh Quang về sống chung với Thủy và tôi, dù chuyện này xảy ra một cách hết sức bất thường.

Việc anh Quang không ưa thích những người giám hộ của mình không phải là điều bí mật gì, ngoài ra, từ lâu lắm rồi không ai gặp lại Em Bé. Bà ngoại không nhắc tới, còn anh Quang cũng im re im rít, nhưng cuối cùng anh có chuyện bất hòa lớn với chú Thành và “tiểu thư” Lan về việc gì đó rất khinh khỉnh và lại đến nhà chúng tôi. Lần này, khi chú Thành chạy xe jeep đến đón, anh Quang trèo lên mái tôn và thề rằng anh sẽ nhảy xuống nếu chú đến gần. Rõ ràng là anh đã tâm sự với anh Ngọc, vì người anh họ chúng tôi ưa thích nhất cũng leo lên với anh và cảnh báo người lớn hãy tránh xa. Thật đáng ngạc nhiên! Lạ lùng không phải chỉ vì trẻ con dám cãi lời người lớn, mà còn vì anh Quang mà tôi biết ít khi mất bình tĩnh về bất cứ điều gì – vả lại, khi anh mất bình tĩnh, anh tự trấn tĩnh rất nhanh. Lần này thì không như vậy. Chú Thành đe dọa còn bà ngoại thì nài nỉ, nhưng không tên nào chịu đầu hàng. Cuối cùng, chú Thành chịu thua rồi lái xe đi. Anh Quang không trở lại đó nữa, còn chú Thành cũng không bao giờ cố gắng đi đón anh.



Anh Quang và anh Ngọc, cuộc nổi dậy của Quang trên mái Nhà Gạch

Không biết sự việc này khủng khiếp với anh Quang như thế nào nhưng đây là chuyện ngàn năm có một đối với em Thủy và tôi – và tôi nghĩ, bà ngoại và anh Ngọc cũng nghĩ vậy. Chúng tôi nấu một bữa thịnh soạn để chào mừng anh Quang đến ở Nhà Gạch, và tiếp đó là tuyên bố bất ngờ từ dì Thu là dì và dượng Al đã chính thức nhận chúng tôi vào gia đình họ. Đây là điều tốt lành vì nhiều lý do.

Trước tiên, điều này có nghĩa là anh Quang, em Thủy và tôi không còn bị liệt vào diện mồ côi nữa, nên sẽ không phải chịu đựng những lời chửi bới và ánh nhìn khó chịu của người đời.

Kế nữa, điều này có nghĩa là chúng tôi có thể rời khỏi Nhà Gạch, để bà ngoại và các anh chị họ của chúng tôi có thêm không gian sinh sống. Tôi sẽ nhớ bà mỗi ngày vì bà đã dạy tôi

nhiều điều về cuộc đời và cách sống. Tôi sẽ luôn tôn kính bà như người săn sàng hi sinh cả đời để tôi có cuộc sống tốt đẹp hơn. Nơi ở mới của tôi sẽ là căn hộ hiện đại ở thị trấn bên, và dù nó không to lớn như biệt thự ở đồn điền, thì đó vẫn là cung sơn tháp ngà khi so với khu ổ chuột ở Sài Gòn. Tôi không biết gì hơn ngoài lòng biết ơn.

Cuối cùng, và hẳn là điều tốt đẹp nhất, dưỡng Al và dì Thu đã nhận nuôi Hoàng, đứa con không cha của dì. Em là đứa bé đang chập chững đi, năng động, tò mò, dễ thương và vui vẻ nhất trong xóm; thêm nữa, cuối cùng bên cạnh em luôn có mẹ, điều mà em xứng đáng có được. Giờ thì tôi biết rằng tôi vẫn ở chung một nhà với “người em trai” danh dự của tôi, tôi cho rằng tổ ấm của chúng tôi đã trọn vẹn. Ngoài chuyện Em Bé đã mất tích, anh em tôi đã đoàn tụ như mọi gia đình thời chiến có quyền mong tới.

* * *

Không lâu sau chuyện trọng đại này, dì Thu tiết lộ lý do. Dưỡng Al rất thích Việt Nam và như những người Mỹ khác, dưỡng rất xúc động và thấy buồn vì trận đánh Tết Mậu Thân. Dưỡng làm việc mật thiết với quân đội và các viên chức nên ngập ngừng kết luận rằng tình hình sẽ trở nên tồi tệ hơn nữa trước khi có chuyển biến khả quan hơn. Vì thế, dưỡng quyết định chuyển cả gia đình đến Philippines ngay khi kết thúc hợp đồng ở Việt Nam. Điều khó khăn duy nhất của chuyện này là ai sẽ cùng đi theo, ít nhất là vào thời gian đầu. Dưỡng Al, dì Thu và

em Hoàng là những thành viên chủ chốt của gia đình mới này, còn anh Quang là một ẩn số sau những rắc rối của anh với nhà chú Thành – ai muốn có một đứa con “rắc rối” chứ? Vậy còn tôi và Thủy. Vì Hoàng đã coi tôi là chị và tôi đã dành nhiều thời gian chăm sóc cho em hơn cả mẹ ruột, nên dĩ nhiên tôi được chọn tiếp tục làm nhũ mẫu của em. Anh Quang và em Thủy, tuy là người phụ thuộc chính thức của dưỡng Al, sẽ ở lại với bà ngoại cho đến khi dưỡng quyết định tiếp. Kế hoạch này gây nhiều thất vọng, nhưng như dì Thu nói, chuyện này không thể thu xếp trong một sớm một chiều được, nên chúng tôi đành chấp nhận. Thật ra, tôi nghĩ dì sợ rằng khi em Hoàng xa rời những gương mặt và nơi chốn thân quen, em sẽ phản đối ba mẹ mới của mình và khóc lóc âm ỉ. Tôi là cứu cánh của dì Thu, và chúng tôi sẽ kiểm chứng giả thuyết của dì bằng cách tôi dọn đến nhà dì dưỡng ở Quy Nhơn.

Để tăng thêm sự gắn kết giữa dưỡng Al và gia đình mới của dưỡng, người đứng đầu của gia đình sẽ đặt tên mới cho tôi và Hoàng.

Dưỡng gọi Hoàng là Bubba – tên gọi thân mật, có nghĩa là “em trai” “hay “anh chàng tốt bụng” – một từ theo tôi rất hợp với Hoàng.

Còn tôi, dưỡng gọi là Sissy, viết ngắn của từ “sister” – chị gái. Tôi không hào hứng với tên này như tên của Hoàng vì tôi thích tên Vân, cái tên cậu Hải đặt cho tôi. Dù vậy, tôi cũng đã là thành viên trong gia đình dưỡng Al, và cha mẹ có thể đặt tên cho con cái thế nào cũng được. Tôi biết nhiều cái tên còn tồi tệ hơn là chị gái, và “đồ mồ côi” sẽ đứng đầu trong số đó.

Thì Sissy vậy.

* * *

Trong thời gian chuẩn bị đi Quy Nhơn để dựng Al hoàn tất hợp đồng của dựng, tôi dành hầu hết thời gian cho anh Quang, cố gắng hàn gắn sợi dây liên kết của hai anh em trong mấy tuần còn lại vì sợi dây đó đã bị cuộc chia cách làm đứt gãy phần nào.

“Anh có nhớ lần anh đến Nhà Lá và rất lo lắng về chuyện của Em Bé không?” tôi hỏi. “Rồi chúng ta đến nhà chú Thành ngay ngày hôm sau ấy?”

Mặt anh Quang cảnh giác. “Việc này thì sao?”

“Bà không bao giờ cho em biết vì sao Em Bé được đem cho người khác nuôi. Anh có biết vì sao không?”

“Vì thím Lan vừa mới sinh em bé. Thím không muốn chăm sóc thêm con của người anh chồng đã chết.”

“Không đúng!” tôi gạt phăng. “Không ai biết Ba chết hay chưa! Chỉ là chúng ta chưa tìm thấy Ba. Vậy thôi!”

Anh Quang lắc đầu. “Sao cũng được. Chết. Làm tù binh của Việt Cộng. Thím Lan không quan tâm. Thím ghét anh em mình, thím luôn dọa tống chúng ta vào trại mồ côi. Còn chú Thành thì không làm gì được.”

“Vậy cũng không có nghĩa là Em Bé không được nhận nuôi,” tôi bướng bỉnh nói.

Anh Quang chỉ nhìn tôi, ánh nhìn của anh trống rỗng.

Một suy nghĩ khủng khiếp lướt qua đầu tôi. “Vậy anh nghĩ Em Bé... bị giết?” Tôi khó có thể thốt nên lời này.

“Anh không biết. Anh chỉ nghĩ nếu Em Bé được nhận nuôi thì

chú Thành đã cho bà ngoại xem giấy tờ rồi.” Anh Quang gạt một nhúm tóc đen đang phủ trên trán anh. “Em thấy vết sẹo này không? Em có nhớ lần chú dẫn anh tới Nhà Lá với cái trán bị băng không?”

Tôi nhú mắt để nhìn rõ hơn. “Có.”

“Em sẽ không tin được làm sao anh có vết sẹo này đâu. Nhà chú nuôi gà sau nhà. Một ngày nọ, thím Lan thấy mất vài con. Thím buộc tội anh đánh cắp mấy con gà hoặc đã để chuồng gà mở. Anh cố nói rằng đó không phải là lỗi của anh – vài cây cột và nhiều chỗ hàng rào đã lỏng – nhưng thím không nghe. Thím chửi anh, “Đồ trộm cắp! Nuôi mày phí công!.” Anh bắt đầu cãi lại, nên thím tức điên lên và tháo một chiếc giày cao gót, đập cái gót vào trán anh như người ta đóng đinh. Rồi mặt thím trắng bệch, thím lùi ra. Anh đau lắm, anh biết có gì đó không ổn rồi, anh vừa la hét vừa chạy tới chỗ ngủ thì chú Thành về. Chú thấy anh và sưng sốt. Cái gót giày vẫn còn dính vào trán anh! Máu chảy đầm đìa trên mặt anh! Chú quát thím nhưng càng làm thím điên tiết hơn. Thím nói, “Để nó chết! Cái thứ vô dụng! Nó gây ra rắc rối, làm tốn tiền tốn của!.””



Thím Lan đập gót giày vào trán anh Quang - Hình phạt khi anh làm mất gà

Tôi kinh hoàng. “Rồi chú Thành làm gì?”

“Chú gỡ chiếc giày ra rồi chở anh đến trạm xá. Lúc băng vết thương, cô y tá hỏi anh vì sao bị vậy, nhưng chú Thành nói kiểu

như “Ôi, trẻ con mà chị.” Lúc đó anh phải đi. Anh sợ phải quay lại đó khi thím Lan chưa nguôi giận.”

“Được rồi, nếu họ giết Em Bé,” tôi hỏi, “vậy thì tại sao họ không giết anh?”

Anh Quang nhún vai. “Anh không biết. Có thể là vì anh là con trai.”

Ngoài trải nghiệm đau đớn với chiếc giày của thím Lan, anh Quang ít khi kể về khoảng thời gian anh xa chúng tôi. Anh kể rằng để có tiền, anh phụ việc cho một gia đình hàng xóm, và họ cho anh ăn khi có thể vì họ biết rằng thím Lan không cho anh ăn đủ no. Anh phải làm tất cả việc nhà và chăm sóc lũ gà. Ngoài giờ học và việc nhà, anh cùng bạn bè đến từng nhà để thu mua vỏ chai, giấy và sắt vụn để kiếm thêm tiền. Nhiều lúc họ lục lọi thùng rác và các bãi rác để tìm những thứ có thể tái chế, những thứ thím Lan có thể bán lại cho người thu mua nhôm nhựa. Anh biết anh không thể về nhà tay trắng, bằng không anh sẽ bị đánh và bị chửi “lười biếng và vô trách nhiệm.” May mắn là anh Quang lòng sục đồ phế thải ở thành phố. Ở những miền nông thôn, nhiều trẻ con Việt cũng làm điều tương tự. Nhiều lúc, “miếng kim loại” họ tìm được hóa ra lại là những vỏ đạn chưa nổ, hay thậm chí là lựu mìn, và kết cục của những đứa trẻ này vô cùng thương tâm.

Chuyện anh Quang bị thím Lan hành hạ làm tôi nhớ lại chuyện bác Quế treo ngược tôi và em Thủy. Người khác có thể gọi chúng tôi là thứ này thứ kia, nhưng những người làm chúng tôi đau nhất lại là người trong “gia đình.” Tôi mừng là giờ anh Quang đã thoát khỏi thím Lan. Những khó khăn chúng tôi gặp phải khi không còn cha mẹ đã tạo cho anh em chúng tôi một sợi

dây liên kết còn vượt qua cả tình anh em.

Chương 7

TÌM TRĂNG NƠI ĐÁY NƯỚC – 1968

Dì Thu gặp không ít rắc rối khi lo thủ tục giấy tờ nhận nuôi chúng tôi. Dì đã nhận được giấy khai sinh mới cho Thủy và tôi với những cái tên thành thị. Nhân viên hành chánh tại tòa Đô chánh Sài Gòn chuyên đảm nhiệm những việc này nghĩ rằng mọi việc có thể kết thúc tại đây. Chú ta giới thiệu dì với viên thư ký, người này tỏ ra cảm thông hơn, đặc biệt khi chú ta biết được dì Thu, giống như bà ngoại tôi, không biết chữ. Dì không có chút ý niệm gì về những thủ tục quan liêu rắc rối này.

“Hay chị nhận mình là mẹ ruột của đám trẻ chị nhận nuôi?” chú đề nghị, “Ba đứa lớn không còn cha mẹ, còn đứa nhỏ là con chị. Chị cứ chọn đại ngày sinh nào đó hợp với tuổi của chúng, thế là xong.”

Đây là một lời đề nghị có lý. Rồi nhiều giấy tờ được đưa ra, được điền vào và ký tên – và chuyện này lại sinh thêm một lần thay tên đổi họ nữa, lần thứ ba trong cuộc đời non trẻ của tôi. Vì tôi biết đọc còn dì Thu thì không nên tôi xem xét các giấy tờ khai sinh khi dì mang đến Quy Nhơn. Những giấy tờ này chứng nhận ba mẹ của tôi giờ là ông Alvin Ambrose Strauss và bà Đỗ Thị Hiền Huệ, theo đúng kế hoạch. Tên của tôi trở thành “Thị Bích Vân Strauss,” nghe giống một nhà soạn nhạc châu Âu, nhưng ít nhất tôi vẫn giữ lại phần lớn cái tên thành thị của mình. Em Hoàng trở thành “Văn Hoàng Strauss,” vì thế mọi

người trong gia đình vẫn nhận ra nhau. Dượng Al vẫn tiếp tục gọi chúng tôi là Sissy và Bubba. Vì lý do nào đó, dù dì Thu đã chính thức là mẹ của chúng tôi, tên của dượng Al không xuất hiện trong giấy khai sinh của em Thủy và anh Quang. Đừng hỏi tôi vì sao lại thế.



Ba mẹ nuôi của tôi – dượng Al và dì Thu (em gái của Mẹ), con trai Bubba của dì và tôi

* * *

Quy Nhơn là một miền quê đẹp để nằm bên rìa căn cứ không quân lớn của Mỹ, nơi dượng Al làm việc. Chúng tôi sống trong căn hộ nhỏ sát vách một gia đình người Việt giàu có. Dù nhà nhỏ nhưng mỗi người vẫn có nhiều không gian hơn so với Nhà Gạch, bày trí theo phong cách phương Tây, có điện nước trong nhà, đồ đạc chắc chắn và một căn bếp thơm mát. Dì Thu không

để phí giấy nào và giao ngay nhiệm vụ cho tôi là chăm lo cho em Hoàng. Điều đó có nghĩa là tôi không được đến trường, và chuyện này vừa đáng buồn vừa đáng ngạc nhiên. Tôi vẫn nghĩ vì bà và dì đã gặp nhiều rắc rối khi không biết chữ, hẳn dì sẽ muốn thế hệ “chị em phụ nữ” tiếp theo sẽ khác đi, nhưng đó không phải là cách dì nghĩ. Giờ dì đã có chồng – một ông chồng Mỹ giàu có (chúng tôi nghĩ tất cả người Mỹ đều giàu) – nên dì quay về với truyền thống. Cách truyền thống gồm cả việc làm mẹ hiền và đây là lý do dì đưa ra để nghỉ việc. Nhưng thời gian sớm chứng minh rằng cái phần làm mẹ hiền sớm bị gạch bỏ khỏi kịch bản. Thực tế là, ngoài việc nhớ trường lớp, tôi không quản ngại những việc dì giao. Tôi đã coi Hoàng như em trai của mình và nếu tôi là người chăm sóc chính cho em, ít nhất tôi đã biết phải làm gì.

Bình thường, Bubba là cậu bé bụ bẫm và dễ tính, nhưng em cũng có những cái tật khiến người khác khó chịu. Điều tôi nhớ rõ nhất và thấy khó chịu nhất về Bubba là em có thói quen đi bỏ đúng vào giờ cơm, mà em lại không chịu rời chỗ ăn để vào nhà xí. Em đòi phải ngồi tại đó, bên cạnh bàn ăn, cho đến khi đi bỏ xong.

Dù việc này nghe gồm chết được nhưng dì Thu và dượng Al lại chịu, thậm chí còn cho là dễ thương. Sau khi Bubba hoàn tất nghi thức đi bỏ giữa bữa ăn, việc dọn dẹp sẽ là của tôi. Thật kỳ lạ là người ta lại có thể quen với việc này. Vì dì Thu và dượng Al rất tốt và đối đãi với tôi không tệ, tôi cũng chẳng phàn nàn gì. Nhiệm vụ của tôi khá nhẹ nhàng. Tôi có thêm ít quần áo để mặc. Tôi không bị đói, không ai bắt tôi, nhưng tôi rất đơn độc. Tuy nhiên, tôi biết rằng mình may mắn hơn rất nhiều so với những

đứa trẻ mồ côi khác ở Việt Nam lúc bấy giờ.



Bubba đang đi bô

Trong vài tháng tới, chúng tôi tiếp đón rất nhiều dạng khách khứa từ căn cứ, và tôi được biết thêm về dưỡng Al. Dưỡng là kỹ sư vùng và là giám sát bảo trì cho quân đội Việt và quân đội Mỹ ở địa phương, một công việc quan trọng và lương cao đòi hỏi dưỡng phải di chuyển nhiều. Dưỡng luôn có xe hơi và trực thăng khi cần đến, và một lần, dưỡng còn cho chúng tôi leo lên một chiếc Chinook (chiếc trực thăng lớn của quân đội Mỹ có hai động cơ). Chuyến đi cho tôi cái nhìn đầu tiên về quê hương của mình từ trên cao, một cảnh tượng tôi không thể tin được! Tôi còn biết rằng dưỡng già hơn dì tôi rất rất nhiều – hơn 20 tuổi. Dưỡng có con riêng – đã trưởng thành từ cuộc hôn nhân trước ở Mỹ, trong đó có một người con trai tên Eddie trạc tuổi dì Thu. Tôi biết tất cả những điều này khi vợ của Eddie gửi cho chúng tôi một thùng chất đầy đồ của Mỹ, gồm quần áo mới cho hai đứa

chúng tôi. Khi cái thùng được giao tới, tôi là người duy nhất trong nhà đọc được thư.

Dù tôi rất nhớ gia đình tôi ở Nhà Gạch, tôi kết bạn với con gái chủ nhà, một cô gái xinh xắn lớn hơn tôi vài tuổi. Chúng tôi thường đi chợ cùng nhau, cố gắng phớt lờ đám con trai (khi họ nhìn chúng tôi) và cùng làm nhiều chuyện của con gái như chải đầu cho nhau, mua bán quần áo. Đặc biệt hơn cả, bạn mới của tôi là một học sinh rất thích đi học và thường chia sẻ niềm đam mê đọc sách với tôi.

Một trong những tình yêu lớn nhất của chị là nhà thơ nổi tiếng Hàn Mặc Tử, anh qua đời vì bệnh phong khi chưa tới 30 tuổi. Tác phẩm của anh xuất hiện trong làng thơ Việt suốt những năm 1920 – 1930 với giọng thơ của một chàng trai thất tình mắc phải căn bệnh không có thuốc chữa. Chúng tôi đã từng đến thăm mộ của anh ở gần đó. Cuộc đời ngắn ngủi của anh, cũng như tôi, điểm xuyết nhiều mất mát. Anh yêu một cô gái, nhưng lại không thể sống để cưới cô. Anh hy vọng được gặp lại cô trong một kiếp khác, và rất nhiều bài thơ của anh phản ánh điều này – số phận và hy vọng chất chứa nhiều khao khát không thể thỏa mãn. Tôi mê mẩn những tác phẩm của anh, mê vẻ đẹp trong từng lời thơ. Thơ của anh đã nói lên sự đau khổ, nỗi buồn và mất mát của tôi. Những khổ thơ chảy tràn ra như nước tưới trên bông hoa khô héo. Tôi và chị thường đọc lớn thơ của anh, lời thơ mang nhiều ý nghĩa hơn những bài hát chúng tôi nghe trên đài.

Một trong những đoạn thơ tôi thích nhất là:

Ai mua trăng tôi bán trăng cho

Trăng nằm im trên cành liễu đợi chờ

Ai mua trăng tôi bán trăng cho

Chẳng bán tình duyên ước hẹn hò

Những lời thơ này cũng như những dòng thơ khác nói lên những đau khổ trong cuộc đời tôi, sự đơn độc tôi cảm thấy dù đang trong một gia đình lớn, một thành phố lớn, nơi mọi người đang lo về mọi thứ trừ tôi ra. Những điều quan trọng nhất của tôi đều đã sớm mất đi trước khi tôi biết đến.



Dì Thu, Sissy (Vân) và Bubba (Hoàng)

Giữa mùa hè năm 1968, dựng Al đã thu xếp mọi việc ổn thỏa và sau nhiều bàn tính, chuẩn bị dời gia đình đến Philippines. Điểm đến của chúng tôi là San Pedro Cutud, một ngôi làng nhỏ có một nhà thờ Công giáo cũ. Nhà thờ này và buổi biểu diễn hằng năm tái hiện lại những vở Khổ Hình của Chúa^[3] là điểm duy nhất thu hút du khách du lịch địa phương. Ngôi làng này

gần một thị trấn lớn hơn, San Fernando, cách thủ đô Manila khoảng 100 cây số về phía tây bắc, và thị trấn này nằm kế cận cứ không quân Clark, một trong những trạm quân sự lớn nhất của Mỹ ở khu vực Thái Bình Dương. Tôi biết dưỡng Al mong muốn tìm một nơi an toàn hơn để ở, nhưng tôi lại không hiểu sao dưỡng lại cố tránh vỏ dừa để chọn phải vỏ dừa, trong khi tất cả bạn bè, họ hàng của dì Thu đang ở Việt Nam, còn dưỡng có một công việc tốt lương cao để đảm bảo tương lai trước mắt. Nhưng “người cha trên danh nghĩa” của tôi lại đang đuổi theo giấc mơ ấp ủ từ lâu. Nhiều thập kỷ trước, lúc còn phục vụ cho Hải quân Mỹ, dưỡng Al từng là đầu bếp trên tàu và đang tiến lên vị trí bếp trưởng. Dưỡng nấu ăn ngon, biết quản lý nhân viên và biết cách giao tiếp thân tình với người lạ – một kỹ năng quan trọng cho bất cứ ai trong ngành quản lý nhà hàng khách sạn. Dưỡng đang có kế hoạch mở một nhà hàng hạng sang và kiếm nhiều tiền.

Và thế là chúng tôi lên đường – ông bà Strauss cùng hai đứa con của họ, Sissy và Bubba.

Dù đây là lần đầu tiên tôi rời khỏi Việt Nam, nhưng Philippines không làm tôi mấy ngạc nhiên. Người ở đây vẫn trông giống như người châu Á, đủ để tôi cảm thấy như đang ở nhà (dù không tài nào hiểu nổi ngôn ngữ của họ), địa hình đồi núi và nhiều cây xanh, khá giống Việt Nam. Thành phố và làng mạc tập trung quanh khu vực hạ lưu dẫn đến những đồng bằng không khác gì những cánh đồng ở miền Nam. Điều thực sự làm tôi ngạc nhiên (ngoài sự sạch sẽ của các thành phố, ít nhất là so với Sài Gòn) là sự xa hoa của ngôi nhà mà dưỡng Al đã thuê. Trong khuôn viên hàng ngàn mét vuông, ngôi nhà là phiên bản Tây Ban Nha khi so với đồn điền kiểu Pháp ở Bình Dương, với

ban công lớn, hàng hiên rộng, những căn phòng với nội thất trang nhã để ngủ, ăn uống và giải trí, và căn bếp xúng tằm với một khách sạn lớn. Khi chúng tôi còn chưa dọn đồ ra thì dì Thu giới thiệu một người quản gia và một người giúp việc toàn thời gian, sống ngay trong nhà. Rõ ràng là dưỡng thấy việc không để dì Thu động tay động chân vào bất cứ chuyện gì là quan trọng. Cứ như thể chúng tôi đổi chỗ với chủ đồn điền người Pháp và người vợ xinh đẹp của ông ta, còn những người Philippines nghèo khổ này là Chiêu và Quế của riêng chúng tôi. Thật không thể tin được! Từ lúc này, mọi việc trở nên tốt đẹp hơn bao giờ hết.

Trong khi dì Thu không mấy quan tâm đến việc học của tôi, dưỡng Al lại muốn cho tôi đi học, còn tôi thấy chuyện này tốt thôi. Chủ yếu, dưỡng muốn tôi học tiếng Anh vì tiếng Việt của dưỡng gần như không tồn tại, thậm chí vợ dưỡng cũng phải giao tiếp với dưỡng bằng mấy câu tiếng bồi đơn giản và rất nhiều chỉ trỏ, quơ quào. Dưỡng tập trung hầu hết thời gian cho việc kinh doanh mới với một nhà hàng đẹp nhưng không có lời mà dưỡng mua lại có lẽ vì được giá. Dưỡng đổi tên nó thành “Albert’s” và tút tát lại theo phong cách Tây phương, phục vụ ẩm thực Mỹ, Trung Hoa và Philippines – dựa theo quốc tịch của các nhân viên và khẩu vị của các khách hàng mà dưỡng muốn thu hút từ tận thủ đô Manila.

Vào ngày đầu tiên đến trường, dì Thu – theo giấy tờ thì giờ là “mẹ” tôi – dúm một tờ một đô vào túi áo tôi.

“Dì không biết một đô thì đổi được bao nhiêu tiền Philippines,” dì nói, “nhưng chắc cũng đủ để cháu ăn trưa và quà vặt.”

Hóa ra, đồng đô-la Mỹ của tôi không chỉ đủ, mà còn làm tôi trở nên cực kỳ nổi tiếng trong số các học sinh và giáo viên, và họ rất sẵn lòng đổi tiền cho tôi. Tôi mang mấy đồng pesos chưa dùng đến về cho dì Thu, và dì rất vui vì cái khiếu kinh doanh từ hồi còn ở Việt Nam của tôi vẫn còn. Tôi tiếp tục làm dì hài lòng với đồng đồng pesos ngày càng nhiều, cho đến khi dì đi chợ và biết được tỉ giá đổi tiền. Dù vậy, cứ mỗi sáng, dì cho tôi một đồng đô-la, và mỗi ngày, tôi lại có thêm những người bạn mới, mua kẹo, kem từ hàng quán ở sân trường, rồi chỉ lên đồi về phía ngôi nhà mới to lớn của mình, hứa hẹn rằng ngày nào đó tôi sẽ mời tất cả họ đến dùng bữa và được người hầu riêng phục vụ tận răng. Thật tình thì tôi không hiểu vì sao “người Bắc” ở đất nước tôi lại ghét giới tư bản như vậy. Tiền không làm cho cuộc sống hoàn hảo nhưng nó chắn chắn làm những chuyện không tốt có phần bớt xấu hơn.

Rời sân chơi, mọi chuyện không được suôn sẻ cho lắm. Môn tiếng Anh chưa bao giờ dễ dàng mà quy tắc nào cũng có ngoại lệ. Tiếng Tagalog của người Philippines cũng chẳng dễ hơn, nhưng ít nhất tôi có thể thực hành với đầu bếp và nhân viên phục vụ ở nhà hàng. Dì Thu và Bubba, lúc này đã gần ba tuổi, lúc nào cũng ở đó. Tôi âm thầm ghen tị với họ. Việt Nam là một từ xấu xa đối với rất nhiều người ngoài đất nước của tôi, và không có ai – thầy cô, bạn học, giới chính quyền, hoặc những người xung quanh – thể hiện nỗ lực nhỏ nào để giúp tôi hoặc cảm thông cho những vấn đề của một kẻ nhập cư như tôi. Có vẻ như chỉ trong một đêm, tôi đã biến từ cô học trò giỏi giang ở trường dòng thành “con bé ngoại quốc” không biết bất cứ thứ gì từ máy nướng bánh mì đến bánh tortilla^[4]. Nhờ có mấy đồng đô-la được dì

phát đều đặn, tôi mới không trở thành một kẻ lạc loài. Giờ thì tôi có thể thấy được vì sao bà và dì Thu lại trọng một tấm chồng tốt hơn thú vui sách vở. Ngôn từ và hình ảnh có ý nghĩa gì khi bị phủ trùm trong lịch sử và văn hóa của người khác? Những gì tôi muốn bây giờ là được chơi mỗi ngày vài tiếng với Bubba, đưa thực đơn và mỉm cười lịch sự với khách hàng trong chiếc áo dài kiểu con gái thành thị.

Sau một tháng học ở trường, tôi bỏ học. Là là dưỡng chẳng quan tâm lắm đến chuyện này, miễn là tôi tiếp tục học tiếng Anh từ người giúp việc trong nhà, người trong làng và người ở nhà hàng. Như ở trường, tôi đều phải học mỗi ngày và phải rèn luyện khả năng kinh doanh của mình nữa.



Dưỡng Al và dì Thu bên quầy tính tiền ở nhà hàng Albert's ở Philippines

Dưỡng bắt đầu kết nạp tôi vào đội ngũ ở nhà hàng. Tôi không tiếp khách, cũng không phục vụ bàn, mà phải đóng dấu tên của nhà hàng lên đầu thẻ gọi món được in sẵn, chất đồ lên kệ bếp và

dưới quây tính tiền. Nhà hàng có thể chứa khoảng 40 khách với 10 cái bàn phủ khăn trắng. Tôi thật sự thích ánh sáng rọi vào từ những ô cửa kính trang trí mặt trước nhà hàng. Những lúc vắng khách tôi thường đứng nghe cô phục vụ người Trung Quốc phàn nàn về cách bố trí rất không hợp phong thủy của nhà hàng nhưng tôi lại thấy lối đi thẳng tắp từ cửa sau ra cửa trước thuận tiện cho việc đưa đồ ăn từ nhà bếp lên đến tận cái bàn xa nhất ở cửa trước. Trong góc khuất là một nhà vệ sinh kiểu châu Âu ở một bên và phòng nghỉ cho nhân viên ở bên còn lại. Có hẳn một gian nhà bên ngoài để rửa chén đĩa, xoong nồi, còn việc giặt giũ sẽ được thực hiện ở sân sau gần cái tủ lạnh lớn, sau đó là cái chuồng nhốt gà vịt. Đối với tôi, nhìn chung, đây là một nơi đẹp. Và không lâu sau, dân địa phương và người ở những nơi khác cũng có cùng quan điểm với tôi, bao gồm người ở căn cứ không quân Clark, họ bắt đầu lũ lượt kéo đến để thưởng thức đồ ăn ngon, thêm nữa, họ thích ý tưởng một người Mỹ vừa điều hành chuyện kinh doanh vừa đứng đón tiếp khách.

Đứng đầu các nhân viên đa quốc tịch của dưỡng Al là một đầu bếp người Philippines, ông điều hành căn bếp với chỉ một phụ tá. Dì Thu, tuy không xa lạ gì chuyện phải nấu cho nhiều người cùng một lúc, cũng phải thán phục tài của ông ấy khi ông có thể nấu ra những món ăn ngon cực kỳ dù cho nhà hàng đông như thế nào đi nữa. Trong những lúc cao điểm, dưỡng Al thường xung phong giúp một tay nhưng người đầu bếp thường đuổi dưỡng ra, tuyên bố rõ là chủ phải trả lương còn đầu bếp phải nấu ăn, chấm hết. Người quản gia kiêm tài xế khoảng hai mươi mấy tuổi cũng tham gia vào, chuẩn bị thức ăn và cho thức ăn vào đĩa nhưng không bao giờ nấu. Tôi được phép đứng xem khi

làm xong nhiệm vụ của mình, và người đầu bếp có vẻ yêu quý tôi. Ông vừa nấu, vừa giải thích cho tôi biết cách nấu, và khi nhân viên ăn bữa ăn trong ca làm, ông thường nấu một món truyền thống Philippines gọi là *pancit* cho tôi (gồm thịt, rau và mì xào).

Khi đứng trong một “căn bếp gia đình,” tôi lại nhớ bà, anh Quang, và em Thủy hơn nữa. Dù xung quanh tôi ngập tràn những thứ mới mẻ, những gương mặt mới, nhưng họ luôn xuất hiện trong tâm trí tôi.

Một trong những gương mặt mới là em gái hàng xóm tên Alice, tên gọi ngắn của Alicia. Em nhỏ hơn tôi một hai tuổi gì đó, mắt xanh với suối tóc vàng gần như màu bạch kim. Em thân thiện và tò mò, và em đã bắt chuyện với tôi trước, khi em đứng bên ngoài cổng căn biệt thự của chúng tôi, nơi em đã chờ đợi, có lẽ rất mỗi mòn để có bạn cùng chơi, giống như mấy đứa trẻ khác trong cộng đồng nhập cư gần như bị cô lập này. Tôi đang trông coi Bubba thì em mời chúng tôi đến nhà, và anh của Alice hình như cũng rất thèm có bạn để trò chuyện. Chúng tôi xin phép đi Thu sang nhà bạn hàng xóm chơi, và từ đó, chúng tôi bắt đầu một thói quen kéo dài suốt thời gian sống ở Philippines – Alice gọi chúng tôi ở cổng và chúng tôi ở lại nhà em cả ngày, căn nhà em ít nhất cũng to như nhà chúng tôi vậy. Đây cũng là cơ hội tuyệt vời để tôi thực hành “thứ tiếng Anh bếp núc” của mình, còn Alice (và mẹ em) trở thành những người nghe và những giáo viên rất kiên nhẫn.

Chuyến viếng thăm đầu tiên của chúng tôi bắt đầu bằng việc giới thiệu với mẹ em – một quý cô người Mỹ hiện đại, kiểu người tôi chưa từng gặp lại sau những buổi chúng tôi tiếp đãi đồng

nghiệp của dượng Al ở Quy Nhơn. Cô cho chúng tôi uống sữa và ăn bánh quy, rồi Alice lôi chúng tôi lên lầu để khoe phòng ngủ của mình, phòng của anh trai, và “phòng đồ chơi” – một phòng dành hẳn để chứa đồ chơi. Thật ra, tôi thường nhìn thấy những căn phòng lộn xộn hồi còn ở Việt Nam – hầu hết là những căn nhà lá hoặc những ngôi nhà xi măng, nơi có những người nhặt nhêm nhựa nhồi nhét những đồ rác rưởi mà họ nhặt được từ bãi rác này đến thùng rác khác để bán lại hay để đổi chác – nhưng tôi chưa bao giờ thấy một căn phòng nào chứa đầy đồ chơi, và đầy ắp đến nỗi Alice phải gạt đồ sang một bên để có lối cho tôi bước đến những thứ hấp dẫn nhất: một con ngựa gỗ bập bênh, một căn nhà búp bê lớn rộng đến nỗi tôi có thể ngủ trong đó, và một cái hộp gỗ đổ tràn ra nhiều thứ khác như chiếc rương cất kho báu của cướp biển.

Nhưng đồ chơi tuyệt vời nhất (tôi hẳn đã không gọi như thế nếu Alice không cho là thế) là một cái máy may với đầy đủ chức năng mà thậm chí bà ngoại cũng mong ước có được. Cái máy may này màu hồng và vàng với hộp chỉ bằng nhựa và chỉ đủ lớn để may quần áo búp bê – Alice có hẳn một tủ đầy đồ em đã may và em lôi ra cho tôi xem. Em hỏi tôi có muốn may gì đó với cái máy may tuyệt vời của mình không, tôi trả lời “Có, có, có chứ!” và đó là cách chúng tôi chơi hàng giờ trong những lần tôi đến. Cũng may cho Bubba là anh trai của Alice cũng có rất nhiều đồ chơi, và nếu mẹ của Alice không đếm đầu người trước khi chúng tôi về nhà thì Bubba đã lạc trong đám gạch xếp hình và thú nhồi bông.

Một khuôn mặt mới nữa là một sĩ quan Không quân Mỹ sống với chúng tôi một thời gian. Chú là khách hàng thường xuyên

của nhà hàng, và tôi nghĩ dưỡng quen chú hồi còn ở Việt Nam. Tên chú là Ben, và khi chú dọn đến ở trong căn phòng dành cho khách, chú mang theo một bức chân dung khổng lồ hình một người phụ nữ Việt Nam rất đẹp, tóc dài, mặc áo dài màu xanh dương. Đây hẳn là người đã từng rất gần gũi với chú Ben. Thỉnh thoảng, chú nói chuyện với bức hình – trình độ tiếng Việt của chú rất dở còn khả năng tiếng Anh của tôi thì có hạn nên tôi không hiểu được ý nghĩa của những màn độc thoại đó. Có lẽ chỉ vài tuần sau khi chú chuyển đến đây, chú có kể với tôi rằng cô là người phụ nữ mà ngày nào đó, khi trở lại Việt Nam, chú sẽ cưới làm vợ. Ít nhất là theo quan điểm của tôi, chú Ben giữ danh tiếng của những người lính Mỹ sạch sẽ, bằng cách luôn đối xử tốt với tôi và luôn là vị khách ý tứ, biết quan tâm.

Nói tóm lại, tất cả chúng tôi đều yên ổn trong cuộc sống mới, có lẽ ngoại trừ Bubba, như những đứa nhỏ khác, cần nhiều thời gian hơn để thích nghi và thi thoảng để lại dấu vết của sự không thoải mái này. Từ khi đến ở biệt thự, chúng tôi ngủ cùng nhau trên cùng một giường, dù rằng trong nhà có giường đôi và, có Chúa chứng giám, vẫn còn nhiều phòng để chúng tôi ngủ riêng. Nhưng tôi là gương mặt thân quen nhất của em và từ khi nghỉ học, tôi tiếp tục công việc bảo mẫu của mình. Thường thì em là một đứa trẻ vui vẻ nhưng lại dễ bất an khi bị bỏ lại một mình, vì vậy nên chúng tôi càng gần gũi nhau và tôi gợi cho em nhớ về Việt Nam thì em càng thích.

Một lần nọ, chẳng bao lâu sau khi chúng tôi dọn đến, tôi bị đánh thức lúc nửa đêm bởi cảm giác ẩm ướt ẩm nóng dưới lưng. Thường thì Bubba không phải là một đứa đái dầm, nhưng có thể những sự thay đổi làm em như vậy. Tôi rất bức nhưng đó không

phải là lần đầu tiên hay là lần cuối cùng tôi thức dậy lúc nửa đêm để đóng vai một người mẹ. Tôi lau người cho hai chúng tôi, thay quần áo và đặt Bubba nằm trên cái giường còn lại. Em ngủ say như chết khi vừa đặt lưng lên tấm nệm sạch. May cho em! Tôi đã thay tấm trải giường dơ nhưng nệm vẫn còn ướm nên tôi leo qua giường em để ngủ tiếp. Sáng hôm sau, khi tôi kể cho dì Thu nghe, dì giận dữ cáo buộc là tôi đã đái dầm trên giường (chúng tôi đã ngủ trên giường của tôi) lại còn đổ lỗi cho “hoàng tử” bé bỏng của dì. Khi dì quay qua Bubba hỏi ai đã đái dầm, em phụng phịu và chỉ tôi. Dì Thu giơ hai tay lên và tát tôi một cái đau điếng vào đầu. Khi dì kéo tấm nệm ướm ra khỏi giường tôi, Bubba khúc khích che miệng cười, rồi chạy mất. Tôi biết đây là trận chiến dù đấu kiểu nào tôi cũng thua nên tôi im lặng và giúp dì Thu kéo tấm nệm xuống nhà cho người giúp việc giặt. Sau việc này, tôi luôn đặt em nằm trên giường của em, dù vậy nhiều đêm, em chờ cho tôi ngủ rồi qua nằm cạnh tôi, kiểu của gia đình Việt Nam. Sẽ có nhiều tập đái dầm nữa tiếp diễn nhưng những lần sau chúng tôi tự mình xử lí mà không nói với dì Thu.

* * *

Tháng 12 năm 1968, khi tôi khoảng tám tuổi, Bubba và tôi trải qua “Giáng Sinh Mỹ” đầu tiên – và đó là một trải nghiệm đẹp đẽ.

Dượng Al đã thuê thợ mộc làm một cái thiệp Giáng Sinh khổng lồ (ít nhất ngang một mét rưỡi, dài một mét), thuê họa sĩ vẽ Bubba và tôi đang đứng kế bên cây thông ở bên trong. Rồi dượng treo tấm thiệp lên mái nhà hàng và chiếu đèn pha vào.

Cùng với tấm thiệp là một cây thông thật trưng bên trong nhà hàng, được trang trí và giăng đèn theo kiểu truyền thống, tạo thành khung cảnh lễ hội từng bừng rất đáng nhớ. Dưới gốc cây, dựng đặt những gói quà cho mỗi nhân viên – mỗi món quà có một tấm thiệp cùng tiền thưởng bên trong và một hộp sô-cô-la để họ cùng ăn với gia đình. Hẳn là trong số nhân viên cũng có một vài người theo đạo Phật nhưng tất cả mọi người đều rất vui vẻ với món quà này.

Ở nhà, chúng tôi trang trí một cây thông khác, lớn hơn cây ở nhà hàng, và cùng mở quà trong buổi sáng ngày Giáng Sinh. Bubba nhận được cái máy cày đồ chơi rất lớn giống chiếc mà em đã chơi muốn mòn ở nhà Alice. Tôi nhận được bộ đồ nấu ăn nhỏ – nồi, chảo nấu nướng cỡ trẻ em và các đồ dùng theo phong cách phương Tây mà tôi ao ước có được từ khi sống tại Nhà Gạch. Tôi không nhớ dựng Al tặng gì cho dì Thu nhưng từ những lời xuýt xoa trầm trồ của dì, tôi đoán chắc là quần áo đẹp hoặc trang sức đắt tiền. Dựng Al là một ông già Noel hào phóng, và rõ ràng là dựng muốn Giáng Sinh kiểu Mỹ đầu tiên của chúng tôi thật đáng nhớ.

Khi kỳ lễ kết thúc, dựng dời tấm thiệp về sân sau nhà chúng tôi và để nó ở đó như vật trang trí bãi cỏ. Khi ăn sáng, chúng tôi thường ngắm nhìn nó từ cửa sổ và chơi chung quanh nó hầu như cả buổi chiều cho đến khi mưa nắng làm tróc lớp sơn vẽ khuôn mặt của chúng tôi và làm mấy miếng gỗ sút ra. Dù không còn dùng nữa nhưng tôi nghĩ tấm thiệp đó là một điều tuyệt vời.

Tất nhiên, không có gì kéo dài mãi mãi, và hạnh phúc có thể biến thành nỗi khổ đau chỉ trong một chớp mắt.

* * *

Vào mùa hè năm 1969, nhà hàng của dưỡng Al trở thành tâm điểm của khu vực San Fernando. Những yếu nhân từ những huyện lỵ gần đó thường xuyên đến nhà hàng Albert's để dùng bữa với khách khứa, bạn bè và thuộc cấp. Thị trưởng của San Pedro coi đó là chốn quen thuộc để qua lại, làm ăn, hứa hẹn, hay làm bất cứ những điều mà các chính khách hay làm. Dưỡng Al không hẳn là bạn bè của ông ta, cũng không phải là người quan tâm đến chính trị, nhưng ngài thị trưởng thường đến cùng đoàn tùy tùng, và những người thường lại hay theo sau chỉ để xem người nổi tiếng.

Một buổi tối, khi dì Thu đang dò sổ đặt chỗ, còn Bubba và tôi thì lẩn quẩn ở sau quầy (Bubba nằm trên sàn để chơi còn tôi đóng dấu), ông thị trưởng và bạn bè của ông đi vào và ngồi vào mấy cái bàn. Họ ngồi ở những vị trí quen thuộc bên phải lối vào trước mấy cửa sổ bằng kính để những người bầu cho họ có thể vẫy tay chào khi đi qua. Nhanh như chớp, một chiếc xe hơi dừng lại, đậu trái phép trước nhà hàng, mấy gã đàn ông mà chúng tôi chưa thấy bao giờ nhảy ra, mặt mũi đờ đờ sát khí. Chúng xông vào trong, lôi ra những khẩu tiểu liên, không nói không rằng xả súng vào ông thị trưởng và bạn bè của ông. Dưỡng Al, đang đứng gần khu phục vụ liền nhảy qua quầy, kéo dì Thu và hai đứa tôi nằm sát nền, dùng thân mình che chắn cho chúng tôi. Những tràn súng nổ ra đình tai nhức óc. Nằm bên dưới người dưỡng, mùi mồ hôi của dưỡng cùng nỗi sợ hãi của chúng tôi làm tôi nhớ đến chuyện ở Hồng Ngự, nhưng tôi vẫn bình

tĩnh và mở to mắt. Cũng nhanh như lúc bắt đầu, trận xả súng kết thúc, đám người đó chạy ra ngoài, leo lên xe, phóng đi khỏi.

Im lặng, rồi có tiếng rên rĩ và tiếng kính vỡ. Bàn ghế bắt đầu dịch chuyển khi những người còn sống lồm ngồm bò dậy từ chỗ nấp.

Tôi lén nhìn qua mặt quây, qua màn khói tím của thuốc súng để nhìn máu bắn tung tóe, lỗ đạn và cảnh tàn sát quá đỗi quen thuộc. Tôi cảm thấy như thể mình đang bò ra khỏi căn hầm ở Hồng Ngự một lần nữa, hay đứng trước cửa Nhà Gạch buổi sáng ngày Tết Mậu Thân. Mọi thứ đều hỗn độn. Người bị thương đang than khóc, còn người chết đang làm những gì người chết luôn làm... nằm im trên vũng máu của mình. Một con sóng dữ nữa.

Dượng Al lập tức tập trung nhân viên lại, kiểm tra thiệt hại rồi cố gắng giúp đỡ những khách bị thương trong khi một người hầu bàn gọi cảnh sát. Ông thị trưởng và bạn bè đều chết cả, họ nằm vất vưởng trên ghế hoặc nằm một đống trên bàn; vài người sụp xuống một cách kỳ cục trên nền khi dượng Al cố giúp họ, mở hỗn độn thịt và da người như những người lính ở Hồng Ngự hoặc những nạn nhân trước cửa nhà chúng tôi vào Tết năm đó. Tôi đã hy vọng tôi sẽ không bao giờ nhìn thấy cảnh tượng này nữa – một đứa con nít chín tuổi với “ba ngôi sao chiến trận” xứng đáng được nghỉ ngơi – nhưng số phận lại có ý khác. Chuyện khủng khiếp nhất trong những chuyện khủng khiếp là khi bạn nhận ra điều đó thì nó đã trở nên quen thuộc, như một người bạn cũ.



Băng đảng xả súng ở nhà hàng Albert's

Sau vài phút mà như hàng tiếng đồng hồ, xe cảnh sát bao vây nhà hàng, ánh đèn xanh nháy sáng, rồi những người mặc cảnh phục lũ lượt ập vào nhà hàng, lăm le súng ống trên tay. Khi chắc chắn trận chiến đã kết thúc, họ bắt đầu nhiệm vụ, nhưng không ai được phép rời khỏi cho đến khi thẩm vấn xong và chuyên gia chụp ảnh, chuyên viên kỹ thuật xong việc, rồi những cái xác được kéo đi. Dì Thu và hai đứa tôi về nhà lúc nửa đêm, còn dựng Al thì phải đến sáng mới về tới, sau khi lo toan mọi việc. Dựng phải đóng cửa nhà hàng ít nhất là cho đến khi cuộc điều tra kết thúc. Thám tử nói có thể mất cả tháng.

Suốt thời gian đó, dựng Al sửa chữa lại bên trong và lên kế hoạch cho ngày khai trương lại, nhưng chuyện này không thể xảy ra. Dì Thu dậm chân dậm cẳng, tuyên bố rằng dì không muốn tránh cuộc chiến này để rước vào cuộc chiến khác. Dì và dựng tranh cãi liệu việc kinh doanh có thể nào an toàn ở một

đất nước thối nát như ở đây không. Đúng vậy, Việt Nam cũng tồi tệ, dì nói, nhưng ít nhất ở đó chúng tôi còn có sự hỗ trợ của một gia đình lớn, và có họ hàng làm việc trong sở cảnh sát cùng các lực lượng quân đội vũ trang. Như đám chuột nhắt trong rừng, chúng tôi biết cách tìm thấy những nơi nhỏ và đào sâu để trốn tránh kẻ thù rình rập.

Cuối cùng, dưỡng Al từ bỏ giấc mơ của mình, dưỡng thông báo với chủ biệt thự và rao bán Albert's. Khi người mua còn nhìn tới ngó lui và đám môi giới còn kéo nài thì dưỡng Al đã nhận việc với công ty Pacific Architect and Engineering, một công ty Mỹ có trụ sở tại Los Angeles nhưng vận hành khắp thế giới. Không phải bởi tình cờ mà theo nguyện vọng của dưỡng Al và đòi hỏi của dì Thu, công việc đầu tiên của dưỡng là giám sát kỹ thuật ở Nha Trang, một làng ven biển ở Việt Nam. Tôi không buồn khi phải rời Philippines. Tôi biết tôi sẽ nhớ Alice và căn nhà đẹp của mình, nhưng dù có chiến tranh hay điều gì khác, Việt Nam vẫn là cuộc sống của tôi. Ít nhất là ở đó, tôi được sống với bà ngoại, anh trai và em gái tôi.

Chương 8

TRONG HANG HÙM – 1969

Ngay cả chiến binh cũng cần nghỉ ngơi thư giãn, và đối với những người lính Mỹ, Nha Trang là nơi tuyệt vời với bãi biển rộng lớn óng ả, những cơn sóng vỗ rì rào, không khí biển mát lành từ biển Đông. Đó là điểm đến của chúng tôi, nhưng trước khi đến Nha Trang, chúng tôi phải tạm về nhà để đón những thành viên còn lại ở Phú Nhuận.

Bà ngoại vẫn không thay đổi một chút nào. Anh Quang thì cao hơn và trông có vẻ khỏe khoắn. Em Thủy vẫn bám dính lấy đầu gối của bà, hoặc trốn trong đồ đạc hoặc cây cối nhưng ngay khi biết chúng tôi đã ở trước cửa, em không còn nhát nữa và chào đón chị của em trở về. Thật tốt quá! Hoàng và tôi trở thành những người khách nhiều chuyện trong khi dưỡng Al và dì Thu đi săn nhà ở Nha Trang. Thêm một năm nữa và một căn nhà khác! Có lẽ chúng tôi sẽ may mắn thuê được căn biệt thự với hàng xóm hào phóng như Alice – mà không có máu và đạn – nhưng tôi cũng không dám tin lắm. Những gì tôi tin là, lần đầu tiên trong năm năm sau khi Ba Mẹ mất, tất cả con cái của Ba Mẹ tôi sẽ ở cùng một nơi. Bà rất vui. Lúc đó đang là giữa hè nhưng chúng tôi có cảm giác như thể đang trong mấy ngày Tết.

Cuối tháng Sáu, dưỡng Al và dì Thu thuê một căn nhà hai tầng gần bãi biển. Nhà đủ rộng cho tất cả mọi người nên chúng tôi giúp bà, em Thủy và anh Quang dọn đi để bác Chiêu và bác

Quê dọn về ở hẳn tại Nhà Gạch – một sự đoàn tụ mà tôi và Thủy không buồn nhớ tới.

Ngôi nhà ở Nha Trang đối mặt với con đường huyết mạch vào Sài Gòn, vì vậy mặc dù sống gần biển nhưng chúng tôi vẫn cảm thấy như thể đang sống ở thành phố. Dân tình và lính tráng thường xuyên kéo đến đây, và ở đâu có người qua lại thì ở đó hàng quán, khách khứa tấp nập. Mọi người lũ lượt kéo đến hoặc rời đi. Một số như những linh hồn lạc lối, chỉ tạt ngang qua, chào bán thứ này thứ kia, gõ cửa nhà bạn chỉ để tìm kiếm người thân hay để xin ăn. Ngoài không khí biển mát lành, điều tốt đẹp nhất khi ở đây là lần đầu tiên trong năm, bà ngoại không còn lo lắng tìm cái ăn cái mặc cho đám cháu của mình – hay không cần phải bảo vệ chúng tôi khỏi chiến tranh tàn bạo. Vì dưỡng Al được người Mỹ trả lương rất hậu, dưỡng có thể thuê một người giúp việc và một đầu bếp, và dì Thu lại làm bà chủ như hồi dì có người ăn kẻ ở bên Philippines.

Bà ngoại lại có cơ hội đóng vai phụ nhân quyền quý, để người khác phục vụ mình. Bà vui vầy với con cháu thay vì phải phục vụ chúng. Đổi lại, chúng tôi có một người bà đủ thư thả để dạy cho chúng tôi điều này điều kia ngoài kỹ năng biến thức ăn đủ nấu một bữa thành một tuần hay kỹ năng sống sót trên đường phố. Bà dạy chúng tôi về lễ nghĩa cũng như sự chịu đựng, biết quan tâm chăm sóc người khác cũng như biết chăm lo cho bản thân mình, và biết ơn công lao của những người đã giúp mình. Bà là một người phụ nữ chu đáo và giỏi giang.

Do ở rất gần một căn cứ Mỹ khác nên dưỡng Al thường mang về cho chúng tôi những thứ như táo Washington, cam Florida hay bưởi từ vùng Tây Nam mà dưỡng có thể dễ dàng lấy được ở

một nơi gọi là “Exchange”^[5] hay ở phòng ăn nơi dựng kết bạn với người quản lý phục vụ. Và đôi khi kết quả của tình bạn thân thiết ấy của dựng là số trái cây thừa mùa chúng tôi ăn không hết, vì vậy chúng tôi thường đem chia cho những người hàng xóm và cả gia đình chủ nhà. Chúng tôi rất vui với cách giải quyết này và dĩ nhiên họ cũng vậy. Đây chỉ là những hành động nhỏ nhưng những chuyện lặt vặt trong cuộc sống mà chúng tôi làm cho nhau cũng thể hiện tình làng nghĩa xóm và đẩy bật đi những hoài nghi chính trị. Tuy nhiên, bên ngoài chốn đây, thế giới là một nơi khác biệt.

Tôi nghĩ dì Thu sẽ cho những đứa trẻ lớn chúng tôi đi học ở một trường công gần nhất, nhưng không như thế. Tôi không hỏi lý do – một phần vì tôi vẫn còn nhớ kinh nghiệm đau thương của mình ở Philippines, và phần nữa là vì ba mẹ luôn là người ra quyết định. Chẳng ích gì khi cố đoán ý người lớn. Nhưng hóa ra lý do thật sự còn phức tạp hơn sự thờ ơ thường thấy của dì đối với chuyện học hành. Đầu tiên, công việc ở công ty của dựng Al chỉ là tạm thời, vì vậy chúng tôi chỉ thuê nhà trả theo tháng, nếu chúng tôi ghi danh đi học và phải rời khỏi ngay lúc mới bắt đầu thì cũng không được lợi lộc gì. Quan trọng hơn thảy, mặc dù Nha Trang là một điểm nổi tiếng về R&R^[6] nhưng cuộc chiến đang đến gần. Đêm đến, những tiếng nổ ở đằng xa và tiếng súng thì thoảng vọng lại phá ngang giấc ngủ của chúng tôi, và dù chưa có cuộc đánh nhau hay cướp bóc nào diễn ra trong thành phố, người lớn cũng thường giữ lũ trẻ quanh gần bên. Chúng tôi chỉ được phép chơi trong nhà hoặc ở nhà hàng xóm sát bên và không bao giờ được phép ra ngoài bãi biển nếu không có người lớn đi kèm. Những chuyến phiêu lưu với biển xanh cát

trắng chỉ được thực hiện vào cuối tuần khi dựng Al và bè bạn nam giới của dựng có thể đi cùng chúng tôi. Những chuyến tham quan này thường biến thành bữa tiệc bãi biển hoành tráng với thịt nướng ngoài trời, bia và nước ngọt. Trong một bữa tiệc như vậy, tôi đã thử uống nước ngọt có ga – một lon Dr Pepper. Vị ngọt và ga lên tới não khiến tôi không nuốt nổi, nhưng cũng giả vờ như ngon lắm. Khi không ai để ý, tôi đổ cả lon nước xuống cát. Anh Quang thì cực giỏi chuyện uống nước ngọt, anh thường ợ to để chúng tôi cười lớn, nhưng đó là mùi vị và một khả năng tôi không đời nào học được.

Việc không đến trường, có nhiều thời gian rảnh, cộng thêm bị nhốt cả ngày trong nhà đã khiến cả lũ nhàn cư chúng tôi bất thiện. Anh Quang và tôi thường là những đứa đầu têu, với em Hoàng phụ tá. Khi vừa đến ở chẳng bao lâu, em dùng cây ná dựng Al cho để bắn vào cửa kính của một cửa hàng bên kia đường. Dì Thu bồi thường cho người chủ tiệm và tịch thu luôn vũ khí, nghiêm khắc bảo chúng tôi phải ngoan. Nếu chàng hoàng tử thương yêu của dì có thể hành động đại dột như vậy thì lũ nghịch như quỷ chúng tôi có thể làm được những trò gì nữa? Dì chẳng cần đợi lâu để biết được.

Đám chúng tôi thường phải ngủ trưa ở phòng ngủ trên lầu. Như những đứa con ngoan ngoãn, sau bữa trưa chúng tôi lũ lượt kéo lên lầu và chờ cho đến khi người lớn bận rộn, anh Quang và tôi bày ra trò gì đó để chơi. Sự lựa chọn đầu tiên của chúng tôi là ra ngoài ban công nhìn người qua lại, ném trái cây hư vào xe cộ trên đường – một trò đại dột, tôi biết chứ, nhưng với những đứa nhỏ đang rảnh rỗi mà không biết làm gì, những phép tắc được lập ra là để phá bỏ, như những tấm cửa kính vậy.

Giờ trưa luôn là lúc đông người qua lại nhất, và một ngày nọ, chúng tôi thấy vài học sinh lớp lớn đang đi bộ đến buổi học chiều. Chúng tôi đang có mấy quả táo hư mềm nhũn từ số trái cây dư thừa mang về tuần trước, nên chúng tôi thấy ngay cơ hội của mình. Đi đầu trong nhóm học sinh là một nữ sinh cấp ba xinh xắn, chị mặc một chiếc áo dài trắng và đội nón lá.



Luyện tập bắn trúng mục tiêu - Nha Trang

“Anh ném trước,” tôi khiêu khích anh Quang.

Những nữ sinh này đang đi ngay bên dưới chúng tôi thì anh Quang đột ngột nói, “Không, em trước.”

Vì thế, khi tấm lưng của chị nữ sinh này trong tầm ngắm, tôi ném mạnh, không nghĩ sẽ trúng. Thay vào đó, cú ném đầu tiên của tôi rơi bẹp vào vành nón lá, táo thối bắn tung tóe xuống áo dài của chị.

Trong một khắc, tôi bụm miệng cười rồi đắc ý đánh vào cánh tay anh Quang một cái, nhưng anh đã nằm sát xuống nền vì hàng chục con mắt đang ngược lên, nhìn về hướng của chúng tôi. Tôi cũng nằm rạp xuống sàn.

Chuyện xảy ra tiếp theo cũng tồi tệ như việc phải chờ cho bom đạn ngừng vào Tết năm đó. Nạn nhân không la hét. Chị không chửi mắng cũng không bắt tôi phải lộ diện để đánh cho một trận. Chị chỉ tức tưởi khóc trong vòng tay của mấy người bạn đang cố gắng an ủi chị. Rõ ràng đây là một ngày đến trường quan trọng, buộc phải mặc áo dài, và tôi vừa mới làm dơ nó. Tôi nghe thấy chị quay ngược trở lại, trong khi bạn bè mình thì chạy vội đi vì không muốn trễ học. Tôi không biết chị là ai hay ngày đặc biệt tôi vừa phá hoại là ngày gì, nhưng tôi cảm thấy mình hự hổng còn hơn trái táo hự trên vệ đường. Tôi đã biết về quả báo từ người bạn cũ – Trúc – khi tôi vẫn còn đeo mẩu vải đen và được người mẹ tốt bụng của bạn cho ăn trưa. Tôi đang tự hỏi số phận sẽ làm gì tôi với trò đùa hèn nhát và ngu xuẩn này. Rồi, tôi nhớ lại số phận may rủi kỳ lạ trước kia của mình, tôi quyết định rằng tốt nhất là không nên biết trước.

Việc bị nhốt trong nhà cũng có mặt sáng của nó. Tôi có thời gian để học nấu nướng từ dì Thu, và đặc biệt là từ bà ngoại. Dượng Al thích thịt nướng nên dì hay giao cho tôi nhiệm vụ làm nước chấm. Dì chỉ cho tôi cách thái mỏng thịt heo, thịt gà, nêm vào chút nước mắm, rắc vào ít đường và các gia vị khác. Tôi biết bí mật của thịt xiên nướng là xiên những miếng thịt nhỏ vào que thật vừa đủ để chúng chín đều. Mặc dù dì hiếm khi hài lòng với bất cứ việc gì tôi làm nhưng bếp trưởng Al lại thích và không phản đối, đó mới là điều quan trọng nhất.

* * *

Ở Nha Trang, sống theo lối sống trung lưu thoải mái là điều gì đó mới mẻ và khác lạ mà thậm chí giờ đây khi nhớ lại, tôi vẫn có cảm giác không thực và gần giống như được sống ở một thế giới khác. Ở đó, tôi bắt đầu một mối tình dài lâu với những bãi biển, trò lướt sóng, và những cơn gió biển mát lành. Kể từ khi Mẹ mất tới giờ, đây là lần đầu tiên tôi thấy bà ngoại tươi cười vui vẻ và mãn nguyện với cuộc sống. Đây là khoảng thời gian nghỉ ngơi xứng đáng cho bà vì bà đã trải qua những năm dài khó khăn, hiểm nguy và đáng sợ. Không ai trong chúng tôi bị đói và chúng tôi không bị tác động bởi nỗi sợ hay chiến tranh. Trong lúc này đây, cuộc đời thật tốt đẹp biết bao!

* * *

Năm 1970, sáu tháng sau khi đến Nha Trang, chúng tôi rời khỏi đó. Công ty của dượng Al chuyển dượng đến căn cứ Mỹ lớn nhất ở Việt Nam – Long Bình Biên Hòa, hoặc gọi ngắn là Long Biên theo như các lính Mỹ vẫn thường gọi – cách Sài Gòn hơn 30 cây số. So với Nha Trang thì đây là một nơi ồn ào, náo nhiệt và rất gần với Đô thành, tất cả chúng tôi đều hít một hơi thật sâu, chuẩn bị tinh thần để trở về với thế giới của chiến tranh và lo âu.

Ngôi nhà chúng tôi thuê nằm trong khu dân cư ở Thủ Đức, cách đại lộ chính một khu nhà nên không quá ồn ào, nhưng dượng Al phải mất ba mươi phút mới tới được chỗ làm. Ngôi nhà này nhỏ hơn nhà ở Nha Trang nên bà ngoại, em Thủy và tôi phải cùng ngủ trong một phòng. Bubba và anh Quang ở một phòng khác, còn dượng Al và dì Thu ở phòng còn lại. Dù nhà được xây theo kiểu khác nhưng ít nhất chúng tôi cũng có phòng tắm trong nhà nên rất biết ơn vì điều này. Dù gì thì những đại gia đình người Việt rất giỏi trong chuyện dùng chung phòng tắm hay nhà vệ sinh.

Chúng tôi dọn đến Thủ Đức cũng là lúc học kỳ mới bắt đầu, và vì dượng Al có ý định sẽ ở đây lâu dài nên tôi hỏi dì Thu về chuyện đi học. Dì giảng cho tôi một bài, nói rằng chuyện học thức của con gái chẳng liên quan gì đến “con đường làm mẹ,” và ngoài ra, với việc lưu trữ sổ sách cầu thả của chính quyền thời đó cộng với giấy tờ khai sinh lộn xộn của chúng tôi, làm sao người ta biết được chúng tôi thuộc cấp lớp nào. Thế là không ai đảm động đến chuyện đi học nữa, cho đến một ngày nọ, cậu Hải đến.

Vì Thủ Đức cách trạm Hải quân của cậu không xa nên cậu là

người họ hàng đầu tiên ghé thăm chúng tôi. Cậu nhắc dì Thu nhớ rằng Mẹ tôi rất coi trọng việc giáo dục cho con gái và nếu dì Thu và dượng Al không thể nuôi chúng tôi như mong muốn của Mẹ thì họ nên đưa chúng tôi vào trại trẻ mồ côi để chúng tôi còn được đi học. Với sự hậu thuẫn của bà ngoại, dì Thu cũng nhượng bộ và đưa chúng tôi đến một trường dòng cách nhà khoảng nửa tiếng đi bộ. Khi chúng tôi trở về, tôi được nhận vào lớp Ba, anh Quang lớp Năm, còn em Thủy lớp Một. Tuy “con đường làm mẹ” không hẳn bị đẩy lùi, nhưng ít nhất tôi cũng có thể quay lại với thế giới của sách vở và bút viết.



Chuyến đi xe mô tô với bác Chiêu và bạn gái bác sau giờ tan trường

Người họ hàng nữa đến thăm chúng tôi là bác Chiêu, trừ dượng Al thì ai cũng lo lắng khi gặp bác. Rõ ràng là bác Chiêu đã chia tay với bác Quế – thêm một lần nữa – và bác đến Thủ Đức hầu như mỗi tuần để khoe chiếc mô-tô hiệu Honda đời 1967 và cô bồ mới của mình. Vì dượng Al phải đi xe công để di chuyển và những chuyến đi đó ít khi nào chúng tôi được theo cùng nên lũ

chúng tôi liền chớp thời cơ để đi nhờ xe bác Chiêu đến chợ, đến trường hoặc thậm chí đến những vùng ngoại ô xa Bắc Sài Gòn để ăn hàng hoặc ngắm cảnh. Cách xếp chỗ ngồi của chúng tôi trên xe hẳn không đời nào được một bậc phụ huynh can trọng đồng tình. Bác Chiêu ở vị trí lái xe, cô bồ của bác ngồi sau, còn đám chúng tôi có thể chen vào trên hay vào giữa, bất cứ chỗ nào có thể nhét vừa – chỗ bình xăng, chỗ hành lý, trên thanh chắn sóc ở bánh trước. Chúng tôi trở về sau những chuyến đi như thế này chỉ với vài vết trầy và định kiến của chúng tôi về bác Chiêu bắt đầu thay đổi. Bác trở thành một “người bác vui tính.”

May mắn là dượng Al thường mời bác Chiêu tham gia cùng trong những buổi “team building” vào cuối tuần mà dượng tổ chức cho nhân viên của mình. Dì Thu thường tắt bật chuẩn bị hàng núi đồ nướng cho những buổi như vậy, và tôi thường xung phong giúp dì. Nhìn mọi người nói cười và uống bia, tôi thường nhớ về nhà hàng ở Philippines của dượng, dù tôi vẫn còn ám ảnh cảnh những người đàn ông mang súng nhảy xổ vào – lần này thay vì những gã găng-tơ sẽ là những người lính từ miền Bắc. Dù việc bắn phá vẫn chưa xảy ra ở Thủ Đức, nhưng đây vẫn là vùng chiến. Tiệc tùng thường kết thúc với phân nửa những người đàn ông say xỉn bắt đầu nhảy múa vũ điệu con voi trong sân của chúng tôi hay trên đường. Tôi thường hơi khó chịu khi khách khứa say xỉn tới mức này nhưng ít nhất là họ đang vui vẻ.

Ở gần căn cứ Hải quân của cậu Hải, chúng tôi còn được mợ Nga viếng thăm thường xuyên, đây là vợ của cậu Hải và tôi ít gặp mợ trong những năm trước. Cậu Hải gặp vợ mình khi đang đóng quân ở Cần Thơ vào năm 1967 và giờ họ sống gần chỗ làm hiện tại của cậu ở bến Bạch Đằng, Sài Gòn. Mợ Nga có vóc người

nhỏ bé, lịch sự và là người nết na, thùy mị.



Mợ Nga – vợ của cậu Hải trước khi kết hôn

Con gái của cậu mợ còn rất nhỏ so với chúng tôi: Tâm hai tuổi, Yến một tuổi, và Sương vẫn còn là một em bé. Bởi vì một người thì khó lòng chăm nổi bấy con nheo nhóc này nên mợ Nga thường ở với chúng tôi khi cậu Hải ra khơi. Lũ trẻ rất đáng yêu nên Thủy và tôi rất thích chơi đùa và chăm sóc chúng, nhưng mợ Nga cũng giống như người chồng sạch sẽ lảng lầy của mình thường xuyên nhảy dựng lên khi chúng làm bẩn quần áo, cho đồ

bắn vào miệng hay chạm vào những thứ bẩn thỉu – bao gồm chúng tôi. Ban đầu, chuyện này làm tôi hơi tự ái một chút, khiến tôi nhớ tới cái cách mà cậu Hải xưa tôi đi trong lần đầu tiên cậu ghé thăm Nhà Gạch trước khi đưa tôi đến chợ Bến Thành. Lúc đó, cậu đang mặc một bộ đồng phục Hải quân trắng sạch thì chuyện này cũng hợp lý thôi. Dù bà ngoại đã cố gắng hết sức để nuôi dạy chúng tôi thật tốt, nhưng chúng tôi chỉ là trẻ con, mà trẻ con thì hay lấm bẩn và lem luốc khi chơi đùa, lúc chạy nhảy hay trèo cây. Tôi nghĩ vì vợ Nga là người xinh đẹp và kỹ tính nên chỉ muốn giữ các cô em họ của tôi thật gọn gàng, sạch sẽ. Bà ngoại bảo với tôi, “Ôi dào, vài người mẹ thường thế,” nhưng tôi nghĩ cũng có thể là vợ Nga coi chúng tôi là lũ mồ côi dơ bẩn – một vết nhơ mà nhiều năm trước tôi biết là không gì gột sạch.

Quay trở lại lớp Ba làm tôi nhớ lý do vì sao tôi lại yêu thích trường học đến vậy. Một lần nữa, tôi đóng bộ áo sơ mi trắng và váy màu xanh, giống như Ba thường mặc bộ quân phục cũ khi ông về thăm nhà. Lần này, tôi không còn là chiến sĩ đơn độc mà là một đạo quân chống giặc dốt cùng với anh Quang và em Thủy bên cạnh. Chúng tôi cảm thấy như mình là một lực lượng bất khả xâm phạm.

Chúng tôi đều đăng ký học buổi sáng để cùng nhau đi đến trường và cùng về nhà, cho đến khi đi chung với những đứa trẻ Công giáo khác trong xóm. Vài thứ đã thay đổi so với hồi lớp Hai. Đầu tiên, lớp học đông hơn vì chiến tranh đang tới gần, nhiều gia đình rời bỏ miền quê và đến tìm nơi ẩn náu ở gần Đô thành. Thứ hai, tôi nhận ra bộ đồng phục không chỉ để đảm bảo học sinh chúng tôi trông gọn gàng đẹp đẽ trong mắt giáo viên, nó

còn làm chúng tôi trông giống nhau, ranh giới giàu nghèo không còn nữa và chúng tôi buộc phải tập trung vào nhiệm vụ quan trọng: phải chăm học và phải thể hiện ra chúng tôi đã học được những gì. Những đứa nhà giàu không có thêm lợi thế còn những đứa nhà nghèo không mang theo gánh nặng nào khác. Mọi người đều có cơ hội như nhau để trở nên xuất sắc hoặc nếu không qua được thử thách, sẽ bị đánh rớt. Tôi quyết tâm rằng cô học trò lớp Ba được vài người thân gọi là Vân, còn vài người khác lại gọi là Hiền (mặc dù dưỡng Al và Bubba vẫn gọi tôi là Sissy khi ở nhà) sẽ một lần nữa trở thành một học sinh gương mẫu. Mẹ tôi không mong ước gì hơn thế.

Đến tháng Giêng năm 1971, tôi đã mười một tuổi, lấy lại phong độ học hành, cũng như có nhiều bạn mới. Một lý do cho điều này là sự thay đổi tôi nhận thấy rõ: Tôi không còn là đứa trẻ nhỏ thó gầy gò trong lớp. Trên thực tế, sau vài năm ăn uống đầy đủ và sung túc, tôi đã phần nào cao hơn mức trung bình, do đó rất nhiều học sinh đối xử với tôi bằng sự tôn trọng mà họ thường dành cho những học sinh lớn hơn. Thầy cô giáo thì coi tôi như “người lãnh đạo bẩm sinh” – đặt ra yêu cầu cho tôi cao hơn và cũng tưởng thưởng khi tôi cố gắng hơn. Nói chung, đây là một năm tuyệt vời.

Một trong những bạn mới của tôi là Cúc, học cùng lớp Ba với tôi. Mẹ bạn cưới một người Mỹ, và cũng như dưỡng Al mới chuyển đến Long Bình gần đây. Họ cũng sống ở Thủ Đức nhưng ở khu vực được gọi là Làng đại học – một khu vực đẹp đẽ, ngăn nắp với một trường đại học ở trung tâm như hạt đậu phộng bên trong viên kẹo M&M màu xanh lá cây. Tôi đi ngang qua khu này mỗi ngày trên đường đến trường và luôn ghen tị với người sống

ở đó. Như tôi, Cúc nhập học vào giữa học kỳ nên bạn cũng rất vui khi có một “ma cũ” và trưởng lớp làm bạn để chỉ dẫn cho bạn. Tuy nhiên, vị trí của tôi trên đỉnh tháp ngà không kéo dài bao lâu.

Một ngày nọ, chúng tôi đang chơi nhảy dây trong giờ giải lao thì bạn thì thầm vào tai tôi, “Này Vân, quần lót bồ bị dính máu kìa!.”

Tôi dừng lại, làm sợi dây quấn lủng nhùng dưới chân. “Thật không?” tôi hỏi lại (đây như một mong ước hơn là một câu hỏi). “Ý bồ là gì?”

Bạn chỉ vào chiếc váy xanh của tôi. “Bồ biết đấy. Có thể là bồ tới kỳ rồi.”

Kỳ duy nhất mà tôi biết là kỳ thi. Nếu tôi bị chảy máu thì có vấn đề gì đó rồi. Tôi chưa bao giờ thấy ai chảy máu mà không liên quan đến điều gì đó khủng khiếp.

“Được rồi,” Cúc nói rồi nắm lấy tay tôi, “Mình đi gặp sơ nào.”

Nhưng giờ giải lao đã hết và lớp học cuối chuẩn bị bắt đầu. Tôi không bị thương chỗ nào hết nên tôi không đến gặp sơ mà cố tập trung vào nhiệm vụ trước mắt, tức là lo lắng không biết tôi có bị bệnh gì không. Khi tan trường, Cúc cùng tôi đi bộ về. Vừa đến nhà bạn, chúng tôi chia tay nhau và tôi vội vã chạy hết quãng đường còn lại để về nhà. Tôi thấy bà ngoại trong phòng ngủ. Sau khi đảm bảo không có đứa trẻ nào ở xung quanh, tôi kể chuyện của mình cho bà nghe.

Bà ngoại chỉ cười và ôm lấy tôi. “Đừng lo, Vân à. Chỉ là cháu đang lớn thôi. Đi với bà.”

Tình cờ mợ Nga cũng có mặt ở đây nên bà ngoại bảo tôi xuống

nhà gặp mẹ, có lẽ bà cho rằng một người phụ nữ trẻ có thể giải thích rõ ràng hơn. Bà thì thâm bí mật của tôi vào tai mẹ Nga, và mẹ mỉm cười, một nụ cười rất đẹp. Họ cùng nhau nói cho tôi biết về chuyện sinh nở – họ không kể hết, nhưng đủ để trấn an là tôi hoàn toàn khỏe mạnh và cái chuyện nho nhỏ đáng ngưỡng này chỉ là một bước nữa để tôi trở thành một người phụ nữ. “Và thế,” họ nói thêm, “rồi đây sẽ có nhiều bước nữa cháu phải trải qua.”

Sau chuyện đó, Cúc và tôi thân nhau như chị em. Mỗi sáng, bạn chờ trước cổng nhà bạn, đợi anh Quang, Thủy và tôi đi ngang qua, rồi cùng đi bộ đến trường. Một ngày nọ, bạn không có mặt trước cổng. Tôi gõ cửa, mẹ bạn cho biết là bạn bị bệnh và có lẽ hôm sau mới đi học được, chúng tôi chào cô rồi tiếp tục đến trường. Và vì thế bạn bị lỡ chuyện này.

Khi chúng tôi đến gần Làng đại học, một khu vực có nhiều cây cối và bụi rậm, tôi nói anh Quang và Thủy đợi tôi vì tôi mắc tè.

“Em không nín được cho tới khi đến trường à?” anh Quang vừa tỏ ra khó chịu vừa hỏi.

“Không, em phải đi ngay bây giờ!”

“Được rồi,” anh thở dài và chỉ vào một bụi rậm. “Em đi chỗ kia kìa, nhanh lên đó!”

Họ bắt đầu bước đi tà tà còn tôi chạy vào bụi rậm, ngồi xổm xuống và giải quyết “công chuyện.” Xong, tôi đứng dậy, kéo quần lên, gỡ đám cây cỏ dính trên váy, rồi quay sang để đuổi theo họ thì vấp vào một cánh tay và suýt ngã nhào. Chỉ có một cánh tay mà không có cơ thể.

“ANH QUANG!” tôi hét toáng lên như thể tôi là người vừa bị ám sát. “Đến đây mau!”

Anh chạy nhanh đến với em Thủy theo sát sau lưng, rồi ngừng lại khi anh thấy tôi không bị sao cả.

“Em hét lên cái gì vậy?” Anh ấy thực sự khó chịu, có lẽ vì cho rằng tôi đã nhìn thấy một con rắn.

“Dưới kia! Nhìn này! Đó là cánh tay của ai đó!”

Anh còn không thèm nhìn mà chỉ nắm lấy tay tôi. “Thôi quên nó đi. Đi học nào!”

Anh quay đi với Thủy, em ấy cũng không hề tỏ ý tò mò và bắt đầu đi xuống con đường. Tôi đi vòng qua cánh tay bị bầm dập, và nhìn sắc xanh xám xít của nó, tôi đoán những vết thương không mới, dù vậy, rõ ràng là ai đó đã bị mất cánh tay của mình từ khuỷu tay trở xuống. Những hình ảnh sống động ủa vào đầu tôi từ chuyện Hồng Ngự, chuyện trên đường ở trước Nhà Gạch và những cái bàn đẫm máu ở tiệm Albert's – nhưng tôi không cảm thấy buồn nôn. Tôi cũng không choáng váng, cũng không cần một thiên thần hộ mệnh giúp tôi nhả xuống khỏi ngực một người chết. Có lẽ cuộc sống của tôi đã trở nên quá đổi bình thường, quá sạch sẽ, quá thoải mái với gia đình dượng Al nên những hình ảnh như thế này, đột ngột xuất hiện, đã làm tôi ít nhiều thấy sốc. Nhưng anh Quang và em Thủy đã quá quen với chúng, quá quen với việc đi ngủ trong tiếng pháo binh và đầu súng trên đường hay trong các xóm nghèo nơi Việt Cộng không chỉ cảm thấy an toàn mà còn thường sống tại đó. Không phải anh Quang không quan tâm, chỉ là anh quan tâm đến nhiều chuyện khác hơn, cũng như chú Thành – con cú già thông thái

biết khi nào không nên nhúng mỏ vào nguy hiểm và khi nào thì nên cất tiếng hú rúc. Tôi đuổi theo họ, và khi chúng tôi đến trường, thế giới của tôi đã trở lại bình thường như thể cánh tay gớm ghiếc ấy chỉ là một giấc mơ khủng khiếp đã phai nhạt dần.

Rủi thay, trong nhiều tháng sau đó, không ai có được một giấc ngủ ngon, nói chi đến việc nằm mơ hay gặp ác mộng.

Vấn đề đầu tiên là chiến tranh luôn lớn vồn cạnh bên, như một cái bóng ồn ào. Biên Hòa là nơi rộng lớn và trở thành một mục tiêu hấp dẫn mà miền Bắc không thể nào làm ngơ, và những đơn vị của họ đều đặn hành quân xa hơn về phía Nam. Mặc dù khu vực dân cư ở Thủ Đức vẫn chưa bị sờ tới, nhưng những trận chiến bắt đầu nổ ra thường xuyên hơn ở các khu vực ngoại ô. Nhưng bất chấp những cuộc tiến quân này, chiến thắng của miền Bắc vẫn là điều không tưởng. Cuối cùng thì tại Paris cũng bắt đầu diễn ra những cuộc đàm phán hòa bình giữa Mỹ và miền Bắc Việt Nam. Mọi người – từ các sơ, đức cha đến ông lái taxi, bà bán hàng, cảnh sát khu phố, ngay cả đồng nghiệp của dưỡng Al từ cơ sở – dù có vẻ lạc quan nhưng vẫn hết sức thận trọng, ai nấy đều để mắt đến hàm trú ở sân sau nhà mình.

Khó khăn thứ hai khiến tâm trí tôi không có chút bình yên lại xảy ra ở nhà: chính dưỡng Al. Tôi không biết có phải do không khí tiệt trùng sau những nhiệm vụ gần đây của dưỡng hay không nhưng dưỡng trở nên hung hăng và bạo lực hơn, hoặc cũng có thể dưỡng nhận ra bé gái dưỡng nhận nuôi bây giờ đang ở tuổi xuân thì và sắp trở thành một thiếu nữ. Thái độ của dưỡng về tôi bắt đầu thay đổi, nhưng không theo chiều hướng tốt. Đó là một con người khác của dưỡng mà tôi chưa từng thấy bao giờ và cũng chỉ biết hy vọng – trong mơ hồ – rằng tôi sẽ không bao giờ

thấy nữa.

Chuyện bắt đầu từ một đêm tiệc tùng của chúng tôi sau khi khách khứa về hết. Dượng Al hơi say một chút, còn cả nhà vẫn đang bận bịu với những nhiệm vụ còn lại và vẫn còn phấn khích vì vừa tổ chức một bữa tiệc vui ra trò. Dù chúng tôi đã mệt cả, nhưng không ai (trừ bà ngoại vì bà đã đi ngủ từ sớm) muốn tàn cuộc, nên dượng đề nghị cùng chơi trò trốn tìm. Khi dì Thu và đám chúng tôi tụ tập lại ở phòng khách, dượng tắt đèn, và nói rằng một người sẽ là “Nó” – dượng sẽ bắt đầu trước – và công việc của “Nó” là tìm ra người khác trong bóng tối. Người đầu tiên mà dượng đụng vào sẽ “bị” và người đó sẽ tiếp tục trò chơi cho đến khi tất cả mọi người đều “bị.”

Chúng tôi nhanh chóng lẫn đi và trốn sau đồ đạc, trong góc phòng, hoặc ở sát tường. Dượng Al gầm lên như một con hổ và nói, “Ta đến bắt các người đây!” khi dượng đi lòng sục khắp trong phòng, làm Hoàng và em Thủy rúc rích cười, anh Quang và dì Thu cũng cười lớn, tất cả đều dễ dàng trốn thoát dượng. Tôi thì không may như thế. Dượng bắt gặp tôi đang cuộn người sau một cái ghế, cánh tay khỏe mạnh của dượng vòng qua eo tôi, cù tôi, và nhắc bồng tôi lên. Tôi cười lớn và cho rằng đã đến lượt mình, nhưng những ngón tay của dượng không ngừng lại. Những ngón tay cù cao hơn và thấp hơn cho đến khi tôi biết chắc chắn rằng có cái gì đó không đơn thuần là trò trẻ con nữa. Tiếng cười của tôi chuyển thành tiếng hét, và tôi vùng vẫy thoát ra, chạy khỏi phòng. Phía sau tôi, dượng nói, “Được rồi, Sissy nghỉ chơi! Ai tiếp đây? Ồ, Bubba đây rồi – bắt được con rồi!.” Hoàng hét lên và trò chơi lại được bắt đầu, nhưng chắc chắn là không có tôi. Tôi đi tìm bà, mong muốn hỏi bà về toàn bộ

chuyện này nhưng bà đã ngủ. Dù gì thì tôi cũng hoảng sợ và xấu hổ quá. Đây là một chuyện hoàn toàn mới và bối rối – và, tôi biết, tận sâu trong đáy lòng mình, cực kỳ, cực kỳ sai lầm.

Ngày hôm sau, không ai nói bất cứ điều gì về “trò chơi” mới, nhất là dưỡng và tôi, dù chúng tôi phải chơi trò này thêm mấy lần nữa trong những tháng tới. Tôi cảnh giác cao độ và gia tăng khoảng cách giữa tôi và dưỡng khi dưỡng là “Nó,” và thường đẩy anh Quang hay Bubba ra cho dưỡng tìm thấy họ trước, không làm phiền tới tôi, nhưng có những cách khác để dưỡng thỏa mãn thú vui mới, đẩy tội lỗi này của mình. Ví dụ như nếu tôi đang với lên cao để lau dọn thì dưỡng sẽ tìm cái cớ nào đó để “giúp” tôi hoặc chỉ cho tôi cách làm tốt hơn, và những bài học như vậy thường kèm theo một cái chạm, cái vỗ hay cái bóp nhẹ mà không liên quan gì tới công việc. Nếu tôi vùng vằng hoặc cố lẩn đi thì có vẻ như chỉ làm dưỡng khoái chí thêm, nên tôi chỉ chịu đựng và nói nhanh “Ồ, được rồi, cảm ơn dưỡng. Giờ thì con hiểu rồi,” hay điều gì khác để ra hiệu rằng trò chơi đã kết thúc. So với những gì đang xảy ra ở những vùng nông thôn xung quanh chúng tôi thì tôi vẫn không thật sự tin rằng hành vi kỳ cục và không đứng đắn của dưỡng là một mối đe dọa, nhưng hành vi đó chắc chắn là như vậy. Cuối cùng nó trở thành một điều tôi phải chịu đựng, và như mọi mối hiểm nguy khác mà ta cần được cảnh giác và coi trọng, tôi trở nên rất giỏi né tránh nó.

* * *

Vào mùa hè năm 1971, dưỡng Al quyết định rằng đã đến lúc

chuyển nhà lần nữa. Với một sự nồng nhiệt mà có trời mới biết được vì sao, dưỡng nói dưỡng sẽ không làm những chuyện nửa vời nữa mà sẽ tự làm chủ số phận của mình. Dưỡng nói dưỡng yêu Việt Nam, yêu dì Thu và muốn có được cả hai trong phần đời còn lại của mình. Dưỡng làm giấy tờ để được có hai quốc tịch, có thể vừa là công dân Mỹ, vừa là công dân nước Việt Nam Cộng hòa, và để hợp thức hóa cuộc hôn nhân của mình ở đất nước và với người mà dưỡng yêu. Việc có được hai quốc tịch cũng sẽ tạo điều kiện giúp dưỡng thực hiện được kế hoạch còn lại của mình: mở một doanh nghiệp tại quê hương mới trong một khu vực ít bị chiến tranh đe dọa và củng cố để phát lên một khi chiến tranh kết thúc. Như một người bạn của dưỡng ở Philippines từng nói, những doanh nhân không có gì ngoài sự lạc quan. Tôi cho rằng tôi cũng có thể học để trở thành một doanh nhân.

Chương 9

TRẠI CÁ – 1971

Cuối cùng, dưỡng Al và dì Thu cũng tìm được nơi mà họ hi vọng sẽ là Cõi Niết Bàn gần làng Đa Minh, một ấp ở phía tây Long Bình, cách Sài Gòn một giờ đi đường. Khu đất này trước đây thuộc sở hữu của linh mục Công giáo rộng hơn 20,000m² và gần Quốc lộ 15. Dưỡng Al rất phấn khởi về địa điểm cuối cùng này, và nó cũng giải thích vì sao tất cả những ngôi nhà của chúng tôi đều gần đường lớn, ít nhất là tại Việt Nam. Theo dưỡng giải thích, nếu có biến, chúng tôi có thể nhanh chóng thoát khỏi khu vực này. Rõ ràng là dưỡng không tính tới chuyện những người khác nữa cũng sẽ chạy khỏi chiến trường, nhưng đó cũng chỉ là giả thuyết của dưỡng mà thôi.

Khu đất này nằm sau một trạm xăng, ba mặt được bao quanh bởi những bụi tre cao chót vót. Nơi đây có một ngôi nhà chính, một dãy nhà kho, chuồng trại, và chín ao cá nước ngọt. Nước từ con suối nhỏ được dẫn qua đường ống cống xuyên qua hàng rào tre, bờ đê, chảy vào mấy cái ao cá qua khung cửa lưới. Con suối có nước quanh năm và chảy ra sông Đồng Nai, với nguồn nước đều đặn, nhưng lâu lâu cũng bị ảnh hưởng bởi thủy triều từ biển Đông. Dưỡng Al có thể nuôi cá để cung cấp cho chợ và thu hút khách tham quan mà không cần dùng đến máy bơm hay những dụng cụ tốn kém khác. Đây cũng là giả thuyết của dưỡng. Dưỡng có kinh nghiệm với các loại máy móc thiết bị, lại một người có

máu kinh doanh, nên tôi tin vào ý tưởng trại cá của dưỡng hơn là kế hoạch trốn tránh khi có biến.

Lợi ích của đất đai rộng lớn là những đàn gia súc, gia cầm thả vườn (vịt, gà, chim cút, và thậm chí là một đàn heo nhỏ) chạy xung quanh và nhiều loại cây ăn trái tươi tốt nhận nước tưới từ con suối như xoài, mít, măng cầu, mận, ổi, vài giống chuối, và một bãi mía. Đất ở đây khá màu mỡ, thuận tiện cho việc trồng rau. Dần dần tôi cũng nghĩ rằng, nếu chúng tôi không phải chạy trốn chiến tranh thì có thể sống mãi ở đây, dựa vào cá, hoa màu chúng tôi tự trồng được. Nếu không ăn hết, chúng tôi có thể bán ngoài chợ, nhưng trong chuyện này bà ngoại có kinh nghiệm hơn tôi nhiều.

“Bà nghĩ chúng ta có thể bán những thứ dưỡng Al không dùng tới không?” tôi hỏi.

Bà thổi ra một luồng khói thuốc và đăm chiêu nhìn về phía đồn điền mới của chúng tôi. “Để bà xem,” bà nói, “Để bà xem.”

Ngôi nhà chỉ cách cổng chính một quãng ngắn. Nó khá tồi tàn nhưng chỉ trong vài tuần dọn về, dưỡng Al đã sửa lại. Thợ mộc của dưỡng là ông Phước, một người miền núi (người Mường) đã làm việc cho dưỡng Al ở Long Bình. Ông tết tóc thành một bím dài tới thắt lưng và luôn mặc đồ màu trắng – một sự lựa chọn kỳ lạ đối với một người lúc nào làm việc cũng lấm bẩn và dính đầy bụi cưa – nhưng rõ ràng đây là phép tắc trong tôn giáo của ông – đạo Cao Đài, đạo thờ Thần Một Mắt. Ông là người nghiêm túc và ít khi nào cười nên tôi tự đặt ra thách thức cho mình: làm ông cười, học nghề của ông và tìm hiểu thêm về tôn giáo của ông. Dưỡng Al không thích điều này vì dưỡng cho rằng tôi làm ông xao nhãng (hẳn đúng như vậy) nhưng sau một thời gian mang

vác dụng cụ, tìm gỗ và đinh cho ông, ngoài chuyện hoàn thành tất cả công việc của mình trước, đội của tôi trở nên ăn ý và làm việc hiệu quả hơn. Ông dạy tôi rằng đạo Cao Đài là một trong những môn phái của đạo Phật, và ông cũng tin vào hầu hết những điều Trúc cho tôi biết: thờ cúng tổ tiên, không sát sinh, ăn chay và tuân theo việc thờ cúng. Tuy nhiên, không như người theo đạo Phật, ông cho rằng sát sinh dù với bất cứ lý do gì cũng bị cấm. Một lần, khi ông và vài người thợ địa phương đang ăn trưa, khi có người đập chết một con ruồi, ông Phước đã bật khóc. Ông nói với người thợ rằng mọi loài đều có quyền được sống và con người không được can thiệp. Đây là một suy nghĩ hay, nhưng tôi tự hỏi liệu ông có biết dượng Al đang có ý định gì với lũ cá đang bơi lội trong mấy cái ao không.

Khi công việc hoàn thành, căn nhà của chúng tôi trông rất mới. Dượng Al xây thêm phòng ăn riêng, nhìn ra một cái ao (hầu hết mọi gia đình Việt đều dùng bữa trong phòng chính của ngôi nhà), và một căn bếp hiện đại với nhiều tủ chén xung quanh bồn rửa và bếp. Dượng còn xây hai phòng ngủ mới: một phòng lớn cho dượng và dì, phòng còn lại rộng hơn (cho bà và lũ trẻ chúng tôi) được dượng ngăn thành khu con gái và khu con trai bằng một cái tủ lớn hai mặt để chúng tôi đựng quần áo. Nhưng hơn hết thảy là phòng tắm hiện đại trong nhà, và căn phòng này, cũng được xây như ở Long Bình, trở thành căn phòng được dùng nhiều nhất.

Sau vài tuần sống ở đây, tôi hiểu được vì sao dượng Al bỏ nhiều công sức để xây phòng ăn và bếp. Dượng vẫn còn nhớ nhà hàng của mình. Tuy dì Thu là một đầu bếp giỏi và tận tụy nhưng dượng Al mới là bếp trưởng, và dượng quyết tâm tập cho

chúng tôi yêu thích thức ăn Mỹ. Mỗi khi dưỡng nấu pancake^[7] cho bữa sáng, hamburgers và bánh mì kẹp xúc xích cho bữa tối thì chúng tôi luôn ăn trong phòng ăn. Điều này có vẻ kỳ lạ vì người Mỹ chỉ coi đó là “thức ăn đường phố,” nhưng đối với chúng tôi, đó là những món ăn ngoại quốc tuyệt vời. Thế nên chúng tôi chỉ im lặng ăn hết đĩa này đến đĩa khác. Khi dì Thu hay bà ngoại nấu những món truyền thống trong bữa cơm Việt, chúng tôi ăn ở gian nhà ngay bên ngoài cửa chính.

Ngôi nhà chính được sửa sang đẹp đẽ không phải là điều cuối cùng dưỡng Al muốn xây sửa trong kế hoạch của mình. Kết nối với căn phòng mới xây là lối đi đến hai căn nhà song lập, mỗi căn có thể được sử dụng riêng rẽ, tuy khá nhỏ nhưng cũng đủ cho một gia đình sinh sống. Lúc này, vì chúng tôi ở gần Đô thành hơn nên cậu Hải đưa vợ Nga và ba cô con gái đến sống trong một căn khi cậu phải qua nước Guam tập huấn trong một năm với Hải quân Mỹ. Căn còn lại, dưỡng Al cho một sỹ quan Không quân người Việt thuê, và tôi đã ngay lập tức xiêu ngang xiêu dọc anh.

Anh sỹ quan Không quân nhỏ hơn dì Thu vài tuổi, dù vậy theo tôi biết thì dì chưa bao giờ tán tỉnh anh và giữ mối quan hệ của họ ở mức công việc đơn thuần. Có lẽ do người đàn ông này “cắm” ở nhà chúng tôi như một vệ sĩ không chính thức. Dưỡng quen với chỉ huy của anh ở Biên Hòa, và họ cho rằng sự có mặt của một người miền Nam mặc quân phục, bằng cách nào đó, sẽ có thể giúp chúng tôi miễn nhiễm khỏi những quấy quá của Việt Cộng. Tôi không nghĩ rằng chuyện này hợp lý cho lắm – nói gì thì nói, tôi đã từng ngồi ở hàng ghế đầu trong hai trận đánh và biết rõ Việt Cộng không những không nao núng trước lính tráng

miền Nam mà thực sự còn truy lùng họ nữa – tuy nhiên, trong trường hợp này, việc này có tác dụng. Suốt thời gian anh ở đây, đến căn cứ không quân vào sáng sớm và trở về nhà lúc tối muộn, chúng tôi không gặp bất cứ rắc rối nào.

Một trong những công việc của tôi là lau dọn phòng cho anh, và trong trường hợp này, tôi sẵn sàng thực hiện. Anh sống khá gọn gàng và ngăn nắp, nên căn nhà luôn luôn sạch boong. Tôi chỉ phải quét và lau nền nhà, phủi bụi kệ sách rồi mở màn ngăn gương mặt đẹp trai của anh trong những bộ ảnh gia đình. Tôi không hứng thú lắm với những việc nhà khác mà tôi phải hoàn thành ngoài giờ học. Tôi luôn tự hỏi tại sao dì Thu không giao những việc này cho hai người ở được dì trả công, vì họ có thể hoàn thành nhanh hơn và tốt hơn tôi, hay thậm chí là giao cho em Thủy, vì chiều nào em cũng chỉ chơi đùa với Bubba. Nhiệm vụ của tôi bao gồm cả việc giặt đồ bằng tay, và thậm chí hỗ trợ trùng tu mấy cái ao khi dựng thiếu người. Khi tôi phàn nàn với dì, dì trả lời: “Những việc dì giao cho cháu là điều mà một cô gái phải biết trước khi kết hôn,” và chuyện là thế. Theo những gì mà dì Thu quan tâm thì tôi vẫn phải theo “con đường làm mẹ” chứ không phải “con đường học vấn,” mặc kệ những thành tích tôi đạt được khi mới ghi danh học lớp Năm tại một trường dòng khác gần đó – một trường dòng do các sơ điều hành trường cùng một trại trẻ mồ côi. Nếu tôi có ý định phá vỡ “con đường làm mẹ” thì tôi phải thể hiện bản thân mình cũng đáng giá ở một lĩnh vực khác. Đó là khi tôi học về trồng trọt.

* * *

Trước khi dựng Al mua lại Trại Cá, cha xứ và các giáo dân làm việc ở nơi này đã sống rất thanh đạm và đã cố hết sức nhưng họ không kiếm được bao nhiêu. Họ nuôi gia cầm, thu hoạch cây trái chủ yếu để dùng, cho cá ăn chất thải của con người – một điều bình thường ở những vùng quê, nhưng đây không phải cách để nuôi được những đàn cá béo tốt. Một trong những thay đổi dựng Al thực hiện đầu tiên là phá bỏ nhà xí kiểu châu Á trên mấy cái ao và thay bằng nhà vệ sinh kiểu Mỹ xây trên nền đất. Từ đó, lũ cá được ăn thức ăn gia súc và béo tốt hơn. Để bày cá sinh sôi tốt hơn, chúng tôi cần nhiều thời gian. Trong lúc đó, dựng tập trung vào việc khiến cho đám gia súc sinh sôi nảy nở hơn.

Cách xa hai căn nhà nhỏ là khu trại với mười hai chuồng heo và ba nhà kho để cất dụng cụ và thức ăn chăn nuôi. Bà ngoại dựng lên một căn bếp nhỏ bên trong khu trại và một cái lớn hơn ở bên ngoài. Bà dùng căn bếp bên trong để hãm trà cho công nhân và gia đình. Với căn bếp bên ngoài, bà nấu hoa súng, cây chuối và bắp khô thành cám để cho heo ăn – vụ sinh lợi đầu tiên của dựng Al. Dựng không thích chuồng heo nằm trong khu chuồng trại nên cho xây những cái chuồng mới giữa hai cái hồ và giao anh Quang tắm heo mỗi ngày một lần. Nước sạch anh dùng để tắm heo được bơm từ giếng, còn nước dơ xả ra chảy vào một cái ao riêng. Thứ nước “xám đen” này sẽ được dùng để tưới vườn, còn tất cả nước sạch lấy từ giếng được dùng cho sinh hoạt trong nhà, đám heo hoặc đôi khi bơm nước cho cá. Đó là một hệ thống gọn gàng và hữu dụng.



Anh Quang, anh họ Ngọc, Bubba và người làm thuê ở Trại Cá đang mổ heo

Người thích mấy cái chuồng heo cũ là bác Chiêu, bác là vị khách đầu tiên đến thăm chúng tôi. Một trong những cái chuồng được cải hóa thành căn phòng ngủ nhỏ cho người làm vườn sống cùng chúng tôi – ông Ba, quê ông cũng ở Rạch Giá như chúng tôi, và ông rất mát tay trong việc làm vườn. Cô con gái xinh đẹp của ông, cô Mai thỉnh thoảng ghé qua ở đó cùng ông. Cô khá thân với gia đình tôi, cô may quần áo cho dì Thu, dạy tôi cách đo và cắt vải mà không cần mẫu. Một lần cô ghé chơi, bác Chiêu tình cờ tạt qua và ngay lập tức mê cô như điên đảo. Họ bắt đầu hẹn hò, và sau đó, cả hai ghé chơi thường xuyên hơn. Vì con gái mình thường xuyên đến ở hơn, ông Ba tự bỏ tiền túi ra xây sửa một chuồng heo khác để cô có không gian riêng. Nhưng đó là nơi cô và bác Chiêu lấy làm chốn riêng tư của họ. Khi ông Ba phát giác, ông rất tức giận và hằn là sẽ lấy cái xẻng

xúc đất đập bác Chiêu một trận nếu bác không phải là anh trai của dì Thu. May mắn thay, bác Chiêu thuyết phục ông Ba là bác yêu cô Mai, hứa sẽ chăm lo cho cô, và bác thực sự làm thế. Một chiều nọ, họ cùng nhau lái chiếc mô-tô của bác đi, và chúng tôi hiếm khi gặp lại họ ở Trại Cá. Trừ phần liên quan đến chuồng heo ra thì tôi luôn nghĩ rằng đó là một câu chuyện đẹp.

Chuyện thường thấy trong những gia đình Việt: bác Chiêu muốn chúng tôi cho con trai bác một việc làm – và lần này tôi rất vui khi biết bác thành công. Anh họ Ngọc, bằng tuổi anh Quang, từng là bạn tâm giao với tôi trong suốt thời gian ở Nhà Lá. Khi công việc làm ăn mới của dượng Al bắt đầu khởi sắc, bác Chiêu ngỏ ý muốn dì Thu thuê con trai bác, anh Ngọc, để làm việc vặt trong nhà hoặc làm công thực sự, đổi lại chúng tôi cho anh ăn ở và trả một số tiền công nho nhỏ. Số tiền này rất quan trọng, bác nói, bởi vì mẹ của anh Ngọc – bác Quế đang rất trông mong vào sự phụ giúp của người con lớn, đặc biệt là để giúp cho người con gái của bác. Bác Quế là người bay bướm. Sau khi chia tay bác Chiêu, bác bắt đầu vận dụng kỹ năng này của mình và làm nghề “đi khách.” Chuyện này làm cả gia đình xấu hổ, đặc biệt là bác Chiêu vì bác là một cảnh sát, nhưng bác cũng không làm gì được. Bác Quế đẩy con mình tới ở với một người bà con họ hàng ở cách Trại Cá khoảng nửa tiếng đi đường và nì nài bác Chiêu tận dụng mối quan hệ tốt đẹp của bác với vợ chồng dì Thu để xin việc cho con trai họ. May cho anh Ngọc và tôi là bác đã làm vậy.

Như anh Quang, anh Ngọc làm việc rất chăm chỉ và hiếm khi nào than vãn, ngoại trừ một lần, anh thừa nhận là anh ghen tị vì chúng tôi được đến trường và có một người “ba” Mỹ rất đàng

hoàng và giỏi giang, cho chúng tôi sự an toàn trong một thế giới bất an. Thật đáng buồn hơn nữa khi ba mẹ anh vẫn còn sống mà cuộc sống của anh vẫn nghèo khó và khổ sở, không như anh Quang, Thủy và tôi – những đứa trẻ mồ côi nhưng lại sống khá sung sướng. Anh nghĩ như vậy cũng có lý nhưng chuyện nào cũng có hai mặt cả. Dì Thu không phải là người làm điều thiện từ tâm, dì chia sẻ vận may của mình một cách khiên cưỡng đa phần chỉ vì nghĩa vụ với bà ngoại và với người chị quá cố của dì. Khi tôi hỏi dì vì sao dì không cho anh Ngọc đi học với chúng tôi, dì nạt lại: “Nó có ba mẹ nó. Nếu muốn thì ba mẹ nó tự lo chuyện ăn học cho nó.” Chấm hết. Từ đó trở đi, anh Ngọc được coi như một người làm công ở chung với chúng tôi, được trả công như đã hứa, được cho một manh chiếu để ngủ và một mái nhà để ở. Anh chưa bao giờ được mời ăn tối cùng hay được tham gia bất cứ những cuộc hội họp nào của gia đình.

Một lần, tôi xin phép dì Thu đi cùng anh Ngọc về nhà anh ở Bình Đa, một thị trấn nhỏ gần căn cứ quân sự Long Bình và thị trấn Tam Hiệp. Từ Bình Đa tới Trại Cá khoảng một tiếng đi bộ. Anh phải mang tiền về nhà cho mẹ, anh nói. Anh không nói gì nhiều về tình cảnh gia đình mình khi tôi hỏi, và tôi phải thuyết phục lắm anh mới cho tôi đi cùng.

Tối đó, anh Ngọc và chị Liên, em gái của anh, nấu ăn cho tôi. Điều đầu tiên tôi chú ý đến là một đứa trẻ mới, một cậu nhóc lai Mỹ tóc vàng tên Tuấn, rõ ràng là bác Quế đã sinh ra trong những năm qua. Tất nhiên bác không có ở nhà. Bác đã ra ngoài làm việc nên đám trẻ phải tự lo, rõ ràng họ đã quen với điều này. Họ không có điện đèn, không có nước trong nhà, và thậm chí là không có cả một cái đồng hồ. Họ đoán thời gian bằng bóng

cây gậy gắm trên mặt đất. Họ sống nghèo khổ, rất giống với hồi chúng tôi sống cùng nhau với bà ngoại trong Nhà Lá ở Phú Nhuận. Tôi nhớ lại những ngày đó, khi tôi nhìn họ chuẩn bị bữa ăn. Hôm đó, họ không có đủ thức ăn cho khách nên anh Ngọc đến nhà bên để hỏi mượn ít gạo rẻ tiền, còn anh Đức ra cái ao ở sân sau để lấy con cá anh bắt được hồi sáng. Tôi giúp chị Liên và anh Thắng lật rau muống để xào tỏi, ăn chung với cá và cơm. Tôi nói chuyện một chút với chị Liên khi chị xào rau. Lần cuối cùng tôi gặp họ là lúc tôi trở về từ Philippines năm 1969. Giờ thì tình cảnh của họ còn tồi tệ hơn hồi đó. Chị Liên kể rằng họ tự lo cho mình từ khi họ chuyển đến Bình Đa năm 1970. Các anh chị hiếm khi gặp mẹ hoặc ba, và tất nhiên không có ai được đến trường. Họ học cách sống dựa vào rẻo đất mẹ họ để lại. Sau bữa tối, anh Ngọc và tôi cùng im lặng đi bộ trở về Trại Cá. Tôi tự hỏi mà lòng nặng trĩu:

Điều gì tồi tệ hơn? Có ba mẹ qua đời hay ba mẹ còn sống mà không thêm quan tâm?

* * *

Đóng góp đầu tiên của tôi vào chuyện kinh doanh là sau khi dựng Al xây một cái chuồng để nhốt đám chim cú thả rông. Chuồng có sàn dốc cho trứng chim lăn xuống, như vậy sẽ dễ lấy trứng hơn. Khay thức ăn, bình nước và một lò ấp đặc biệt được làm riêng cho gia cầm đều được nhập từ Mỹ. Đàn chim bắt đầu tăng nhanh chóng lên khoảng trăm con. Chúng tôi ăn rất nhiều trứng cú (dưỡng rất thích muối trứng để ăn chơi), và thi thoảng

cũng làm ít món với những con không đẻ được hoặc đem bán ở chợ. Việc của tôi là thu lượm trứng, cho gà ăn và dọn chuồng. Đây là việc ưu tiên hàng đầu của tôi, nhưng không rõ vì lý do gì, tôi cảm thấy việc này còn quan trọng hơn thế – đây là một cách để dưỡng Al thấy rằng tôi không phải chỉ là một đứa chỉ biết chờ lấy chồng, hay một cái giẻ lau, hoặc một thứ đồ chơi để dưỡng hau háu nhìn khi có hứng. Tuy nhiên, thỉnh thoảng thì việc dưỡng chú ý đến không mang lại lợi lộc gì, mà còn ngược lại.

Với nhiều đất trống, nhiều người vào ra, và nhiều thiên địch tự nhiên sống gần hồ nước, không tránh khỏi chuyện những con vật nhỏ biến mất. Khi điều này xảy ra với lũ gà và đám chim cú, dưỡng luôn đổ lỗi cho tôi – dù tôi là người báo việc mất chim hay gà. Dưỡng sẽ bảo tôi “cẩu thả” khi dọn chuồng và “đần độn” khi thu lượm trứng, bạt tai tôi để những lời của dưỡng thấm vào đầu. Việc này làm tôi buồn ghê gớm vì tôi đã cẩn thận hết mức để hi vọng rằng công sức của mình sẽ được ghi nhận và dưỡng sẽ coi trọng tôi hơn. Cuối cùng, tôi cố gắng hết sức để chứng minh rằng dưỡng đã sai nên quyết tâm dọn chuồng sạch đến nỗi chúng tôi có thể ngồi ăn trong đó. Lúc kiểm tra bên dưới chuồng, vì thấy có nhiều cỏ khô xung quanh đó, không kịp suy nghĩ gì nhiều, tôi đưa tay bốc cỏ ra. Đột nhiên, tôi cảm thấy tay mình trượt trên thứ gì đó lạnh lạnh, trơn trơn và dài như một cái vôi. Tôi nhảy ngược ra sau và một con rắn màu xám đen rất lớn từ từ trườn ra từ bóng tối, hướng về phía tôi. Vô cùng hoảng sợ và vẫn không suy nghĩ gì, tôi chụp lấy cái cổ của ông Ba dựng kế bên chuồng và điên cuồng đập vào con rắn. Sau một hai phút bấn loạn, tôi ngừng lại, mồ hôi nhễ nhại, rồi chạy đi báo dưỡng Al. Dưỡng đi theo tôi đến chuồng, thấy con rắn giờ nát

như tương, rồi nhìn cái cuốc của ông Ba, lúc này đã bị tôi làm cong. Dượng dùng cái cán gỗ chọc chọc xung quanh chuồng, xem xét mấy miếng gỗ bị sút ra và mấy cái lỗ ở hàng rào gà, rồi nói “Chắc là con rắn đã ở đó lâu rồi. Dượng sẽ lấy đồ để sửa lại chuồng.”

Dượng không hề xin lỗi vì đã tát tai và chửi bới tôi, nhưng dượng cũng không thay đổi nhiệm vụ của tôi. Nếu tôi học được gì từ sự kiện này thì đó là thường xuyên kiểm tra tất cả mọi thứ tôi chịu trách nhiệm, và nếu tôi có phải chọc khuấy gì đó trong đám cỏ cao thì nên chọc bằng một cây gậy.

* * *

Thử thách tiếp theo của tôi là lũ cá – kẻ sinh nhai của trang trại.

Ban đầu dượng Al có một tốp năm người, gồm cả anh Ngọc, để chăm nom mấy cái ao, thường là sẽ tháo nước ra, dọn bùn và cỏ ở cửa cống, và đảm bảo mọi thứ đều ra đó. Tính tới mùa hè năm 1972, chúng tôi sống ở đây được một năm và đã bỏ nhiều công sức để sửa chữa, trang hoàng lại mọi thứ, dọn bùn trong ao cá và nơi rộng không gian sống. Chúng tôi sắp thu quả ngọt.

Giờ thì trong vùng, ai cũng gọi dượng Al là “nông dân cá trê” vì loài cá này là nguồn lợi chính trong việc kinh doanh của chúng tôi. Những cái ao của chúng tôi cũng có các loại cá khác như cá rô phi, cá lóc và tôm nước ngọt. Ban đầu tôi nghĩ chúng tôi sẽ tự bắt cá và mang bán ở chợ Tân Mai hoặc chợ Biên Hòa,

và điều này mới làm tôi thấy rằng mình có nhiều thứ phải học hỏi thêm, chẳng hạn như không suy nghĩ vụn vặt mà phải nghĩ lớn làm lớn như dưỡng Al. Dưỡng có kế hoạch biến nơi này thành một khu sinh thái và dưỡng đã làm được. Những người Mỹ, nhà thầu nước ngoài và người Việt địa phương đưa gia đình, vợ con, bồ bịch đến để nghỉ ngơi vui chơi sau những rừng tre lớn, giải trí bên ao và bắt cá để nấu bữa trưa hay bữa tối – họ có thể mang cá về hoặc chúng tôi phục vụ tại chỗ – họ có thể cùng con cái vui chơi tại “vườn thú nuôi” của chúng tôi. Dưỡng Al đã tính toán và ra giá thể này: một giá duy nhất – năm đô la mỗi lượt vào – để câu cá và nghỉ ngơi suốt một ngày, và đảm bảo rằng khi ra về khách sẽ có được hai ký cá trê nếu họ không câu được con nào.

Kể từ ngày khai trương, hầu hết khách tham quan thích cái ao lớn ở phía trước, bởi những bóng cây xung quanh cao hơn và có cái cầu nhỏ nối với nhà chính tạo thành một nơi lý tưởng để thư giãn. Trong khi dưỡng Al đóng vai chủ nhà của cái “Albert’s” mới này thì đám trẻ, phụ nữ và những người công nhân còn lại sẽ dọn dẹp, làm mang, phi-lê cá rồi đem nướng theo yêu cầu của khách. Thỉnh thoảng, chúng tôi nhúng những miếng phi-lê cá trê vào bột bắp trộn với bột mì, muối và tiêu, rồi chiên giòn và đưa ra cho khách dùng thử, tuy nhiên chỉ có người Mỹ mới thích những món như vậy. Những khi thời tiết xấu hoặc lúc những lời đồn đoán về chiến tranh làm thưa khách thì dưỡng và người phụ việc của dưỡng (thường là anh Quang, vì anh đã chứng tỏ mình là một tay sát cá) chài mỗi loại cá vài chục con và chở chúng đến những nhà ăn quân đội gần đó hoặc giao cho những nhà hàng địa phương đang cần cá tươi “bắt trong

ngày.”

Trong việc kinh doanh này, em Thủy và tôi thường bán bánh mì kẹp, bia và nước ngọt từ gian bếp ngoài hiên còn anh Quang đảm bảo nguồn nguyên liệu cho chúng tôi và quét dọn xung quanh sau những cuộc dã ngoại, ngoài những nhiệm vụ khác của anh như cho heo ăn và vớt bèo trong ao. Em Bubba cũng tham gia vào, bằng cách theo sau anh Quang và giúp những phụ nữ nhát gan gắn tròng vào lưỡi câu hoặc mang đồ ra cho khách. Nhưng điều tuyệt vời nhất là dựng Al cho phép chúng tôi giữ lại nửa số tiền lời kiếm được, sau khi trừ chi phí tiền mua vật liệu. Ngoài ra, chúng tôi cũng được giữ lại tiền bo rồi cho vào một cái hũ, đến cuối ngày chúng tôi sẽ chia đều cho nhau. Những người Mỹ thường boa rất hậu. Anh Quang hay tiêu tiền vào chuyện cắt tóc, mua quần áo mới, và cuối cùng mua một chiếc xe đạp mới – phiên bản lộng lẫy hơn của chiếc xe anh dùng để chở tôi đến trường, và sau này anh mua cho tôi một chiếc xe cũ khi tôi biết đi xe đạp. Nhìn chung, đó là chuyện buôn bán tốt nhất của tôi kể từ thời bán kẹo M&M, và còn tốt đẹp hơn nhiều so với chuyện lau dọn nhà cửa và đánh nhau với rắn bằng một cái cuốc.

Bà ngoại cũng có mẩu kinh doanh. Cũng như khi bà buôn bán với người Mường ở Bình Dương và lúc bà tìm cách để có ít rau quả và cơm nước cho chúng tôi hồi còn ở Sài Gòn, vì vậy, bà thấy được cơ hội kiếm tiền ở những cây ăn quả quanh nhà. Bà chuyên vào chuối, chúng dễ trồng, dễ vận chuyển và dễ bán. Chiêu của bà là dùng lá chuối che những buồng chuối chín để chim không ăn mất. Với chiêu này, một lần nọ bà thu hoạch được một buồng chuối dài hơn hai mét đếm được 173 quả – quá

lớn nên tất cả chúng tôi không nhắc nổi, nhưng là cách thể hiện rằng công sức của chúng tôi đã được đền đáp.



Bán chuối ở chợ Tân Mai

Chúng tôi khiêng nông sản của bà lên một xe đẩy đến chợ Tân Mai cách nhà gần một cây số. Tin hay không thì tùy nhưng tôi là người đẩy xe, vì tôi biết cách giữ thẳng bằng và đẩy xe, nhờ việc giúp những người thợ đẩy xi-măng và những vật liệu khác quanh khu nhà. Ở chợ, bà thấy một chỗ trống trong những hàng bán và không ngại ngần rao chuối của “người nông dân cá trê” cho bất cứ ai đi ngang qua. Đến cuối ngày, khách thưa bớt, chúng tôi đem những nải còn lại đến từng quầy hàng. Bà bán giá sỉ, càng cuối ngày thì giá càng rẻ. Dù vậy, bà cũng là một người bán hàng khôn khéo, và chúng tôi luôn trở về nhà với cái xe đẩy trống trơn và một túi tiền đầy.

* * *

Trường học lại là một vấn đề khác. Nếu không nhờ có mẹ Nga thì lũ trẻ chúng tôi sẽ chỉ giỏi chuyện lau dọn nhà cửa và làm việc nhà.

Từ ngày chúng tôi được nhận làm con nuôi và chuyển về ở cùng, dì Thu tiếp tục thể hiện sự thờ ơ với việc học hành, ít nhất là đối với lũ con gái chúng tôi. Chỉ khi mẹ Nga tới ở trong một căn nhà nhỏ, thường xuyên gọi mở và nhắc nhở việc tất cả chúng tôi nên được đến trường. Cho đến lúc đó, tôi mới biết mẹ Nga đã từng dạy tiểu học ở quê nhà của mẹ ở Trà Ôn, và vì vậy mẹ có thể trấn an dì Thu rằng những giấy tờ lộn xộn và những tờ khai sinh lúc này lúc kia của chúng tôi không hề làm khó chuyện đến trường. Cả bốn đứa chúng tôi đi cùng mẹ và dì Thu đến phòng hiệu trưởng để tìm hiểu. Đúng như mẹ Nga dự đoán, tuổi và bề ngoài của chúng tôi mới là thứ quan trọng. Bubba nhỏ nhất nhưng rất thông minh nên em được cho vào lớp Mẫu giáo. Em Thủy thì vào lớp Ba, và tôi (có lẽ là vì tôi cao so với tuổi) được đưa thẳng lên lớp Năm mà không cần học lớp Bốn. Anh Quang đã học xong tiểu học nên anh được chuyển sang trường Vĩnh Sang, một trường dòng trung học để học lớp Bảy. Nếu bạn muốn làm tốt trong một hệ thống, thì bạn sẽ được lợi hơn khi có sẵn người trong hệ thống đó. Trong trường hợp của chúng tôi, mẹ Nga là người hậu thuẫn tuyệt vời giúp chúng tôi được tiếp tục trên con đường học vấn.

Giữa việc học buổi sáng và công việc ở Trại Cá vào buổi chiều, giờ rảnh của chúng tôi là sau bữa tối và đêm khuya. Tôi vẫn còn

rất mê đọc sách. Tôi dùng hầu hết số tiền kiếm được từ việc làm ở quầy bán đồ ăn vặt và bán chuối để mua sách. Sách yêu thích của tôi là bộ sách Hoa Tím trong Tủ sách Tuổi Hoa, tuyển tập sách được viết bởi những tác giả Việt dành cho tuổi teen, và tiểu thuyết Quỳnh Dao. Dượng Al nghĩ việc đọc sách của tôi là chuyện phí thời gian. Mục tiêu của dượng khi cho tôi đi học là để học tiếng Anh, mà tôi vẫn còn rất dở tiếng Anh dù nhiều năm qua được tương tác với người Mỹ. Theo dượng, bất cứ cái gì tôi làm mà không phải là làm việc đều là sự lười nhác, hoặc thể hiện sự vô ơn và bất kính với dượng – người chủ gia đình. Lần đầu tiên dượng bắt gặp tôi đọc sách – sau khi tôi đã dọn bàn và rửa chén bát sau bữa tối – dượng giật lấy quyển sách và mắng tôi bằng thứ tiếng nửa Việt nửa Anh, “Đi đi mau! Get to work!.” Tôi nhả mặt, chuẩn bị tinh thần đón nhận một cái bạt tai. Tôi không cãi lại mà đi tìm anh Quang và bà ngoại, nếu bà và anh không đang làm gì thì thường ở ngoài và cả buổi chiều sẽ không thấy tăm hơi đâu cả.

Lần tiếp theo, tôi không được may mắn như vậy. Vì lý do gì đó nên Trại Cá đóng cửa, những người đàn ông và anh Quang đều ở ngoài để coi sóc mấy cái ao và công việc nhà thì đã xong hết, đến bữa tối tôi mới có việc để làm. Tôi tận dụng cơ hội này để ngấu nghiến vài chương sách. Không phải là một ý hay cho lắm.

Dượng Al đột nhiên sừng sững trước mặt tôi, nhanh tay giật lấy quyển sách và xé một nắm trang sách.

“Đi đi! Đi đi! Get to work! Now!”

Tôi lầm lũi đi khỏi như một con gián, nước mắt trào ra. Tôi thật sự không biết vì sao sự khó chịu ban đầu vì tôi đọc sách lại

biến thành bạo lực. Tôi biết là dưỡng phải gánh vác nhiều trách nhiệm – một gia đình lớn phải chăm lo, một quỹ lương cho công nhân phải trả, hóa đơn các thứ, nhà cửa, vườn tược và vật nuôi phải coi ngó nhưng dưỡng còn có nhiều người phụ giúp dưỡng ngoài đôi tay yếu ớt của tôi kia mà. Có lẽ những cuộc đàm phán hòa bình ở Paris đang chuyển biến xấu, và chiến tranh đang vây hãm chúng tôi. Tôi không biết vì người lớn không bao giờ thảo luận về những chuyện đó trước mặt lũ con nít chúng tôi. Có lẽ dưỡng bức tức vì tôi đã có thể trốn tránh khỏi trò chơi trốn tìm bệnh hoạn của dưỡng! Tôi không biết! Những gì tôi biết là giờ đây dưỡng Al như một cái núi lửa đang chuyển động, tìm kiếm lý do để phun trào. Dù vậy, tôi cũng không bỏ cuộc vì sách là nơi giúp tôi lẩn tránh những điều tồi tệ, nhưng tốt nhất tôi nên giữ khoảng cách với dưỡng.

Từ đó trở đi, tôi chỉ đọc sách trong phòng tắm hoặc trong nhà vệ sinh, vì ngay cả dưỡng cũng phải tôn trọng sự riêng tư ở những khu vực này. Tôi còn tìm những nơi trong nhà mà tôi có thể trốn hoặc ít nhất có thể nhận thấy rắc rối đang đến gần. Vị trí lý tưởng nhất hóa ra là ở trên cái tủ lớn phân chia khu con trai và khu con gái trong phòng ngủ chúng tôi. Một cái gờ để trang trí ở bên trên có thể che giấu mọi thứ trên đó, đặc biệt là một cô nhóc tuổi teen gầy nhảnh. Tôi nhận ra rằng mình có thể ở trên đó một tiếng và trông như một đồng quần áo dơ, những đứa trẻ khác và người giúp việc – ngay cả dì Thu và bà ngoại – đi ngang qua phòng mà không để ý thấy. Nhưng dưỡng lại cao hơn tất cả bọn họ.

“Cái quái gì thế này?” dưỡng gầm lên, rướn người để tóm lấy tóc tôi. Dưỡng chưa bao giờ đi vào phòng của con nít, và tôi chỉ

có thể đoán rằng dưỡng đang đi tìm tôi. Dưỡng lôi tôi xuống như lôi một con búp bê rách rưới và làm cho cái tủ lắc lư. Vẫn còn túm tóc tôi, dưỡng tát tôi một cái, rồi một cái nữa vào mang tai và ném tôi quỳ mọp xuống. Rồi dưỡng quay trở lại cái tủ, mò mẫm trên nóc tủ cho đến khi nắm hết số sách trong tay rồi tịch thu luôn. Tôi không bao giờ thấy lại chúng, và nói thẳng là tôi sợ đến nỗi không tìm hay thậm chí là khơi lại chủ đề này với dì Thu hay bà ngoại.

Sau này Bubba kể lại với tôi rằng em đã thấy dưỡng Al cư xử thô bạo với tôi bên cạnh tủ và hủy hết số sách của tôi. Không phải dưỡng làm vậy để răn dạy con trai mình – em Bubba chỉ vô tình đứng gần đó – nhưng nó đã ảnh hưởng đến em. Hãy nhớ rằng tôi là “hình tượng người mẹ” của Bubba trong vài năm trước khi dì Thu quay lại với vai trò của mình. Như một đứa con ngoan hoặc một đứa em thương chị, em quyết định làm điều đúng đắn theo ý của mình. Em bí mật lấy một số đồ cáu cá từ trong kho dụng cụ – không có gì to tát, chỉ vài cái móc câu, phao và dây câu – để đổi cho một đứa hàng xóm lấy những quyển sách mà anh trai thẳng nhóc đã đọc xong và không đọc tới nữa. Vài ngày sau, Bubba mang số sách này cho tôi, cười tươi rói như buổi sáng ngày Giáng Sinh.

“Sách nè chị Sissy,” em nói đầy tự hào. “Em đã lấy những quyển sách chị nói chị rất thích – sách trinh thám Hoa Đỏ, tiểu thuyết kiếm hiệp. Đừng có buồn. Ba không ghét chị đâu.”

Tôi nhận lấy số sách mà cảm thấy ghen ngào nơi cổ họng. Tôi thật không thể trả lời.

“Em đã thu xếp để lấy nhiều sách nữa nên chị không phải mua đâu. Chị đừng nói với ai chuyện này nha, nếu không cả chị

và em sẽ gặp rắc rối đó.”

Tất nhiên, đó còn hơn là một thỏa thuận. Đó là lần đầu tiên “cậu em nhỏ” của tôi thể hiện cá tính của mình, và tôi chỉ có thể tự hào rằng tôi cũng góp phần vào chuyện này. Em không nói cho tôi biết em lấy sách từ đâu. Tôi không biết, cho đến vài tháng sau, thằng nhóc hàng xóm tìm gặp tôi ở trường và đòi sách lại, nói rằng anh trai nó vẫn còn muốn đọc những quyển sách đó và sẽ méc với ba mẹ tôi. Đó có vẻ là một luận điệu đầy thuyết phục. Tôi trả lại tất cả số sách, ngoại trừ một vài quyển tôi thích, cũng không đòi lại mớ đồ câu nên cả hai bên đều vui vẻ. Tôi kể với Bubba chuyện này và bảo em không được tham gia vào việc “mua sách chợ đen” lần nữa. Em hứa với tôi, và em đã giữ lời hứa của mình. Đó không phải là lần đầu tiên Sissy phải trông cậy tới Bubba trong giờ khắc khẩn thiết, và từ đó trở đi, chúng tôi biết rằng chúng tôi có thể đọc được tâm tư người kia – hoặc ít nhất, hiểu được người kia muốn gì.

* * *

Khi thế giới sách đã sụp đổ, tôi cố gắng tập trung thời gian của mình ở trường. Trường anh Quang ở hướng ngược lại với trường tôi nên đám chúng tôi phải đi bộ gần hai cây số và cuộc bộ làm chúng tôi nóng rực người trong mỗi sáng đến trường. Chúng tôi rời nhà lúc bảy giờ sau bữa sáng – thường là bánh mì Pháp nóng (dượng Al thích loại mua từ tiệm bánh cách nhà gần một cây số), hoặc cơm chiên tỏi mà bà ngoại tận dụng cơm thừa từ đêm trước. Bubba, mặt khác, khá kén ăn nên dì Thu cho em

tiền để mua bánh cuốn từ gánh hàng trước cổng trường. Là bảo mẫu không chính thức của Bubba, việc của tôi là phải đảm bảo em mua được bánh cuốn rồi chờ em ăn. Tuy nhiên, việc đi bộ đến trường làm em mệt lả người nên khi vừa đến trước quán là em đã ngồi phịch xuống, chờ đợi phục vụ rồi ngấu nghiến ăn ngay tại chỗ, chần lỏi người khác. Việc này hẳn đã làm cho nhiều người bức mình nhưng Bubba lúc ăn trông như một tiểu đồng bụ bẫm, lắc lư qua lại với nụ cười rộng trên môi và liên tục nói “Ngon quá, ngon quá!” trước quán bánh cuốn. Sau một lúc, mọi người bắt đầu cảm thấy hành động của em thú vị nên tôi từ bỏ ý định kéo em ra chỗ khác. Tôi và em Thủy cũng rất thích bánh cuốn, nhưng một nhà thì chỉ có thể có một “ông vua con” mà thôi và Bubba nhỏ bé của chúng tôi đã là ông vua con của nhà chúng tôi rồi.

Vì không có gì chờ tôi ở nhà ngoài việc nhà và sự bạo hành của dưỡng Al, tôi thường nấn ná lại trường sau tiếng chuông kết thúc buổi học và tìm cái gì đó để làm. Tôi tìm cách kết bạn với nhiều người và nói xạo để được mời về nhà họ chơi, ở đó, ngoài việc tám chuyện và chỉ nhau cách chăm sóc tóc, tôi có thể đọc sách một chút. Một trong những bè bạn sau giờ học này là Thơm, và tôi đặt biệt danh cho bạn là Thơm Ròm vì dù ba mẹ bạn cho bạn ăn bao nhiêu đi nữa thì bạn vẫn không thể nào tăng cân. Gia đình năm người nhà bạn sống ở chợ Tân Mai, cách Trại Cá gần một cây số. Mẹ bạn bán hàng tạp hóa từ các loại đậu, gạo, đường, gia vị đến những phần ăn loại C và loại K^[8] xin được của những người lính Mỹ vì họ nuốt không vô những thức ăn này. Một trong những món bán chạy nhất của cô là thịt nguội đóng hộp hiệu Hormel có lượng chất béo trong một hộp còn nhiều

hơn lượng chất béo mà đa số người Việt nạp vào người cả tháng, nhưng khách hàng của cô còn muốn nhiều hơn nữa. Thơm gọi tôi là chị Vân bởi vì tôi cao hơn bạn. Nhà Thơm là một nơi an toàn để ở chơi, như một sự chuyển đổi nho nhỏ giữa những giờ học chăm chỉ ở trường và những việc phải làm ở nhà, nhưng chúng tôi chưa thực sự là bạn bè thân thiết cho đến khi xảy ra một sự cố không vui về gì lúc năm học gần kết thúc.

Một nhỏ trong lớp chúng tôi, Liên, sống ở cô nhi viện trong trường. Nếu không nhờ ơn Chúa thì hẳn là tôi cũng phải ở đó. Nghĩ vậy nên tôi đối xử với nó rất tử tế, nhưng nó không thích điều này. Nó lúc nào cũng cau có khó chịu, và cùng với đám con gái mồ côi khác, chúng coi tôi như kẻ thù không đội trời chung. Chắc chắn tôi không hề làm gì khiến nó nghĩ như vậy, ngoài chuyện cả trường biết tôi cũng là một đứa không cha không mẹ. Nhưng tình cảnh của tôi tốt hơn nó vì tôi đang sống với một gia đình Mỹ trong ngôi nhà hiện đại với nhiều đất đai và có nhiều người thân bên cạnh (tất nhiên làm sao nó biết được những nỗi lo sợ tôi đang nếm trải mà dì Thu và dượng Al gây ra cho tôi. Nếu biết, chắc nó sẽ tử tế hơn với tôi). Những cô gái mới lớn có thể xấu tính ngay cả khi vui vẻ nhất, còn những khi chuyện không như ý muốn, họ có thể trở nên dã man như rắn độc. Với loài rắn này thì tôi không có sẵn cái cuốc như lúc đối đầu với con rắn trong chuồng chim cú.

Việc quấy rối của Liên bắt đầu bằng những trò vật vãnh nhằm làm tôi phát điên. Đầu tiên, nó và bè bạn mình vò giấy thành những viên nhỏ, ném giấy và phẫn vào tôi ngay trong lớp học rồi vờ như không có chuyện gì xảy ra. Tôi “trả đũa” bằng cách đối xử tử tế với tụi nó, cho nó chen ngang khi đang xếp hàng ở

trước đài phun nước, rủ nó chơi lò cò hoặc nhảy dây với Thơm và tôi ở sân trường, nhưng nó chỉ khinh khỉnh và quay đi. Vì nó học dở văn và toán, tôi đề nghị kèm nó sau giờ học, nhưng nó coi việc này như một sự sỉ nhục. Bạn của tôi nói rằng nó là “ca khó” hoặc “hết xài được rồi” và sẽ làm cả hai chúng tôi gặp rắc rối và kéo tôi chết chìm theo, nhưng tôi vẫn giữ quan điểm của mình. Tôi không những thấu hiểu sự cô đơn, bối rối và tức giận của nó, mà tôi cũng cảm nhận thấy những điều này trong mối quan hệ căng thẳng của tôi với dì dưỡng (“Tụi tao vẫn có thể quăng mày vào cô nhi viện,” luôn là câu kết ưa thích của dì dưỡng trong những lời dọa dẫm của họ), và những câu hỏi bất tận tôi tự hỏi về số phận của Ba tôi. Đó là những điều mà tôi đã học cách sống cùng, và tôi hiểu rằng cuộc sống của Liên sẽ tốt hơn nếu nó biết cách làm như thế. Vậy mà Liên chẳng hề chịu thay đổi theo hướng đó.

Mọi chuyện lại trở thành một cuộc ám sát - tôi chỉ có thể nói như vậy, không hề có ý phóng đại. Buổi học sáng vừa mới kết thúc và đám học trò lớp Năm chúng tôi rời lớp học ở tầng hai và chỉ mới tới đầu cầu thang. Không biết từ đâu, tôi cảm thấy hai bàn tay đẩy mạnh vai tôi, và tôi chúi đầu trượt ngã xuống. Cầu thang lúc đó khá đông, nhưng khi lăn xuống, tôi làm đám học trò ở trước dạt ra, tạo thành khoảng trống cho tôi lăn xuống. Tôi lăn giữa đám học trò như một quả bi da cho đến khi tôi đâm vào mấy em mẫu giáo ở cuối bậc thang. Mấy đứa học trò nhỏ la hét, nhưng đứa con gái to con ở sau tôi đang cười lớn, không phải Liên - nó vẫn đang ở trên đầu cầu thang, nhếch mép cười và bỏ đi - mà là một trong những lâu la của nó, một đứa bự con tên Lành. Tôi loạng choạng, quay ngoắt lại, không cần biết có

cái gì bị trặc hay bị gãy không và cũng không nghĩ thêm một giây nào về chuyện này nữa, tôi dùng hết sức giáng cho Lành một đấm giữa mặt khi nó vừa bước xuống nấc thang cuối cùng. Cả năm đẩy xe đẩy, vắt giẻ lau nhà và cào bùn đất trong ao cá đã phát huy tác dụng. Lành ngã sòng soài ra bậc thang rồi nhanh chóng đứng dậy, chăm chăm nhìn tôi với đôi mắt mở to và và mấy ngón tay đang che cái mũi máu.

Mấy đứa học trò nhỏ giờ đã tản ra, và mấy đứa bạn cùng lớp tôi đang đứng ở đầu cầu thang bắt đầu đi xuống. Lành vịn vào lan can để giữ thăng bằng, còn tôi thì giơ nắm tay lên để chuẩn bị bồi thêm một cú nữa. Liên đã gây sự trước, nhưng nếu một trong hai đứa chúng tôi nên quay đi, tôi quyết định người đó sẽ là tôi.

Lành nhìn chăm chăm vào tôi một lúc rồi ngồi trên cầu thang và khóc.

Sự nhốn nháo làm các sơ chạy đến, nên tôi quay đi và bước nhanh về phía cổng trường. Ngay sau đó, Thơm và mấy đứa bạn cùng chơi khác đi thành hàng ở hai bên của tôi. Chúng tôi đi khỏi trước khi đụng phải các thầy cô, họ đang vây lấy Lành đầy thương cảm, nhưng tất cả chúng tôi biết rằng vận may của tôi sẽ không kéo dài.

Ở nhà, tôi cắm đầu vào việc nhà với sự tập trung cao độ, làm dì dưỡng tôi phải ngạc nhiên cho đến khi một người lạ bấm chuông cửa. Đó là mẹ của Lành.

Dù tôi đang đứng gần cổng nhất nhưng tôi phớt lờ. Em Thủy đi lại để mở cổng nhưng tôi bảo em đứng yên đó. Cuối cùng tôi mới nhận ra kế hoạch này của tôi có thể sẽ phá sản khi dì Thu đi

lại và nói “Trời ơi, chuông reng, sao mấy đứa không chịu ra mở cổng?”

Tôi ngần dì và kể lại câu chuyện một cách ngắn gọn, rành mạch. “Đánh nhau ở trường!” dì chau mày, rồi tôi nhanh chóng nói thêm rằng vì Lành là đứa gây chuyện, hẳn là mẹ nó cũng không vừa gì, nên nếu dì mở cổng, dì nên kêu thêm dượng, hoặc một người thợ hay ít nhất mang theo một cây gậy to. Dì Thu ra đến cổng và ngó ra ngoài nhưng không mở. Người đàn bà bên kia cổng la om sòm khi thấy tôi.

“Nó là con nhỏ xấu xa! Nó làm gãy mũi con tao! Mày định làm gì nó? Mày có biết là tao tốn bao nhiêu tiền bác sĩ không?”

Dì Thu bắt đầu kể lại câu chuyện theo lời kể của tôi, nhưng người đàn bà cắt ngang. “Đó là cách mày dạy dỗ con gái mày sao? Mày dạy nó thói côn đồ sao?”

Giờ Lành mới lộ mặt sau lưng mẹ nó. “Mẹ ơi, Vân không có mẹ. Ba mẹ nó chết rồi.”

Người đàn bà dừng lại, có vẻ như định thần, rồi tiếp tục đập cửa, “Chính vậy rồi! Nó là đồ không cha không mẹ hư hỏng, đàn độn, phải vào cô nhi viện. Giờ thì ai sẽ trả tiền bác sĩ cho con tao đây?”

“Vân sẽ bị phạt, chị hãy tin lời tôi,” dì Thu nói. “Nhưng...”

“Không nhưng nhị gì hết!.” Người đàn bà với tay qua những song cửa để tóm lấy tôi. “Đưa con quỷ nhỏ này ra, và tao sẽ bắt nó đền tội!”

Nghe vậy, dì Thu tóm lấy tay tôi và dẫn tôi vào nhà, để Lành và bà mẹ hung dữ của nó đứng la hét ngoài cổng. Tôi bị dì Thu la một trận về chuyện đánh nhau ở trường thì xấu như thế nào,

và hồi nhỏ tôi chưa chứng kiến đủ chuyện đánh nhau để biết điều đó là sai hay sao? Tôi dạ dạ vâng vâng, tôi đồng ý với mọi điều dì nói nhưng không cảm thấy hối lỗi. Lẽ ra Lành không nên đẩy tôi xuống cầu thang. Nó đã may khi cú ngã chỉ làm tôi bị sưng và xây xát đôi chỗ. Nhỡ đâu tôi bị thương nặng thì sao? Nhỡ đâu tôi làm mấy đứa mẫu giáo bị thương thì sao? Tôi không nói với dì Thu điều này nhưng Lành đã nhận đủ. Vì sự bình yên trong nhà, dì Thu nói rằng dì sẽ không kể chuyện này với dượng. Dì làm vậy là đúng và một lần nữa, tôi phải cảm ơn những thiên thần hộ mệnh của tôi.

Ngày hôm sau đến trường, tôi nghĩ chuyện sẽ tồi tệ hơn – từ Liên, từ Lành, từ ban giám hiệu hay từ phụ huynh – nhưng không có gì xảy ra cả. Rõ ràng là có quá nhiều người chứng kiến cú xô ngã, còn Liên và Lành thì đã có lắm tai tiếng trong trường. Ngoài ra, nếu ai đó có lý do để phàn nàn, thì người đó là tôi và mấy đứa lớp mẫu giáo mà Lành suýt gây hại đến. Ban giám hiệu nghĩ tốt nhất là để mọi chuyện qua đi, để cho Chúa phán xét theo cách của Người, chuyện trong sân chơi để lại cho trẻ con tự quyết. Chuyện này kết thúc sự việc và còn quan trọng hơn, chấm dứt chiến dịch của Liên để làm cho cuộc sống của tôi khổ sở – ít nhất là trong thời gian này. Đến tận ngày cuối cùng đi học, sẽ không có thêm cuộc chiến nào nữa.

* * *

Mỗi cấp lớp ở trường Việt Nam sẽ có một buổi lễ tổng kết năm học, và trường chúng tôi cũng không ngoại lệ. Học trò không

những được tổng kết điểm số trong phiếu liên lạc mà còn được xếp hạng cao thấp giống như những cuộc thi giành lấy công việc, được thăng chức hay giành bạn đời ở ngoài đời thực. Đối với chúng tôi, việc xếp hạng còn quan trọng hơn điểm số bởi nó quyết định ai sẽ được vào trường trung học phổ thông nào, và sau đó, ai sẽ lên tới đại học.

Trong sự nghiệp học hành của tôi cho đến thời điểm đó, tôi đã cố gắng để đứng đầu lớp trong mọi lớp học. Ngoài một chút tiếng tăm khi đứng nhất – điều này cũng chẳng ý nghĩa lắm với học sinh lớp Một và lớp Hai, nhà trường sẽ trao thưởng phù hợp với độ tuổi của học sinh. Những học sinh giỏi nhất sẽ nhận được những phần quà giá trị nhất, từ một bộ đồng phục mới cho học trò đứng nhất đến nhiều loại dụng cụ học tập khác nhau khi xếp hạng thấp dần. Tại buổi lễ tổng kết, tất cả học sinh tụ tập lại trong một hội trường hoặc phòng ăn trưa, và cô hiệu trưởng sẽ trao phần quà theo thứ tự từ thấp lên cao, để mọi người cùng hồi hộp khi cô xướng tên người đứng nhất.

Tên tôi được xướng lên ở vị trí thứ ba.

Trong khi bạn bè tôi lịch sự vỗ tay chúc mừng, tôi đi đến bàn cô hiệu trưởng trong tâm trạng khá sốc. Tôi nhận được vài quyển vở, vài cây viết và viết chì, tất cả được cột lại bằng dây thun. Tôi cho rằng họ vừa mới xướng tên người thứ hai và thứ nhất, nhưng thật tình là tôi quá sốc nên không thể nghe thấy đó là ai. Tôi chỉ biết rằng người đứng đầu không phải là tôi.

Khi tan trường, tôi đi thẳng đến phòng hiệu trưởng để khiếu nại.

“Trò nói gì thế trò Vân?” sơ trưởng từ tốn hỏi. “Các thầy cô

đã chấm điểm rất kỹ bài thi cuối kỳ, em xếp hạng ba toàn lớp. Trò nên tự hào với kết quả của mình!”

“Em sẽ tự hào nếu em xếp hạng nhất, vì em nghĩ rằng em xứng đáng với vị trí đó. Em nghĩ có gì đó sai sót ở đây. Xin sơ tính lại toàn bộ điểm số của em.”

Cô hiệu trưởng chiều theo ý tôi, còn tôi thì ngồi đợi trong khi cô lấy hồ sơ của tôi từ cái tủ sau bàn. Vài phút sau, cô đóng tập hồ sơ lại và nói “Không có sai sót nào cả. Kết quả ban đầu là chính xác. Nếu trò vẫn nghĩ rằng các thầy cô đã sai sót, trò hãy mang những bài kiểm tra cũ đến, cô sẽ kiểm tra lại điểm số của trò.”

Tất nhiên cô biết rằng không ai giữ lại những bài tập về nhà, phiếu liên lạc, bài kiểm tra trong cả năm. Rồi cô chúc mừng tôi lần nữa vì đã được xếp hạng ba và nói rằng nếu tôi muốn xếp hạng cao hơn vào năm sau, hãy chăm chỉ hơn một chút và hãy giữ lại những bài tập của tôi. Hay thật!

Thơm đang đợi tôi lúc tôi rời khỏi phòng hiệu trưởng, và bạn đoán được rằng chuyện không được tốt lắm. Bạn biết lý do tôi khẳng khẳng muốn về nhất là vì phần thưởng – một bộ đồng phục mới – thay đổi khi học trò lên lớp Sáu. Thay vì một bộ áo trắng váy xanh thì khi vào trường trung học, nữ sinh sẽ mặc áo dài với quần trắng hoặc quần đen. Tôi không nghĩ dì dượng sẽ chịu đầu tư cho tôi một bộ đồ mới, còn tôi sẽ không kiếm đủ tiền từ việc kinh doanh của Trại Cá hay từ những buồng chuối của bà ngoại để mua một bộ. Tôi cần một kỳ tích.

Tôi cảm thấy cực kỳ khó chịu lúc chúng tôi đi qua cổng trường và khi đụng độ với Liên và bè lũ của nó. Năm học đã kết

thúc. Chúng không việc gì phải chơi đẹp nữa.

Không nói lời nào, Liên nhào vào tôi, hai tay tóm lấy tóc tôi và dùng hết sức kéo tôi xuống đất. Tôi vùng ra và đứng dậy, nhưng tay nó nắm trúng áo tôi, giật rứt hàng nút áo và kéo rách một tay áo. Nó là một con cọp cái, một kẻ điên loạn. Ba đứa bạn của nó cũng nhập cuộc.

Thật may tôi vẫn còn là con bé cao nhất lớp, dù so với con trai hay gái, nên những cú đấm của tôi vươn ra xa hơn. Dù cú đấm của tôi đã may mắn trúng Lành hồi bốn tháng trước, nhưng tôi không biết đánh nhau như thế nào và tôi cứ đánh đấm loạn xạ trúng ai thì trúng. Có đứa ngã xuống nhưng mấy đứa còn lại thì không suy suyển gì. Tôi không biết tôi đã đánh trúng ai và trúng chỗ nào. Tôi chỉ dứ qua dứ lại như một con trâu nước bị thương và đấm loạn xạ vào bất cứ thứ gì ở trước mặt. Một khắc sau, Thơm nhẩy vào đám bè lũ của Liên – hoặc có thể là chính Liên – và bắt đầu đấm vào đầu và vai nó. Cả hai đứa đều ngã xuống. Kỳ lạ là, Thơm mà tôi biết – hiền khô như ông Phước không dám hại đến một con ruồi – trở thành một cỗ máy cán xé, cào cào và đấm đá. Đó không phải điều mà Liên và lũ bạn của nó nghĩ tới. Cũng nhanh như lúc chúng tấn công, đám chúng nó chạy mất. Khi quay lại, tôi thấy rằng không phải vì màn tự vệ kịch liệt của Thơm. Ba sơ đang học tốc chạy lại chỗ chúng tôi qua đám đông trước cổng trường.

Lần này, chúng tôi không cố chạy trốn. Các sơ tra hỏi và phê bình chúng tôi, nhưng tôi không nghe được lời nào họ nói. Sau này, một người bạn của tôi kể lại rằng Liên bị các sơ bắt lại (rốt cuộc thì nó có thể đi đâu được chứ? Nó là một đứa mồ côi phải sống ở trường!). Những đứa còn lại bị kỷ luật, nhưng đó là cuối

năm học, và mọi người, gồm cả giáo viên, chỉ muốn về nhà. Thơm giúp tôi nhặt lại những quyển vở và bút chì vừa được thưởng và mang về nhà tôi vì một tay của tôi đang bận giữ cái áo đã mất nút. Tôi thậm chí còn không muốn nghĩ xem dì và dượng tôi sẽ nói cái gì. Nhưng cuộc chiến nho nhỏ của tôi đã kết thúc, nhờ có sự giúp đỡ của Thơm, tôi không bị thiệt hại gì ghê gớm lắm. Theo tôi biết thì mối thù hằn của tôi và Liên đã chấm dứt vĩnh viễn. Tôi không cần phải xử trí với nó trong năm học sau bởi vì chúng tôi sẽ đi theo những hướng khác nhau. Tôi hi vọng là cuộc đời nó sẽ thay đổi và nó sẽ có nhiều niềm vui hơn.

* * *

Lên cấp hai, tôi học chung trường với anh Quang, giờ anh đang học trên tôi hai lớp ở trường dòng Vĩnh Sang. Nhiều bạn học cũ của tôi vào trường công lập vì trường trung học tư rất tốn kém so với gia đình họ dù đã được hỗ trợ phần nào. Trong số các khoản phải chi cho năm học mới, nữ sinh sẽ tốn thêm khoản may áo dài, và tôi vẫn chưa có. Một ngày nay, dì Thu phàn nàn nhiều về học phí nên tôi không mớ đến chuyện xin dì may áo, và rồi bà ngoại lại xuất hiện như một vị cứu tinh của tôi. Bà có tiền từ việc bán chuối đủ để mua cho tôi một xấp vải trắng in họa tiết hoa hồng để may áo và một xấp vải đen để may quần, đặt may tại một thợ may trong thị trấn. Tôi cảm thấy thật trưởng thành, trông tôi giống như một cô công chúa vậy đó. Tiếc thay, mẹ Thơm không thể kham nổi những chi phí như vậy, gồm cả tiền học phí, nên bạn đành phải vào trường công.

Chúng tôi hứa hẹn sẽ giữ liên lạc với nhau, nhưng chuyện này sẽ rất khó. Giờ thì dưỡng nhìn tôi hau háu như một con điều hâu và nói rằng, trừ phi tôi ở trường hoặc ra chợ, tôi phải có mặt ở Trại Cá để làm việc. Vì thế, tôi toàn gặp Thơm tại sạp hàng của mẹ bạn ở chợ Tân Mai. Lành, đứa mà tôi đã đánh gãy mũi, lại là một chuyện khác. Nó cũng vào học trường Vĩnh Sang và khi tôi gặp nó, nó đã xin lỗi tôi vì những ồn ào vừa qua và muốn làm bạn với tôi.

Tôi rất đổi ngạc nhiên. “Tao không biết,” tôi nói. “Mày hứa là sẽ không tấn công tao chứ?”

Nó cười. “Được rồi, tao hứa. Nhưng tao biết rằng mày dư sức đánh lại tao mà.”

Tôi không coi đó là một lời khen, đặc biệt là một con một sách như tôi, nhưng nó có vẻ rất chân thành nên vào những lúc mà tôi và nó gặp nhau trong suốt học kỳ, chúng tôi trở nên hợp nhau và cuối cùng thành bạn bè tốt của nhau. Tuy nhiên, chuyến viếng thăm phòng thầy hiệu trưởng đầu tiên lại là về một vấn đề khác.

Mỗi học sinh mới đều phải đến gặp thầy hiệu trưởng, và trong buổi gặp, người giám mục hay sơ điều hành trường sẽ xem xét học bạ, lời phê và sẽ nói đến các vấn đề mà học sinh có thể sẽ gây ra hoặc gặp phải. Hạnh kiểm của tôi (luôn là một vấn đề lớn đối với các trường dòng) không có vấn đề gì cả vì những cuộc ẩu đả của tôi với Liên không bị nêu ra trong sổ học bạ lớp Năm. Nhưng học bạ lại đề cập đến thứ hạng của tôi tại buổi tổng kết cuối năm học – chính thức, hạng ba – trong khi giấy chứng nhận tôi mang đến buổi phỏng vấn lại nói là “hạng nhất,” do tự tay tôi sửa bằng bút mực. Vị giám mục so sánh kết quả gian lận của

tôi với bản mà trường đang có, thầy suy nghĩ một lúc, rồi trả lại tờ chứng nhận cho tôi mà không nói lời nào. Tôi đoán rằng những thành tích sáng chói của tôi ở các cấp lớp đã cho thấy kết quả xếp hạng chính thức là không đúng, và vì tôi không có vẻ gì là một học trò có vấn đề, trừ chuyện quá hám thành tích, nên thầy hiệu trưởng quyết định để vấn đề ngủ yên. Tôi rất mừng là thầy đã quyết định một cách nhanh chóng trước khi tôi ngất lịm đi vì xấu hổ trước bàn của thầy.

* * *

Trường học lại yên ổn với những lộ trình quen thuộc, và tôi không thấy vấn đề gì trong chuyện này. Món quà của Quang – một chiếc xe đạp cũ – đã cứu tôi khỏi phải cuộc bộ ba cây số đến trường, và tôi chọn lớp buổi chiều để tôi không phải dậy sớm và có thể hoàn tất hầu hết các việc được giao ở Trại Cá trước khi trời quá nóng. Việc học thì khó hơn (môn Toán giờ gồm cả Đại số và Hình học, cùng với môn Sinh học và Hóa học) và những quyển sách chúng tôi đọc trong lớp cũng trở nên thử thách hơn. Ít nhất thì chuyện này làm đầu óc tôi bận rộn trong suốt những giờ quét, lau, dọn bùn bắt tận trước giờ đi học. Dù vậy, không phải giáo viên nào cũng nghĩ rằng tôi là một học trò xuất sắc trong lớp họ.

Thầy Hưng, giáo viên dạy Toán, đã học để trở thành giám mục nhưng không đủ tiêu chuẩn. Điều này làm thầy trông khó chịu hơn các giám mục và các sơ khác dù những người này nhìn thế giới đầy rẫy những kẻ tội đồ. Thầy ghét bất cứ ai có tham

vọng học thức, cụ thể là những ai có khả năng đạt được nó – đặc biệt là con gái. Trong chuyện này thì thầy có nhiều điểm giống dì Thu, và dì hẳn sẽ đồng tình với thầy rằng không có gì một người phụ nữ không làm được miễn là cô ta chỉ ở trong nhà và lo chuyện con cái. Tôi không hiểu được vì sao thầy lại dạy học, ngoại trừ việc có thể đây là cách duy nhất để thầy không phải nhập ngũ.

Cuộc chạm trán đầu tiên giữa tôi và thầy là khi thầy phê bình tôi nhanh nhẩu, giành trả lời những câu hỏi trên lớp. “Hãy nhường cơ hội cho những em khác!” thầy nói, rồi gọi một đứa khác và nó chẳng hề biết câu trả lời. Mấy ngày sau, vì một vài đứa trong lớp có nhờ nên tôi bắt đầu chuyển giấy có ghi câu trả lời cho những đứa ngồi cạnh. Tất nhiên, chuyện này cuối cùng cũng bị phát hiện, khiến tôi còn gặp rắc rối nhiều hơn. Giờ thì tôi không chỉ là “một đứa nhiều chuyện” mà còn là “một kẻ gian lận” và “một kẻ phá bĩnh.” Khi tôi xin gặp thầy sau buổi học, thầy không muốn nói về việc học mà chỉ giảng dạy tôi về việc “cố gắng nhiều hơn” để trở thành “một cô gái đáng hoàng.” Khi tôi nói thầy giải thích rõ hơn thì thầy nói bởi vì “những người mồ côi không biết được vị trí của mình,” nên tôi phải cố gắng hơn để hòa nhập trong xã hội. Tôi không biết những chuyện này thì có liên quan gì tới môn Toán, nhưng tôi biết rõ rằng những việc này cho thấy cách thầy và những người khác vẫn nhìn nhận về tôi.

Hóa ra, một trong những người đó – thầy Thái, thầy dạy ngôn ngữ của tôi – là anh rể của thầy Hưng. Thầy dạy cả môn Văn (môn tôi thích) và môn tiếng Anh (môn tôi không thích nhất – lớp Sáu là năm đầu tiên học sinh được học ngôn ngữ khác),

nhưng ít nhất tôi vẫn thường nghe tiếng Anh ở nhà nên có lợi thế hơn hẳn so với hầu hết học sinh trên lớp. Nếu coi thầy Thái là tiến sĩ Jekyll thì thầy Hưng sẽ là ông Hyde^[9]. Thầy khuyến khích tôi đọc sách (ngạc nhiên chưa!) và cho tôi thêm bài tập nâng cao sau giờ học ở lớp. Khi tôi cảm thấy cuối cùng tôi cũng tìm thấy được một giáo viên có thể hiểu tôi, tôi hỏi thầy vì sao thầy Hưng lại ghét tôi đến thế. Có lẽ do họ là anh em cột chèo với nhau, thầy Thái phải giữ hòa khí trong gia đình nên chỉ nói “Ôi dào, em đừng lo về những chuyện đó,” và có lẽ để bù đắp cho tôi, thầy hỏi tôi có muốn tình nguyện tham gia vào ban chuẩn bị tiệc mà thầy chỉ đạo, giúp thầy đi mua đồ trang trí ở một khu chợ trong xóm hay không. Tôi đồng ý. Tôi đang là lớp phó và đã tổ chức một vài sự kiện cho lớp, gồm cả cuộc thi nấu ăn thường niên ở trường và một nhóm múa, nên những học sinh khác rất tin tưởng tôi ở những nhiệm vụ như vậy. Nhưng, tôi nói thêm, tôi cần phải xin phép gia đình trước đã. Thầy Thái cùng về nhà tôi để nói chuyện với dì Thu. Họ rất vui vẻ với nhau và dì đồng ý nên thầy trò chúng tôi lập tức đi ra chợ. Thầy Thái là một người mua sắm chu đáo và giữ quỹ của giáo xứ rất kỹ lưỡng. Tối đó tôi trở về Trại Cá lúc bảy giờ.

Ngay khi tôi bước vào, dưỡng Al nổi trận lôi đình.

“Mày nghĩ cái quái gì mà lại đi đêm đi hôm với một người lạ như vậy? Một thằng đàn ông nữa chứ!” Tôi nói với dưỡng rằng dì Thu đã cho phép tôi, nhưng dưỡng không quan tâm. “Từ giờ trở đi, mày phải về nhà ngay khi tan học – không ngoại khóa ngoại khiếm gì hết, không tiệc tùng, không thể thao, không bạn trai bạn gái, không được làm gì hết! Mày về thẳng nhà, nghe rõ chưa?”

Tôi dạ dạ vâng vâng mặc dù không hiểu lắm những lời của dưỡng, cũng không hiểu vì sao dưỡng lại có thái độ khó chịu như vậy. Nhiều ngày sau, bà ngoại cho tôi biết rằng mọi việc đang trở nên căng thẳng trong khu vực của chúng tôi, vì lẽ ra hiệp định phải chấm dứt chiến tranh nhưng lính miền Bắc vẫn còn ở lại đây và đang hoạt động mạnh mẽ hơn ở Đô thành. Có lẽ dưỡng lo lắng cho một thành viên trong gia đình khi đi ra ngoài vào ban đêm, cũng có thể dưỡng hành xử như một người cha kiểu Việt Nam đang quá bảo vệ con mình, nhưng tôi lại có những mối nghi ngờ khác. Có lẽ dưỡng ghét thầy Thái như một địch thủ trong trò chơi trốn tìm. Chẳng ai có thể hiểu nổi dưỡng Al. Dù gì thì tôi coi chuyện bị cấm túc như một hình phạt dưỡng dành cho tôi vì tôi muốn được là chính mình.

* * *

Vào mùa hè năm 1974, tôi đã tròn mười bốn tuổi và dì Thu quyết định rằng tôi phải học nghệ thuật nội trợ để trở thành một người vợ Việt: nấu cơm bằng lò than. Bí quyết để nấu cơm, dù bằng bất cứ cách nào, là nhiệt độ ổn định – không quá nhiệt khi nồi cơm được nấu trên những cái lò hiện đại. Mọi người ở khắp nơi trên thế giới đã nấu như thế kể từ khi người ta phát hiện ra sắt, nhưng đối với một đứa con gái tuổi tôi, khi có lần đầu tiên cho mọi thứ, thì lần đầu tiên của tôi là một thất bại thảm hại. Dì giao cho tôi nấu cơm trưa cho tất cả người làm ở Trại Cá nên chúng tôi nấu rất nhiều gạo, nhiều nước trong một cái nồi rất lớn trên một cái lò than to và sâu như cái động của

Satan. Tôi đã rất lo sợ trước khi bắt đầu nhưng vẫn cố gắng nấu.

Than cần nhiều thời gian để cháy, nhưng nếu chờ cho tất cả than bén lửa hết thì lửa sẽ bùng lên rất lớn. Nước cơm đang sôi sùng sục và mùi cơm khê tỏa ra khắp căn bếp, làm hỏng mùi vị của cơm. Hôm đó, chúng tôi có bữa trưa nghèo protein, và sau khi tôi bị dì Thu tát tai vì ngu ngốc, tôi dành cả buổi trưa để cạo và chà cái nồi bị cháy. “Ngày mai mày sẽ làm khá hơn,” dì nói, nghe như lời dọa nạt hơn là lời động viên.

Bài học làm vợ hiền kiểu Việt của tôi vào ngày hôm sau là học cách cắt rau đay. Lần này, dì Thu sẽ nấu ăn, còn việc hái rau – nguyên liệu chính của món, dì nói một cách đe dọa – là của tôi. Tôi phải cắt rau cách mặt đất đúng bảy phân rưỡi. Cắt như vậy rau sẽ ngon hơn và không làm chết cây, để cây phát triển tiếp cho những bữa ăn sau này – ở một nơi mà cái đói giống như một người bạn đồng hành thì việc này chưa bao giờ bị xem nhẹ. Đối với riêng dì Thu thì chuyện này còn quan trọng hơn vì dì không bao giờ cho phép người khác vào khu vườn của mình. Đây là bài kiểm tra quyết định.

Với tâm trạng lo lắng, tôi đi vào khu vườn yêu dấu của dì và đo đếm ở gốc cây, đúng bảy phân rưỡi, bằng chiều dài ngón trỏ của dì (bằng ngón giữa của tôi) và cắt rau. Tôi mang rau đã được cắt vào bếp, nhặt rau như dì chỉ, cố gắng để không lấy quá nhiều lớp ngoài cùng, và rồi đưa cho dì kiểm tra kết quả. Thật nhẹ nhõm vì tôi đã qua kỳ sát hạch. Dì cho rau vào nồi canh rồi giao cho tôi nấu cơm – một thử thách! Nhưng lần này bà đã giúp tôi. Một tiếng sau, chúng tôi đang cùng nhau ăn một bữa trưa rất ngon miệng, hai bên má tôi và lòng tự trọng của tôi đều không bị tổn thương – hay đó chỉ là điều tôi nghĩ.

Tôi bắt đầu lau dọn trong khi dì Thu thì đi vào khu vườn. Một lát sau, dì đi vào và giáng cho tôi một tát tai, rồi một cái tát nữa, rồi một cái nữa, qua trái rồi qua phải. Tôi để rớt cái nồi đang chùi rửa và rụt người lại.

“Đồ ngu dốt!” dì hét lên. “Đồ đàn độn!”

“Cháu đã làm gì sai ạ?” tôi dùng hai tay che lấy đầu.

“Mày làm chết cây của tao rồi! Đó, mày làm như vậy đó! Mày đã nhổ rễ lên.”

“Không không, cháu chỉ cắt như dì nói thôi. Cách mặt đất đúng bảy phân rưỡi.”

“Đừng có cãi!” dì lại đánh lên hai cánh tay đang che đầu của tôi. Lúc này, bà ngoại để tẩu thuốc sang một bên và đến ngăn con gái mình lại.

“Thu,” bà nghiêm nghị nói, chụp cánh tay đang giơ lên của dì lại. “Dừng lại. Dừng lại ngay.”

“Con ngu dốt này làm chết cây của con!”

“Nó không làm thế,” bà ôm lấy tay dì. “Và nếu nó có cắt quá ngắn thì cây cũng sẽ mọc lại. Lạy Chúa, chỉ là mấy cái cây thôi mà. Con bị gì vậy hả?”

“Con bị gì sao?” dì Thu phẫn nộ. “Con quỷ cái này làm con thành như thế này đây. Nó làm cuộc đời con rối tung rối mù! Nếu chị Hiên ở lại thay vì chạy theo anh Tỉnh ở Hồng Ngự, con sẽ không phải đóng vai một người mẹ của ba đứa trẻ mồ côi! Con sẽ không phải trả tiền học phí cho chúng! Con sẽ không phải dọn cầu tiêu của người khác! Con sẽ không phải lấy một ông già người Mỹ! Mẹ thấy đã đủ chưa?”

Những lời dì thốt ra làm tôi sửng sờ hơn cả những cú đánh vào đầu. Tôi thấy những lời này cũng ảnh hưởng tới bà nữa nhưng mặt bà không thể hiện điều gì. Hoặc có lẽ bà đã hiểu, như một người mẹ có thể hiểu, rằng con gái mình đang hối hận về người đàn ông mà cô cưới, trong trường hợp này là Al Strauss – vị cứu tinh của gia đình chúng tôi – và phải gánh trách nhiệm về những đứa con của một người đàn bà khác. Đây không phải là chuyện rau đay, nôi cơm cháy, sở thích đọc sách của tôi hay bất cứ điều gì tôi làm khiến tôi trở thành cái bao cát để người ta đâm vào.

Tôi chấp hai tay lên ngực và nói, “Cháu thực sự xin lỗi dì về mọi chuyện, dì Thu à,” và tôi thực sự nghĩ như vậy. “Nhưng cháu không phải là Mẹ cháu. Cháu không gây ra cho dì những điều này. Mẹ cũng sẽ không gây ra những điều này cho dì...”

Dì Thu quay đi. Mặt dì méo mó vì cơn giận, hai nắm tay siết chặt bên hông như cố kiềm nén để không đánh tôi một lần nữa. “Giờ mày là mẹ tao nữa à! Tao không cần có hai người mẹ. Chỉ một mẹ thôi là đủ lắm rồi.”

Dì nhìn vào bà, và bà đang đứng với tôi.

“Gì đây?” dì hét lên. “Mẹ muốn con phải cầu xin nó” – dì chỉ vào tôi – “tha thứ cho con sao? Xin lỗi nó sao?” Dì làm bộ mặt sầu thảm và mĩa mai rồi khụy gối xuống, khóc tức tưởi.

“Tôi xin lỗi!” dì nức nở. “Tôi không có ý như vậy! Hãy tha lỗi cho tôi! Lạy Chúa, cả hai người, hãy tha lỗi cho tôi! Tất cả các người hãy tha lỗi cho tôi!”

Giờ thì dì không nói với riêng ai mà như nói với tất cả mọi người, còn tôi không biết phải làm gì tiếp theo. Tôi chỉ có thể

nhìn dì và tôi cũng không nghĩ rằng bà ngoại biết phải làm gì. Rồi dượng đi vào. Dượng thấy vợ mình đang quỳ gối trước mặt tôi, dượng sấn tới giữa dì và tôi, rồi chụp lấy hai vai tôi. “Cái quái gì thế này?” dượng gầm lên, lắc lắc lắc để tôi.

Bà ngoại đưa một cánh tay ra trước mặt dượng nhưng dượng hất ra, rồi giáng một tát vào mặt tôi bằng mu bàn tay mình. “Tao đang hỏi mày đây, Sissy, cái quái gì đang xảy ra?”

Tôi bật khóc nức nở, miệng tôi có vị tanh của sự sợ hãi cùng với một chút máu. Dượng lôi tôi xềnh xệch ra khỏi cửa, tóm lấy một miếng ván bị sút ra ở ngoài hiên rồi ném tôi xuống đất. Cú đánh đầu tiên trúng vai tôi. Tôi che đầu, và cú thứ hai trúng tay tôi. Tôi né và lẩn tránh, nhưng lần nào dượng cũng tóm được tôi. Tôi nghĩ đến việc bỏ chạy – có thể là chạy ra ao, có thể là chạy xuống ao, có thể chạy vào vòng tay bảo vệ của ông Ba, nhưng tám ván đánh trúng tôi lần nữa. Cạnh ván cắm vào cánh tay tôi, đâm vào tận xương. Tôi cuộn người lại. Những cú đập trút xuống như mưa, trúng vào vai, mạng sườn và hông của tôi rồi ngừng lại. Bà nhẩy vào ôm lấy tôi. Dượng huơ huơ tám ván đầy đe dọa mấy lần, rồi ném xuống đất, hậm hực đi vào nhà.

Sau khi chắc chắn rằng cơn bão đã qua đi, bà giúp tôi đứng dậy. Chúng tôi đi vào mái hiên. Dượng và dì đã vào phòng, đóng cửa lại. Bà nhúng ướt một miếng giẻ và chậm vào những vết cắt, những vết bầm của tôi. Bà bôi thứ gì đó dính dính vào vết thương lớn trên tay tôi – tôi không biết bà bôi gì hay bà lấy nó ở đâu, hay thậm chí là làm sao nó dính được vào tay tôi, vì tôi đang nhể nhại mồ hôi, bê bết đất cát và đang run lẩy bẩy. Một lúc sau, tôi mới nhận ra rằng này giờ bà đang nói chuyện với tôi. Tôi không biết bà đang nói gì. Sau khi được băng bó và lau sạch

máu, tôi đứng lên, loạng choạng vào phòng, leo lên giường và khóc như chưa bao giờ được khóc. Tôi đã quá mệt mỗi khi phải tỏ ra kiên cường, mệt mỗi khi bị ghét bỏ vì mình còn sống và là một đứa không mẹ không ba, mệt mỗi vì bị dượng Al tra tấn và bị dì Thu ghẻ lạnh. Giờ thì cả tình thương của bà hay tình yêu tôi dành cho anh Quang, Thủy và Bubba cũng không giúp tôi đứng dậy được. Trong giờ khắc ích kỷ đó, tôi thậm chí không nghĩ tới họ. Trái tim tôi trống rỗng, tôi chỉ cảm thấy sự đau khổ và ước mong sao tôi chưa bao giờ được sinh ra. Không hi vọng, không hứa hẹn về tương lai, không mẹ không ba để có thể làm nổi đau tan biến. Tôi thấy một lọ aspirin mới trên cái bàn cạnh giường bà. Không do dự, tôi mở lọ và uống hết số thuốc. Một lát sau, tôi không biết là bao lâu, bà ngoại vào để kiểm tra, thấy tôi co rúm người, đầm đìa mồ hôi và đang nôn mửa. Một lần nữa, bà phải lau rửa cho tôi. Tôi biết rằng nếu có thể, bà sẽ cho tôi tắt cả trái tim của mình. Qua cơn mộng mị, tôi nghe bà thì thầm:

“Rồi rồi, sẽ ổn cả thôi. Cháu sắp đến tuổi lấy chồng rồi. Khi lấy chồng cháu sẽ được giải thoát. Cháu sẽ được ra khỏi nhà này. Mẹ cháu cũng sẽ mong muốn như thế...”

Chương 10

TRƯỚC MIỆNG HÙM – 1974

Những tuần tiếp theo, dì Thu và tôi không nói với nhau lời nào. Dượng cũng không nói chuyện với tôi, dù cả hai, bằng những cái chau mày và qua cử chỉ đều ngụ ý rằng chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi lơ là việc nhà hay không nghe theo những luật lệ của họ. Sau trận đòn của dượng, cả bà cũng trở nên âm thầm lặng lẽ hơn. Hầu hết thời gian bà quanh quẩn trong bếp, trong nhà kho hay chỉ ngồi ở ngoài với tẩu thuốc của mình, nhìn về những cái ao nước, đám cây cối và làm bầm nói với mấy con vật. Bà đang ở đây nhưng như không có ở đây. Tôi thực sự ghen tị với bà.

Những vết thương trên cơ thể tôi lành khá nhanh, nhưng trái tim tôi thì vẫn chưa. Tôi cứ tua đi tua lại cảnh của ngày hôm đó trong đầu, liệu ngày hôm đó tôi có thể làm gì khác để tôi – và cả bà nữa – tránh được cơn bạo tàn của dượng Al. Điều trực tiếp dẫn đến trận đòn là dì Thu buộc tội tôi làm chết đám cây của dì và điều này không hề đúng. Nhưng những lời chống chế của tôi – và sự bênh vực của bà ngoại – chỉ làm cơn giận vô lý và sự căm ghét mà dì chôn giấu bấy lâu nay trào ra, và giờ thì tôi hiểu rằng cơn giận và sự căm ghét này là nhắm vào Mẹ tôi.

Dì tôi tức giận Mẹ vì Mẹ đã chết đi.

Dì nghĩ rằng Mẹ tôi muốn chết sao? Rằng Mẹ tôi cố ý chết để cuộc đời dì phải khổ sở sao? Liệu dì có giận dữ với Mẹ tôi vì Mẹ

tôi đã hạnh phúc không – hạnh phúc trong cuộc sống hôn nhân ngắn ngủi của Mẹ trong khi dì chán chường với chuyện tình yêu và cảm thấy buộc phải cưới một người mà dì không yêu, không muốn cưới, để chu cấp cho dì, cho đứa con không cha, người mẹ già của dì, và hơn hết là đám cháu mỗ cô dì không cần tới? Tôi nhận ra rằng tôi không bao giờ hiểu hết được những điều dì nghĩ về Mẹ tôi, và cũng không thể làm gì để có thể thay đổi cách dì nghĩ về tôi, anh Quang và em Thủy. Dì đổ lỗi cho sự tồn tại của chúng tôi trên đời này. Khi dì nhấn tâm tát hết cái này đến cái kia vào hai bên má tôi, dì đang tát Mẹ tôi, chị gái của dì, chứ không phải tôi. Không phải vì tôi. Chưa bao giờ là vì tôi cả. Và vì không phải là do tôi nên tôi không thể làm gì để cứu vãn.

Vị cứu tinh của tôi trong những giờ khắc cùng cực đó là anh Quang và Thủy. Anh Quang khắc tên tôi trong giờ học khắc gỗ của anh hai chữ Bích Vân – như để nhắc cho tôi nhớ rằng tôi không phải lúc nào cũng là Sissy. Anh còn mua cho tôi một chuỗi tràng hạt và bảo tôi luôn mang theo bên cạnh để bảo vệ mình, và tôi đã làm thế.

Thủy là một vấn đề khác. Nhiệm vụ của em nhẹ nhàng hơn tôi, nên chúng tôi có nhiều thời gian để nói chuyện. Và tôi biết được rằng tôi không phải là người duy nhất bị dượng Al chú ý tới. Vì em có nhiều thời gian chơi cùng Bubba và cả dượng lẫn dì đều rất cưng chiều “hoàng tử bé” của mình nên em được họ chiếu cố đến. Tuy nhiên, theo thời gian và vì giờ tôi ít khi tham gia vào trò trốn tìm nên dượng bắt đầu chú ý hơn đến Thủy. Dù em ít khi làm dượng nổi giận hay bị đòn, em nói đôi khi dượng đối xử với em theo cái cách không đúng đắn với cương vị là cha, là chú hay là ông chủ đi chăng nữa. Em quá ngượng nên không

thể kể cho tôi nghe chi tiết, nhưng tôi nhanh chóng hiểu ra em đang nói đến điều gì. Dượng đã chọn em để chơi cái trò đụng chạm và cù léc bệnh hoạn của mình – điều mà những tháng gần đây tôi thường trốn đi mất hoặc bị cho ra rìa. Nhưng như thế là quá đủ. Đầu tiên là tôi, giờ lại đến em gái tôi. Đây là giọt nước làm tràn ly.

Tôi bảo Thủy chúng ta phải làm gì đó – *ngay bây giờ*.

Lựa lúc dì Thu dễ gần hơn bình thường, Thủy và tôi đứng trước mặt dì, nắm tay nhau, và tôi nói với dì rằng tôi có một chuyện cực kỳ quan trọng muốn nói với dì. Dì nhìn chúng tôi đầy nghi hoặc và tiếp tục gấp quần áo, nhưng nói “Được rồi, nói đi.”

Tôi kể với dì.

“Láo toét.” Đó là những gì dì Thu nói. Dì nói một cách cứng rắn nhưng không hét lên. Dì cũng không giơ tay lên để đánh tôi. Rõ ràng là dì muốn chuyện kết thúc ngay tại đó trước khi dượng Al bước vào, một mối nguy mà không ai trong chúng tôi – kể cả dì Thu muốn nhận.

May mắn là lúc đó cậu Hải và mẹ Nga đang sống với chúng tôi. Cậu Hải tình cờ đang ở gần mái hiên, chuẩn bị hành trang để lên đường. Cậu nghe dì Thu nói tôi “Láo toét” nên đến xem thử chuyện gì. Dì Thu vẫn còn trong phòng và lặng lẽ ngó lơ chúng tôi, tôi kể với cậu những gì đã kể với dì. Cậu chịu lặng nghe hết câu chuyện và mặt cậu tối sầm lại khi nghe chi tiết. Khi tôi kể xong, dượng Al đi vào bếp.

Bằng một tràng những lời lớn tiếng bằng tiếng Việt, cậu Hải nghiêm nghị bảo dượng Al ngừng ngay chuyện đó. Dượng Al,

không nói được tiếng chúng tôi, nên không hiểu gì cả, và dì Thu không định dịch cho dưỡng. Dù vậy, qua ngữ điệu và cử chỉ, dưỡng cũng hiểu được ý cậu Hải là gì.

Dưỡng lẩm bẩm điều gì đó với dì Thu và dì gật đầu, rồi dưỡng quay đi. Dì quay qua tôi và nói, “Al muốn tụi bây đi khỏi nhà ngay hôm nay. Ngay lúc này. Đi dọn đồ đạc của tụi bây đi.”

Đây là để phạt chúng tôi sao? “Được thôi,” tôi nói. “Đó chính xác là điều cháu muốn. Và Thủy cũng sẽ đi với cháu.”

“Dẫn nó theo,” dì Thu khịt mũi và quay lại với công việc của mình. “Đỡ phải nuôi thêm một đứa nữa.”

Cậu Hải định tranh luận với dì Thu nhưng rồi ngừng lại. Cậu đủ trải đời để hiểu cậu sẽ không thể nào dùng lý lẽ để làm dưỡng Al thay đổi, và hiểu rằng để hai đứa con gái chúng tôi ở Trại Cá lúc này trong khi cậu đã biết chuyện sẽ làm cậu cũng như đồng phạm trong việc chúng tôi bị lạm dụng.

Tất cả chúng tôi cùng đi về căn nhà của cậu, và cậu giải thích tình hình với mẹ Nga. Tôi những nghĩ mẹ sẽ cho chúng tôi một cái ôm của một người mẹ hay ít nhất là những lời cảm thông, nhưng mẹ chỉ nhìn chúng tôi với ánh nhìn trống rỗng. Có lẽ là mẹ xấu hổ hoặc ngại ngùng, hay chỉ lo lắng rằng sự việc này sẽ phá vỡ mối làm ăn thuận tiện với dì Thu và dưỡng Al, người đã cho mẹ ở nhờ khi cậu Hải đi biển. Dù vậy, mẹ chỉ quay đi, lấy giấy và bút chì viết địa chỉ mới của bác Chiêu ở Sài Gòn.

“Cháu sẽ sống được với bác Chiêu và bồ của bác, Mai, đúng không?” cậu Hải hỏi.

Tôi nói được, hi vọng là tôi may mắn. Bác Chiêu giờ đã trở thành người tốt hơn khi không còn ở chung với bác Quế, dù vậy

bác vẫn còn chút gì đó không thể trông mong được. Cô Mai là một người phụ nữ thành thị từ trong ra ngoài với những suy nghĩ riêng về mọi chuyện nhưng cô luôn rất thân thiện với chúng tôi. Là em trai của bác Chiêu và là người họ hàng chúng tôi quý mến nhất, tôi nghĩ cậu Hải sẽ không đưa chúng tôi vào chỗ nguy hiểm.

Chiều hôm đó, Thủy và tôi gói gém mấy thứ của chúng tôi và đi khỏi Trại Cá trước cả bữa tối. Tôi đã mười bốn tuổi và Thủy mười ba, nhưng nhìn bề ngoài, chúng tôi là hai phụ nữ trẻ đầy cương quyết về một nhiệm vụ. Tuy nhiên, bên trong chúng tôi biết rằng thế giới của chúng tôi đã đảo lộn. Suốt chặng đường lên Sài Gòn, Thủy nén khóc và tôi cũng cố gắng thể hiện vẻ mặt kiên cường, dù bên trong tôi cảm thấy vô cùng bất an. Chúng tôi xuống xe đò, vẫn còn cố gắng để không thể hiện cảm xúc thật của mình: hai đứa trẻ mồ côi đang bỏ nhà đi.

* * *

Vài tiếng sau, chúng tôi gõ cửa căn nhà lá bác Chiêu thuê. Bác đang ở nhà, còn cô Mai đã ra ngoài. Chúng tôi kể cho bác nghe vắn tắt câu chuyện (thêm một người lớn nữa không có vẻ ngạc nhiên), và bác chỉ cho chúng tôi chỗ để cất đồ và chỗ để ngủ. Con trai của bác – anh Ngọc – vẫn đang sống cùng những người công nhân khác ở Trại Cá nhưng con gái bác – Liên, người làm bạn với tôi nhiều năm trước – và hai đứa con nhỏ hơn Đức và Thắng đang sống với bác Quế trong một tình trạng rõ ràng là còn tồi tệ hơn tôi. Ở đây, chúng tôi là những đứa nhỏ duy nhất

trong nhà. Chúng tôi tự tắm táp và ăn gì đó trong khi bác Chiêu lo nghĩ về hướng đi tiếp theo.

“Thực tình là bác muốn giúp mấy đứa nhưng chuyện này không phụ thuộc hết vào bác. Bác phải nói với cô Mai cái đã. Có thể cô sẽ không chịu để hai đứa sống chung nhà. Hai đứa biết là nhà bác cũng không rộng rãi gì. Và chủ nhà – bác phải nói với ông để xem thử ông tính thêm bao nhiêu khi có thêm người ở. Rồi bác phải nói với cậu Hải. Đây là một sự thay đổi lớn cho tất cả mọi người. Thôi hai đứa đi ngủ đi. Sáng hôm sau chúng ta sẽ bàn thêm.”

Chúng tôi làm theo lời bác và sáng sớm hôm sau thấy mẹ Nga và mấy đứa con mẹ. Mẹ và cậu Hải nghĩ rằng không khí ở Trại Cá không còn phù hợp để ở nên họ cũng chuyển đi – đúng thời điểm cậu Hải có chuyến hành trình mới. Mẹ Nga và các con sẽ trở về quê mẹ ở Trà Ôn để sống với mẹ ruột của mẹ. Họ sẽ được chăm lo đàn ông, nhưng trước tiên mẹ muốn đến xem chúng tôi ổn không.

Trong khi mẹ Nga nói về kế hoạch của mình thì cô Mai đi vào. Khuya hôm trước, khi cô trở về nhà thì chúng tôi đã đi ngủ nên không biết cô nghĩ sao về tình hình này. Chúng tôi không cần phải chờ lâu để biết.

“Trà Ôn!” Cô Mai reo lên, rất nhiệt tình. “Đó là một nơi tuyệt vời cho Thủy, em nghĩ đúng không? Chỗ của tụi chị không đủ cho cả hai đứa ở. Vâng lớn hơn, chị nghĩ chị có thể nhờ con bé việc này việc kia, còn Thủy sẽ ổn hơn khi sống với bọn em.”

“Em cũng không biết,” mẹ Nga nói. “Chị em nó cũng muốn ở với nhau...”

Mợ và cô kì kèo với nhau như hai người nông dân đang rao bán heo, rồi thỏa thuận cũng chốt. Trong khi họ nói chuyện, tôi thấy mặt Thủy không vui nên dẫn em ra một bên.

“Nghe này, chị biết em muốn ở chung với chị, nhưng chúng ta không thể có mọi thứ được. Chúng ta phải chấp nhận những gì chúng ta có mà thôi. Ít nhất thì mình cũng rời khỏi di dượng. Mợ Nga là một người tốt, và em cũng thích mấy đứa con của mợ. Chị sẽ tìm việc làm, và sau khi kiếm được tiền, chị sẽ đến đón em. Chúng ta có thể tự sống trong thành phố, được không?” Mặt Thủy đầy nước mắt, nhưng cuối cùng em cũng gạt đầu. Về phần tôi, tôi cố nén chặt nỗi đau trong lòng mình và không cho nước mắt chảy ra.

Tôi biết kế hoạch của tôi chỉ là những mong ước xa vời, nhưng nó cho hai chúng tôi hi vọng và giúp thuyết phục em Thủy ra đi với gia đình mà chúng tôi tin tưởng. Giờ thì những gì tôi phải làm là cố gắng để câu chuyện cổ tích của mình thành sự thật.

* * *

Đêm đầu tiên ở một mình nhà bác Chiêu, tôi nằm trần trọc cả đêm, thi thoảng âm thầm khóc, và lắng nghe tiếng bom đạn vọng lại từ xa xa. Tôi mệt lả và vẫn còn sốc, tôi cần phải ngủ nhưng đầu óc tôi tỉnh như sáo. Buổi sáng hôm đó, giờ như thể hàng thế kỷ trước, tôi vẫn còn ở chung với bà ngoại và anh em tôi, còn tối nay, tôi đang ở trong nhà người lạ, tôi cảm thấy

không được đón chào và không biết từ đây về sau cuộc đời mình sẽ như thế nào. Làm sao tôi có thể giải thích mọi điều với bác Chiêu? Liệu tôi có phải kể với bác lý do vì sao Thủy và tôi rời khỏi dì Thu và Trại Cá không? Có lẽ tốt nhất là chờ cho đến khi bác hỏi tới. (Bác không bao giờ hỏi, cả cô Mai cũng vậy.) Có rất nhiều thứ phải nghĩ tới!

Lúc Thủy và tôi vừa mới đến thì tôi đang rất buồn nên không để ý gì xung quanh, nhưng nghĩ đi nghĩ lại, tôi thấy rằng “cái bè cứu sinh” của tôi từ Trại Cá thật sự là một “cái bè” hơn là một nơi để bắt đầu một đời sống mới. Tôi cảm thấy thật tuyệt vọng và cô đơn.

Bác Chiêu thuê một căn phòng khiêm tốn trong căn nhà bốn phòng với kiến trúc dành cho người thu nhập thấp – khung tre với vách lá. Ông chủ nhà lớn tuổi và vợ ông, cùng người cháu trai, sống trong một căn phòng cạnh lối vào. Họ đã cho thuê hai căn phòng tiếp theo phía sau phòng ông, và sử dụng phòng thứ tư – nằm trên sông – như một nhà bếp và phòng tắm kết hợp. Bác Chiêu và cô Mai ở căn phòng thứ ba, phòng ngủ cuối cùng bên cạnh khu vực chung nên tất cả những người ở đây phải đi ngang qua phòng họ trên một lối đi nhỏ để đến chỗ nấu nướng hay vào nhà vệ sinh, vì vậy, họ không có nhiều sự riêng tư. Cặp thuê phòng còn lại cũng đi làm nên tôi hiếm khi thấy họ. Chủ nhà cho phép khách khứa ở lại qua đêm nhưng thêm một người ở nữa (một cô gái sắp trưởng thành) làm tất cả mọi người căng thẳng – thêm người nấu nướng, thêm điện nước tiêu thụ, thêm người chia sẻ phòng tắm, thêm tiếng ồn – và đó có nghĩa là tiền nhà tăng. Bác Chiêu xin đặt thêm cái giường nữa rồi để sát bức tường cạnh lối đi. Bác nói với chủ nhà rằng tôi rất ngoan và

trầm tính, tôi đến Sài Gòn để học ở một trường tốt hơn. Tôi không biết người chủ nhà có tin bác hay không nhưng việc bác Chiêu là thành viên của lực lượng cảnh sát quốc gia không phải là không hữu ích.

Một ngày, sau khi tôi ngủ dậy, tắm rửa và ăn sáng (bác Chiêu đã đi làm và cô Mai vẫn còn ngủ sau bức rèm vây quanh giường họ), người cháu trai của chủ nhà đến phòng, lịch sự giới thiệu về mình và đề nghị giúp tôi tìm trường. Trước khi bác Chiêu đi, bác có nói rằng người cháu là “một chàng trai tốt” nên tôi quyết định tin tưởng anh ta, vì tôi cũng chẳng có kế hoạch nào khác. Chúng tôi đến vài ngôi trường gần đó nhưng mấy nơi đó trông có vẻ giống những nhà tù cũ, rồi cuối cùng tôi chọn trường trung học Sơn Hà, một trường công nhìn được nhất. Đó cũng là trường gần nhà bác Chiêu đang thuê, và khi mà đêm hôm trước tôi nghe nhiều tiếng súng vọng lại thì việc trường gần nhà hẳn là điều tốt.

Vài ngày sau, tôi tự nhập học vào lớp Tám. Dù đó là trường công và tôi không có giấy khai sinh, căn cước, hay học bạ, nhưng họ vẫn chấp nhận tôi mà không tra hỏi và nói là tôi có thể đến lớp vào ngày hôm sau. Trên đường về nhà, tôi ghé lại một hiệu sách địa phương và dùng ít tiền dành dụm mua một cái bì để đựng viết và hồ sơ (cái bì đầu tiên tôi có được), một quyển vở, vài cây bút chì, và một lọ mực tím – màu ưa thích của những cô gái tuổi teen sành điệu vì tôi hi vọng mình có thể gây ấn tượng với đám đông. Đa số học sinh trường Sơn Hà mặc đồng phục của trường công lập: con trai mặc áo sơ mi với quần đen hoặc xanh, còn con gái thì mặc áo dài trắng với quần đen hoặc trắng. Tôi không muốn tiêu tiền vào quần áo nên chỉ mặc áo dài

cũ hồi học ở trường dòng, may là vẫn mặc vừa. Nỗi lo lớn nhất của tôi là tiền bạc. Bác Chiêu rất tốt bụng, nhưng cô Mai lại là người nắm giữ chi tiêu. Cô không có việc làm cố định ngoài việc chơi hụi với bạn bè và hàng xóm. Trò này rất may rủi, nhưng cô thấy vui và thảnh thơi kiếm được tiền dù tiền kiếm được có thể có hoặc không bù được cho những lần thua. Tôi không biết sự chào đón của cô khi nào sẽ chấm dứt và chắc chắn là tôi không muốn sống ngoài đường hoặc phải vào viện mồ côi chút nào. Tôi cũng đã hứa với em Thủy một ngày nào đó sẽ đi đón em, và khi đó sẽ tốn nhiều tiền. Tôi phải tìm việc làm.

Sau một tháng học ở trường, tôi nghĩ là tôi đã tìm ra cơ hội. Hồi còn ở Nhà Lá ở Phú Nhuận, lúc dì Thu có một thời gian ngắn bán đá bào, dì có một khách hàng thường xuyên tên Loan, chị khá xinh và thân thiện, lớn hơn tôi vài tuổi, lúc nào chị cũng chào tôi với một cái ôm, thậm chí còn mua đồ cho tôi nữa. Bà cũng rất quý chị nên cho phép chị dẫn tôi đi chợ và bao tôi ăn trưa trong một quán gần đó. Giờ tôi nhớ lại chị vì khi đó chị nói rằng chị sống ở quận Bà Chiểu, nơi hiện thời bác Chiêu và cô Mai đang ở. Tôi không hiểu vì sao tên và khuôn mặt chị Loan lại hiện ra trong đầu tôi ngay lúc này – dù gì thì cũng đã tám năm, nhiều chuyện đã xảy ra – nhưng tôi xem điều này như dấu hiệu thiên thần hộ mệnh, có lẽ là Mẹ tôi, đang phù hộ cho tôi. Không nhụt chí bởi việc phải đi tìm một người tôi đã gần như quên mất ở một khu đông đúc như thế này, tôi bắt đầu gõ những cánh cửa. Và thiên thần hộ mệnh đang ở bên tôi.

Lần theo những manh mối trong cả tuần, tôi tìm ra chị Loan, chị đang sống cùng nhiều cô gái trẻ nữa ở một căn nhà lụp xụp trong một khu rất nghèo. Một cô gái ra mở cửa khi nghe tiếng

gõ cửa của tôi.

“Có người nào ở Bà Chiêu tên Loan ở đây không ạ?”

Cô gái đang nhìn tôi từ trên xuống dưới trang điểm rất dày, rồi thấy rằng tôi chỉ là một con nhóc và không phải là một mối đe dọa nên mời tôi vào. “Có. Loan đang ở đây. Nó ở kia kia.” Chị chỉ về một cô gái trẻ đang ngồi thêu bên cái bàn nhỏ. Dù chị mặc đồ đẹp, trang điểm và đeo trang sức, Loan trông vẫn y như những gì tôi nhớ về chị.

“Chị Loan, em nè, em là Vân, cháu dì Thu!.” Rồi tôi nhớ có lẽ chị chỉ nhớ tên gốc của tôi, nên tôi nói thêm, “Ý em là Hiền. Cháu của dì Thu. Chị nhớ không? Em thường trông coi bé Hoàng khi dì Thu bán đá bào ở trước nhà.”

Chị Loan nhìn tôi một cách thận trọng. Được rồi, tôi hiểu rồi – Sài Gòn đang là vùng chiến, bạn cần phải đề phòng nhưng thôi nào, chúng tôi là những người bạn cũ, thân như chị em vậy.

“Chị không nhớ em à?” tôi hỏi mà không thể tin được. Tôi cảm thấy hụt hẫng. Dù đang sống trong một chỗ tồi tàn nhưng rõ ràng là trông chị rất ổn – quần áo đẹp, trang sức, trang điểm, tóc tai hợp mốt. Nếu ai đó có thể giới thiệu cho tôi một việc làm tốt thì người đó rõ ràng là chị. Tôi bắt đầu kể về những trang thay đổi những năm tôi và chị không gặp nhau nhanh nhất có thể và rồi tôi thấy mặt chị bắt đầu giãn ra. “Vậy,” cuối cùng tôi nói, “chị là thợ may à? Việc này kiếm được nhiều tiền lắm. Chị có cần em phụ không?”

“Em Hiền, em sẽ không muốn làm cái việc chị đang làm để kiếm sống đâu,” chị nói một cách thờ ơ. “Đây chỉ là công việc ban ngày của chị. Chị kiếm tiền chính vào ban đêm, và em

không thể làm được việc này bằng cách ngồi trên một cái ghế.”

Tôi liếc nhìn những cô gái khác, nhưng không ai nhìn vào mắt tôi mà đang bận đọc báo, giữa móng tay hoặc uống trà và lặng lẽ nói chuyện với nhau.

“Hãy nghe lời chị và đi ra khỏi đây,” Loan nói. “Trở lại trường đi. Có rất nhiều thứ em có thể làm với cuộc đời mình, nhưng đây không phải là việc như thế.”

Tôi rất giỏi Toán nên tôi sớm hiểu ra vấn đề và đi về nhà.

Hết tuần này đến tháng khác công việc hằng ngày của tôi vẫn như thế. Ban ngày được chia ra giữa trường học và tìm việc làm – một cuộc tìm kiếm trên diện rộng làm tôi phải đi quanh thành phố. Còn ban đêm hầu như đêm nào tôi cũng cố gắng làm mình trở nên nhỏ bé trong một căn phòng còn không đủ rộng cho hai người ở, nhưng nếu sự hiện diện của tôi làm mối quan hệ của bác Chiêu và cô Mai có gì không ổn thì họ cũng không thể hiện ra. Tôi thường giúp cô Mai nấu ăn và dọn dẹp sau khi ăn xong để trả ơn (ít nhất là chút nào đó) khi cô cho phép tôi ở cùng. Nhưng cô Mai muốn tự mình nấu ăn, với tôi thì điều này ổn thôi vì cô nấu rất ngon. Món duy nhất cô để tôi nấu, canh cá nấu cà thì vị rất miền Bắc so với cô, nhưng ít nhất lý do cô không cho tôi nấu nướng cũng không phải vì cô cho tôi là “đứa mồi côi ngu ngốc.” Chỉ đơn giản là thức ăn quá đắt đỏ nên không thể đánh liều với khả năng nấu nướng hạn chế của tôi, và cô Mai cũng không hào hứng gì việc dành thời gian ra để dạy tôi.

Một ngày nọ, tôi vô tình làm cháy một tà áo dài phía sau khi đang ủi đồ bằng bàn ủi than. Tôi không biết làm cách nào để sửa lỗi và rất hoảng sợ vì tôi đã làm hư cái áo. Nhờ trước đây nhìn

bà ngoại và mợ Nga, tôi cũng biết đôi chút về khâu vá nhưng tôi đang rất lo không biết nó sẽ trông như thế nào. Thật là xấu hổ nếu phải đến trường với một cái lỗ trên áo hoặc một miếng vá vụng về. Tôi nhớ bà ngoại đã nhiều lần dạy tôi rằng nghèo cho sạch rách cho thơm, nghèo không phải là cái cớ để ăn bận bẩn thỉu hay cầu thả, và phải luôn chăm chút bề ngoài của mình. Vì thế, tôi đến chợ để nhìn ngó, xem thử có nảy ra được sáng kiến nào để sửa cái áo hay không. Tại một cửa hàng, tôi tìm ra những mảnh vải thêu được trưng bày trong một cái hộp bằng kính. Tôi nảy ra ý tưởng, thế là tôi trả giá để mua mảnh vá hình một con voi màu xám và hồng – cái duy nhất tôi có thể mua với ngân sách hạn hẹp của mình. Tôi khâu mảnh vải vừa khít lên vết cháy, và dù trông nó hơi ngốc nghếch nhưng tôi cũng khá hài lòng với kết quả. Bạn bè ở trường nghĩ tôi làm vậy để trang trí, và chẳng bao lâu sau, vài đứa con gái còn thêu mảnh vải lên áo dài của chúng. Tôi chưa bao giờ nghĩ mình là một người dẫn đầu xu hướng, và chuyện này rất có ý nghĩa đối với tôi bởi vì trong thế giới của một đứa mồ côi thì sự tôn trọng và việc được chấp nhận là điều gì đó rất khó có được.

Những vụ đấu súng vẫn diễn ra vào ban đêm, đôi lúc chúng tôi bắt đầu nghe những tiếng đì đùng ngay giữa ban ngày, thỉnh thoảng kèm thêm một tiếng ầm của pháo binh. Chúng tôi chẳng có hầm trú cũng không có chỗ trú ẩn công cộng kế bên nên chỉ bịt tai lại hoặc nói lớn hơn. Bác Chiêu là một cảnh sát, và nếu bác không có vẻ lo lắng thì tôi nghĩ rằng tôi cũng nên bình tĩnh. Tôi chưa bao giờ cảm nhận được từ những người lớn xung quanh – gồm cả các giáo viên – rằng mọi việc sẽ khác hơn so với những gì tôi đã trải qua trong suốt cuộc đời mình. Những biểu

hiện âu lo đang càng ngày càng tăng cao và lan khắp Sài Gòn trong suốt thời gian tôi đi tìm việc, nhưng dường như sự lo âu không ngăn được bất cứ ai khỏi công việc thường ngày của họ, nên tôi cũng không lo về những chuyện đó.

* * *

Mùa thu năm 1974, tôi nhận được một lá thư từ em Thủy. Tôi không nghe được tin tức gì về em kể từ khi tiễn em đi cùng mẹ Nga và các con của mẹ tại bến xe Sài Gòn, nên tôi mở phong bì với nỗi trông mong nhưng cũng đầy lo lắng. Những điều đọc được làm tôi sốc và buồn khổ ghê gớm.

Sau vài lời chia sẻ ấm áp (gia đình mẹ Nga đối xử với em khá ổn dù Thủy bị buộc phải đưa toàn bộ tiền để dành của mình cho chị gái của mẹ Nga để phụ trong gia đình), em nói em đang trông mong tôi đến đón em và ước ao được sống cùng nhau. Em còn gặp nhiều rắc rối ở trường:

Một ngày nọ, giáo viên tiếng Pháp đã đánh em vì mặc đồ ướt đi học. Thầy thậm chí còn không hỏi em lý do, cũng không cho em giải thích. Thầy phạt em bằng cách dùng thước khế tay em, làm bàn tay trái của em đỏ lừ lừ. Sau đó em nói với thầy rằng em chỉ có hai bộ đồng phục và em đã giặt cả hai bộ buổi sáng hôm trước ngày đi học nhưng không có bộ nào kịp khô vì trời mưa nhiều. Em không muốn nghỉ học nên mới quyết định mặc đồ ướt.

Em nói thầy giáo dạy tiếng Pháp đó đã báo với giáo viên Văn

việc em vi phạm nội quy, có lẽ là để chắc rằng em sẽ bị phạt một lần nữa hoặc cũng có thể không. Dù sao đi nữa thì thầy giáo Văn cũng thể hiện sự thông cảm cho một đứa mồ côi và mời em về nhà thầy ăn trưa, vợ thầy đã lục tủ đồ và cho em mấy bộ đồ cũ để em không phải lặp lại chuyện mặc đồ ướt đi học nữa. Một thời gian sau, thầy còn cho em tiền, nói là để “thưởng cho việc học tốt,” dù Thủy chưa bao giờ nghe thầy trưởng có làm vậy và điểm số của em tới giờ vẫn rất tệ. Tuy rất biết ơn lòng tốt của thầy nhưng em biết thầy làm vậy chỉ vì lòng thương hại, và điều này làm em cảm thấy còn tồi tệ hơn. Rõ ràng là cả hai chúng tôi đều thừa hưởng sự cứng nhắc này từ bà ngoại.

Thư của em Thủy tiếp tục mô tả nhiều hơn về cuộc sống của em ở Trà Ôn.

Mợ Nga và con của mợ sống ở một chái nhà, được xây như nhà bác Chiêu, còn mẹ và chị gái của mợ sống ở phía còn lại. Nhà bếp và khu vực tắm rửa được dựng trên những cây sào bắt qua sông, dù vậy em Thủy không được phép dùng chúng. Thay vào đó, theo như em viết trong thư, em bị buộc phải tắm rửa ở bờ sông, và điều này đối với một đứa tuổi teen thì thật là đáng xấu hổ.

May mắn là em gặp một bạn ở trường tên Thy. Bạn cũng là hàng xóm ở kế bên nhà. Khi nào ba mẹ bạn đi vắng, bạn cho em tắm ở nhà bạn. Em rất vui và rất biết ơn vì lòng tốt của bạn và vì được kết bạn với bạn.

Nhưng đó chưa phải là điều tồi tệ nhất. Dù em không còn đối mặt với mối nguy từ dượng Al nhưng sự an toàn của em gái tôi bị đe dọa bằng những cách khác. Cuộc chiến tại Trà Ôn còn ở gần em hơn chúng tôi.

Sống ở dưới quê rất đáng sợ. Vào ban đêm, khi em nằm trên giường ngủ, em nghe thấy người ta ở ngoài xa xa đang khóc than cho người thân của họ. Em rất sợ phải ở một mình trên giường. Mỗi đêm, em nghe thấy người ta đánh nhau, bắn nhau và nghe thấy những tiếng nổ lớn. Em nghĩ rằng người ta tìm thấy xác người thân của mình ở sông và mang về nhà để chôn cất. Một đêm nọ, em rất mắc tiểu và em thấy bóng ai đó ở phòng sau. Em biết nếu vào nhà sau để tiểu thì em sẽ gặp rắc rối, nên em buộc mình phải đi tiểu ở bờ sông. Em nghe tiếng súng nổ ở đâu đó rất gần và cảm thấy đạn vừa lướt qua tóc mình. Em rất sợ và đã ngã gục xuống, không nhúc nhích nổi. Em nghĩ rằng mình đã chết rồi. Nhưng một lúc sau, em đứng dậy và chạy nhanh thật nhanh về nhà rồi nhảy tót lên giường, trốn trong mền và run lấy bầy vì sợ. Em mừng rằng mình chưa chết.

... Em rất buồn vì cô đơn và rất nhớ chị. Em không thể đợi được cho đến lúc chị kiếm được tiền và đến đón em. Em rất muốn ở với chị, chị ơi. Em rất buồn vì chị em mình không ở cùng nhau.

Thôi trời tối rồi, em phải chuẩn bị đi ngủ. Em không được phép dùng đèn dầu nhiều. Xin chị đừng quên em. Đừng quên viết cho em nhen.

Em gái yêu quý của chị

Thủy

Tôi bật khóc. Tôi đã nghĩ rằng bằng cách để em đi với mẹ Nga, như cô Mai muốn, em sẽ an toàn hơn và vui vẻ hơn, nhưng điều này không hề xảy ra. Tôi đã đẩy em vào một tình cảnh gần

như là địa ngục của trẻ mồ côi và đẩy em đứng trước miệng hùm, chẳng khác hơn khi chúng tôi ở Nhà Gạch hồi Tết năm đó. Tôi cảm thấy mình đã làm Mẹ thất vọng và linh hồn của Mẹ – thiên thần hộ mệnh đang dõi theo tôi – vì lý do gì đó đã bỏ rơi em gái tôi. Chỉ có một việc tôi phải làm. Vì tôi không thể chăm lo cho em, ít nhất tôi phải đưa em trở lại với bà ngoại, mặc kệ những mối nguy có thể kèm theo. Cách duy nhất tôi có thể chắc chắn rằng mình không đẩy em Thủy vào cảnh tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa là tôi sẽ tự mình trở lại Trại Cá và đảm bảo rằng nơi đó đã an toàn trở lại.

* * *

Vào tháng Mười, tôi đón xe đò từ Sài Gòn đến Trại Cá để thăm bà ngoại và để lấy chiếc xe đạp của mình – món quà quý giá của anh Quang mà tôi đã phải bỏ lại vì cùng em Thủy vội vã ra đi. May mắn là lúc tôi đến, cả dượng Al và dì Thu đều đã đi giao hàng nên bà ngoại ra mở cổng. Trông bà ốm hơn và đi lại chậm chạp hơn lần cuối tôi gặp bà, nhưng tôi cũng không nghĩ điều này lạ lùng gì lắm. Như những người khác trong nhà, dượng Al và dì Thu vất kiệt sức bà nhưng vẫn không bằng cách bà bắt bản thân mình phải lao động. Bình thường, bà thích hút thuốc trong yên bình và tận hưởng buổi chiều thoải mái, nhưng trong những lúc nhàn rỗi khác, bà lại tự giao cho mình làm việc này việc kia, chỉ để khiến mình bận rộn. Dù vậy, năm tháng đã cho thấy rằng dù bà muốn làm nhưng sức lực bà lại muốn được nghỉ ngơi.

Chúng tôi nhanh chóng bước vào phòng bà để những người khác ở trại không thấy tôi và báo lại với dì dưỡng. Bà ngoại nói dì Thu có vẻ nguôi ngoai về chuyện của Mẹ, ít nhất là lúc này, thêm nữa, tôi và Thủy cũng không ở gần để nhắc cho dì về Mẹ. Sau khi tôi kể cho bà nghe tình cảnh của Thủy ở Trà Ôn, bà ngoại đồng ý rằng, ít nhất nếu không phải vì đi trốn cuộc chiến đang đến gần thì để bà chăm lo cho Thủy sẽ tốt hơn. Bà lấy ra một cuộn tiền từ dưới nệm và đưa hết cho tôi, cùng với chiếc nhẫn kim cương mắt hổ dưỡng Al đã tặng bà vào dịp Giáng Sinh năm ngoái. “Đây, cháu cầm lấy để đi đường và đưa em Thủy về cho bà. Chiếc nhẫn để phòng khi người ta không dùng tới tiền nữa. Nhớ giữ cho cẩn thận.”

Tôi không thể hiểu được lại có lúc những người bình thường – người bán hàng, tài xế taxi, viên chức chính phủ, công nhân, thậm chí là cảnh sát và lính tráng – lại không cần tiền giấy; nhưng có lẽ bà biết điều gì đó mà tôi không biết được. Tôi cảm ơn bà rồi nhét nó vào dưới áo.

“Thôi cháu đi đi.” Bà liếc quanh. “Cháu nên đi trước khi tụi nó về nhà.”

Tôi ra sau hè để lấy xe đạp và thấy anh Quang đang làm việc bên một ao cá. Anh ngược lên nhìn tôi, tôi vẫy tay với anh, nhưng anh chỉ cúi đầu và tiếp tục làm việc.

“Anh Quang bị sao vậy bà?” tôi hỏi bà, thật sự rất ngạc nhiên.

Bà chỉ nhún vai. “Nó cứ như vậy kể từ khi tụi cháu bỏ đi. Bà không nghĩ là nó biết chuyện. Nếu nó biết, có lẽ nó cảm thấy buồn vì không bảo vệ được em mình. Nó có thể làm gì được chứ? Nó chỉ là một thằng con trai. Hãy cố gắng đưa Thủy về đến

đây an toàn. Mọi việc còn lại cứ để cho bà.”

* * *

Tháng tiếp theo, tôi nói bác Chiêu rằng tôi cần đi Trà Ôn để đón Thủy về lại Trại Cá, rằng tôi đã hỏi bà ngoại về chuyện này và tôi đã có đủ tiền để đi đường. Tôi chỉ cần được hướng dẫn.

Hành trình gồm ba tiếng ngồi xe đò từ Sài Gòn đến thành phố Cần Thơ, rồi một cuộc hành trình khác khoảng nửa tiếng đến nhà Thủy ở Trà Ôn. Tôi đến vào giờ cơm trưa và Thủy đón tôi với những giọt nước mắt hạnh phúc. Tôi nói rằng tôi đến để đưa em về nhà, tạm thời không đề cập đến chuyện trở về Trại Cá và về với bà ngoại, nhưng chúng tôi sẽ có nhiều thời gian để nói về chuyện này. Khi ấy nếu bắt đầu về thì đã quá trễ nên chiều hôm đó, chúng tôi đi chào người giáo viên đã giúp đỡ em và đến thăm nhà người bạn thân của em, Thy, đang sống kế bên. Mẹ Nga, dù lúc nào cũng dễ chịu và lịch sự, có vẻ không vui không buồn về chuyện Thủy rời đi. Tôi nghĩ mẹ của mẹ Nga, người đứng đầu gia đình, và chị của mẹ rất vui khi em đi. Thủy và tôi cùng ở lại đó đêm cuối trên cái giường nhỏ của em, rồi rời đi vào sáng sớm hôm sau để về Trại Cá. Tôi trấn an em rằng mọi chuyện đã trở nên tốt hơn. Thủy rất buồn vì tôi không cùng ở lại, nhưng tôi thật sự nghĩ rằng em đã quá sợ vì bị bao vây bởi chiến trận và quá buồn vì danh hiệu mồ côi hạng hai, nên rất vui khi trở về với những gương mặt quen thuộc, dù nơi đó có nhiều chuyện không vui.

Mấy tiếng sau chúng tôi về lại Trại Cá, tôi theo em đến cổng

chính và bà ngoại đang chào đón chúng tôi ở đó. Tôi thấy dựng Al và dì Thu trong nhà, nên tôi bỏ ý định tìm gặp anh Quang. Khi tôi trở về với cái giường nhỏ của mình tại nhà bác Chiêu và cô Mai ở Sài Gòn thì đã gần nửa đêm, và những màn pháo đêm ở rìa Đô thành đã bắt đầu rồi.

* * *

Nếu mọi việc biến chuyển ở Trà Ôn thì nó cũng biến chuyển ở Sài Gòn, nhưng chậm chạp hơn, như một chứng bệnh ban đầu thể hiện qua những cơn đau nhức, rồi mới đến những trận sốt, rồi chết. Một trong những thay đổi nhỏ đó xảy ra trên đường phố Sài Gòn, nơi chưa bao giờ an toàn trước những kẻ trộm cướp, móc túi và gần đây còn trở nên tồi tệ hơn bởi những dòng người tị nạn từ miền quê lũ lượt tràn về.

Tôi đang đạp xe đi học vui vẻ tận hưởng khí trời mát mẻ của một ngày mùa mưa nhưng không có mưa, trên con đường bụi bặm và đông đúc. Đột nhiên, một thằng bé và cha nó đạp lên trước xe tôi. Thằng nhỏ đang cười khúc khích rất vui. Điều này làm tôi nhớ lại những kỷ niệm tôi đã từng có với Ba vào những năm 1964.



Ba và chú Thành khi còn trẻ

Trước khi Ba đi làm nhiệm vụ ở Hồng Ngự, tự nhiên Ba lại muốn gặp mặt toàn bộ gia đình bên nội. Các gia đình tụ họp lại tại nhà chú Thành, gồm cả bác Thơi, con cái của bác và chúng tôi. Để mừng cuộc đoàn tụ của gia đình họ Nguyễn, chúng tôi đã thuê thợ chụp một bức ảnh tập thể, và trong bữa tiệc, Ba nói rằng giữa thời chiến, tất cả chúng tôi sẽ nhận ra cuộc sống không chỉ quý giá mà mỗi phút giây đều có thể trở thành những giây phút cuối cùng của cuộc đời. Như mọi lần, Mẹ xua đi nỗi lo của Ba và nói đó là chỉ là sự hồi hộp trước chuyến đi thôi chứ không có gì đâu, những người khác cũng đồng tình với Mẹ. Mẹ ở lại nhà với Thủy và bà ngoại để nấu nướng cho bữa tiệc. Chúng tôi đi chụp

hình, anh Quang cùng gia đình bác Thơi đi taxi còn tôi nhảy lên sau xe đạp của Ba. Chú Thành chở thím Lan và con gái út của họ – Hà – sau xe đạp của chú và đạp xe cạnh chúng tôi. Khi chiếc taxi rời bánh, chú và Ba bắt đầu nhấn pê-đan đạp nhanh để đuổi theo. Ba cười và nói tôi vịn chặt. Rồi Ba cúi rạp người về phía trước và la lên “Đua xem ai đến trước nào!”

Khi Ba đang thông thả đạp xe đến trước vỉa hè của tiệm thì nghe chú Thành la lên từ phía sau: “Anh Tỉnh – dừng lại, dừng lại! Dép của Hiền bị kẹt vào bánh xe rồi – chân nó đang chảy máu!”

Ba ngừng ngay lập tức và quay lại nhìn tôi, rồi nhìn xuống chân tôi. Chiếc dép xăng-đan bên trái của tôi kẹt trong cãm xe và mắt cá chân đang chảy máu. Tôi đã rất phấn khởi vì được ở gần Ba nên không để ý mình bị kẹt chân.

Ba ẵm tôi vào tiệm chụp hình để thím Lan lau vết thương cho tôi. Người thợ chụp cho tôi một trái chuối để tôi nín khóc. Trong vài giây, tất cả chúng tôi tập trung trước đèn của chú, và máy ảnh kêu lên cái “tách” làm ngừng đọng lại tai nạn nhỏ của tôi với trái chuối đã ăn hết một nửa, và ngừng đọng lại khoảnh khắc mà tôi không bao giờ quên được.



Một bức ảnh hiếm hoi còn đến bây giờ có tôi (bên dưới phía phải), anh Quang (ở giữa từ bên phải, hàng giữa), Ba (hàng sau, bên phải) và các anh chị em của Ba được chụp trước khi ba đi nhiệm vụ ở Hồng Ngự

Đột nhiên, tôi nghe thấy tiếng một cô gái ở phía sau mình.

“Chị ơi, chị – dừng lại! Quay lại mau!” một em gái nhỏ hơn tôi vài tuổi đang cố đạp xe nhanh để đuổi theo tôi.

Tôi ngừng đạp và chống một chân xuống đất. “Chuyện gì vậy em?” tôi hỏi.

“Có người vừa mới lấy cái gì đó từ sau xe của chị.” Em chỉ vào cái giỏ nhỏ ở phía yên sau nơi tôi thường cột lại bằng một sợi dây chằng. Vở của tôi vẫn còn đây, nhưng cái bì hồ sơ đã biến mất, cùng với bút viết và toàn bộ tiền bên trong. Ôi không không. Tim tôi chùng lại. Tôi nhìn quanh quất vào dòng người trên đường nhưng không thấy ai khả nghi.

“Em đã la lên cảnh báo chị này giờ. Chị không nghe thấy à?”

Tôi lắc đầu. “Trông hần như thế nào?” tôi hỏi cứ như thể mình có thể lấy lại bì hồ sơ của mình.

“Em không biết. Đó là một người đàn ông. Thôi em đi đây kéo trễ.” Em gái đạp xe về phía một trường tiểu học cách đó vài dãy nhà.



Đạp xe đến trường, Sài Gòn

Đáng đời tôi chưa! Tôi đã tự hào mình là một đứa khôn lanh lỏi đời nhưng lại để bị móc túi như vậy – trong lúc đang đạp xe nữa chứ! Thật không thể tha thứ được. Chuyện gì đang xảy ra thế này? Vấn đề không phải bì hồ sơ hay mấy cây viết, mà là tiền, toàn bộ số tiền tôi đã cất trong đó và mang theo vì sợ những người lạ trong căn nhà bác Chiêu. Giờ thì mất hết rồi. Tôi đã tính mua lớp xe đạp nhưng giờ thì khỏi phải bàn nữa rồi. Và tôi cũng không có bút viết để làm bài tập!

Sau giờ học, tôi kể cho bác Chiêu nghe chuyện xui rủi này.

“Không phải lỗi của cháu đâu,” bác nói. “Tình hình dạo này rối ren lắm. Chắc thằng đó biết cháu cất tiền trong đó. Cả thành phố này đang thay đổi. Có quá nhiều người lạ. Không còn ai biết được hàng xóm của mình là ai nữa. Chúng ta phải canh chừng cho nhau thôi.”

Lúc đó, người cháu trai tốt bụng của chủ nhà thò đầu vào cửa nhà tôi và nói: “Đừng lo Vân à. Anh có một cái bút Pilot cũ, anh sẽ cho em mượn. Nhưng em phải giữ gìn cẩn thận nhé, giờ thì cái gì người ta cũng lấy được hết.”

Ngày hôm sau, trước khi bác Chiêu đi trực, bác nhìn quanh để đảm bảo rằng cô Mai không để ý rồi giúi ít tiền vào tay tôi. “Đây cháu. Giờ cháu lớn rồi, khi ra đường phải có ít tiền dẫn túi.”

Tôi thật sự rất vui khi có tiền.

“Nhưng cô Mai...”

“Những gì cô không biết sẽ không làm cô phiền lòng đâu.” Bác Chiêu mỉm cười. “Sau giờ làm, bác thường chạy xe ôm một, hai tiếng để kiếm thêm chút này chút kia rồi cũng dành dụm được một ít. Nhưng đây là bí mật của bác cháu mình nhé! Cháu nhớ cất tiền cẩn thận.”

Rồi bác lao đi làm còn tôi thì thấy mắt mình cay cay. Bác Chiêu là một người tốt – thích pha trò, thậm chí là với đám con nít tụi tôi, nhưng bác chưa bao giờ thể hiện mình là người tình cảm hay có trách nhiệm về bất cứ chuyện gì. Đây là lần đầu tiên trong một thời gian dài tôi cảm thấy được quan tâm chăm sóc, đặc biệt là từ một thành viên trong nhà. Bác chưa bao giờ đánh tôi hay to tiếng với tôi, và giờ thì món quà đặc biệt của bác cùng

với những lời này... đó là một khoảnh khắc mà tôi không bao giờ quên.

Rồi tôi đi thay lốp xe và mua một cây bút mới, trả lại cây Pilot cho anh hàng xóm. Nhưng tôi cũng nhận được thứ khác, và thứ này đáng giá hơn cả tiền trong nhiều tuần và nhiều tháng tới.

* * *

Trường Trung học Cơ sở Sơn Hà là một ngôi trường thân thiện. Không biết có phải vì nhiều gia đình tìm nơi chốn nương tựa lũ lượt đổ về Sài Gòn đang khát khao sự an toàn hay bởi vì những học sinh lớn đã biết chúng phải giúp đỡ nhau hay không, tôi không biết, nhưng không ai để ý chuyện tôi là một đứa mồ côi. Một trong những người thân thiện và nhiệt tình giúp đỡ tôi là Phương. Bạn cao hơn tôi một chút và già dặn hơn tuổi, bạn làm tôi nhớ tới bạn cũ của tôi – Thơm, từ mùa hè rồi tôi chưa gặp lại bạn. Nhà Phương có một cửa hàng mặt tiền ở chợ gần trường chúng tôi, điều này có nghĩa là họ tương đối khá giả. Vì nhà bác Chiêu thường đông đúc, tôi rất vui khi Phương rủ tôi cùng chơi sau giờ học.

Tôi phát hiện ra Phương là một người có nhiều kinh nghiệm và rất để ý đến bọn con trai. Dường như bạn biết được gia thế và tính cách của tất cả học sinh nam trong lớp chúng tôi và vô tư tán tỉnh khi giáo viên không để ý. Bạn có một người anh họ tên An, và anh này nói rằng anh thích tôi từ cái lần tôi đến chơi ở tiệm của ba mẹ bạn. Tôi nghĩ bạn muốn chơi trò ông mai bà mối, vì hơn một lần bạn hỏi tôi có thích anh không.

“Mình không biết,” tôi nói, hơi đỏ mặt. “Tụi mình chỉ mới học lớp Tám thôi mà. Bạn không nghĩ rằng tuổi này quá nhỏ để nghĩ đến chuyện trai gái hay sao?”

“Bọn con trai tuổi nào cũng nghiêm túc cả,” bạn nháy mắt. “Thôi mà – ít nhất thì bạn cũng có đôi lời cảm nghĩ về anh An chứ.”

“Ôi trời, ảnh có vẻ quá lớn so với mình. Ảnh bao nhiêu tuổi vậy?”

“Hai mươi ba.”

“Hai mươi ba á!” tôi suýt sặc nước trà. “Lớn hơn mình tới tám tuổi!”

“Thì sao?”

“Vì sao một người con trai tuổi ảnh lại muốn hẹn hò với một đứa học lớp Tám? Có vẻ như không phù hợp lắm.”

Phương hút ly nước ngọt của bạn nghe rột rột. “Đừng lo chuyện đó. Ảnh là anh họ mình. Mình rành ảnh lắm. Ảnh không phải kiểu lập dị hay hám gái đâu. Ảnh cũng ngầu lắm đó nha. Ngoài ra, bạn viết tên ảnh suốt khi ghi tên của bạn đó thôi.”

“Là sao?”

“Thì mỗi khi bạn viết chữ Vân, bạn bắt đầu bằng chữ V và kết thúc bằng chữ An đúng không? Thôi mà. Đó là ý trời đấy. Bạn sẽ gặp ảnh lần nữa chứ. Nếu bạn không chịu gặp ảnh, ảnh sẽ lằng nhằng mình hoài cho coi.”

Tôi thoáng nghĩ về cơn cảm nắng hồi trước của mình, mối tình đơn phương mà tôi ảo tưởng với anh chàng sĩ quan đẹp trai người Việt, người đã sống vài tháng ở Trại Cá. Anh còn lớn hơn

anh An, nhưng chỉ hơn một chút. Bà và mẹ Nga đã nói với tôi về chuyện yêu đương trai gái vào lần đầu tiên tôi có kinh, nhưng họ lại để ngỏ nhiều thông tin mà giờ đây tôi đột nhiên cảm thấy thật liên quan. Những xúc cảm trong tôi muốn nói có, nhưng trí óc tôi lại bảo rằng không. Cuối cùng tôi lại để cho số phận định đoạt.

Vài ngày sau đó, lúc tôi vừa tan học, tôi rất ngạc nhiên khi thấy anh An trước cổng trường. Tôi vờ như không thấy anh, nhưng anh lại chạy tới, đi bên cạnh tôi.

“Chào Vân,” anh vui vẻ bắt chuyện. “Anh vừa nói chuyện với Phương về em. Em đi uống gì với anh nhé. Anh hứa sẽ không lâu đâu. Có một quán nước ở cuối đường này thôi. Em đi với anh nhé.”

Tôi đột nhiên nhận thấy cả chục cặp mắt đang nhìn mình. Dù Phương có nhiều tính tốt nhưng bạn cũng khá nhiều chuyện, nên hẳn là nhiều đứa con gái khác đang tự hỏi không biết tôi sẽ trả lời sao với tình huống này đây. Tôi tự hỏi không biết Phương đã nói gì với anh mà khiến anh tỏ ra tự tin vui vẻ đến vậy. Mọi chuyện đến quá nhanh làm tôi ngợp, nhưng chuyện tiếp theo mà tôi biết là chúng tôi đang đứng trước một quầy nước ở góc đường. Anh kêu hai ly nước mía và chúng tôi ngồi dưới một gốc phượng.

“Anh cứ hỏi Phương về em miết nhưng nó không chịu nói gì nhiều,” anh An nói.

“Phương cũng không nói gì về anh cho em biết cả,” tôi đáp lại, “trừ chuyện anh là anh họ của nó.”

Anh cười. “Cũng đúng thôi. Ừ thì anh đang làm việc cho ba

mẹ, nhà có một công ty giao nhận. Thật ra anh làm hầu hết mọi chuyện và kiếm được rất khá. Ba mẹ anh cứ hỏi khi nào thì anh lấy vợ còn anh thì cứ trả lời “Khi con tìm được người con thương đã!”. Đến giờ thì anh chưa may mắn lắm.”

Tôi không thích cách câu chuyện bị lái đi nên cố đổi đề tài.

“Ờ thì gia đình rất quan trọng.”

“Anh biết. Phương nói em sống với bác và trước đây thì sống với dì và chồng của dì. Nó nói em chăm lo cho em gái mình và học rất giỏi. Nó còn nói ở trường ai cũng mến em. Liệu em có trách gì anh không nếu anh cũng mến em?”

Ôi trời, tới rồi. “Anh này,” tôi nói, “Em phải về nhà nấu cơm. Như anh nói thì gia đình của em trông đợi rất nhiều vào em. Em không muốn họ phải thất vọng. Cảm ơn anh đã mời nước nhé.”

Tôi để anh bắt tay mình, rồi nhanh chóng lủi vào đám đông. Thật mừng là anh An không đợi tôi ở cổng trường nữa, hoặc theo tôi biết thì anh cũng không cố liên lạc với tôi. Thật ra, người duy nhất cứ khơi lại chuyện này là Phương vì bạn không thể nào tin được tôi lại không chịu hẹn hò với một anh chàng điển trai và tử tế như vậy. “Này, nếu bạn cưới ảnh thì ảnh sẽ chăm lo cho bạn,” Phương nói, “Chẳng phải đó là điều bạn muốn sao?”

“Điều mình muốn là học xong và kiếm một việc làm tốt. Mình không có thời giờ để nghĩ đến chuyện trai gái.” Tất nhiên là tôi đúng, dù có lẽ đã viện sai lý do. Tôi chưa bao giờ nghĩ mình là một người nhút nhát nhưng trường đời đã dạy tôi rằng nhảy vào những điều mình chưa sẵn sàng chắc chắn sẽ không mang lại kết quả gì tốt đẹp. Tôi không chê gì anh An cả. Có Chúa

chứng giám, Ba tôi lớn hơn Mẹ tôi những mười hai tuổi khi họ kết hôn, nhưng họ là những con người khác, sống ở một thời đại khác. So với thời đó thì thế giới này – thế giới của tôi – đã thay đổi rất nhiều và đang thay đổi rất nhanh. Tôi cần có sự ổn định trong cuộc sống chứ không muốn chuốc thêm rắc rối. Cuối cùng Phương cũng không buồn nhắc lại, dù tình bạn của chúng tôi cũng bị ảnh hưởng ít nhiều. Tôi nghĩ theo cách nào đó thì bạn cũng như Liên, đưa học trò cá biệt ở trường cũ của tôi. Bạn không muốn có bạn bè mà muốn có những người nghe theo bạn và có cùng sở thích với bạn. Chỉ là người đó không phải tôi mà thôi.

* * *

Giáng Sinh năm 1974, Sài Gòn chứng kiến nhiều sự biến đổi kỳ lạ hơn. Người Mỹ – lính Mỹ, nhà thầu, công nhân viên chức và công nhân – đã từng hiện diện ở khắp mọi nơi từ vỉa hè cho tới lòng đường, giờ thì càng lúc càng ít. Những quán bar, nhà hàng và những tụ điểm vui chơi ưa thích của họ giờ hoặc là đóng cửa, hoặc là dành cho người bản địa. Những tiếng máy bay ù ù vọng lại từ xa xa từng là âm thanh nghe thoải mái như tiếng sóng vỗ, nay hầu như biến mất. Những chiếc máy bay vẫn bay ra bay vào Tân Sơn Nhất nay chỉ còn là những máy bay thương mại. Bom đạn và pháo vẫn còn âm âm nổ trong đêm, nhưng những trận bom có vẻ bắt đầu sớm hơn và kéo dài hơn, thường là tới tận sáng. Dù vậy, bạn cũng không bao giờ biết được điều gì đang xảy ra qua thái độ của người trong nhà, giáo viên hay

những đứa học trò trong trường. Chúng tôi đang ở trong cái kén ấm áp của riêng mình, và mọi người đang sợ sệt, không dám hé nhìn ra ngoài.

Đợt lễ đó tôi ở với bác Chiêu và cô Mai. Không như những mùa Giáng Sinh ở với dượng Al, tôi đi lễ nhà thờ với đám bạn cùng trường chứ không đi với gia đình, ở Nhà thờ Đức Bà – nhà thờ lớn nhất Sài Gòn, phỏng theo Notre Dame ở Pháp. Một lần nữa, tôi lại cảm thấy đơn côi trong thế giới to lớn này. Hầu hết toàn bộ thời gian không đến trường, tôi đến nhà bạn học hoặc đi tìm việc làm. Cô Mai có gia đình riêng của cô còn bác Chiêu thì làm thay ca cho những đồng nghiệp nghỉ phép và chạy xe ôm. Theo cách nào đó thì tôi cho rằng việc này rất tuyệt – không có tiếng chửi mắng, những lời hăm dọa hay những trò chơi bệnh hoạn, cũng không có những trận đòn hay công việc nhà để đãi khách. Nói cách khác, khi người ta phải làm quá nhiều để đem đến không khí lễ lạt cho mọi thứ xung quanh, thì nghỉ lễ cũng chẳng khác nào đang làm việc. Tôi nhớ Thủy, anh Quang, bà ngoại, và Bubba – chàng “hoàng tử bé” đã trở thành em trai của tôi. Tôi muốn gặp họ, nhưng việc này không đơn thuần là một tiếng ngồi xe. Tôi có thể xin bác Chiêu tiền vé xe nhưng không muốn chạm mặt dượng Al hay dì Thu. Tôi được tự do muốn đi đâu thì đi, về lúc nào thì về nhưng tôi không thấy vui vẻ gì trong sự tự do của mình.

Một phần của rắc rối này là cô Mai. Lúc đầu học kỳ thì cô khá ổn, thậm chí còn rất ủng hộ tôi, và chúng tôi đã tìm ra cách để sống chung mà không dẫm vào chân nhau. Nhưng đến cuối mùa Giáng Sinh thì rõ ràng là bất cứ điều gì tôi làm cũng khiến cô khó chịu. Cô còn bực mình hơn khi tôi ở với bác Chiêu, người đã

thực sự trở thành cha đỡ đầu của tôi. Có lẽ là vì giờ tôi đã là thiếu nữ rồi, và dù tôi là cháu của bác nhưng không người phụ nữ nào muốn người đàn ông của mình quan tâm chú ý đến người khác. Cũng có thể cô biết được những cuộc chạy xe ôm sau giờ làm của bác đa phần phục vụ gái điếm, vì những cô này thích cảnh sát lái xe ôm cho họ. Tôi không nghĩ bác Chiêu ham thích những người phụ nữ đó, nhưng bác không cho cô Mai biết số tiền thực sự bác kiếm được, nói chỉ đến những món tiền nho nhỏ bác thường gửi cho tôi. Hơn hết, cô Mai đang mang trong mình đứa con đầu lòng của họ, một sự tiến triển khiến bác Chiêu rất vui còn cô Mai thì ỉn ẻ, hay nghi ngờ và ghen tuông. Với không khí đáng sợ trong toàn thành phố, đây không phải là thời gian phù hợp để bắt đầu một gia đình, và cô Mai đang rất lo lắng cho tương lai của họ.

Nói gì thì nói, mọi chuyện xảy ra có vẻ làm tôi cách xa gia đình bác Chiêu hơn là xích lại gần. Tôi lần khăn không muốn về nhà sau khi tan trường nên hay đi chơi với bạn bè như Phương, đi uống nước, học nhóm, đến thư viện, nhà sách, thỉnh thoảng một mình đi mọi con đường để tìm những tấm biển “Cần người giúp việc,” hỏi xin một công việc. Không ai muốn thuê một người ở tuổi tôi, đặc biệt là con gái, và đặc biệt hơn nữa là khi cả thành phố đầy rẫy thanh niên, cả nam lẫn nữ, với những cặp mắt láo liên, ăn bận nghèo khổ, và bước đi đầy ngụ ý. Đa số họ không có phương tiện sinh sống gì nhưng không ai chịu cảnh đói khát. Họ khỏe mạnh như lính tráng, và tôi hiếm khi nào thấy họ ẵm theo con cái hay đi cùng ba mẹ già – điều này khá lạ đối với phụ nữ Việt dù cho ở bất kỳ độ tuổi nào. Một lần nọ, một nhóm những người trên đường phố bắn thử với ánh mắt sắc

lạnh đi ngang qua cửa kính của một cửa hàng mặt tiền nơi tôi đang phổng ván thì người chủ tiệm kéo rèm lại. “Đồ xâm lược,” ông ta lẩm bẩm, “Đồ.....” Và không nói gì nhiều hơn. Rõ ràng với bộ đồng phục của trường công lập thì tôi không bị ai hoài nghi, nhưng tôi cũng không có việc làm – điều này không mới mẻ gì – và tôi bắt đầu giữ thêm khoảng cách giữa mình và những người mới đến đó khi tôi ra phố mỗi ngày.

Với sự quan sát của mình, tôi không thấy được điều gì có thể dự báo cho những chuyện sắp xảy ra, không có gì rõ rệt đối với một cô nhỏ học lớp Tám. Lúc đó tôi không biết được mình đang khám phá Sài Gòn – Paris của châu Á – vào những ngày cuối cùng của nó. Nhưng những người khác thì biết. Tôi nhớ mình đã thấy nhiều nam, nữ thanh niên với vẻ mặt háo hức, mắt họ chưa bao giờ nhìn tôi, và trông họ không hợp với lối sống nhộn nhịp của thành phố. Có thể hơn nửa số những người trẻ đó là Việt Cộng, họ đang chờ đợi điều mà tôi không biết được. Còn những người khác mà tôi biết chắc là những người bị quân đội của chúng tôi bỏ rơi, đang mong mỏi tìm kiếm một lối thoát. Đúng vậy, họ đã biết.

Tôi còn thấy những người vô gia cư, đàn ông, đàn bà, trẻ em lang thang khắp phố, và đói khổ. Nhìn thấy họ giúp tôi biết ơn cuộc sống mà tôi đang có. Tôi không có ba, không có mẹ, nhưng tôi vẫn có một mái nhà. Tôi không phải là họ.

Đầu năm 1975, trước Tết, bác Chiêu nói bác hay tin cậu Hải đang nhập viện tại Tổng Y viện Cộng hòa để khám một chứng bệnh chưa bộc lộ ra nhưng có thể làm cậu bị bãi khỏi Hải quân. Triệu chứng của cậu rất nghiêm trọng – tay cậu run rẩy không kiểm soát được vì bị tổn thương thần kinh, có thể từ hóa chất,

có thể từ bệnh tật, nhưng dù trường hợp nào đi nữa thì cậu cũng không thể đảm nhiệm những nhiệm vụ sắp tới. Việc này làm tôi lo cho cậu lắm nên tôi ghé thăm cậu liền. Cậu rất ngạc nhiên và cũng rất vui khi thấy tôi, và với cậu, tôi vui thích khi cảm thấy mình như một cô bé nhưng những hành động của người bệnh chung phòng cậu cho thấy rằng tôi cũng không còn nhỏ nữa.

“Này em gái,” một người lính bị băng bó gọi với lại từ giường bên, “Khi nào anh ra khỏi đây, anh với em đi coi phim nhé?”

Cậu Hải nạt anh ta. “Cẩn thận miệng mồm đấy, anh bạn! Cậu đang nói chuyện với cháu của tôi đấy!”

Những người lính bị ốm hay bị thương khác cười lớn, và tôi cũng cười, hứa với chàng trai đó nếu anh nhanh chóng hồi phục, tôi sẽ chấp nhận lời mời của anh. Tất nhiên đây chỉ là chuyện đùa vui, thậm chí cậu Hải còn cười chuyện này nữa mà. Tất cả những người lính trong phòng bệnh này ở đây vì những lý do rất nghiêm trọng, và nửa số sẽ không bao giờ rời khỏi đây. Chẳng bao lâu sau, người ta cho biết cậu Hải bị bệnh Parkinson^[10], và dù cậu được xuất viện – điều đó khiến cậu trở thành một trong “những người may mắn” – nhưng cậu không bao giờ là cậu như trước đây nữa.

Cuối tháng Hai, sau một cái Tết căng thẳng nhưng đơn điệu, cô Mai và tôi có trận chiến đầu tiên. Tôi từ trường về nhà và phát hiện ra ai đó đã đụng vào đồ đạc của mình làm quần áo bị xới tung lên. Ngay lập tức tôi nghi ngờ cặp vợ chồng sống kế bên, hoặc thậm chí là “anh chàng cháu trai tốt bụng” đang sống với chủ nhà. Tôi học được từ bà ngoại rằng, đôi lúc những hành động tử tế cũng chỉ là một chiêu để sống sót. Mối lo chính của tôi là cái nhãn mắt hổ của bà ngoại mà tôi đã cuộn vào một cái

váy cũ. Tiền thì tôi có thể mang theo trong cái bì hồ sơ và giữ bên mình, còn cái nhẫn quá lớn nên tôi không đeo vừa, và nếu tôi có đeo vừa đi nữa thì cái nhẫn kim cương hẳn sẽ thu hút nhiều sự chú ý không cần thiết. Ai đó đã khám phá ra nơi cất giấu của tôi và cái nhẫn đã biến mất. Lúc đó, cô Mai bước vào phòng với giỏ quần áo giặt là.

“Cô có lấy cái nhẫn của cháu không?” tôi hỏi thẳng. Cô không chối, chỉ nhìn qua chỗ khác và bắt đầu gấp quần áo trên giường của họ.

“Vì sao cô lấy nó?”

“Mày là ai mà tra khảo tao?” cô nói nhát gừng. “Lý do duy nhất mày được ở đây là nhờ có tao và lòng tốt của tao. Nếu không nhờ tao thì mày đã ở ngoài đường rồi.”

Khi nhìn cô gấp quần áo, tôi thấy cái nhẫn của bà trên tay cô.

“Vậy cái đó là gì?” tôi chỉ vào tay cô.

Cô giơ tay lên, nhìn vào viên đá, rồi quay lại với công việc đang làm. “Đây là đồ tao mượn. Tao cần đeo nó khi ra ngoài. Mọi người sẽ đặt cược nhiều tiền vào mày nếu mày có dáng vẻ của người chiến thắng. Tao sẽ trả lại thôi.”

“Lẽ ra cô nên hỏi cháu trước. Cái đó là của bà ngoại, và bà giao nó cho cháu. Cô không có quyền lấy nó.”

“Đây là nhà tao và tao muốn làm gì thì làm. Nếu mày không thích thì mày có thể đi khỏi đây.”

Chuyện này không dẫn tới đâu hết, tôi cũng không thể hạ gục cô để lấy nó, nên tôi quyết định chờ thời cơ. Tôi nghĩ đến chuyện sẽ nói với bác Chiêu nhưng rồi tôi nhận ra chuyện này cũng vô ích. Bác là cảnh sát, đúng vậy, nhưng bác cũng đã nhiều

lần lách luật, và dù gì đi nữa cô Mai cũng là bồ của bác và sắp làm mẹ của đứa con của bác. Tôi cũng không cần biết bác sẽ về phe nào, ngay cả khi bác đứng về phía tôi, tôi sẽ có lại món đồ phòng khi khẩn cấp trong những lúc tiền không còn là vua nữa.

Ngày hôm sau, tôi về nhà sớm và trả đũa, tôi lục tung ngăn kéo, ví tiền và những chỗ bí mật của cô Mai, những nơi tôi biết cô sẽ cất giữ đồ quý giá. Không may là cô cũng về sớm và bắt gặp tôi ngay tại trận.

“Quá đủ rồi!” cô tuyên bố. “Đi ra khỏi nhà tao!”

Cái nhẫn vẫn còn trên tay cô, và tôi biết rằng nó sẽ ở đó mãi mãi. Tôi không những đã rút đi cây cầu cuối cùng nối giữa tôi và cô mà tôi còn đốt cháy nó. Tôi đến chỗ cái giường nhỏ của mình, nhét số đồ đạc ít ỏi của mình vào cái túi vải bố đã theo tôi qua bao nhiêu đợt bỏ nhà đi. Tôi muốn ngẩng cao đầu mà đi ra khỏi chỗ này ngay lập tức, dù không tiền không bạc, không có một kế hoạch nào, và không có một chỗ để đi.

“Thôi, đừng ủy mị như vậy,” cô Mai nói với giọng lạnh lùng. “Mày có thể đi vào sáng mai, sau khi tạm biệt bác Chiêu của mày.”

Tối đó, bác Chiêu làm việc rất khuya, chắc chắn là đang cố kiếm chút tiền từ việc chạy xe ôm cho đến khi đường phố trở nên quá nguy hiểm. Tôi không muốn dành cả đêm để ngó cô Mai nên tôi đi ngủ sớm, trùm mền kín đầu để khỏi nghe những bài hát từ chiếc radio của người hàng xóm. Tôi bắt đầu khóc, rồi ngừng. Tôi không muốn cô nghe thấy và tự mãn với chiến thắng của mình. Tôi đang lo sợ, và cũng rất quyết tâm. Tôi sẽ không trở lại Trại Cá. Nếu không tìm được nơi để ở, tôi sẽ sống trên

đường, tìm việc làm và tồn tại. Dù vậy, tôi cũng khóc thêm một chút, khóc âm thầm lặng lẽ. Tôi cảm thấy mình không còn nơi để quay lại, không còn chốn an toàn để ở, không gia đình. Nếu tôi cần có một thiên thần hộ mệnh thì đó là ngay lúc này đây.

Giọng của Mẹ đến với tôi trong bóng tối, Mẹ vỗ về tôi, và cho tôi sức mạnh.

Mục đích của con là sống, dù trong một căn nhà hay ngoài đường phố. Nhiệm vụ của con là sống, dù giàu sang hay nghèo đói. Công việc của con là phụng sự Chúa, dù lúc trồng lúa hay khi bán rau. Con sẽ sống bởi vì con là một người con gái và là một người chị, và ngôi mộ không phải là mục đích của con.

Đột nhiên, cái nhẫn không còn quan trọng nữa. Cô Mai không còn quan trọng nữa. Tương lai không còn quan trọng nữa. Điều quan trọng là tôi đang nằm trên chiếu và sự bình yên lan tỏa trong tôi cứ như thể tôi đang được ngủ trong lòng Mẹ.

* * *

Sáng hôm sau, tôi để túi đồ trên giường và đi học. Giờ giải lao đầu tiên, tôi kể cho Phương biết chuyện tôi sẽ không sống ở nhà bác Chiêu nữa, và có thể tôi sẽ phải sống ngoài đường. Lần này, Phương trở nên thực tế hẳn và bạn cho tôi những lời khuyên rất hữu ích. Bạn nói “Chờ ở đây” rồi đến chỗ thầy giám thị. Thầy đã lớn tuổi, ít nhất là bằng tuổi Ba tôi, và trông giống một người ông hơn là một thầy giáo. Thầy cho tôi cảm giác thầy là người

thực tế, từng trải và rất quan tâm đến đám học trò tại tôi. Tôi chỉ gặp thầy một lần để bàn với thầy về những kỳ thi cuối cùng của lớp Mười một, đây là chìa khóa để có thể tốt nghiệp trung học bất kể điểm số hằng ngày của bạn có tốt như thế nào đi nữa. Tôi rất hay lo lắng vu vơ về những kỳ thi đó, không biết có lý do gì không. Những kỳ thi đó không có trong tương lai của tôi.

Vài phút sau, Phương quay lại với thầy giám thị, nói rằng bạn đã kể vắn tắt tình cảnh của tôi và thầy có cách giúp tôi.

“Đừng lo lắng,” thầy nói. “Em là một học sinh giỏi và chăm chỉ, đường phố không phải là nơi dành cho em. Em có thể đến sống với thầy và gia đình thầy, nếu mọi chuyện suôn sẻ, thầy sẽ làm giấy tờ nhận nuôi em để em không phải lo về những chuyện như vậy nữa.”

Lời thầy như một cái phao cứu hộ được thả xuống cho một người sắp chết đuối, nhưng vì có nhiều kinh nghiệm chuyện nhận nuôi nên tôi không chắc đây là một ý kiến hay. Cho đến lúc này (ngoại trừ bà ngoại), cuộc đời tôi có nhiều người giám hộ nói một đằng nhưng làm một nẻo, thường là vì chuyện tiền bạc. Nhưng tôi đã khốn cùng và sợ rằng nếu tôi từ chối thầy (và vì là giám thị nên thầy đã thấy những chuyện này nhiều lần), Phương lại khơi lại chuyện anh An và có thể tôi sẽ trở thành cô dâu ở tuổi thiếu niên – hiện giờ, tôi đã tới đường cùng nên có khả năng sẽ làm vậy. Vì thế, tôi thử đến sống cùng gia đình thầy giám thị.

Sau buổi học, tôi về lấy đồ, không nán lại lâu để chào bác Chiêu. Rồi tôi quay trở lại trường với hành lý được cột sau xe và đi theo thầy giám thị về nhà thầy. Chiều xuống và bóng tối tràn về, mọi người trong nhà thầy về nhà, thầy giới thiệu tôi với họ

khi họ vào nhà. Vợ thầy là người mực thước và thân thiện, làm tôi liên tưởng đến vợ Nga. Hai người con trai của thầy trạc tuổi anh An, ngay từ ban đầu đã nói rõ rằng tôi không có chỗ trong gia đình họ – không phải là một khởi đầu tốt đẹp. Cuộc thảo luận sôi nổi giữa ba cha con trở thành một màn cãi vã, rồi hai người con nhảy lên xe máy và phóng đi. Tôi không nói lời nào cả. Con gái của thầy, chị nhỏ hơn các anh của mình một chút, đã nhìn tôi một cách thương hại nhưng cũng không đứng về phe nào hết. Sau khi hai người con trai đi khỏi, bốn người còn lại im lặng chuẩn bị bữa tối. Bụng tôi còn đang chộn rộn vì lo lắng nên tôi hầu như không nuốt nổi thứ gì, hi vọng rằng việc tôi ăn ít không làm những người chủ nhà cho rằng tôi không biết ơn họ.

Sau bữa tối, tôi phụ lau dọn, người con gái chỉ tôi chỗ ngủ. Chúng tôi lên cầu thang, tới một tầng gác mái, nơi có những thanh xà và những miếng bìa phẳng làm mái. Nền nhà là hai tấm gỗ lớn, hay kê cốt kêt mỗi khi tôi bước đi, tôi không biết bên dưới đó là gì. Cuối phòng là một căn phòng nhỏ với bệ thờ Phật, nơi cả gia đình thỉnh thoảng tụ tập lên đây để thắp nhang, cúng kiếng và cầu nguyện tổ tiên. Ngay lập tức tôi nghĩ đến Trúc, và trong khi một phần trong tôi cảm thấy dễ chịu, phần còn lại co rúm lại, mệt mỏi và buồn nôn. Thức ăn cũ để đầy trên bàn thờ (thường thì nó được thay mới mỗi ngày để bọ và gián chuột không bu tới – người con gái nói rằng hôm nay chị chưa thay đồ cúng mới), và mùi nhang thơm đến chónh mặt, lan tỏa khắp nơi. Chị đưa tôi một cái mền và nói tôi có thể chọn bất cứ chỗ nào để đồ đạc và nằm ngủ. Mệt mỏi và lo lắng không nói nên lời, tôi chọn một chỗ mà tôi nghĩ Phật không nhìn tôi, và nằm xuống như người lính khi ra trận.

Vậy cố sự là như thế này đây, tôi nghĩ. Từng đêm một, ngày qua ngày. Tôi sẽ sống. Tôi sẽ sống sót. Ngôi mộ không phải là mục đích của tôi.

Sáng sớm hôm sau, ngày 4 tháng 3 năm 1975, tôi dậy sớm sau một đêm say giấc và nói với thầy giám thị rằng tôi sẽ nghỉ học hôm đó để về thăm bà ngoại và báo cho bà hay chỗ tôi đang ở. Tôi nhờ thầy viết giúp tôi lá thư mà trong bữa ăn tối hôm trước thầy có nói tôi sẽ cần đến: như là, tôi sống ở nhà thầy hoàn toàn tự nguyện, không phải bị dụ dỗ hay bị ép buộc, và rằng tôi muốn gia đình thầy nhận nuôi tôi. Thầy nói được rồi, bức thư sẽ sẵn sàng cho tôi ký ngay khi tôi trở lại, thầy chúc tôi đi bình an. Tôi vẫy tay chào tạm biệt thầy và vợ thầy như thể tôi đã trở thành con gái của họ, rồi đạp nhanh đến trạm xe cứ như bị ma đuổi. Tôi cảm thấy thoải mái hơn khi biết rằng tôi có một cái phao cứu sinh, nhưng tôi lại lo sợ phải ngủ thêm một đêm trước đôi mắt mở trừng trừng của Phật. Tôi muốn được thư thả đầu óc và lắng nghe lời khuyên của bà.

Tôi đến trạm xe đò vừa kịp lúc xe trở tới, anh lơ giúp tôi khiêng xe đạp lên xe. Xe chạy thẳng đến Đa Minh, nhưng nếu không có xe đạp, tôi sẽ phải đi bộ rất xa mới tới Trại Cá nên mới mang xe đạp theo. Cuối cùng xe dừng ở bên đường, gần ngã tư Tam Hiệp, tôi xuống xe. Bên kia đường lộ là một tháp nước lớn ngay lối vào khu công nghiệp Bình Đa. Nó làm tôi nhớ đến Con Quái Vật xưa kia của tôi khi còn ở đồn điền, tôi khúc khích cười khi nghĩ đến chuyện đó. Tôi dắt xe đạp băng qua xa lộ giữa dòng xe cộ tấp nập, khi đến giữa đường, tôi phải nâng cao chiếc xe đạp qua con lươn. Tôi nhớ lại chặng đường dài tôi đã trải qua cái ngày quan trọng khi tôi đánh bại Con Quái Vật với cái bóng ghê

sợ của nó và...

Tiếng còi xe vang lên chói tai và chiếc xe tải không biết từ đâu xuất hiện. Cả thế giới đổ ập vào tôi, và tôi rơi vào vòng tay của một thiên thần trầm lặng. Người bay với tôi xuyên qua không khí và nhẹ nhàng đặt tôi xuống vệ đường nhiều cỏ dại. Tôi nhận ra người – người là một trong hai thiên thần tôi đã gặp bên trên mái nhà của chúng tôi ở Phú Nhuận hồi tôi bốn tuổi. Người thật đẹp và dịu dàng! Người cười với tôi, và tôi cười với người. Rồi, cuối cùng, tôi có một giấc ngủ ngon.

* * *

Một khe ánh sáng trở nên sáng hơn và những tiếng nói vang lên xung quanh tôi.

Tôi không biết. Trông có vẻ trầm trọng. Giờ thì sao? Được rồi, cho ông truyền nước chảy nhanh hơn. Cô bé nói gì thế? Tôi cho rằng cô nói điều gì đó. Lạy Chúa tôi, làm sao cô bé có thể sống được sau tai nạn đó? Có lẽ phải cưa bỏ cái chân. Chúng tôi cần miếng băng gạc khác...

Từ từ, vẫn không thể thấy gì ngoài ánh đèn pin mà bác sĩ đang rọi vào mắt tôi, những hình ảnh bắt đầu được hình thành. Người ta đang đứng trước mặt tôi, che bóng bầu trời xanh bên trên. Giờ thì tôi đang ở trên một chiếc xe lam, nằm ngay đơ. Giờ thì tôi đang nằm trên giường – không phải, trên một chiếc xe đẩy trong một căn sảnh. Có vẻ như đã rất lâu. Nhiều người đi ngang qua tôi. Nhiều tiếng ồn. Tôi giơ tay lên để sờ má vì nó

nhức buốt và đau rát, nhưng chỉ sờ thấy một cái lỗ nhầy nhụa. Tôi nuốt hơi nhưng cảm giác như đang nuốt cát sỏi. Ai đó đã sơn sơn đỏ lên tay tôi. Ai đó đang nói đùa! Tôi ngủ trở lại.

Giờ thì khe sáng biến mất, tôi thấy vài người mặc áo trắng nói chuyện bằng giọng râm rì bên giường của tôi. Một người phụ nữ mặc áo trắng đang dùng khăn chặm vào mặt tôi, cơn đau làm tôi muốn ngất lịm. Cô dừng lại. Tôi nghĩ là tốt hơn hết nên tập trung nghe xem hai người đàn ông với vẻ mặt lo lắng đang nói gì.

Miệng dập nát. Mất máu, mất răng và xương. Không còn mấy mô sót lại chỗ bắp chân đó. Có ai biết cô bé là ai không? Rồi, lại một Jane Doe^[11] nữa. Tốt nhất là nên canh chừng cô bé. Cố gắng làm cô bé dễ chịu hơn.

Dễ chịu sao?

Một gương mặt nữa cúi xuống nhìn tôi. Tôi nhận ra đó là xã trưởng của Đa Minh, một vị khách quen của Trại Cá và là một người bạn của dưỡng Al. Tôi cố nói nhưng không thốt nên lời. Vị xã trưởng quay sang người phụ nữ với cái bì hồ sơ. “Tôi biết cô nhỏ này. Ba nó có một trại cá trê ngay bên ngoài xa lộ. Một người Mỹ với mấy đứa con gái. Đây là đứa lớn. Tên nó là Sissy hay Sissu hay đại loại như thế. Tôi sẽ báo cho ba mẹ nó biết.”

Rồi ai đó nắm lấy chân tôi, rồi đèn tắt trong một lúc lâu thật là lâu.

* * *

Thực tại quay trở lại, nhưng chỉ như một vị khách với những chuyến ghé thăm ngắn ngủi. Một trong những người ghé thăm sớm nhất là dưỡng Al và dì Thu, có lẽ là trong đêm đầu tiên tôi ở nhà thương nhưng cũng có thể một, hai ngày sau đó. Ngoài việc nhớ mang máng là thấy vẻ mặt nghiêm trọng của họ, tôi không thể nhớ được họ đã nói gì hay tôi có nói gì với họ hay không. Thời gian không có ý nghĩa gì với tôi ngoại trừ những đợt uống thuốc giảm đau, tiêm thuốc, những đợt y tá tới để rửa chân trái của tôi bằng Mercurochrome^[12] khiến tôi thấy đau rát như bị hàng triệu con ong đốt. Tôi bắt đầu nhận ra người bác sĩ lúc nào cũng cười một nụ cười chiếu lệ mỗi khi đến giường tôi. “Không bị gãy xương. Không bị nhiễm trùng. Đúng là kỳ tích!” là điệp khúc quen thuộc của ông ta, thỉnh thoảng những bác sĩ khác đi theo để dòm cái đứa người không ra người, ngợm không ra ngợm là tôi cũng có cùng ý kiến.

Cuối cùng, tôi cũng khỏe hơn, vị bác sĩ cũng đã biết rõ bệnh tình của tôi nên cho tôi biết sự thật.

“Tin hay không thì tùy nhưng em rất may mắn,” ông ta nói, nhìn vào biểu đồ của tôi. “Em bị dập nhiều chỗ và bị tụ máu – những triệu chứng chúng tôi thường thấy ở những tai nạn như vậy, nhưng không bị gãy xương, không tổn thương nội tạng, đây là một điều may mắn. Em bị mất nhiều cơ ở bắp chân trái, nhưng nếu em đừng để bị nhiễm trùng thì chỗ đó sẽ lành lại và hoạt động bình thường, dù vậy em có thể bị một số vấn đề ở lưng khi lớn lên. Hàm trên và hàm dưới bên trái bị thương nặng, và răng cửa hàm trên gần như bị gãy hết, vài cái ở hàm dưới bị mẻ và bể, nên em không được ăn thức ăn đặc trong một thời gian. Chúng tôi sẽ trị thương và cố định lại hàm nhưng ở

đây không có đủ thiết bị để phẫu thuật chỉnh hình, nên ba mẹ em phải thu xếp phần này. Họ nói họ sẽ trả tiền để em ở phòng riêng nhưng ở đây không có phòng riêng. Đây là nhà thương công và bệnh nhân được xếp nằm chung phòng. Tuy nhiên, tôi sẽ báo y tá chặn riêng giường em để em có chút không gian riêng. Em sẽ không thể ngồi dậy hay nói chuyện trong khoảng một, hai tuần, nên em phải nằm lại đây một thời gian nữa.” Ông ta đứng dậy, chuẩn bị rời đi, rồi quay lại. “Sau khi bộ khung cố định hàm được tháo khỏi mặt em, tôi khuyên em nên tránh xa cái gương. Rồi em cũng sẽ quen với diện mạo của mình – chúng tôi có nhiều ca bị thương ở chiến trường phải bị cắt bỏ một phần thân thể và tất cả bọn họ cũng đã quen – nhưng em sẽ bị sốc khi lần đầu tiên nhìn thấy mình. Tốt nhất là cứ từ từ.” Những lời nói thẳng của ông rất khó nghe, nhưng cho đến hôm nay, khi nhớ lại, tôi nghĩ ông là người tử tế khi thông báo những lời kinh khủng đó với một đứa con gái mười lăm tuổi.

Từng ngày một. Từng đêm một. Tôi sẽ sống sót. Ngôi mộ không phải là mục đích của tôi.

Tôi không kể với bất cứ ai về cú bay xuyên không khí và được thiên thần của tôi nhẹ nhàng đặt xuống đất.

Sau thông báo đúng và đủ của người bác sĩ về tình trạng của mình, tôi nghỉ ngơi và bắt đầu tập làm quen với nhịp điệu ồn ào của nhà thương. Tôi cũng cố gắng để quen với ý tưởng tránh xa những cái gương, như loài ma cà rồng. Từng người từng người, bạn bè tôi ở trường và gia đình tôi ở Trại Cá – gồm cả dưỡng Al và dì Thu, nhưng vì lý do gì đó mà không có bà ngoại và em Thủy – đến thăm tôi, nhưng họ không ở lại lâu. Họ không có vẻ sốc, chỉ buồn mà thôi. Một vị khách bất ngờ đến thăm là mẹ của

người tài xế xe tải đã tông tôi. Bà đến hầu như mỗi ngày, rửa ráy cho tôi, chải đầu tôi, xoa bóp lưng và vai tôi, và giúp tôi nghiêng người khi y tá bận rộn. Tôi nghĩ bà ấy là một người tốt và có thể là một người theo đạo Phật ngoan đạo cố gắng tích đức để có nghiệp tốt. Bà rất tốt bụng và chăm lo tôi rất chu đáo, nhưng cuối cùng tôi cũng biết được rằng bà có động cơ khác.

“Con trai bác là người tốt,” một ngày kia bà nói khi đang chăm sóc tôi. “Nó cảm thấy rất buồn vì vụ tai nạn. Nó là một tài xế cẩn thận và chưa bao giờ gây ra một tai nạn nào cả! Nếu chuyện tồi tệ hơn thì sẽ kinh khủng lắm – cháu biết đấy, như là rắc rối với cảnh sát hay luật sư hay những chuyện tương tự vậy. Chuyện không đáng để phải như vậy, đúng không cháu? Không đáng chút nào sau những gì cháu đã trải qua.”

Bà là người tốt, nhưng rõ ràng là bà quá hoảng sợ và cho rằng tôi hoặc Ba Mẹ tôi sẽ kiện con bà hoặc công ty sở hữu chiếc xe tải đó. Bà còn nói thêm gia đình họ nghèo lắm, việc làm của con trai bà là nguồn thu nhập duy nhất trong gia đình. Nếu anh ta bị thu bằng lái, tất cả bọn họ sẽ phải sống ngoài đường. Chúng ta không nên làm cho chuyện tồi tệ hơn. Đó là một tình huống buồn cười và vì tôi không thể nói được với cái hàm bị băng bó, tôi chỉ có thể gật đầu – là đồng cảm hay đồng ý thì bà ấy phải tự mình quyết định lấy.

Trong quyển nhật kí nhỏ tôi viết trong suốt những ngày ở nhà thương, ngày 11 tháng 3 năm 1975, tôi đã viết về một cuộc thăm viếng của một người bệnh khác tên Thảo, chị đã kể cho tôi nghe chuyện của chị. Em trai chị đang chơi diều và để diều vướng vào cột điện trước nhà. Từ ban công, chị dùng chổi để gỡ diều ra và bị điện giật, chị bị bỏng nặng. Dù vậy, chị vẫn rất vui

vẻ, tràn đầy lạc quan, luôn mỉm cười và cố gắng làm tôi vui. Mẹ của chị ngày nào cũng vào để lau vết thương cho chị, và hứa rằng họ sẽ đưa chị đến Pháp để phẫu thuật thẩm mỹ. Tôi rất mến chị Thảo – chị rất can đảm và tôi biết rằng chị còn đau đớn hơn tôi rất nhiều. Cả hai chúng tôi ra viện cùng một ngày – ngày 24 tháng 3 năm 1975 lúc 12 giờ 25 phút chiều. Chị cho tôi địa chỉ, nhưng ít ngày nữa thôi, cuộc đời tôi sẽ thay đổi rất lớn – lại thêm một lần nữa – nên tôi không bao giờ gặp lại chị.

Cuối cùng thì tôi cũng được tháo băng để vết thương tự lành, dù tôi có ý định nhìn mình trong gương nhưng tôi vẫn nghe lời bác sĩ... Tôi ra viện với rất nhiều thuốc và một tờ giấy chỉ dẫn của bác sĩ, toàn viết bằng tiếng Pháp. Cái băng gạc được tháo khỏi hàm của tôi, đó là một điều vừa may vừa không may. Tôi chỉ có thể uống canh, môi tôi và vết khâu đau rất khi dùng ống hút nên lúc nào tôi cũng đói. Nhưng y tá đã kiên quyết can dặn: thực hiện chậm rãi, không được nói quá nhiều, không được nhai, trở lại nhà thương ngay lập tức khi có dấu hiệu chảy máu ở bất cứ đâu. Mẹ của người tài xế cho tôi tiền taxi như một món quà chia tay, kèm theo bài giảng cuối cùng về sự tha thứ, nên tôi coi như vụ này kết thúc. Khi tôi bước đi khổ sở ra khỏi nhà thương – một mình – tôi đi ngang qua một đoàn người dài như bất tận với những vết thương mới toanh đang chống nạng hoặc gậy, trên những cuộn chiếu, trên xe đẩy hoặc trên những xe đẩy hàng, và nhiều người nằm băng ca hay trên xe băng. Có điều gì đó rất tồi tệ đã xảy ra hoặc đang xảy ra – trong một tháng tôi ở nhà thương, nhưng mọi người không nói về điều đó. Đây là lần duy nhất tôi thấy mừng vì mình không thể hỏi được.

Với số tiền mẹ người tài xế cho tôi, tôi cũng không đủ trả taxi,

vì vậy tôi đón xe lam và nói người tài xế chở tôi về Trại Cá – ông ấy biết rõ đó là đâu. Vì sao tôi lại trở về đó mà không về lại nhà của thầy giám thị, tôi không thể nói được, ngoại trừ tôi rất nhớ anh tôi, em tôi, bà ngoại tôi và tôi cũng cho rằng mình sẽ hồi phục sớm sau rặng tre tách biệt với thế giới bên ngoài của dượng Al. Tôi cũng sợ khi để Phương và những bạn bè khác ở trường Sơn Hà thấy tôi trong tình trạng này, và điều này, theo tôi thấy, có thể sẽ là vĩnh viễn. Là một nàng Lọ Lem không được bà tiên giúp đỡ đã đủ tồi tệ rồi, giờ thì tôi lại trở thành thằng gù Quasimodo^[13].

Khi tôi đến Trại Cá, cổng để mở nên tôi bước vào. Cả gia đình đang ở nhà, và mọi người đón chào tôi như một người chị em lưu lạc từ lâu, và thực tế thì đúng như vậy, ngoại trừ dượng Al và dì Thu. Sự lạnh lùng của họ ngay lập tức cho tôi biết rằng tôi không được chào đón, nhưng tôi cảm thấy mình không còn nơi nào nữa để về nên không quan tâm đến thái độ của họ. Anh Quang vui khi gặp lại tôi, còn em Thủy ôm lấy tôi, nước mắt đầm đìa và không chịu rời tôi nửa bước. Bà ngoại phủ bụi và lau mồ hôi quanh vết thương của tôi, bảo Thủy thu dọn chỗ trong phòng em cho tôi ngủ, và cất số thuốc tôi mang về nhà. Tôi cũng nói với dì Thu tôi sẽ ở lại cho đến khi tôi khỏe trở lại. Nhiều người làm khác ở Trại Cá mà không phải bạn của tôi, như anh Ngọc, tiếp tục giữ khoảng cách với tôi, như dì dượng bảo.

Tối đó, chúng tôi có một bữa tối ấm cúng trong phòng khách (dượng Al và dì Thu ăn riêng trong phòng ăn). Anh Quang làm tôi cảm thấy bớt ghê sợ mình khi anh trêu tôi lúc tôi ăn cháo loãng bằng bên miệng phải của mình. Ông Ba là người đầu tiên chống đối lại sự tẩy chay của chủ và bảo rằng nếu tôi ăn hết số

tôm băm mà ông làm, chỗ cơ ở bắp chân trái của tôi sẽ nhanh chóng hồi phục. Và mọi sự theo chiều hướng này trong ba tuần. Tôi khỏe hơn, nói tốt hơn và có thể làm người khác hiểu được lời tôi nói. Dù vậy dưỡng Al và dì Thu vẫn xa lánh tôi cũng như tôi xa lánh họ. Cả hai người đều mong rằng tôi sẽ rời khỏi khi bà ngoại nói rằng tôi đã khỏe trở lại.

Khi đang dưỡng bệnh, bác Chiêu đến với túi đồ của tôi, bác đã lấy từ nhà thầy giám thị. Rất may là bác cảm thấy khá thoải mái về mọi chuyện – Đúng là bác Chiêu! – và tôi nhận ra rằng tôi yêu mến đức tính này của bác biết chừng nào. Bác nói rằng khi tôi không về nhà sau cuộc cãi vã với cô Mai, bác đến trường tôi và hay tin tôi đã dọn đến nhà của một trong những người trong trường và đừng lo lắng, tôi đang ở một chỗ tử tế. Không yên lòng với điều này, bác Chiêu tìm ra thầy giám thị và nói chuyện với thầy, một phần để xem thử thầy là người như thế nào, phần cũng muốn gặp tôi. Khi thầy giám thị nói tôi đi thăm bà ngoại ở Đa Minh chưa về, bác Chiêu rất lo lắng và liên lạc với bà, rồi mọi việc bắt đầu từ đó. Tất cả mọi người đổ xô đi tìm tôi, họ kiểm tra các nhà thương và cả đồn cảnh sát, rồi cuối cùng một người bạn của dưỡng Al, ông xã trưởng đã xác minh tôi là một trong những Jane Doe ở một nhà thương công. Bác Chiêu xin lỗi tôi vì tôi phải ra đi và phải ở nhà của thầy giám thị. Tôi cảm ơn bác đã giúp tôi, đã hiểu cho tôi và đã mang đồ đạc của tôi về Trại Cá. Nhờ bác, tôi sẽ không phải trở lại Sài Gòn để tự mình lấy đồ từ tầng gác mái thờ Phật và trường Trung học Sơn Hà. Nếu tôi muốn bắt đầu một chương mới trong cuộc đời mình, thì ít nhất tôi muốn bắt đầu với một trang trắng, và tôi có thể chọn một con đường tránh xa dưỡng Al và dì Thu ở bất cứ hướng nào. Tôi

cầu xin Chúa, Đức mẹ Maria và thiên thần hộ mệnh tiếp tục đưa đường dẫn lối cho tôi, giúp tôi tháo gỡ những rắc rối mà tôi đang vướng vào.

Giữa tháng Tư năm 1975, môi của tôi đã lành và có thể húp canh bình thường. Những vết thương hở phía trong miệng, ngoài má và trên mũi đã khép lại để tôi đủ can đảm nhìn mình trong gương. Phần lợi ở hàm trên đã đủ cứng cáp để tôi có thể ăn một ít tôm băm của ông Ba thay vì húp nó. Cuối cùng tôi cũng nạp đủ protein cần có để hồi phục. Hơn hết thấy, như ông Ba hứa, cái lỗ toang hoác to đùng ở bắp chân trái của tôi đã bắt đầu căng phồng trở lại như một quả bóng – không phải do nhiễm trùng, điều mà các bác sĩ và y tá lo sợ nhất, mà do phần cơ đã bắt đầu góp phần vào cân nặng ít ỏi của tôi. Tôi chưa thể đạp xe, và có Chúa biết là tôi sẽ không thể trở thành một chiến binh, nhưng bằng cách nào đó, tôi biết Ba sẽ tự hào về tôi dù Ba đang ở bất cứ nơi đâu. Tôi đã sống, và một lần nữa tôi cảm ơn thiên thần hộ mệnh của mình.

Chương 11

THOÁT KHỎI NANH HÙM – 1975

Ngoại trừ những trận bom rơi đạn lạc diễn ra thường xuyên hơn vào ban đêm, và giờ còn diễn ra cả vào ban ngày, ba tuần tiếp theo trôi qua khá êm đềm ở Trại Cá và tôi tiếp tục hồi phục.

Thế rồi, vào ngày 18 tháng 4, khoảng 1 giờ chiều, chúng tôi đang ăn trưa trong phòng ăn lớn thì tiếng chuông cổng reo lên. Một người giúp việc ra mở cổng và quay lại báo dưỡng Al rằng một người từ Đại sứ quán Mỹ đến gặp dưỡng. Dưỡng bảo cô giúp việc mời ông ta vào.

Người đàn ông này cao và gầy, mặc một cái áo sơ mi tay ngắn màu trắng và có vẻ mặt lo lắng, mỗi mết. Qua cách dưỡng tiếp đón, tôi đoán dưỡng quen biết người này ở đâu đó – làm sao mà dưỡng không biết được chứ khi mà trong một thời gian dài dưỡng làm việc ở nhiều căn cứ khác nhau với nhiều viên chức toàn miền Nam? Dù vậy, chuyến viếng thăm không phải chỉ là chuyện thăm viếng xã giao thông thường. Dưỡng khẽ nói chuyện với người này trước cổng một lúc rồi mời ông vào bàn.

“Chúng ta có một số tin rất xấu,” dưỡng Al thông báo. “Quân đội miền Bắc Việt Nam đã bắt đầu những đợt tổng tấn công để giành lấy Đô thành. Với tình hình này, có vẻ như phe đó sẽ thành công. Sài Gòn và miền Nam Việt Nam có thể sẽ thất thủ.”

Người khách nói tiếp còn chúng tôi ngồi im lặng và rất sốc.

“Tất cả công dân Mỹ cùng người phụ thuộc được lệnh phải đến trình báo tại Tân Sơn Nhất để lập tức tản cư. Không có ngoại lệ nào cả.”

Tôi đang ngồi ở chỗ quen thuộc của mình bên cạnh bà ngoại và đưa tay nắm lấy tay bà trong vô thức. Tôi hiểu một số từ tiếng Anh, nhưng không thể nắm bắt được tính chất nghiêm trọng của toàn bộ vấn đề. Tôi chỉ hiểu rằng có điều gì đó về cuộc chiến, nó đang diễn tiến rất xấu, và điều gì đó liên quan đến việc rời khỏi Trại Cá.

Dượng Al nắm lấy thành ghế. Trong một khoảnh khắc, có vẻ như chân dượng sắp khuỵu xuống. Tôi chưa bao giờ thấy dượng như vậy – bị bất ngờ, hoàn toàn suy sụp. Dượng luôn là người chỉ đạo, là người biết phải làm gì, dù rằng điều đó là sai, là người chủ gia đình không ai được cãi lời mà phải phục tùng. Dượng yêu Việt Nam, yêu người vợ Việt của mình, yêu người Việt. Dượng đã định sẽ xem Việt Nam là nhà mình trong suốt phần đời còn lại, xem những người hàng xóm Việt là gia đình mình. Giờ thì, tất cả những gì dượng đã cố gắng hết sức để gây dựng nên trong phút chốc đã trở nên vô nghĩa. Giờ thì dượng chỉ là một người tị nạn nữa, phải bỏ đi chỉ với manh áo trên người. Giờ thì dượng cũng là một người mồ côi, cũng như tôi.

Đáng buồn và đáng mỉa mai hơn hết thảy, dượng Al đã tự hào mình là người có khả năng ứng biến mọi tình huống. Dù gì thì dượng cũng đã điều hành những tổ chức lớn cho các công ty Mỹ ở một đất nước đầy rẫy những viên chức đòi bại trong khi chiến tranh đang cận kề và diễn ra xung quanh dượng. Dượng khởi sự hai việc kinh doanh thành công dựa vào việc phục vụ những khách hàng hoàn toàn khác nhau và làm tất cả họ hài lòng.

Dượng kết giao bạn hữu từ chính trị gia đến người bán hàng rong, từ nhân viên ngân hàng đến người lao động, từ kỹ sư đến người thợ máy, và luôn có những gì dượng muốn. Tôi chắc chắn rằng sâu thẳm bên trong, dượng đã có ý nghĩ rằng nếu điều không thể ngờ tới xảy ra và những người cộng sản thống trị, bằng cách nào đó dượng sẽ dàn xếp với họ và bước lên đỉnh cao, như dượng thường như vậy. Nhưng lần này, dượng còn không có cơ hội để tự thuyết phục mình – và thuyết phục cả chúng tôi – về những điều sắp xảy ra. Giờ thì dượng cũng như tôi trên giường bệnh khoảng một tháng trước, lắng nghe mệnh lệnh của bác sĩ, biết rằng cuộc đời dượng sẽ thay đổi vĩnh viễn mà dượng không thể làm gì khác được.

Người nhân viên Đại sứ quán tiếp tục. “Chỉ nên mang theo một bộ đồ để thay. Thu xếp nhanh chóng và gọn nhẹ. Mọi người phải có mặt ở sân bay trước chiều tối nay. Có ai hỏi gì không?”

Chúng tôi có cả ngàn câu hỏi trong đầu nhưng dượng Al hỏi một câu hỏi có ý nghĩa với tôi nhất. “Còn mẹ của vợ tôi thì sao?” dượng chỉ về phía bà ngoại.

Người đàn ông lắc đầu và nhìn xuống nền nhà. “Quá già,” ông ta nói khẽ. “Tôi rất tiếc.”

Ngay lập tức, tôi hiểu ra điều gì đang xảy ra. Chúng tôi được yêu cầu phải rời khỏi nhà không một giây chậm trễ, và bà ngoại không thể đi cùng chúng tôi. Tôi không thể diễn tả được sự trống rỗng, nỗi buồn tràn ngập đang xâm chiếm tôi. Tôi nhìn bà, không nói nên lời, tim tôi đập mạnh, còn tay tôi siết chặt tay bà. Bà hiểu tiếng Anh nhiều hơn những gì bà thể hiện ra, và bà dễ dàng đoán được người ta đang nói cái gì. Bà nhìn một cách cam chịu về phía trước. Tôi sẽ không rời khỏi bà, cũng không

buông tay bà.

Người nhân viên Đại sứ chúc chúng tôi may mắn và rời đi ngay lập tức để đến nhà của gia đình Mỹ khác. Như những con robot, Thủy và anh Quang bắt đầu dọn dẹp bữa trưa chúng tôi đang ăn dở dù biết rõ chúng tôi không thể lấy cái chén, cái đĩa, đôi đũa nào theo, nhưng thói quen là thói quen thôi. Giống bà ngoại, dì Thu rất rần rỏi và thực tế về mọi chuyện. Tôi chắc chắn rằng dì, chứ không phải dượng Al, là người cất giấu những đồ có giá trị – vàng lá, trang sức, kim cương, ngọc thạch – ở một chỗ an toàn để phòng những lúc như vậy, cùng lý do mà bà ngoại đã cất giữ chiếc nhẫn mắt hổ của mình và giao nó cho tôi.

“Không – Họ không cho! Không một đồng nào hết!.” Tôi nghe lén dì nói với dượng rằng ngân hàng mà họ gửi tiền của Trại Cá không cho phép họ rút tiền trong những ngày cuối cùng này.

“Được rồi, đừng lo lắng,” dượng Al nói bằng cái giọng không mấy tự tin. “Anh còn ít tiền trong học tử. Không nhiều nhưng đủ để chúng ta lên Sài Gòn. Chúng ta sẽ để lại một ít cho mẹ em.”

“Thủy, Quang,” dì Thu quay sang chúng tôi. “Bỏ chén đĩa đó, đi thu dọn đồ của mấy đứa đi.” Họ vội vàng vâng lệnh. Dì không nói với Bubba, em cũng không hề biết chuyện gì đang xảy ra. Mọi người hối hả làm nhiệm vụ của mình.

Dì Thu tiến lại gần bà ngoại, bà vẫn ngồi yên tại bàn ăn như thể đang lên cơn đau tim. Tôi vẫn ở bên bà, tay tôi vẫn dính chặt lấy bàn tay bà. Con gái bà cầm lấy bàn tay còn lại và đặt vào đó một cuộn tiền.

“Đây mẹ,” dì nói. “Nhiều đây đủ để mẹ xoay xở cho đến khi

ngân hàng làm việc trở lại. Cháu Ngọc và ông Ba sẽ giúp con chăm sóc cho mẹ.”

Cuối cùng thì bà ngoại cũng nói: “Con sẽ không quên mẹ, đúng không? Con sẽ về thăm mẹ, đúng không?”

“Chúng con sẽ về đón mẹ ngay khi có thể. Mẹ đừng lo điều gì cả.” Dì Thu nắm lấy tay Bubba và chạy ra sau nhà để thu dọn đồ của họ.

Những giọt nước mắt bắt đầu lăn xuống má bà ngoại. Bà nhẹ nhàng đẩy tôi đi. “Cháu đi chuẩn bị đi Vân,” bà nói rất bình tĩnh. “Cháu đi xếp đồ của cháu và nhớ là phải đi theo những người khác.”

Cho đến lúc đó, tôi chưa bao giờ nghĩ mình cũng được tính là người phụ thuộc và là thành viên trong gia đình của dượng Al, dù tất nhiên các giấy tờ chứng minh là vậy. Tôi nghĩ đến việc ở lại Trại Cá để giúp bà, có một gia đình riêng, một công việc, và sống yên ổn dưới một thể chế mới. Dù gì thì tôi đã làm mọi công việc ở đây, và những người làm ở đây cũng không còn nơi nào khác để ở – đặc biệt là anh Ngọc và ông Ba, những người này gắn bó với Trại Cá cũng như những cái ao, những con chim và cây cối ở đây vậy. Truyền thống Việt Nam là chăm sóc gia đình, dù là những người họ hàng xa như anh em họ hay những người làm trung thành. Tôi có thể thấy sự kinh hoàng trong những cặp mắt mở to của hai người giúp việc khi họ biết nhiệm vụ duy nhất của họ bây giờ là né đường và tìm cơ hội mới với những người xâm lược. Ai đó trong nhà nên ở lại và nói cho họ hiểu.

“Nhanh đi Vân, đứng lên.” Đó là anh Quang, anh đang đi ngang nhà bếp để ra ngoài sân sau. Giọng của anh đã kéo tôi

khỏi những suy nghĩ và ảo tưởng của mình. Giống như cái cách anh từng làm khi ở Hồng Ngự, khi anh hướng dẫn tôi bước khỏi cái xác không đầu và trở lại thế giới của người sống.

Trên đường đến phòng trẻ con, tôi thấy dưỡng Al ở trước cửa, nói chuyện với một người phụ nữ tôi nhớ đã gặp trong một bữa tiệc ở Biên Hòa. Tên cô là Bobbie, một người Mỹ với hai người con nuôi đã trưởng thành. Chồng cô – một Thượng tá Không quân người Việt – vắng nhà khi lệnh tản cư đến tai họ, cô đang rất hoảng sợ và lo lắng là gia đình họ sẽ bị ly tán. Dưỡng Al đang cố trấn an cô. “Hãy về nhà đi,” dưỡng nói. “Nếu anh ấy thoát được thì đó là nơi anh ấy sẽ đến. Con trai của chị nữa. Giờ chị hãy nhanh lên. Chúng ta không còn nhiều thời gian đâu.” Cô đi khỏi trên chiếc xe hơi lớn của Mỹ, tiến về phía nhà mình cách đó vài cây số.

Trong phòng, tôi chạy quanh tủ và lôi ra cái va li nhỏ của mình, vẫn chưa lấy đồ từ khi ở Sài Gòn ra. Thủy nhanh tay chọn lọc đồ của em – hầu như là đồ kiểu Mỹ, còn tôi nhét vào đó một chiếc áo dài và một bộ đồ để thay với áo sơ mi và quần tây. Tôi cũng mang theo quyển nhật ký tôi thỉnh thoảng viết từ hồi ở Philippines, chuỗi tràng hạt anh Quang tặng, và mấy tấm hình Ba Mẹ đã ngả vàng và mất góc tôi đã giữ suốt bao năm qua. Là người có kinh nghiệm thu dọn đồ, tôi làm xong trong một phút, rồi quay sang giúp Thủy.

Em tôi đang cân qua đếm lại giữa những bộ váy đẹp mà gia đình bên Mỹ của dưỡng Al đã tặng em trong kỳ Giáng Sinh. Cái nào nên mang theo? Cái nào phải bỏ lại? Tôi nói, “Lấy cả hai đi – hãy nhét nó vào túi, miễn là chỉ đựng trong một va li thì không ai để ý đâu.”

“Còn cái ví này thì sao?” Thủy giơ lên một cái ví màu trắng.

“Nhét vào luôn, miễn là vừa...”

“Không được!” dì Thu chạy vào phòng để lấy mấy cái áo và quần soọc cho Bubba. “Quá nhiều rồi. Chỉ một bộ đồ để thay và bàn chải đánh răng thôi. Nhanh lên!”

Dì rời khỏi phòng và mặt Thủy buồn rữ. Em rất thích cái ví trắng ấy.

“Đây,” tôi nói và nhét nó vào va li của em. “Nếu họ không thấy thì họ sẽ không biết nó ở đó.”

“Không,” Thủy nói, “Em không muốn bị dì đánh. Em sẽ bỏ nó lại. Có thể em sẽ có một cái khác.”

Tôi thở hắt ra một cách thiếu kiên nhẫn, sợ rằng một ngày nào đó em sẽ hối tiếc vì đã quá vâng lời về chuyện cái ví (và quả đúng là như vậy). “Được rồi, nhưng lấy cái này đi – mấy cái này nhỏ.” Tôi đặt mấy tấm hình của Ba Mẹ, khác với những cái tôi có bên dưới mấy cái áo của em. “Rồi, xong rồi đó. Giờ thì đi ra nhanh.”

Tôi dẫn Thủy đi ngang qua phòng chính để ra cổng và thấy bà ngoại vẫn còn ngồi tại bàn ăn, bất động và âm thầm khóc như một pho tượng trong mưa, như thể bà đã đặt một chân vào nắm mồ của chính mình vậy. Bà đang nghĩ gì? Bà cảm thấy thế nào khi đã mất mát nhiều người thân đến vậy? Bà có đang nghĩ đến ngôi nhà cũ của mình ở miền Bắc, đến những người con đã qua đời của bà bị bỏ lại đó, hay chuyển di cư vào miền Nam hai mươi năm trước không? Cái chết của Mẹ tôi ở Hồng Ngự? Và giờ bà đối mặt với sự chia ly bất ngờ với người con gái còn lại của mình và bốn đứa cháu bà đã hết mực yêu quý và đã nuôi lớn – để con

cháu bà phải đến sống tại những miền đất lạ cách bà nửa vòng trái đất. Tất nhiên, bà đang nghĩ bà sẽ không bao giờ gặp lại chúng tôi nữa.

Những giọt nước mắt âm thầm rớt xuống má tôi. Cảm giác đột ngột của sự kết thúc đang đè nặng lên tôi, như thể là tận cùng của thời gian, là tận cùng của thế giới. Tôi nghĩ đến việc nói lời chia tay với bà lần nữa nhưng có vẻ như bà đang ở trong một thế giới khác nên tôi để bà lại đó và trở về với thế giới của tôi.

Bên ngoài kia, cả nhà đã tập hợp ngoài sân, mỗi người mang một va li. Dượng Al đỗ xích lại chiếc xe hơi hiệu Honda của mình, chiếc xe chưa bao giờ dùng để chở nhiều người và nhiều đồ đạc đến vậy. Thế rồi bà ngoại xuất hiện ở cửa, như một vị chủ nhà mệt mỏi ra nói lời tạm biệt những vị khách ở lại qua đêm. Tôi đến bên bà lần cuối, và những người khác cũng vậy. Tôi không nhớ được chúng tôi đã nói gì với nhau. Tôi không làm được gì cho bà cả. Tôi không đủ hiểu chuyện để tranh cãi việc để bà ở lại. Mọi thứ quá hỗn độn và quá nhanh, và tôi nhắm mắt làm theo lệnh của những người lớn xung quanh tôi.

Là một đứa trẻ mồ côi (tôi chưa bao giờ nghĩ mình là con nuôi), sâu trong lòng tôi luôn có một sự trống vắng, một cảm giác chưa bao giờ thuộc về bất cứ ai, nhưng đã được lấp đầy bởi người phụ nữ kiên cường, giàu tình thương và can đảm này. Giờ thì bà không còn trong cuộc đời tôi nữa. Tôi cảm thấy trống trải đến mức không lời nào có thể diễn tả được. Chúng tôi trao nhau cái ôm cuối cùng.

Rồi dượng Al mở toang cửa, tất cả chúng tôi lũ lượt đi vào xe. Tôi là người cuối cùng. Tôi cảm thấy như hồi người y tá kéo tôi

ra khỏi vòng tay của Mẹ ở trạm xá Hồng Ngự, buộc tôi phải tiến về phía tương lai xa xăm và mù mịt.

Ngay lúc đó, xe của cô Bobbie xuất hiện ở cổng. Cô đã đón được người con út, và dựng Al đến nói chuyện với cô. Tôi không biết cô nói gì nhưng khi đến lượt tôi chen vào bên trong chiếc Honda, rõ ràng là không đủ chỗ cho tất cả chúng tôi, dù không mang theo hành lý. Dựng Al đi đến và lấy chìa khóa ra.

“Được rồi, mọi người ra ngoài hết!” dựng ra lệnh. “Vào trong xe của Bobbie. Chồng và đứa con lớn của chị không có ở nhà, và không ai biết họ đang ở đâu. Chị tình nguyện chở chúng ta đến sân bay.”

Trước khi tôi kịp định thần, tôi bị nhét chung cùng số đồ đạc ở sau xe, dựng Al ngồi sau tay lái, lái xe ra cổng. Trại Cá, bà ngoại, và giờ anh Ngọc đang ở bên cạnh bà biến mất sau màn bụi.

Vì nhà của Bobbie cũng nằm trên đường ra sân bay, dựng Al dừng lại để cô kiểm tra lần nữa xem chồng và con trai mình đã về nhà chưa. Không tìm thấy chồng cô nhưng khi dựng Al vừa đi thì người con lớn của cô đang rẽ qua góc trên chiếc xe đạp. Trong giờ khắc hãn là may mắn nhất trong cuộc đời của anh, anh nhảy khỏi xe để nó ngã nhào ra đó, và nhảy vào xe hơi, ngồi cạnh mẹ mình. Chồng của cô Bobbie để lại lời nhắn điện thoại cho con trai lớn của họ rằng chú sẽ gặp họ ở sân bay. Thật may là chú ở trong lực lượng không quân, tôi nghĩ vậy, bởi vì cách duy nhất để bất kỳ ai có thể vượt qua dòng người đông nghẹt sau này chỉ có thể là bằng trực thăng mà thôi, dù vậy tôi chỉ giữ lại ý nghĩ này cho riêng mình thôi.

Chặng dừng tiếp theo của chúng tôi là nhà bác Chiêu ở quận Bà Chiêu, cũng tiện đường. Bác là người nhà duy nhất chúng tôi có thể gặp để báo rằng chúng tôi phải bỏ đi. Cũng cần báo cho bác biết mẹ và con trai bác vẫn còn sống và đang ở Trại Cá – ít nhất là trong lúc này đây. Những người khác chờ trong xe với động cơ vẫn nổ trong khi dì Thu và tôi chạy vào báo tin cho bác. Bác cùng chúng tôi đi ra đường và trông không có vẻ gì là lo lắng. Bác cũng không mặc đồng phục.

“Khi mọi chuyện lắng xuống, anh sẽ đến chỗ mẹ,” bác nói vắn tắt. “May là Ngọc đang ở với mẹ. Tụi anh sẽ sống ẩn dật trong một thời gian. Rồi mọi chuyện sẽ ổn thôi. Các em bảo trọng nhé.”

Đó là những cuộc chia tay đau đớn vì không ai trong chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi sẽ gặp lại nhau. Tôi nhận ra rằng bác Chiêu đã làm hết sức mình cho chúng tôi trong những giờ phút khốn khó và rằng tôi rất yêu quý bác. Những cái bắt tay chỉ còn là những cái chạm hờ khi chúng tôi phải hòa vào dòng xe cộ.

Cuối buổi chiều hôm đó, chúng tôi đến sân bay Tân Sơn Nhất. Tình hình giao thông rất kinh khủng: xe cộ chỉ có thể chạy trong một vài phút rồi kết chùm lại trong một mớ hỗn độn xe tải, xe hơi, xe cộ dời quân, xe lam (không thể định hướng được làn đường trắng), xe máy (có thể định hướng) làm dượng AI tức không thể nào tả được. Tại cổng chính (thực ra là một loạt những trạm kiểm với hàng loạt rào chắn), phân nửa số xe cộ quay đầu lại và mọi chuyện diễn ra nhanh chóng hơn, dù chỉ trong vài phút. Những xe chỉ toàn người Tây thường được cho qua. Những chiếc xe có các cặp đôi vừa Tây vừa Ta hay những gia đình Mỹ – Việt luôn bị chặn lại nhưng không quá lâu, chỉ để

kiểm tra căn cước hay cho đến khi có ai đó có quyền cho họ qua.

Tiếng động cơ ầm ĩ, những tiếng nói vô vọng, những cuộc cãi vã vô nghĩa, tiếng em bé khóc, tiếng người già đang than thở – đó là chưa kể khách bộ hành cứ lũ lượt đi lên đi xuống giữa những hàng xe để tìm người thân, bạn bè, hay chỉ để xin được vào ké, nhưng thật đáng ngạc nhiên là sự hỗn độn được kiểm soát chặt chẽ. Những nhân viên tận tụy và nhiệt tâm của Đại sứ quán Mỹ cùng những người lính Mỹ đang đứng gác, còn lính miền Nam đang cố giữ trật tự, ngăn những tiếng la hét, chửi bới.

Không phải người Việt nào đến được sân bay cũng được phép đi qua những cổng vào, dù họ đi cùng những “nhà tài trợ” người Mỹ đi chăng nữa. Khi chúng tôi chờ trong hàng ở trước cổng, tôi chứng kiến rất nhiều người khóc than, la hét, và những cuộc chia ly đau lòng. Trông cứ như thể tận thế, và những người khốn cùng khắp mọi nơi đang tìm kiếm, lần cuối cùng, sự cứu rỗi của Chúa.

Đầu tiên thì có vẻ như mỗi người lính Việt Nam Cộng hòa sẽ đứng cùng một người lính Mỹ, nhưng càng tiến gần sân bay thì tỉ lệ này càng thay đổi và chúng tôi thấy ít người Việt có súng hơn. Những nhân viên Mỹ cúi kính và những thường dân khác chạy tới chạy lui, hầu hết đều cầm điện đàm áp sát bên tai. Nếu một người quân đội miền Bắc không kích chúng tôi vào lúc đó thì tôi không nghĩ rằng người ta sẽ nghe thấy.

Khi chúng tôi đến trạm kiểm tra cuối cùng, vì Bobbie không thể đưa ra giấy tờ xe nên những cảnh sát quân đội Mỹ yêu cầu chúng tôi ra khỏi xe. Điều này là sáng suốt, vì từ trước khi bị tai nạn, tôi được cảnh báo “những kẻ xâm lược” hay cho nổ tung

bất thứ cái gì có bánh xe, mà người lái thường không biết. Vì thế, chúng tôi chuẩn bị đi bộ với hành lý trong suốt mấy trăm mét để đến sân bay mà không có Bobbie và con của cô. Dượng Al cố gắng thuyết phục họ đi với chúng tôi nhưng lý do ở lại của cô rất có lý. Mục đích của cô là hội ngộ với người chồng Việt ở lực lượng không quân, và nếu chú không phải ra chiến trường thì hẳn chú sẽ qua cổng chính như những người khác. Cái xe hơi kiểu Mỹ bự chảng của cô hẳn sẽ giúp chú tìm ra gia đình mình, và cô lý luận, bằng cách nào đó họ sẽ tìm ra nhau. Lại nữa, những lập luận hoàn hảo, nhưng dượng Al biết rằng cuối cùng thì vành đai căn cứ sẽ sụp đổ và toàn sân bay sẽ trở thành “nơi nhốt súc vật.” Giờ thì Bobbie và con của cô ở lại một mình.

Chúng tôi chỉ mới đi vài bước thì một đồng nghiệp cũ của dượng Al tên Bill vẫy chúng tôi đến. Sau khi trao đổi nhanh mấy câu với dượng Al, Bill nói chúng tôi đợi. Chú biến mất trong đám đông rồi sau đó xuất hiện với một chiếc xe buýt nhỏ “đi mượn,” loại xe thường dùng để chở phi hành đoàn đến chỗ máy bay đậu. Trong một chiếc xe công vụ với một người chỉ huy sau tay lái, chúng tôi chạy qua nhiều trạm kiểm khác và đi thẳng đến chỗ kiểm tra hộ chiếu. Bill thả chúng tôi ở đó và cho chúng tôi biết phải đến cửa sổ nào trước, rồi nói “Gặp lại sau nhé!” bằng một giọng đầy hi vọng và biến mất với chiếc xe buýt nhỏ.

Phía trong, chúng tôi cùng nhiều người khác, người này ngồi cạnh người kia liên tiếp nhau như những con chim bồ câu đứng trên hàng dây trong khi dượng Al lấy một mớ giấy tờ từ cửa sổ. Dượng cần mẫn điền từng tờ, mỗi người chúng tôi sẽ có nhiều tờ, rồi nộp lại cho người nhân viên sân bay, và quay lại chờ đợi. Bên ngoài, bóng tối đã tràn khắp và bầu trời xanh đã chuyển

sang màu thâm tím. Bên trong, những cuộc nói chuyện đầy lo âu trở thành những tiếng thì thầm, rồi im lặng. Trời chuyển tối và những bóng đèn huỳnh quang được thắp lên. Cái đồng hồ ở phía xa trong phòng điểm 20:00 – 8 giờ tối. Bubba nhấp nhồm không yên từ một tiếng trước và giờ nằm vắt qua đùi dì Thu. Bao tử của tôi đang gào réo, nhắc cho tôi nhớ rằng lần gần đây nhất chúng tôi được ăn là bữa trưa đang dở.

Cuối cùng, dưỡng Al đi đến quầy và gọi một nhân viên đang cau có. “Này anh,” dưỡng nói rần rỏi, “Chúng tôi sống ở Đa Minh và không có phương tiện đi lại. Chúng tôi đã ở đây cả buổi chiều rồi, bọn trẻ đang rất đói. Chúng tôi đã điền đủ giấy tờ và nộp lại từ hai tiếng trước...”

Trong lúc dưỡng nói, người nhân viên nhìn chúng tôi và có lẽ cảm thông cho người đồng hương đang gặp nhiều rắc rối hơn là các thủ tục giấy tờ. “Được rồi, được rồi,” anh ta nói. “Ngồi yên đó, tôi sẽ gọi đến anh trong một phút nữa.”

Trong một giờ, chúng tôi đến xếp hàng để chụp hình. Dưỡng gom những giấy tờ quý giá của chúng tôi – hộ chiếu gia hạn cho dì dưỡng, tôi và Bubba, cùng với hộ chiếu mới cho Thủy và anh Quang. Gần như chúng tôi đã chuẩn bị xong cả và “có thể đi ngay,” người nhân viên nói, nhưng vẫn chưa đi được vì hầu như cả gia đình tôi là người Việt, không phải công dân Mỹ. “Các bạn còn phải làm thủ tục với Bộ Nội vụ. Lúc này thì bên đó đã đóng cửa, nhưng sáng ngày mai các bạn sẽ được xếp đầu tiên. Văn phòng của họ ở phía bên kia của sân bay.”

Dưỡng Al nổi điên lên nhưng không thể làm gì được. Chúng tôi đang ở trong một hệ thống, với những guồng máy quan liêu lè mè, dù cơn địa chấn của những người cộng sản đang ập đến

cũng không thể làm nó nhanh hơn được. Việc này càng gây bức tức hơn, vì nhân viên Đại sứ quán đến gặp chúng tôi trưa nay nói rằng tất cả người Mỹ và người phụ thuộc phải lập tức rời nước, mà không nhắc tới những cái “nếu như,” “và,” hay “nhưng mà.” Lúc đó, ai mà quan tâm liệu tờ giấy này hay tờ giấy kia có được đóng mộc bằng đúng loại mực hay không? Chúng tôi đã đến sân bay an toàn, mỗi chuyện này không thôi cũng đã là kỳ tích rồi. Những phi cơ lớn – phương tiện trung chuyển và những hãng hàng không – chạy tới chạy lui tập nập, không dám nấn ná lâu trên mặt đất, vậy thì chúng tôi có khác gì chứ? Chúng tôi là lý do khiến những chiếc phi cơ này có mặt ở đây! Tôi tệ hơn, tôi thấy nhiều người già trong số những người tị nạn. Tôi biết người nhân viên nói bà ngoại phải ở lại chỉ làm đúng công việc của mình, nhưng rất nhiều gia đình đã lờ đi quy định này và mỗi giờ trôi qua, còn nhiều gia đình khác cũng làm sai luật. Tôi hối tiếc muốn phát ốm lên vì đã không nài nỉ để bà ngoại đi cùng, dù không có gì đảm bảo dượng Al sẽ nghe tôi. Chiến thắng có thể sẽ về phía kẻ mạnh nhưng sự sống sót lại luôn đứng về phía người nhanh nhẹn và khôn ngoan.

May mắn là toà nhà mở cửa suốt đêm, và cùng hàng trăm gia đình khác với đồ đạc linh tinh, chúng tôi tìm chỗ để ngủ – những băng ghế phẳng, những cái ghế xếp, những nơi mà tấm lưng mệt mỏi có thể tựa vào. Một vài gia đình đang ăn tối – hầu hết chỉ là đồ ăn vặt họ mang theo từ nhà. Những gia đình khác thì cử người đi tìm đồ ăn từ những xe bán hàng và những quầy hàng được cho phép ở lại. Cảm ơn Chúa là những vòi nước uống và nhà vệ sinh vẫn còn hoạt động được! Cuối cùng, em tôi và tôi cuộn lại như hai con mèo, gói đầu vào hành lý và tôi chìm vào

giấc ngủ. Khi tôi thức dậy, đám đông trong khu vực chờ đã tăng gấp ba, những giọng nói thiếu kiên nhẫn đã đánh thức chúng tôi.

Những người đến trước như chúng tôi kéo nhau đến những chỗ tốt ở đầu hàng và hàng người này nhanh chóng dài ra như một đội múa lân. Tuy nhiên, sau khi hoàn tất thủ tục ở hàng này chúng tôi lại phải bắt đầu chờ đợi ở một hàng khác, nên những hàng dài cứ xé ra rồi hợp lại đều đặn như mỗi giây trôi qua. Trong khi chờ đợi, tôi nghe những người phụ thuộc người Việt khác – một vài người là nhân viên chính phủ địa phương hoặc đặc vụ người Mỹ – phàn nàn về quy trình này.

Thật vớ vẩn. Chỉ trong vài ngày nữa, những người duy nhất đọc những thứ này là Thượng tá hay cảnh sát mật của quân đội miền Bắc nhằm tìm ra ai bỏ đi, ai còn ở lại để bắt giữ. Họ nên đốt hết những giấy tờ này, chứ không phải tạo mới!

Nói đúng lắm! Việc tạo thêm nhiều thủ tục giấy tờ mới cũng vô nghĩa như việc sắp xếp lại những chiếc ghế trên con thuyền Titanic.

Xế chiều ngày 19 tháng 4, gia đình chúng tôi gần như đã hoàn tất thủ tục để đi, nhưng những thủ tục hành chính quyết định giữ chúng tôi lại thêm một ngày nữa. Những chiếc xe buýt nội thành được phân công chở một số ít người được chỉ định – ít nhất là vài trăm người gần chúng tôi nhất, nhưng ai đếm chứ? – để vào trung tâm thành phố ăn uống và ngủ lại qua đêm. Xe thả chúng tôi xuống đường Trương Minh Ký, ở đó chúng tôi cùng ở trong một phòng và ních no bụng món phở và cơm rau từ quầy thức ăn ở cuối đường. Trong khi chúng tôi ăn, dì Thu nói lên suy nghĩ của dì về việc quay lại Trại Cá bằng taxi để đón bà

ngoại. Hi vọng bùng lên trong tim tôi. Anh Quang tình nguyện đi thay di những dượng Al gạt phẳng toàn bộ ý tưởng.

“Không. Như vậy rất dễ chia tách nhau và không gì có thể đảm bảo những người đi sẽ có thể trở lại. Ngoài ra, con trai của anh Chiêu đang ở với mẹ, và anh Chiêu nói anh sẽ đích thân tới đó và coi ngó mọi việc. Nếu họ gặp rắc rối, anh ấy biết sẽ phải làm gì. Việc của chúng ta là ngồi yên và lên máy bay.”

Giờ thì tim tôi chùng xuống, nhưng dĩ nhiên là dượng nói đúng. Dù con đường ra khỏi thành phố thừa văng nhưng đường như cả nước đang cố gắng đổ xô đi vào đây. Mọi con đường lớn nhỏ đều đầy nghẽn người tị nạn và ngay phía sau họ là những đoàn người từ miền Bắc và Việt Cộng. Ngoài ra, mười bảy tuổi với thân hình rắn chắc, anh Quang trông như người đã đủ tuổi nhập ngũ. Anh có thể bị bắn hay bị bắt bởi cả hai phe. Rủi ro này quá lớn.

Sáng ngày 20 tháng 4, xe buýt nội thành thả chúng tôi xuống cổng chính. Chúng tôi chìa thẻ của mình ra và xếp vào một hàng dài khác để chờ xe trung chuyển chở chúng tôi đến hải quan và phòng an ninh – trạm dừng cuối cùng của chúng tôi trước khi đến đường băng. Ở đó, chúng tôi xếp một hàng dài khác dọc theo những cái bàn và mở toang hành lý để người ta kiểm tra lần cuối. Điều này là hợp lý vì chúng tôi đã ra khỏi nơi này cả đêm, và có khả năng rằng một kẻ phá hoại nào đó đã lén bỏ một quả bom vào trong túi của ai đó. Chúng tôi hoàn toàn “sạch sẽ” nên được dẫn vào phòng chờ có cửa nhìn ra đường băng với những chiếc phi cơ cứ đều đặn đến và đi. Chúng tôi phần khởi xếp một hàng dài gần cửa đôi dẫn ra cầu thang lên máy bay, nhưng không có ai – không tiếp viên, không nhân viên soát vé,

không nhân viên mặt đất, không cảnh sát, không có ai hết – đến để mở cửa. Cuối cùng một người bạn của dưỡng Al – Bill – người đã cho chúng tôi đi nhờ xe ngày hôm trước, giờ xuất hiện với hành lý, đi một mình. Bằng cách nào đó chú đã tìm thấy chúng tôi trong mê cung những hàng dài và những tòa nhà. Chúng tôi chỉ hy vọng Bobbie và con trai cô cũng may mắn như vậy trong cuộc tìm kiếm vô vọng chồng mình.

Một tiếng sau, chúng tôi vẫn còn ngồi trên nền, tựa vào tường. Bubba muốn vào nhà vệ sinh – một lần nữa – nên chúng tôi thay phiên giữ chỗ cho nhau khi vào toilet. Tôi rất lo sợ rằng người ta sẽ gọi đến chuyến bay của chúng tôi khi tôi đang ở trong toilet nên cố nín cho đến khi nào hết chịu nổi, nhưng cuối cùng thì tôi cũng không nhịn được. Tôi không cần phải lo lắng như vậy. Chúng tôi vẫn còn ở lại phòng chờ suốt cả ngày và cho đến tối, tới mức ai nấy biết rõ chỗ nào bị nứt, chỗ nào bị bể trên sàn và trên tường. Chúng tôi được nhân viên an ninh xưng tên đầu tiên khi họ – như thường lệ – đi ngang qua để chỉ dẫn an toàn cho những hành khách đang lo lắng.

Rồi, khi cái đồng hồ treo tường của quân đội Mỹ chỉ đúng 22 giờ 23 phút – khoảng 10 giờ 30 phút tối, trong một đêm nhiều mây và buồn thảm – một nhóm nhân viên, lính gác trông có vẻ mệt mỏi đến khu vực của chúng tôi, cắt hàng, và cái cổng đôi cũng bật mở. Một người Mỹ bắt đầu đọc tên, bắt đầu bằng “Alvin Strauss và gia đình.”

Chúng tôi lũ lượt kéo đi.

Không khí đêm nặng trĩu trên đường băng bao trùm khi chúng tôi bước đi trên những đôi chân tê cứng để đến chiếc xe buýt dẫn chúng tôi ra máy bay của mình. “Một chiếc C-130

Hercules,” dưỡng Al nói, nheo mắt nhìn qua cửa kính, “ngựa thồ của cuộc chiến.” Trong giọng của dưỡng có một sự tự hào buồn bã. Dưỡng đã thường xuyên đi trên những chiếc máy bay chở hàng lớn có bốn động cơ này suốt những năm dưỡng sống tại quê hương của tôi, và đây có thể là lần cuối cùng dưỡng thấy mình rời đi. Chiếc xe hòa vào dòng xe cộ mà tôi chỉ có thể nghĩ ngay đến giao thông trong giờ cao điểm. Xe buýt, xe tải, xe tải kéo, xe chở dầu, và xe nhân viên – nhiều xe với đèn pha chói sáng – đi về mọi phía, và phía trước chúng, trong đêm là hàng hàng những chiếc máy bay lớn, xe quân đội, hệ thống nguồn điện mặt đất đang kêu gào, những động cơ đang gầm rú, những thân máy bay khổng lồ thấy được nhờ đèn chiếu và hàng dài những cửa sổ sáng rực từ bên trong như những sọc sáng trên lưng một loài cá miền nhiệt đới.

Trên chuyến xe ngắn, tôi đột ngột nhận ra: Tôi đang rời khỏi Việt Nam và đang đến Mỹ. Quê hương của tôi sẽ không còn là nhà tôi nữa. Tôi có gặp lại bà ngoại không? Giờ thì tôi biết được rằng lẽ ra bà đã có thể ở cùng chúng tôi, và việc này càng làm cho nỗi buồn của tôi không thể chịu đựng được. Tôi đang rất lo cho bà, nghĩ rằng ngay lúc này đây những người cộng sản đã giành chiến thắng rồi, tôi nhớ lại những câu chuyện Ba kể về việc nhà bà ở miền Bắc bị tịch thu, và bà bị đá ra khỏi nhà, phải sống dựa vào những người bà con. Tôi biết bà sợ điều này sẽ lặp lại một lần nữa, và sau này cuối cùng tôi cũng biết được, điều này đã lặp lại.

Dù buồn và rất lo lắng, tôi phải thừa nhận rằng tôi cũng cảm thấy có chút mong chờ vào tương lai phía trước, một cuộc phiêu lưu mới mà chỉ sau ngày hôm nay thôi, và một ngày sau đó nữa

thôi, tôi sẽ khám phá ra. Một cơn phản kích bắt đầu nhen nhóm trong tôi và đột nhiên tôi rất háo hức muốn gặp một anh cao bồi Mỹ, giống như những người tôi đã thấy trong cái ti-vi trắng đen nhiều năm về trước.

Dượng Al nhìn đồng hồ khi chúng tôi xuống xe và tiến về phía cầu thang bên rìa máy bay. Chỉ mới hơn 11 giờ đêm. Như những con thú của Noah^[14], chúng tôi xếp thành hai hàng và lên từng hai người một, đến ngồi vào những dãy ghế dài bên trong. Anh Quang và Thủy chưa từng thấy dây an toàn nên tôi ngồi giữa họ và đeo giúp họ. Giữa tiếng gầm rú của động cơ, mùi xăng dầu nồng nặc, ánh đèn pha sáng lóa, thành viên phi hành đoàn người Mỹ to lớn đi qua đi lại như phi hành gia với những chiếc tai nghe và đồng phục bay, Bubba hoảng sợ và bắt đầu khóc, nhưng tiếng khóc của em bị chìm trong âm thanh ầm ĩ khi chiếc cầu thang được kéo đi và tuốc-bin cánh quạt bắt đầu quay. Gần như ngay lập tức, chiếc máy bay khổng lồ từ từ nhích về phía trước, đột ngột khựng lại khi phi công kiểm tra phanh, rồi tiến lên, lượn vòng quanh cho đến khi đứng trên đường băng. Những động cơ lớn gầm lên, và tất cả chúng tôi đều nghiêng về một phía khi nó cất cánh. Và chẳng mấy chốc, mũi máy bay tiến lên trên, mang theo toàn bộ chúng tôi. Những bộ phận hạ cánh xếp lại. Dòng đèn màu xanh bên ngoài cửa sổ nhỏ nhanh chóng mất hút, và dượng Al lại nhìn đồng hồ.

Đúng 11 giờ 15 phút tối, cuộc chiến Việt Nam của chúng tôi kết thúc.

Chương 12

NƯỚC MỸ - 1975

Chúng tôi đáp xuống căn cứ không quân Clark ở Philippines lúc trời tờ mờ sáng. Vì trước đây khi tôi đến và đi đều vào ban ngày nên chòm sáng bao quanh sân bay không có ý nghĩa gì với tôi cả – tôi không cảm thấy mình đang rời khỏi hay về lại chốn cũ. Tôi từ từ ngộ ra rằng có lẽ đây là lần cuối cùng tôi được gặp bà tôi, những người anh chị em họ, cô dì chú bác, bạn học – đó là chưa kể đến mộ của Mẹ và cũng có thể là mộ Ba tôi. Lúc này, khi biết được rằng cuộc sống quá đổi quý giá và ngắn ngủi, khi nhận thức được rằng những mất mát này có thể là vĩnh viễn làm chúng càng sâu sắc, dù cho là đối với một đứa con gái mười lăm tuổi. Nói thật là ngoài nỗi buồn khổ này đang gặm nhấm trái tim mình, tôi không cảm thấy sợ, cũng không cảm thấy phấn khởi. Tôi biết cuộc sống bên ngoài quê nhà sẽ khác xa so với những gì tôi đã trải qua. Nếu chúng tôi đến Mỹ, tôi nghĩ rằng nơi đó sẽ có rất nhiều xe hơi, đồ ăn ngon, cao bồi và người da đỏ, ít nhất thì theo các chương trình ti-vi mà tôi đã xem. Thật ra, khi tôi đi xuống chiếc C-130, tôi cũng không biết chắc liệu nước Mỹ có phải là điểm đến cuối cùng của chúng tôi hay không. Như mọi khi, quyết định thường được định đoạt bởi những đấng tối cao.

Không khí đêm ở trại Clark lạnh hơn ở Sài Gòn nên tôi run lên khi băng qua một khu đất rộng từ sân bay đến hàng xe buýt.

Chúng tôi vọt vờ lên xe như mấy cái xác sống và tìm chỗ ngồi. Như tôi, không có hành khách nào ngủ được trong suốt hai tiếng rưỡi ngồi máy bay, và sau gần 60 tiếng ngồi chai mông, rệu người để chờ các thủ tục quan liêu ở sân bay Tân Sơn Nhất thì không ai muốn nói năng gì cả, không muốn nói về cuộc phiêu lưu lớn sắp tới hay thậm chí là điều gì sẽ xảy ra tiếp theo. May mắn là điều xảy ra tiếp theo là một bữa ăn nóng hổi ở một nhà ăn quân sự của Mỹ, rồi một chuyến đi ngắn đến trung tâm dành cho người tị nạn được thắp sáng như một sân vận động, ở đó chúng tôi có thể thoải mái vươn người trong những căn lều của lính Mỹ, thay quần áo, giặt giũ. Trong khi ở đó, tôi gặp một cô gái người Philippines rất dễ thương trạc tuổi mình. Tôi đã trò chuyện rất vui với bạn bằng thứ tiếng Anh lồm bồm của tôi, kèm thêm huơ tay múa chân và thứ ngôn ngữ phổ biến của các cô gái tuổi teen như lược, kẹp tóc và chuyện xỏ lỗ tai.

Không biết là may hay rủi nhưng chúng tôi không ở lại khu trại này lâu. Tên của dưỡng Al lại được xướng lên, và tôi phải nói lời từ biệt với người chị em người Philippines đã cho em Thủy mượn áo và quần soọc khi quần áo của em còn đang phơi trên dây. Chúng tôi ngồi xe buýt đến cầu thang lên máy bay ở phía xa, rồi leo lên cầu thang hai tầng vào trong một chiếc máy bay thương mại khổng lồ mà dưỡng Al cho biết đó là một chiếc 747 – “chiếc máy bay chở hành khách lớn nhất thế giới!”. Dưỡng nói Bộ Tư lệnh Không quân Mỹ đã thuê chiếc phi cơ tốt nhất nước Mỹ để “đưa chúng ta về nhà.”

Ít nhất thì cũng có một người trong chúng tôi biết chúng tôi sắp đi đâu về đâu.



Thẻ lên máy bay đến Mỹ

Chuyến bay dài từ Philippines đến California tự thân nó đã là một cuộc phiêu lưu. Chuyến bay bắt đầu với một đoàn toàn những người cáu kỉnh, nhớp nháp, lo lắng, rụt rè, biết ơn và thống khổ, đang nối đuôi nhau bước vào một phương tiện đi lại lạ đời và chật ních người được thiết kế để mang họ rời khỏi những gì họ biết và yêu quý, đến một nơi xa lạ và bí ẩn.

Chiếc máy bay khổng lồ bay từ hòn đảo, xuyên qua những đám mây xao xác, hòa vào bầu trời trong xanh, bỏ lại mặt trời đang lặn ở phía sau cho đến khi hoàng hôn đỏ rực bao trùm lấy chúng tôi. Nhìn xuống đại dương thăm thẳm bao trùm mọi phía dù nhìn từ ô cửa sổ nào đi chăng nữa, lần đầu tiên trong đời tôi lơ mơ nhận ra thế giới rộng lớn biết chừng nào. Hầu hết hành khách trên máy bay đều là người châu Á, với một ít người Mỹ điểm xuyết xung quanh. Phân nửa số ghế dành cho trẻ em và em

bé ngồi, và những đứa bé này khá trật tự, biết cách phân công nhau để mà gào khóc, nên lúc nào cũng có ít nhất một đứa đang ré lên. Dù chúng tôi ra đi vào một buổi sáng đẹp trời và chuyến bay khá êm đềm – thậm chí là thoải mái – không ai nói một lời nào trong suốt hai tiếng đầu tiên cứ như thể người phi công đã bật đèn hiệu “Cấm nói chuyện” khi ông ta tắt đèn báo hiệu cài dây an toàn. Chính lúc này đây, tôi nghĩ, tất cả chúng tôi đều nhận thức rõ tình thế của mình.

Cho đến thời điểm này, con đường của tôi khá gồ ghề, nhưng không tồi tệ bằng nhiều người khác và dễ chịu hơn một số người còn lại. Tôi chỉ mới ra viện được một tháng, và những cơn đau nhức bắt đầu la hét đòi sự chú ý. Chứng đau lưng mà bác sĩ bảo là tôi có thể sẽ mắc phải khi lớn đã bộc phát khi mới bay được nửa đường và khiến tôi có cảm giác cái ghế đệm máy bay tôi đang ngồi giống như một đồng bê tông. Cái chân trái đang làm tôi đau không chịu được, và vào những phút giây hiểm hoai khi cơ thể tôi chịu nhượng bộ, tôi lại nghĩ đến gương mặt mình. Chúng tôi đã rời khỏi thế giới nơi mà nỗi đau đớn và sự không lành lặn đã trở nên bình thường, để đến một nơi mới có những diễn viên điện ảnh với làn da rám nắng, ngôi sao nhạc rock, vận động viên lướt sóng – những hình mẫu của vẻ đẹp hoàn mỹ. Mọi người đã an ủi tôi rằng một khi mặt tôi hết sưng, những vết sẹo mờ đi, bên má phải và môi tôi sẽ không tệ hơn một người vừa bị té ngã. Người ta chỉ còn tránh nhìn vào tôi khi tôi mở miệng ra để ăn hoặc cười, nên tôi thường nghiêng đầu nghịch ngợm qua phía phải để nhai và mỉm cười với bàn tay che miệng như những cô gái người Nhật. Ai cần hơn một cái va li khi bạn là một cô gái tuổi teen đang đến Mỹ với hành trang như thế chứ?

Câu hỏi thật sự đang chờ đợi tôi là khi chúng tôi đáp xuống thì dưỡng Al và dì Thu sẽ đối xử với tôi như thế nào. Trước khi người nhân viên Đại sứ quán phá ngang bữa trưa của chúng tôi và làm cuộc sống của chúng tôi nổ tung vào ngày cuối cùng đó ở Trại Cá, tôi biết tôi phải ra khỏi gia đình họ, và rằng cái cổng sẽ đóng sầm trước mặt tôi bất cứ lúc nào. Khi tôi dọn đến sống cùng bác Chiêu và cô Mai, tôi bắt đầu nghĩ tôi là một người độc lập trong cuộc sống – không phải là một viên cảnh vui vẻ gì đâu với một cô gái người Việt lớn lên đã không có gia đình, nhưng là một chuyện mà tôi có thể kiểm soát được. Vụ tai nạn đã làm thay đổi tất cả. Sự tự tin tôi đã cố thể hiện ra khi tìm việc ở Sài Gòn, chuẩn bị hòa nhập vào xã hội của những học sinh phổ thông trung học, và đã rời khỏi người giám hộ này đến người giám hộ khác, tất cả đã tan biến. Và giờ đây tôi thật sự ước ao rằng tiếng Anh của mình khá khẩm hơn.

Khi bóng tối Thái Bình Dương đen thăm thẳm đang lướt nhanh bên dưới chúng tôi, và những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời xám đen trước lúc bình minh lên, ý nghĩ của tôi lại hướng về bà ngoại. Sau cái chết của Ba Mẹ, nơi duy nhất tôi cảm thấy yêu thương và an toàn là được ở với bà. Dù vậy, ngay cả khi sống với bà, tôi cũng cảm thấy một sự mất mát không thể tả được lúc nào cũng hiện hữu, một sự trống rỗng to lớn trong tim tôi đến mức cả tình yêu và sự chăm sóc của bà cũng không thể nào lấp đầy. Tôi cho rằng đây là cảm giác những người mồ côi đều cảm thấy, dù là những người có cùng cảnh ngộ với tôi – may mắn có được sự quan tâm chăm sóc của một người bà. Có đôi lúc, vòng tay yêu thương của bà chỉ làm tôi nhớ Mẹ tôi thêm mà thôi. Tôi thường cảm thấy buồn và cô đơn khi thấy những đứa trẻ khác

có ba có mẹ, và đặc biệt khi tôi chứng kiến tình cảm yêu thương của một người mẹ và cô con gái.

Với dì Thu và dưỡng Al, tôi chưa bao giờ có cảm giác rằng tôi là “con gái” thực sự của họ. Tôi chỉ thấy một sự chịu đựng lạnh lẽo. Rõ ràng, dì Thu cảm thấy dì có một trách nhiệm nặng nề mà dì rất căm ghét. Dưỡng Al chỉ là chịu đựng tình huống này, và khi dưỡng không chịu đựng được nữa, dưỡng đã bộc lộ bằng mọi hình thức hành hạ về thể xác cũng như tinh thần. Trong những năm trước khi ở Trại Cá, trong chúng tôi không có đứa nào có một sự tương tác thân mật thực sự nào với dưỡng. Dưỡng không bao giờ đụng tới một đứa nào cả. Mọi việc thay đổi kể từ khi dưỡng bỏ việc ở công ty Kiến trúc Thái Bình Dương và không ai trong chúng tôi hiểu lý do. Có thể đó là vì anh Quang, Thủy và tôi đã lớn hơn và không còn dễ thương nữa, có thể giữa dưỡng và dì Thu có nhiều vấn đề hơn tôi biết. Nhưng mọi việc trở nên tồi tệ hơn với mỗi ngày trôi qua. Việc chúng tôi phải sống với dưỡng khiến bà ngoại rất phiền lòng và đau khổ, nhưng bà đã tài cùng sức tận nên không thể ngăn chặn được tất cả mà chỉ có thể can thiệp phần nào. Dì Thu thể hiện sự ghẻ lạnh đối với con cái của chị mình khi dì chưa bao giờ, chưa bao giờ can thiệp chuyện giữa dưỡng Al và tôi hay với bất cứ đứa nào khi dưỡng đánh đập chúng tôi trước mặt dì. Dì chưa bao giờ đến xem tôi như thế nào sau mỗi trận đòn, không bao giờ đặt tay lên trán tôi để xem thử tôi có đang sốt không... Không có bất cứ tương tác “mẹ con” nào cả, cũng không hề thể hiện tình cảm nào. Không biết vì lẽ gì dì không thể làm được những chuyện này.

Khi tôi trở lại Trại Cá sau tai nạn, dưỡng Al, dì Thu và tôi tiếp

tục hạn chế tiếp xúc, nói chuyện hết mức có thể. Chúng tôi chỉ nói khi thực sự cần thiết, và chắc chắn là không có sự thương cảm nào dành cho tôi khi tôi phải chịu đựng đau đớn hay thấy không thoải mái. Thậm chí, trong một loạt những sự kiện dẫn đến việc chúng tôi phải vội vã từ Trại Cá chạy đến sân bay, chúng tôi cũng không nói. Tôi cảm nhận được sự căm ghét của dưỡng Al dành cho tôi. Trong thâm tâm mình, dưỡng biết lý do vì sao tôi ra đi, cũng như những gì mà tôi, anh Quang và Thủy đã chịu đựng khi ở trong tay dưỡng. Tôi không cho rằng dưỡng cảm thấy hối tiếc hay hối lỗi gì cả. Dưỡng tức giận vì tôi đã quyết định tôi sẽ không im lặng nữa. Còn dì Thu, có lẽ dì cảm thấy xấu hổ và buồn phiền vì cách hành xử của dưỡng Al và không biết phải đối xử với tôi ra sao khi tôi quay lại, vì dì biết lý do vì sao tôi ra đi. Tôi giải quyết chuyện này bằng cách né tránh dì và không khơi lại chuyện đã qua. Hiểu theo cách nào đó, dì Thu cũng là tù nhân của dưỡng Al như tôi vậy, cho đến khi tôi bỏ trốn. Một tù nhân vô vọng và không có lối thoát. Dì cảm thấy rằng dì và cả Bubba nữa sẽ không thể sống sót được nếu không có dưỡng Al.

Không, tôi không có lý do gì để tin rằng tôi được chào đón trong gia đình dì dưỡng khi chúng tôi dần xếp xong mọi việc. Tôi cũng lo cho Thủy và anh Quang nữa. Ít nhất thì Bubba và tôi cũng có một thời sống vui vẻ với dì dưỡng hồi còn ở Quy Nhơn và Philippines. Anh Quang đã trở thành một chàng trai dễ thương: tự tin, vui vẻ, tò mò, lịch sự, hào phóng và vị tha nhưng rất chắc chắn về lòng tin của mình, cũng giống như Ba. Còn em Thủy, dù chỉ kém tôi một tuổi nhưng vẫn chưa tìm ra bản thân mình. Nếu Bubba là hoàng tử bé của gia đình, được chiều

chuộng, được ưu tiên, được yêu thương thì Thủy thường bị làm ngơ và chỉ âm thầm chịu đựng. Nếu bà ngoại có phạm một sai lầm đối với bất cứ ai trong số chúng tôi thì đó là bà đã quá đùm bọc Thủy khỏi thực tế khốc liệt của cuộc đời. Tôi lo cho em tôi và tôi sợ rằng tôi sẽ thấy ở em những bóng đen dè dặt hay nghĩ về Mẹ tôi: thiếu cận, vô trách nhiệm, sẵn sàng đẩy rác rưởi cho người khác. Bằng cách nào đó, tôi cảm thấy mình như một người chị em với những người phụ nữ từ những thế hệ đó, những mối ràng buộc này có thể dễ dàng trở thành gông cùm, trói buộc tôi.

Trong suốt chuyến bay dài đến Mỹ tôi không ngủ được, và tôi rất mừng là mình không bị quấy rầy để có thể đắm mình trong suy nghĩ. Khao khát thầm kín được ở với Mẹ, với Ba, với một gia đình thực sự và nỗi nhớ bà mình đến mức không chịu được giờ nằm im trong một nơi sâu thẳm trong tim tôi. Tôi cho phép mình cảm thấy vui và nhẹ nhõm khi rời khỏi Việt Nam mà không cảm thấy tội lỗi. Tôi cảm thấy phấn khởi với bình minh đang lên và những điều kỳ diệu mà nó sẽ mang lại.

Chúng tôi bắt đầu hạ xuống bờ bắc California. Phi công nói rằng theo cách người ta tính thời gian ở một hành tinh hình cầu, chúng tôi không chỉ phải chỉnh lại đồng hồ mà còn phải lặp lại ngày hôm trước, ngày 22 tháng 4. Vì những nỗi đau và sự chán chường của cuộc tản cư bất tận, đó không phải là ngày tôi muốn lặp lại, nhưng ít nhất lần thứ hai này sẽ là ở một vùng đất mới. Sau tất cả thì đó chính là ý nghĩa của nước Mỹ: bắt đầu lại từ đầu và mọi chuyện sẽ tốt đẹp hơn.

Điều đầu tiên làm tôi ngạc nhiên là sự thiếu vắng cây xanh. Bay qua miền Nam Việt Nam trong lần đầu tiên với dưỡng Al

vào di Thu, những ruộng lúa xanh rì đã nhường chỗ cho những đồi núi xanh thẳm. Còn ở đây lác đác ít cây cối dưới chân những triền núi gồ ghề đá, màu nâu cũng nhiều như màu xanh, với những ngón tay xanh của biển cả chạm vào bờ đất từ thành phố San Francisco xinh đẹp. Khi chúng tôi tiến gần hơn tới ga đến tại căn cứ không quân Travis ở phía đông của Vịnh Biển, những đồi núi và biển nhường chỗ cho những đồi cát vàng – “những cơn sóng màu hổ phách” theo như cách mà người Mỹ vẫn thường ca tụng. Xuống thấp hơn, chúng tôi bay qua các thị trấn và khu vực dân cư được sắp xếp thẳng tắp và ngay hàng thẳng lối như bàn cờ, tất cả đều nối với đường cao tốc màu xám và hàng dài xe cộ chạy trên đó. So với những con đường uốn lượn, gồ ghề và chật ních người đi bộ và xe đạp ở Sài Gòn và những khu ngoại ô của nó thì ở đây trông như cảnh tượng trong một quyển sách tranh: sạch sẽ, ngăn nắp và trù phú. Cứ như thể đáp xuống một ngân hàng vậy.

Sau cú hạ cánh nhẹ nhàng – tất cả hành khách đều rất mừng vì điều này – máy bay chở chúng tôi từ từ đi vào ga. Khi máy bay ngừng, khách bắt đầu rời ghế và xếp hàng trong một hàng dài bất tận, đầu tiên là khi đi dọc lối đi, có vẻ như dài bằng một dãy phố. Rồi tôi đứng chỗ cửa máy bay, hít không khí và nhìn về phía đằng xa.

Xin chào, nước Mỹ!

Tôi cảm thấy ngập tràn cảm giác biết ơn Chúa, sự biết ơn mà không có từ nào mô tả được. Đột nhiên, luồng gió tháng Tư lạnh buốt thổi qua tôi, và đó là lần đầu tiên tôi cảm nhận cái lạnh như thế. Cái áo len mỏng của tôi không thể làm tôi ấm lên. Hồi ở Việt Nam, thỉnh thoảng tôi đã biết qua “máy điều hòa không

khí,” hầu hết qua những chuyến viếng thăm ngắn ngủi và họa hoàn tại các quầy đổi tiền hoặc những văn phòng nơi dựng Al làm việc, nhưng tôi không thể hình dung được cái lạnh này lại có thể hiện diện ở khắp đất nước. Quốc gia lạ lùng và to lớn này sẽ dành cho tôi những bất ngờ nào nữa đây?

Tôi cố ý bước từng bước xuống mỗi bậc cấp kim loại, quyết tâm nhớ những khoảng khắc này suốt cuộc đời mình. Chân tôi chạm đất Mỹ như bước chân đầu tiên của phi hành gia trên mặt trăng. Nền đất phủ bê tông chứ không phải đất nhưng cũng chẳng khác gì lắm. Tôi đang ở Mỹ!

Sự phấn khích của tôi chẳng mấy chốc thay đổi, biến thành sự thất vọng khi tôi không thấy bất kỳ một anh chàng cao bồi nào, không thấy một người da đỏ, con ngựa, con bò hay diễn viên điện ảnh nào. Từ những chương trình ti-vi về nước Mỹ, chúng tôi cho rằng cuộc sống ở Mỹ giống như những trận Tết Mậu Thân triền miên: mọi người đều mang súng, những người nhập cư bắt những người da đỏ, và những cô gái mặc bikini thỏa thuê vui đùa cùng sóng biển. Mọi người cưỡi ngựa hoặc lái những chiếc xe bụi chảnh; không ai chạy xe đạp hay xe máy. Không điều gì đúng cả. Người Mỹ, những người đã làm thủ tục cho chúng tôi qua cửa hải quan, làm việc sau bàn giấy hoặc thúc đẩy chúng tôi trên xe cộ hoặc khi đi bộ. Họ trông như những người lính Mỹ hay những công dân Mỹ mà tôi đã thấy ở Việt Nam, dù có lẽ là có chế độ ăn uống tốt hơn. Chờ trong một hàng dài, anh Quang có một phát hiện đáng kinh ngạc là những người tóc vàng mắt xanh dường như có mặt ở khắp nơi, và so với ở Việt Nam và Philippines, anh đã đúng. Cuối cùng tôi cũng được thấy diễn viên điện ảnh đầu tiên (đại loại vậy): một người nổi

tiếng trong chương trình Today Show đang phát trên mấy cái ti-vi treo trên tường trong phòng chờ – tất cả đều là ti-vi màu – lần đầu tiên tôi thấy. Dượng Al thường phàn nàn về chuyện mang theo tiền lẻ, cứ như thể cầm tiền là một gánh nặng vậy. Giờ thì tôi thấy người Mỹ vứt những đồng xu của mình ngay khi có được bằng cách bỏ chúng vào những cái máy Coca hay Pepsi hay những thiết bị khác có thể cho ra cà phê, sô-cô-la nóng, những bịch snack mặn hoặc kẹo. Với những chiếc máy cho ra thức ăn như thế này, tôi đã nghĩ người Mỹ không cần chợ làm gì.

* * *

Bởi vì dượng Al là một công dân Mỹ và không ai trong chúng tôi cầm hơn một cái va li nên chúng tôi hoàn tất các thủ tục rất nhanh chóng, mau lẹ rồi được bảo có thể... đi đâu thì đi. Chúng tôi đột nhiên thấy mình đứng bên ngoài khu vực an ninh của sân bay, ngay trên đất Mỹ. Tại đó, dượng Al tiết lộ kế hoạch bí mật của dượng cho tương lai của chúng tôi: Dượng không có một kế hoạch nào cả.

Thật khó tin! Kể từ khi tôi biết dượng thì dượng Al không bao giờ hành động mà không nghĩ thấu đáo mọi chuyện. Dù gì thì dượng cũng là một nhà thầu, một nhà xây dựng, một nhà tổ chức, một nhà quản lý. Nói cách khác, kế hoạch trước của dượng là ở Việt Nam đến hết đời, nhưng số phận đã có cách sắp đặt khác. Dì Thu đề nghị chúng tôi ở lại California. Đó là kế hoạch rẻ nhất – chúng tôi đã ở đây rồi – và chúng tôi cũng nghe những người Việt khác nói về những cộng đồng Việt Kiều nổi

lên ở những thành phố ở bờ Tây. Dượng Al không đồng tình với ý kiến này.

“Đừng hòng,” dượng nói. “Những thành phố lớn ở Mỹ đã suy đồi cả. Em nghĩ rằng chuyện bạo lực ở Việt Nam là tội tệ sao? Hãy chờ xem những băng đảng da đen và đám Mexico! Và em nghĩ toàn bộ số ma túy sẽ đi đâu khi rời khỏi Đông Nam Á? Đến ngay với đám trẻ ở những trường học Mỹ đây! Không, chúng ta sẽ sống đâu đó ở miền quê. Có lẽ chúng ta sẽ bắt đầu lại trại cá...”

Đúng lúc đó, Bill, người đang đứng phía sau chúng tôi, nói vào. “Hay anh chị thử đến sống ở Comanche, quê tôi? Đó là một nơi theo kiểu cũ, ở trung tâm bang Texas, cách Dallas khoảng 1 giờ về phía tây nam. Không khí sạch. Đất đai rộng lớn. Một nơi tốt cho bọn trẻ. Anh thấy sao?”

Với thứ tiếng Anh lồm bồm của mình, tôi chỉ hiểu được phân nửa cuộc nói chuyện, nhưng tôi nghĩ thật lạ khi dượng Al không muốn sống gần – hay ít nhất là muốn đến thăm – những người con đã trưởng thành của dượng, Eddie và vợ anh đã gửi cho chúng tôi rất nhiều đồ khi chúng tôi sống ở Việt Nam. Thay vào đó, dượng lại hùng hổ nói về những tệ nạn của cuộc sống ở chốn thị thành Mỹ đến mức ngay cả tôi cũng bắt đầu tin lời dượng, dù ở thành phố lớn chúng tôi sẽ dễ kiếm việc hơn. Tôi cũng tự hỏi tại sao người đàn ông này, người đã đối xử tàn tệ với tôi và em gái tôi, đột nhiên quan tâm đến sự an nguy của chúng tôi đến nỗi chọn đến sống ở một nơi khỉ ho cò gáy vì sợ ma túy trong trường học. Cứ như thể Việt Nam không có tội phạm và bọn buôn ma túy, và thật khó tưởng tượng những băng đảng Mỹ có thể dạy điều gì đó mới mẻ về bạo lực. Không, điều này là không

thỏa đáng, nhưng lại nữa, tôi không thể hiểu được những tính toán của dượng.

Những gì dượng nói với Bill là “Có thể anh nói đúng.” Tất cả chúng tôi thuê một phòng khách sạn gần Travis trong vài ngày để thích nghi với múi giờ mới và để nguôi ngoai sự chấn động khi đột ngột rời bỏ quê hương. Suốt thời gian này, trong khi dượng Al đi mua một chiếc xe cũ vừa túi tiền, những người nhập cư chúng tôi thận trọng thực hiện vài chuyến khám phá nước Mỹ ở trung tâm mua sắm và những khu dân cư gần đó để hiểu thêm về nơi này. Bữa ăn Mỹ no nê đầu tiên của tôi là ở một nhà hàng sang trọng tên là Denny’s, ở đó mọi thứ đều sạch bóng, ngay cả nhà vệ sinh cũng sạch, và mỗi phần ăn có nhiều thức ăn hơn cả thức ăn bà ngoại nấu cho chúng tôi cả tuần. Nếu đường phố Mỹ được dát vàng, như vài người nói, thì chúng tôi sẽ sớm tìm ra thôi. Kết thúc ngày thứ hai, dượng Al trở về phòng khách sạn với một chiếc xe lớn màu kem đời gần đây, lớn hơn cả chiếc xe của cô Bobbie. Sáng hôm sau, chúng tôi cùng vào xe để thực hiện chuyến đi dài khám phá Texas.

* * *

Nhìn ngắm cảnh quan nước Mỹ qua cửa sổ xe cũng giống như đang xem một bộ phim Hollywood. Tuy vậy, tôi nhớ những túp lều của người da đỏ. Dù nông trại mọc như nấm ở “Thung lũng Lớn” của California – San Joaquin, tôi vẫn không thấy các trang trại lớn như Ponderosa hay cảnh cao bồi lừa đám gia súc đang chậm rãi nhai cỏ bên dưới những cái cây dọc theo đường cao

tốc. Thật ra, chúng tôi không thấy một con ngựa nào cho đến khi đi vào Arizona rồi đến New Mexico, ở đây những người cưỡi ngựa trông như du khách nhưng dựng Al lại cam đoan đây là miền Tây thực sự. Thật ra tôi chưa bao giờ đi xa và đi nhanh đến thế trên đường mà không nghĩ ngợi đến chuyện nhảy vào một cái hào để tránh bom đạn hoặc vã mồ hôi tại các trạm kiểm soát. Có vẻ như khi giàu có hay xa xỉ nhất chỉ đơn giản là khi ta cảm thấy bình an.

Sau ba ngày đi qua nhiều bang (và nhiều lần nghỉ dọc đường để Bubba đi vệ sinh cùng nhiều lần dừng chân tại quán Denny's, Ihop và MacDonald's), chúng tôi đến Comanche ở tây nam của Fort Worth. Vùng đất này hoàn toàn khác xa so với Việt Nam: những vùng đất lác đác bụi cây với “biển” cây bông vải men theo những bãi sậy đến những cái hồ nhỏ, những đồi cỏ phủ đầy đá, những nông trại rào kín trồng bông vải và cỏ dinh lẵng, với nhiều mẫu đất lấm chাম gia súc. Trước khi vào một thị trấn nhỏ – một con đường chính ngăn với những ngôi nhà gạch to và cũ hai bên – chúng tôi dừng lại để đổ xăng, rồi thuê một phòng khách sạn gần bên để “xem xét tình hình,” dựng Al nói vậy. Chúng tôi chưa kịp yên vị thì nghe tiếng gõ cửa.

Dựng ra mở cửa thì thấy một người phụ nữ lớn tuổi có gương mặt phúc hậu, lùn và da cháy nắng. Trông bà là biết bà thuộc kiểu người biết cách lái một chiếc máy cày.

“Xin chào,” bà nói bằng cái giọng Texas nhẹ nhàng. “Tôi là Charlene Gilchrest. Chào mừng anh đến Comanche!”

Ngay lập tức dựng Al chuyển qua “nút” vui vẻ và bắt tay bà. Người phụ nữ nhìn qua vai dựng để nhìn cả đám chúng tôi, còn chúng tôi đang nhìn lại.

“Ồ, đó là gia đình của anh – tôi đã nghe nói tới mọi người.”

Chúng tôi thấy chuyện này hết sức lạ, đặc biệt là dưỡng Al. Dưỡng đứng qua một bên và giới thiệu từng người một, chúng tôi khoanh tay chào bà Gilchrest, đúng kiểu Việt Nam. Bà không để mắt thì giờ và giải thích ngay với chúng tôi rằng bà có một cô con dâu người Việt – khá lạ lùng ở một thị trấn nhỏ như Texas, và người điều hành trạm xăng thừa biết được chuyện này nên khi bà đến đổ xăng, ông ta kể với bà rằng một gia đình Việt Nam mới “với cậu bé rất dễ thương” vừa thuê một phòng khách sạn, nên bà phải chạy ngay đến xem sao. Sau cuộc trò chuyện ngắn về những gì đã khiến chúng tôi có mặt ở đây và những tin tức khốc liệt từ Sài Gòn trên ti-vi, bà tốt bụng mời chúng tôi về nhà ở thị trấn Beattie, cách Comanche vài cây số về hướng bắc. Bà và chồng có một căn nhà gỗ cho thuê ở gần nhà. Nếu chúng tôi muốn đến thăm và thích nơi đó, bà nói rằng bà rất vui lòng cho chúng tôi thuê với một mức giá hợp lý. Vì vẫn chưa có kế hoạch hay dự tính gì cho tương lai, dưỡng Al thay mặt chúng tôi chấp nhận lời đề nghị của bà. Với một cái bắt tay nhanh, tất cả chúng tôi đã trở thành người Texas.

* * *

Căn nhà gỗ ở Beattie khá dân dã, nói vậy là đã nói giảm đi nhiều – theo chuẩn Mỹ thì chỉ khá hơn căn nhà lụp xụp một chút, nhưng đối với chúng tôi đó là một nơi tốt nhất thế giới. Bà Gilchrest giải thích rằng nó đã được nói ra thành một ngôi nhà nhỏ cho con trai bà là anh Dale và người vợ Việt của anh – Huệ –

khi anh giải ngũ vài năm trước. Họ không ở đó lâu, tình trạng của ngôi nhà đã thể hiện điều này. Phòng khách và một phần nhà bếp không bị bụi phủ có sàn bằng gỗ, những phòng ngủ có trải mấy tấm thảm, chỉ bao nhiêu tiện nghi đó thôi. Những tấm ván làm tường có những lỗ hở và những chỗ nứt, dễ nắng, gió, và bọ chui vào. Dây leo bám trong bếp, nhà tắm, leo kín hệ thống nước và tủ kệ. Dì dưỡng nhận một phòng ngủ, Bubba và anh Quang ở phòng khác, còn Thủy và tôi ở phòng cuối cùng.

Với số hành lý ít ỏi và một số đồ nội thất mượn từ nhà bà Gilcrest, việc dọn về đây khá dễ dàng, nhưng để nơi này ở được thì tốn nhiều thời gian hơn. May là dưỡng Al khá rành việc sửa chữa và sơn phết. Chẳng bao lâu sau (khi đã quen với việc ngủ nền đất và những đồ nội thất tồi tàn) ngôi nhà trở thành một trong những nơi ở tốt nhất mà tôi được ở khi lớn lên. Ít nhất chúng tôi có hệ thống nước trong nhà, có nước máy, và một mái nhà chắc chắn. Người ta thường nói ở Mỹ bạn phải bắt đầu từ một nơi nào đó, và nếu bạn bắt đầu từ dưới lên thì sẽ không đi đâu khác ngoài việc đi lên.

* * *

Đầu tháng Năm, Sài Gòn đã sụp đổ, và chiến tranh đã kết thúc với tất cả mọi người, gồm cả những người chúng tôi đã bỏ lại. Ti-vi, báo, tạp chí đều đăng nhan nhản ảnh chụp những chiếc trực thăng giải cứu ở tầng mái và đáp xuống những boong tàu chiến Mỹ chật ních người. Rồi nhiều chiếc trực thăng cứu hộ như thế bị ném vào biển như một mớ sắt vụn. Tràn ngập khắp

các mặt báo là những câu chuyện về những đám đông sợ hãi ở cái nơi mà chúng tôi vừa mới thoát ra, rồi những hình ảnh và những câu chuyện ngưng hẳn. Như đã diễn ra ở nhiều đất nước mà quân đội của nhân dân giành chiến thắng, thì nhân dân biến mất khỏi báo chí và ti-vi, nhưng không biến mất khỏi con tim của những người thân của họ, những người có thể đi khỏi. Dì Thu, anh Quang, Thủy và tôi cứ tự hỏi về bà ngoại, cậu Hải, bác Chiêu, anh Ngọc, vợ Nga cùng nhiều người họ hàng và bạn bè khác, cứ như thể họ bị mất hút trong một cái hố đen. Dù vậy, chúng tôi không nói về nỗi sợ của mình, như thể chỉ nhắc đến tên họ không thôi cũng có thể làm họ thêm nguy hiểm. Nước Mỹ tiếp tục làm công việc của mình, giờ công việc đó không còn bao gồm quê nhà của chúng tôi nữa, nơi làm họ đã đổ vào đó bao nhiêu sinh mạng, tiền bạc trong nhiều năm trời. Những đứa mồ côi chúng tôi giờ còn thiếu vắng cả nguồn cội, cứ như thể cuộc sống của chúng tôi chưa bao giờ xảy ra vậy.

Khi căn nhà gỗ đã ở được, bà Gilcrest trở thành một vị khách thường xuyên và được chúng tôi đón chào. Hơn ai hết trong cái thị trấn nho nhỏ này, bà rất thương cảm cho những gì chúng tôi đã trải qua, vì bà cũng có một cậu con trai rất yêu người vợ Việt của mình. Đây như là một liệu pháp dành cho dượng Al, dượng có những kỷ niệm và hy vọng từ cả hai nơi và giờ thấy mình không thuộc về một nơi nào cả. Dượng có những cuộc nói chuyện dài với bà Gilcrest về điều này điều kia, và hầu như tôi không hiểu được những cuộc nói chuyện đó. Nhưng tôi biết được rằng đã quá trễ để đám trẻ chúng tôi nhập học. Theo dượng, chúng tôi cần những thứ khác để giữ cho chúng tôi bận rộn.

Đến cuối tháng đầu tiên ở Beattie, trong khi dựng Al hoàn tất việc sửa sang lại căn nhà gỗ, bà Gilchrest đưa cả gia đình đi mua sắm tại một Cửa hiệu tiết kiệm của Cứu thế quân^[15] ở Brownwood. “Những thứ này tốt hơn là mọi người nghĩ,” bà nói, cứ như thể tôi chưa kết luận rằng đây là nơi lớn hơn và nhiều hàng hóa hơn bất cứ ngôi chợ nào tôi biết khi còn ở Việt Nam. Chúng tôi bước đi bên những hàng dài với những món đồ “gần như mới” được treo trên móc, trên giá hay trong thùng. Bà chỉ vào những cái mà bà nghĩ là hợp với vóc người nhỏ bé của chúng tôi và phù hợp với thời tiết ở Texas. Đối với chúng tôi thì điều này như một trong những mùa Giáng Sinh của dựng Al, chỉ khác là chúng tôi tự chọn quà cho chính mình. Dì Thu cho phép mỗi đứa mua hai bộ đồ, gồm áo thun, quần jeans và giày thể thao, những thứ chúng tôi chưa từng mặc ở Việt Nam nhưng giờ sẽ khiến chúng tôi trông như những người Mỹ thực thụ.

Trong khi xếp hàng chờ tính tiền, chúng tôi tình cờ gặp một người Việt khác, một người thợ cơ khí ô tô – bác tên là Liệu, đang làm việc cho TG&Y^[16] ở bên kia đường. Dù bác không lớn hơn nhiều so với dì Thu, chúng tôi chào bác một cách tôn kính, rồi họ nói chuyện bằng tiếng Việt như những người họ hàng thất lạc lâu năm. Hóa ra bác Liệu tới Beattie sau cả chúng tôi. Bác là một trong những người Việt may mắn thoát trong gang tấc vào ngày mà Đô thành thất thủ. Bị từ chối một ghế trên chiếc máy bay di tản cuối cùng, bác bám vào càng của trực thăng cho đến khi nó bay ra Biển Đông, rồi rơi xuống biển cạnh một chiếc thuyền Hải quân Mỹ. Bác không kể về gia đình bác đã bỏ lại Sài Gòn, và chúng tôi cũng không nói về gia đình mình.

Những người mồ côi khắp nơi thường tập trung vào lúc này và tại đây, chúng tôi cũng như vậy. Bạn không thể thay đổi được quá khứ, còn tương lai luôn là một tờ giấy trắng.

* * *

Năm đầu tiên làm người Mỹ, chúng tôi kiếm tiền để sống bằng mọi cách, và dù công việc khó nhọc như thế nào đi nữa thì vẫn dễ thở hơn khi ở Việt Nam. Công việc ban ngày đầu tiên của chúng tôi là làm việc trong cánh đồng trồng đậu phộng của nhà Gilchrest. Dù luật Texas cho phép người chủ trả lương công nhân nông nghiệp thấp hơn so với những người lao động khác, nhưng nhà Gilchrest vẫn trả chúng tôi mức lương tối thiểu – sự hào phóng mang lại nhiều lợi ích vì họ trả công cho tất cả chúng tôi nhiều hơn so với khi chúng tôi làm những việc tương tự hồi còn ở quê nhà. Vào các buổi tối, chúng tôi sơn thất lưng cao bồi bằng tay cho xưởng đồ da gần bên – mỗi được cô Huệ giới thiệu, cô đang sống cùng chồng là chú Dale ở ngôi nhà họ xây giữa nhà Gilchrest và căn nhà gỗ của chúng tôi. Sự hiếu khách của người ở đây chưa dừng ở đó. Một đối tác của nhà Gilchrest, một người phụ nữ cao lớn và khỏe mạnh tên Kathy sống gần đó, đã đến thăm chúng tôi, mang theo những món quà tân gia và một nụ cười tỏa nắng. Cô mang bánh quy đường đến cho lũ trẻ chúng tôi, và sau khi cô nghe kể tôi bị xỉu hai lần khi đang chăm sóc đậu phộng dưới cái nóng của Texas, cô đã may một cái mũ che nắng dành riêng cho tôi, cái mũ được làm bằng vải jean cũ. Cô trở thành một vị khách thường xuyên và dạy cho tôi nấu nhiều

món Texas, gồm cả món “bánh mì khỉ” mà Bubba rất thích.

Thời gian trôi qua, tôi dành nhiều thời gian ở trong nhà chính để phụ việc cho bà Gilcrest. Chúng tôi đóng hộp rau quả, làm thạch, và nhổ lông gà để chuẩn bị cho những bữa ăn của gia đình. Bà dạy tôi cách làm bánh ngọt, bánh mì và bánh bao nhân thịt gà – một món ăn ưa thích nữa của người miền Nam. Một lần, tôi thấy bà giặt những cái bao đựng bột mì và dùng nó để làm những thứ khác trong bếp như khăn lau tay. Dù lớp vải cotton khá khô, nó được in sẵn họa tiết nhiều màu – những bông hoa nhỏ và nhân vật hoạt hình. Tôi nghĩ đây sẽ là chất liệu tuyệt vời để may áo cho mấy đứa tôi. Vì tôi không đụng tới kim chỉ trong một thời gian dài, tôi xin bà một vài cái để thử tay. Bà cũng cho rằng đây một là ý tưởng hay – quần áo bằng “vải bao” đã được nhiều thế hệ ở miền Nam sử dụng – nên bà lấy cho tôi vài cái từ ngăn kéo. Đêm đó, tôi cắt chúng thành nhiều mảnh và ghép lại thành một cái áo nhỏ cho Bubba và một cái áo cho Thủy, cả hai cái đều rất vừa. Khi bà Gilcrest thấy chúng, bà rất ngạc nhiên rằng tôi có thể làm được tới vậy mà không có mẫu, thay vào đó chỉ dùng kéo, kim và chỉ của dì Thu. Bà liền về nhà và ngay sau đó trở lại với một cái máy may, những cuộn chỉ màu, những cái đê, kéo cắt chỉ, và một cái túi lớn đựng nhiều bao vải cotton bà đã giữ lại để dùng sau này. Bà nói rằng tôi có thể dùng hết và muốn biết tôi có thể làm được những gì với chúng. Bà còn cho tôi vài mẫu quần áo mà con gái bà đã sử dụng và chỉ cho tôi cách kết hợp chúng. Việc làm của bà như ánh mặt trời trong một ngày u ám – cứ như thể cả một thế giới khác vừa mở ra! Trong vài ngày kế tiếp, tôi làm ra một cái áo nữa cho Bubba, một cái cho anh Quang, rồi một vài cái áo cho mình.

Thật là vui, và tôi may rất giỏi. Vì việc này giúp tiết kiệm tiền, nên ngay cả dượng Al và dì Thu cũng nói được nhiều câu tử tế. Thật sự là ở Mỹ, mọi chuyện đều có thể xảy ra!

Việc khám phá ra năng khiếu nghệ thuật của mình cũng có giá trị thiết thực là một phát hiện to lớn. Tôi đã biết về ích lợi của tính chăm chỉ. Tôi thậm chí cũng biết bộ óc của tôi có giá trị, dù nó chưa mang lại nhiều lợi ích ngoài điểm số cao và mấy phần thưởng là hộp bút chì. Giờ đây tôi còn biết được rằng tôi có thể dùng sự sáng tạo của mình để giúp gia đình. Tôi không biết mình tài năng được đến đâu nhưng tôi quyết tâm khai thác triệt để. Tôi bắt đầu phác thảo, rồi vẽ tranh bằng sơn thừa lại từ công việc trang trí da. Con út của bà Gilcrest, Ann (một cô gái thân thiện đã dạy Thủy và tôi cách hái mận dại mà không bị bọ cắn), đã thấy một bức vẽ của tôi và khoe với bạn của chị ở trường. Ôi trời, thật tuyệt vời, bạn chị yêu cầu vẽ thêm những bức khác. Cảm thấy tự tin hơn khi nhận được những lời khuyến khích như vậy (cộng với món quà sinh nhật là một hộp sơn dầu cũ), tôi thử vẽ bức tranh phong cảnh đầu tiên. Bà Gilcrest thích nó đến nỗi bà đưa tôi tấm hình ổ vàng chụp cảnh ngôi nhà nơi bà đã lớn lên và nói rằng bà sẽ mua cho tôi sơn và cọ mới nếu tôi có thể phỏng lại bức hình bằng sơn dầu. Tôi nhận được món tiền đầu tiên của mình! Tôi đã cố gắng hết sức để hoàn thành bức tranh và nói thật tôi không cảm thấy thỏa mãn lắm, dù vậy thì chuyện này không quan trọng. Một người bạn của bà, một giáo viên tại trường trung học mà tôi sẽ theo học mùa thu tới, nghĩ rằng bức tranh rất đẹp và đề nghị mua thêm cho tôi dụng cụ để vẽ nếu tôi vẽ một bức tương tự về ngôi nhà của cô. Vì người phụ nữ này sẽ là một trong những giáo viên của tôi, tôi xem việc này như một

bài tập nghiêm túc và dành gần 3 tháng trời để hoàn thành bức “Homestead Portrait” cho cô. Có thể tôi không phải là một họa sĩ chuyên nghiệp nhưng miễn là tôi có thể đỡ dần phần nào tài chính trong nhà, thì dưỡng Al và dì Thu không phàn nàn gì – không phải là họ không có những rắc rối khác trong đầu.

Vì dưỡng Al chưa có công việc ổn định, dưỡng trở nên mê mẩn chuyện dạy đám chúng tôi “sống dựa vào đất,” theo cách nói của dưỡng, cứ như thể hồi ở nhà, chúng tôi được ăn sung mặc sướng vậy. Dưỡng liên lạc với Eddie con trai của dưỡng và bảo anh gửi cho dưỡng bộ súng mà dưỡng đã để lại cho anh trước khi đến Việt Nam. Lúc đó tôi không biết điều này, nhưng sau khi biết ba mình đã về nước với một gia đình Việt Nam, Eddie (đang ở Montana) không muốn can dự gì với ba anh nữa. Sau đó, dưỡng Al nhận được một cây súng ngắn và một khẩu súng trường nhưng theo tôi biết thì đây là lần cuối cùng hai cha con họ nói chuyện với nhau. Nếu điều này làm dưỡng buồn lòng thì dưỡng cũng không thể hiện ra. Dưỡng dùng mấy khẩu súng này để dạy Bubba và anh Quang tập bắn – rõ ràng là không giỏi lắm, vì trong những cuộc đi săn hươu đuôi trắng và lợn hoang, họ thường trở về với một, hai con sóc, gà rừng, chồn, thỏ, và thậm chí là chồn possum (trông như những con chuột cống bự chẳng) và loài tatu (trông như con quái vật trong bộ phim kinh dị chiếu vào ban đêm). Dưỡng Al tự mình lột da, làm lòng những con vật này, rồi nấu chúng với bàn tay đầu bếp của mình. Dù với khả năng bếp núc thượng thừa, dưỡng cũng không thể làm những con vật dai nhách và xương xẩu này bớt dai, và chúng tôi luôn trông đợi những khi nhà Gilcrest mang đến thịt bò hoặc thịt nai tươi, và việc này thường xảy ra 2-3 lần một

tháng.

Nhiệm vụ bếp núc đầu tiên của tôi (ngoài việc rửa chén) là chuẩn bị bữa sáng mỗi ngày. Tôi bắt đầu lúc 5 giờ rưỡi để có thể dọn sẵn những món ăn nóng hổi và đủ chất trên bàn khi những người khác ngủ dậy. Với quyết tâm trở thành một cô gái Texas thực thụ và sử dụng những kỹ năng tôi được học từ cô Kathy và bà Gilcrest, đầu tiên tôi thử làm bánh quy kiểu truyền thống và nước sốt. Lúc đó tôi không biết có một môn thể thao tên là khúc côn cầu cho đến khi dưỡng Al nói mẻ bánh quy của tôi có thể được sử dụng làm bóng khúc côn cầu trong giải NHL^[17], còn nước sốt cũng không khá khẩm hơn. Sau khi ném một cái bánh quy cứng như đá vào tôi và đổ phần sốt của mình vào sọt rác, dưỡng đề nghị chúng tôi nên dùng món sốt này để trát tường. Đây không phải là sự khích lệ tôi thường nhận với khiếu nghệ thuật của mình. Những lời đó phát ra từ một người đã từng điều hành một nhà hàng có tiếng, nên tôi biết tôi sẽ gặp rắc rối lớn nếu không nhanh chóng cải thiện khả năng nấu nướng. Lần này, em Thủy đã giúp tôi.

Sau một tháng khổ sở với những bữa sáng, em Thủy nhảy vào và trở thành trợ lý đắc lực và vô giá của tôi. Cùng với nhau, chúng tôi nghĩ ra cách trộn và nhồi bột làm bánh quy tốt nhất. Với sự giúp đỡ của em, trong vòng 30 phút, tôi đã có những bữa sáng có thể khiến dưỡng Al thăng hạng cho tôi, giao tôi nấu những bữa ăn khó hơn như bữa tối. Trong một khắc ngắn ngủi, tôi cho rằng dưỡng muốn dạy tôi những kỹ năng nấu nướng khó hơn (dù có sự giúp đỡ của Betty Crocker^[18]) để cải thiện mối quan hệ của chúng tôi. Không phải vậy. Nếu món ăn dưỡng đã chỉ định không được như ý, dưỡng bắt mọi người ngừng ăn rồi

bắt tôi ăn hết tất cả. Nếu tôi ngập ngừng hoặc ngừng ăn, dưỡng sẽ bước ra sau ghế của tôi rồi đẩy mặt tôi ụp xuống đĩa, bịt mũi tôi và bắt tôi nhai cho đến khi tôi nuốt thức ăn hoặc ói ra. Chính những lần như thế làm tôi trở nên cứng cỏi từ bên trong – và điều này vẫn còn lưu lại trong tôi cho đến tận ngày nay. Tôi tự hỏi vì sao dì Thu chưa bao giờ nói “Anh đã vượt quá giới hạn!” hoặc “Sissy không phải là tù nhân để anh tra tấn lấy thông tin đâu!”. Tôi thậm chí còn tự hỏi vì sao anh Quang, giờ đã gần mười tám tuổi và khá to con, cũng không can thiệp và bênh vực tôi, theo cái cách mà đôi khi anh thể hiện khi chúng tôi lớn lên. Câu trả lời là dưỡng Al đã nắm chúng tôi trong tay. Không có đứa trẻ nào dám can thiệp vào, còn dì Thu thì không màn đến chuyện đó. Đôi khi tôi buồn và khóc sau những trận như vậy, Thủy và Bubba thường phụ tôi dọn rửa, và những hành động nho nhỏ đó cũng làm dưỡng trừng mắt với chúng.

Chúng tôi buộc phải làm việc và tuân lệnh theo người đàn ông đã cứu chúng tôi khỏi những nỗi kinh hoàng ở Việt Nam, dù chúng tôi cũng chỉ có thể ước chừng xem những cơn cuồng nộ của dưỡng đẩy tới những chuyện khủng khiếp gì nữa. Có thể giải thích cho sự ngoan ngoãn nghe lời của chúng tôi là lo sợ bản năng của “những người lạ ở vùng đất lạ,” nhưng nói thật là không phải như vậy. Đơn giản là dưỡng Al đã sở hữu chúng tôi và xử sự theo cái cách mà người chủ nô lệ nào xử sự, và cuối cùng nhượng bộ theo bản năng cơ bản của mình.

Nếu chúng tôi muốn vui thích với cuộc sống mới, với sự hồi sinh ở một vùng đất mới thì điều này phải đến từ bên trong mỗi người.

Trong khi đó, bà Gilcrest tiếp tục là ngọn hải đăng dẫn lối

cho chúng tôi trở thành người Mỹ. Bà là một người vợ điển hình của một nông trại Texas – tự lực và tháo vát trong tất cả mọi việc trong nhà – nhưng bà còn là nữ doanh nhân hiện đại biết cách điều hành nông trại đậu phộng hiệu quả và sinh lời, nguồn thu nhập chính của gia đình bà. Chúng tôi không thể làm gì nhiều để đền đáp lòng tốt của bà và số tiền công bà đã trả cho chúng tôi, ngoại trừ cố gắng làm việc chăm chỉ và chia sẻ cho bà những bí kíp chúng tôi tích lũy được khi làm ở Trại Cá.

Ví dụ, bà Gilcrest rất thích ăn cá tươi, còn dưỡng Al và mấy cậu trai thỉnh thoảng bắt dư. Tôi mang vào bếp bà một xô cá vược nhỏ và cá trê vẫn còn đủ da và đầu để bà biết chúng là cá gì. Bà rất vui mừng, thật sự vui mừng, và thừa nhận rằng bà ghét phải rửa cá và thường làm nát phần thịt cá khi cố lột da và phi-lê. Tôi bảo bà “Không vấn đề gì” bằng vốn từ vựng tiếng Anh thông dụng đang tốt lên từ từ. Tôi mang ra một con dao làm cá rất bén của dưỡng Al và cho bà biết cách chúng tôi đã làm khi còn ở Đa Minh. Bà rất ngạc nhiên về kỹ năng làm cá của tôi, còn tôi thì rất vui khi đền đáp được ít nhất là một lần những bài học bà đã dạy tôi.

Một buổi sáng sớm, dưỡng Al muốn đưa đám con trai đi săn, và dưỡng không muốn hoãn lại cho đến khi anh Quang vắt sữa bò xong, nhưng con bò rất cần được vắt sữa. Tôi nghe lỏm được cuộc nói chuyện của họ và xung phong làm thay. Vắt sữa một con bò thì có khó gì chứ? Tôi đã nhìn anh Quang làm nhiều lần rồi, và nó chẳng khó một chút nào cả, nên khi những thợ săn bắt đầu cuộc săn bắn, tôi lấy một cái xô và một cái ghế nhỏ rồi tiến vào trong trại.

Tôi nhìn con bò, và con bò nhìn tôi, rất bình tĩnh bằng cặp

mắt to màu nâu rất đẹp của nó. Tôi nghĩ rằng chúng tôi đã hiểu nhau nên ngồi vào vị trí thích hợp giữa con bò và bức tường của chuồng bò. Hơi lo lắng một chút, tôi bóp một bầu vú bằng tay phải, rồi đến tay trái, rồi tay phải, và cứ như thế. Tôi làm nhịp nhàng và rất hài lòng. Tuy nhiên con bò thì không hài lòng chút nào. Tôi nghĩ nó cho rằng tôi bóp quá mạnh nên không thấy dễ chịu. Nó kêu lên một tiếng “ùm bò” rất lớn và đầy cảm phẫn rồi đá đổ xô sữa. Tôi vội đứng lên, cố chạy khỏi đó, nhưng tôi chưa kịp thoát thì nó đã húc vào người tôi và tôi bị kẹt giữa nó và bức tường. Tôi đánh mạnh vào mông nó nhưng chỉ tổ làm cho nó bực mình thêm. Nó húc tôi mạnh hơn nữa. Tôi không rảnh chân để đá nó đi nên tôi chỉ còn có thể làm một việc: tôi hét lên cầu cứu, hét thật lớn. Em Thủy từ trong nhà chạy đến nhưng lại không dám đến gần con vật.

Với vẻ mặt lo lắng, Thủy hỏi “Em làm gì đây chị?”

“Đi gọi bà Gilchrest nhanh lên!”

Thủy chạy đi, gân hết sức lên để gọi bà Gilchrest.

Bà Gilchrest liền chạy ngay đến. Ngay khi thấy tình hình, bà bắt đầu cười, rất lớn.

Tôi không thấy có gì đáng cười hết.

Bà vỗ vỗ đùi con bò, và nó bỏ đi. Rồi bà nhặt cái xô sữa lên và diễn tả kỹ thuật đúng để vắt sữa. “Kéo một cách nhẹ nhàng, như thế này này.” Và tôi làm theo.

Công nhận rằng sau đó tôi rất vui mừng vì tôi đã trở nên thành thạo, tôi vắt sữa rất cừ, và con bò và tôi trở thành bạn bè của nhau.

* * *

Vào tháng Chín, lũ trẻ chúng tôi bắt xe buýt, đi học buổi đầu tiên ở một ngôi trường Mỹ, một trường công K-12^[19] dạy tất cả các cấp lớp ở Sidney – một kiểu “thị trấn nhỏ” và chị Ann cũng học ở đây. Bubba đi chung với đám trẻ nhỏ hơn và chị Ann giới thiệu tôi, anh Quang và Thủy với bạn thân của chị là Frances và mấy người khác, một nhóm rất vui vẻ và thân thiện. Sau này, Ann và Frances tổ chức buổi tiệc sinh nhật tuổi mười sáu của tôi ở sảnh học của trường, một điều mà tôi chưa bao giờ có được vì di dưỡng không đời nào tổ chức dù là cho Bubba. Frances tặng tôi một cặp thỏ và chỉ tôi cách cho chúng ăn và chăm sóc chúng nhưng chị cũng cảnh báo tôi: chúng rất mắn đẻ, nếu mình có một cặp, chúng sẽ sớm tạo thành một đám, rồi thành một ổ. Chị hỏi tôi đặt tên cho chúng là gì, và tôi thừa nhận rằng tôi không biết. Ở Việt Nam, chúng tôi sẽ không bao giờ đặt tên cho những thứ sẽ trở thành món ăn trên bàn của chúng tôi, và thật khó tưởng tượng một thứ gì đó có lông và còn sống có thể sống lâu trong túp lều phía sau nhà dựng Al. Dù vậy, trong năm đầu tiên này tôi lại chứng minh mình là một người nuôi thú rất mát tay. Tôi tham gia câu lạc bộ 4-H^[20] và đạt huy chương cho đám thỏ của tôi. Tôi đăng kí học Kinh tế gia đình và cũng đạt luôn giải xuất sắc môn đó, được biết đến (Ngạc nhiên chưa!) với năng khiếu vẽ, làm bánh và may vá – cũng dễ hiểu thôi. Bà Gilcrest mua vật liệu cho buổi thi chung kết và cổ vũ tôi như một người mẹ khi tôi thắng ba cúp từ ban giám khảo. Để chúc mừng, bà tặng tôi một hộp đựng kim chỉ màu xanh lá cây rất đẹp và một

cái kéo của thợ may có cán màu cam. Bà không biết điều này, nhưng tôi chưa bao giờ nhận được món quà đặc biệt như vậy để chúc mừng cho những thành tựu tôi gặt hái được.

Trường học lại là một vấn đề khác - không chỉ là chuyện học vấn. Mặc dù tôi đã bình phục nhiều từ vụ tai nạn, nhưng miệng của tôi vẫn cần được nha sĩ khôi phục lại nên tôi dành học những tháng đầu tiên trong lớp mà không có răng cửa. Đây là lứa tuổi tôi tệ cho bất cứ một đứa tuổi teen nào, nói chi đến một đứa con gái (lại là một đứa con gái nước ngoài nữa chứ), khi có vấn đề với ngoại hình, mà vấn đề của tôi thì ai cũng có thể thấy được. Vì thế, hầu như lúc nào tôi cũng ngậm miệng lại, và nếu tôi buộc phải cười, tôi luôn dùng tay che cái hàm chỉ còn có lợi của mình. Cuối cùng, bà Gilchrest nêu vấn đề này với dì dưỡng tôi. Bà nói nếu họ không thể lo nổi chi phí nha sĩ cho tôi, bà sẽ rất vui lòng trả chi phí này. Đây là một lời đề nghị tử tế và hào phóng, nhưng những người giám hộ của tôi đã từ chối. Họ nói rõ ra rằng bà Gilchrest không nên can thiệp vào chuyện gia đình họ, nên bà lịch sự không đề cập đến nữa – nhưng cuối cùng dưỡng Al cũng thấy được vấn đề và buộc phải hành động. Dưỡng thu xếp để làm răng cho tôi, giúp cuộc đời tôi thay đổi theo chiều hướng tốt hơn. Tôi không biết liệu bà Gilchrest có góp phần vào việc hỗ trợ chi phí này hay không nhưng tôi sẽ không ngạc nhiên chút nào nếu bà có giúp – và dưỡng Al đã giữ bí mật này.

Về chuyện ở trường, bộ hàm mới đã giúp tôi phát âm tiếng Anh tốt hơn, nhưng không nhiều. Các thầy cô rất kiên nhẫn vì họ biết rằng tiếng Anh không dễ, thậm chí là đối với người dân địa phương, vài người vẫn còn nói bằng cái giọng địa phương

Texas nặng trĩu, và cũng mất răng giữa. Dù vậy, tôi nghĩ tôi là một học sinh gương mẫu và thề sẽ đền đáp lại công lao của thầy cô bằng cách học chăm chỉ hơn.

Một viên ngọc quý tôi khám phá được ở trường này là một anh chàng tên Robert, người bạn đặc biệt mà Ann thường cười ngửa chung. Thật ra, chúng tôi gặp nhau lần đầu tiên bên ngoài lớp học, cả anh và Ann đều cười ngửa đến trường – lần đầu tôi thấy cao bồi chính cống. Tôi từ chối khi họ nói sẽ dạy tôi cười ngửa, nên chúng tôi chỉ ngồi dưới bóng cây và nói chuyện trường lớp. Với thứ tiếng địa phương của Robert và thứ tiếng Anh bập bẹ của tôi, chúng tôi không nói được nhiều chủ đề, nhưng anh là một người rất kiên nhẫn và anh nói sẽ giúp tôi giỏi tiếng Anh nếu tôi giúp anh học những môn tôi giỏi. Đây là một thỏa thuận tuyệt vời. Trong suốt học kỳ, anh xuất hiện trước cửa nhà tôi sau giờ học, mang theo một quyển bách khoa toàn thư lớn mà anh nói rằng sẽ thay thế được nhiều quyển sách. “Hãy đọc nó mỗi ngày,” anh nói, “nó không chỉ cải thiện tiếng Anh của em mà còn giúp em làm nhiều bài tập.” Về phần tôi, tôi cố gắng chăm chỉ nói ra những từ tôi không gặp rắc rối gì khi viết nó trên giấy nhưng chỉ không thể phát âm được. Và chúng tôi từ từ tiến lên nấc thang học thức ở Sidney. Bằng cách dạy tôi tiếng Anh, Robert đã trở thành một học sinh khá hơn, biến những con điểm D và C thành điểm A và B. Gần cuối học kỳ, thầy hiệu trưởng gọi chúng tôi đến phòng thầy, nhưng thay vì phạt chúng tôi vì đã vi phạm một vài nội quy, thầy lại khen chúng tôi. Bên ngoài căn nhà gỗ của dượng Al, trường học và nước Mỹ bắt đầu hợp rơ với tôi.

* * *

Mùa hè năm 1976, dựng Al làm việc cho hãng Brown & Root, một công ty xây dựng có mặt trên toàn thế giới vừa mới thắng hợp đồng mở rộng nhà máy hạt nhân Comanche ở thị trấn ven sông của Glen Rose, Texas – cách Beattie một tiếng rưỡi lái xe. Điều này đã mang đến cho tất cả chúng tôi một thách thức và cả một cơ hội. Bà Gilchrest là một người quá đỗi nhân hậu và là người quan sát sắc sảo nên không thể làm ngơ trước cách đối xử của dựng Al. Bà tin rằng mọi người đều có quyền riêng tư và sống theo cách họ chọn, nhưng việc hành hạ trẻ em về thể xác cũng như tinh thần – nếu không nói là vượt quá giới hạn và làm nguy hiểm đến tính mạng đứa trẻ – là điều bà không chấp nhận được. Không làm ầm ĩ chuyện này, bà âm thầm mời anh Quang, Thủy và tôi ở lại Beattie để học hết trung học, trong khi Bubba theo mẹ ruột của mình đến Glen Rose. Bà biết “hoàng tử bé” của dì Thu không bị dựng Al đối xử tàn tệ, bà cũng nghĩ rằng em sẽ có cuộc sống vui vẻ và an toàn hơn một khi ba dựng của em có một công việc ổn định và có mức lương tốt. Anh Quang và em Thủy ngay lập tức nắm lấy cơ hội được “đổi thuyền.” Không ai muốn sống với dựng Al để chịu đựng những trận đòn và hành hạ của dựng vì tính khí của dựng kể từ khi đến Mỹ đã thay đổi rất nhiều.

Và, theo quan sát của chúng tôi về gia đình Gilchrest – một gia đình sống gắn bó và chan chứa tình thương, dám chúng tôi đã biết được rằng cách đối xử của dựng Al với chúng tôi là không bình thường, rằng trẻ em có thể được nuôi lớn bằng tình

yêu thương, sự chăm sóc, khích lệ, thay vì những trận bạo hành triền miên về thể chất, tâm lý đến tâm hồn của dưỡng, cùng với sự thờ ơ, lạnh nhạt, không thể hiện bất cứ cử chỉ nào cho thấy sự quan tâm căn bản giữa người với người trong cách hành xử của dì Thu. Anh và em tôi không hiểu được vì sao tôi không chấp nhận ngay lời đề nghị tử tế của bà Gilcrest, và tôi phải thừa nhận rằng cảm xúc của tôi khi ấy quá phức tạp. Một chuyên gia trị liệu có thể sẽ giải thích về quyết định của tôi tốt hơn là chính tôi, bởi vì tôi cũng không thể hiểu được vì sao. Vì sao tôi không chớp lấy cơ hội này để thoát khỏi dưỡng Al khi nhận được một lời đề nghị tử tế và an toàn đến vậy?

Tôi biết tôi cảm thấy mình phải có phần nào trách nhiệm và nghĩa vụ đối với dì Thu. Khi tôi nghĩ về những năm dài sau khi Mẹ mất, tôi nhận ra dì Thu đã sống một cuộc đời khó khăn đến mức nào. Những khó khăn, trách nhiệm càng trở nên chất chồng hơn khi bác Quế sa sút, còn bác Chiêu không thể thay thế thực hiện được lời ủy thác của chú Thành để chăm sóc cho nửa đám con côi cút của em mình. Khi dì Thu trở thành hình tượng người mẹ của chúng tôi, dì đã cố hết sức để xứng đáng với hình tượng đó, nhưng một người mẹ nuôi thì làm được gì chứ? Đầu tiên dì đã cố làm một người dì thương cháu, ưu tiên tôi với nhiều quà cáp và sự tử tế, quay lại sống với bà khi dì nghĩ rằng cuối cùng dì cũng có thể chăm lo cho em Hoàng, giờ ngay cả tôi cũng gọi em là Bubba. Nhưng trọng trách này quá lớn đối với một người phụ nữ không biết chữ trong một thế giới đầy rẫy chiến tranh. Dì đã cặp bồ với hết người Mỹ này đến người Mỹ khác, tất cả họ đều e ngại khi thấy một gia đình lớn họ sẽ phải ôm lấy. Ngoại trừ Al. Để “cứu” dì Thu, người mà dưỡng thực sự

yêu, dưỡng Al đã cứu tất cả chúng tôi, và bằng cách này, cứu cả những ký ức của Mẹ nữa. Tôi cố hết sức nhưng tôi không thể đổ lỗi cho dì Thu vì đã căm ghét việc ba đưa chúng tôi làm cuộc đời dì phức tạp thêm, làm mối quan hệ của dì với dưỡng Al – ban đầu đã có nhiều thách thức – càng thêm khó khăn hơn mức cần thiết. Vì những lý do chỉ một mình dì biết được, dì vẫn còn giữ trong lòng sự đố kỵ với Mẹ tôi, và tôi vẫn còn, bằng cách nào đó, mong muốn được bù đắp cho dì.

Còn có em trai Bubba của tôi nữa chứ. Em nhìn tôi với đôi mắt mở to, buồn bã khi tất cả những chuyện này được định đoạt, như thể van xin tôi đừng rời bỏ em lần nữa. Bản năng làm mẹ đã âm ỉ trong tôi giờ được thổi lên qua những năm đầu sống với Bubba. Thậm chí khi mẹ em trở lại cùng người đàn ông lạ mắt tròn này – người có bộ ria mép hiểm ác và cái đầu hói xuất hiện với mẫu giấy nói ông ta là ba – tôi vẫn là người an ủi, vỗ về em khi em đói, khi em sợ và khi em đau. Em và tôi rất đôi gần gũi và thời ấu thơ tôi đã kiên trì hoàn thành vai trò đó, đến mức cuối cùng tôi biết tôi không thể rời xa em. Bạn không thể sống cuộc đời mình thông qua người khác, nhưng bạn có thể làm điều tồi tệ hơn rất nhiều nếu không chia một phần cuộc sống cho những người cần mình trong một thời gian.

Tương tự, dù tôi đã công bằng nhưng tôi không thể đổ lỗi cho dưỡng Al vì đã trút những sai lầm của mình lên đầu chúng tôi. Dù gì thì chúng tôi cũng là người Việt. Chúng tôi là những người mà đất nước của dưỡng đã cố giúp và đã thất bại – một sự thất bại được biết rộng rãi trên toàn thế giới. Về phần dưỡng, dưỡng có một người cha “rất, rất nghiêm khắc,” và dù ở Việt Nam hay ở Mỹ thì những cậu bé đã bị đối xử tệ thường trở thành những

người đàn ông cộc cằn. Theo cách nào đó, bản thân dưỡng cũng vô vọng như bác Liệu khi bác bám víu vào chiếc trục thẳng cuối cùng đó. Tôi sẽ không trở thành người đẩy dưỡng vào hố sâu. Tôi sẽ không làm thế. Ngoài ra, tôi tin rằng giờ tôi có thể đối phó được với dưỡng. Việc dưỡng đối xử tệ với tôi giờ chỉ còn là những trận chửi bới (dè bủ, phán xét, làm nhục...), những trận đòn đã ít lại, và chỉ là sự xấu xa, như ép tôi ăn những món tôi nấu không ngon.

Những gì anh Quang và Thủy thấy khi tôi nhảy từ đầu sợi vào lửa bỏng chỉ là bước cuối cùng để tôi trở thành người phụ nữ mà Mẹ tôi muốn tôi trở thành.

Vì thế, tháng Tư, tôi bỏ dở việc học trong năm đầu tiên tại trường trung học Sidney và chuẩn bị chuyển đến Glen Rose; ở đó, tôi hoàn tất ba tuần học cuối cùng của năm đầu và bắt đầu năm thứ hai vào mùa hè năm 1976. Tôi vẫn còn vật lộn với tiếng Anh nhưng hầu hết thầy cô đều thông cảm và nhẫn nại. Nhờ sự tận tụy của họ đối với nghề và với tôi, tiếng Anh của tôi đã cải thiện đáng kể, đến mức tôi bắt đầu suy nghĩ bằng tiếng Anh trước khi nói ra. Đây là một bước đột phá lớn, tác động tích cực đến tất cả môn học khác. Nó giúp tôi hỏi câu hỏi khi nghĩ ra, nói chuyện phiếm trong bếp và trong quán café, trong tiệm nước và ở góc đường với bạn bè cũng như với người lạ. Người Mỹ là những người thích giao thiệp, và giờ tôi đã cũng có được đức tính này.

Không may thay, dưỡng Al chỉ làm ở B&R ba tháng rồi nghỉ. Công bằng mà nói, dưỡng đã cố hết sức làm việc để từ một người lao động tay chân khi còn là một nhà thầu nhỏ và một người thợ sơn ở Hollywood sau Thế chiến thứ hai tiến tới công

việc giám sát ở Việt Nam, đó là chưa kể đến nhiều năm làm chủ ở Philippines và ở Trại Cá. Là một người công nhân, dưỡng cảm thấy sự nghiệp của mình đã thụt lùi, vào độ tuổi mà dưỡng không thể cạnh tranh với những người trẻ hơn có bằng đại học để vươn tới những vị trí cao. Thái độ và tính cách của dưỡng cho thấy dưỡng không phải là người chịu hợp tác, và thái độ nhỏ đã gây ra những hậu quả lớn. Dưỡng bắt đầu cãi vã với đồng nghiệp, rồi ít lâu sau lại gây hấn với người quản đốc trực tiếp của mình. Sau B&R, dưỡng tự mình làm chủ – thêm một lần nữa – lần này là thợ làm nghề tự do chuyên sơn nhà cửa, làm mộc nhẹ, sửa ống nước và sửa sàn nhà cho những công dân khá giả ở Glen Rose. Tim tôi rớt tụt xuống khi một ngày nọ – chẳng bao lâu sau khi bắt đầu công việc này – dưỡng nhờ tôi giúp dưỡng vài việc.

Bản thân tôi cũng đang tìm việc để nâng cao khả năng tiếng Anh của mình hơn nữa và để dì Thu ở nhà làm nội trợ và chăm sóc em Bubba. Việc cuối cùng tôi muốn là diễn lại những cảnh cũ ở nhà bếp trong căn nhà gỗ, nơi Sissy-người-học-việc không thể làm được bất cứ thứ gì, và hình phạt lần này có thể sẽ là ăn vôi trét tường thay vì nước sốt dở.

Nhưng thái độ của dưỡng Al có vẻ khác. Lần này dưỡng nhờ tôi giúp, không phải bắt tôi giúp. Thêm nữa, dưỡng lại đề cập đến việc tôi giỏi môn Toán và Tập đọc, dưỡng nghĩ tôi giỏi những thứ này hoàn toàn nhờ có trường lớp chứ tôi không có khiếu kinh doanh, vậy nên sẽ giúp được nhiều khi kiểm tra bản vẽ, đo đạc, xếp dụng cụ như cái hộp lắp mộng đã sử dụng lâu của dưỡng, ghép tấm và những tấm ván. Đây là phần của dưỡng tôi chưa thấy bao giờ, và vì tôi đã ở với dưỡng lâu tới mức này, liệu

một phen nữa chắc cũng không có gì khác biệt. May thay, sự đánh liều của tôi mang lại kết quả tốt. Tôi trở nên rất thành thạo trong cách đo chính xác gạch lát sàn để cắt, đặc biệt là lát góc và ván gỗ ghép chân tường. Tôi tính toán sao cho ít lãng phí nhất, chuyện này tôi làm giỏi hơn cả dượng Al, và dượng cũng đã tán dương điều này. Công việc nào có tôi can dự vào sẽ trôi chảy và nhanh hơn. Khách hàng rất hài lòng và dượng Al cũng vậy. Dượng được trả công đúng hạn và tôi cũng được nhận một phần tiền, số tiền này tôi dùng để mua sắm quần áo chuẩn bị đi tìm việc. Tôi quét dọn nhà cửa và lau cửa sổ sau giờ học, đây là việc không cần động não gì, và tôi cũng xoay xở để có được một việc bán thời gian ở nhà dưỡng lão. Việc này không mang lại nhiều tiền nhưng toàn bộ số tiền này là của tôi. Số tiền tôi góp vào tài chính gia đình không nhiều không ít hơn số mà tôi cảm thấy tôi có thể kiếm được, và thậm chí đây là hành động đơn giản có vẻ như làm thay đổi cuộc đời tôi. Trường trung học ở Glen Rose là một phần trong bức tranh mới mẻ đó.

Nghèo, trầm lặng, toàn mặc quần áo tự may hoặc mua từ cửa hàng bán đồ cũ, vài người hẳn sẽ cho rằng những điều này không thể làm tôi hòa nhập với những người khác ở trường trung học phổ thông, nhưng thật ra không phải như vậy. Có thể tôi không phải là Nữ hoàng đêm tiệc cuối cấp, nhưng tôi kết bạn và nhận thấy hầu hết mọi người trong cộng đồng thôn quê, tương đối khá giả ở Glen Rose ai cũng biết khoan dung, chu đáo và thân thiện.

Một ngày, sau khi hoàn tất công việc dọn nhà cho một người hàng xóm tốt bụng, người thuê tôi chở tôi đi ăn tối ở tiệm Dairy Queen. Phía sau quầy thu ngân, tôi thấy một anh đầu bếp trẻ

tuổi rất điển trai. Anh đang lật thịt cho bánh mì kẹp. Tôi cố hết sức để nói chuyện phiếm với vị mạnh thường quân dẫn tôi đi ăn trong khi lén nhìn anh, cố để không bị phát hiện. Chuyện lạ là ngay khi tôi bắt đầu mô tả anh chàng hấp dẫn trong tiệm DQ cho đám bạn gái ở trường thì có vẻ như tất cả mọi người đều biết anh, trừ tôi. Đôi mắt xanh đẹp của anh, nụ cười lan tỏa của anh, cách anh mặc đồ, cái duyên của anh đủ để làm trái tim của bất cứ cô gái trẻ nào tan chảy. Tôi biết được tên của anh là Ronnie Choat, một cái tên dường như có nguồn gốc từ người Mỹ bản địa. Anh lái một chiếc xe tải nhỏ màu trắng đến chỗ làm bán thời gian ở công trường và luôn mang bột quân đội, một kiểu thành thương hiệu giống như những người khác mặc áo thun hay đeo kính mát thời thượng. Một đứa bạn của tôi nói rằng anh học lớp 12 ở trường Glen Rose nhưng nếu tôi từng thấy anh ở trường hẳn tôi sẽ nhớ, nên tôi bắt đầu tìm kiếm cái xe tải trắng ở bãi đỗ xe học sinh. Sau này tôi phát hiện ra cái xe tải là của ba anh và Ronnie chỉ sử dụng nó khi làm việc ở công trường. Anh thường lái một chiếc Pinto xanh để đi lại trong thị trấn và đi học, nên tôi cũng bắt đầu tìm kiếm chiếc này nữa.

Và rồi, có một chuyện xảy ra ở trường, một chuyện có thể khiến tôi viết ra hẳn một cuốn tiểu thuyết lãng mạn. Tôi bị trễ học và đang rất vội. Khi tôi vòng qua góc sảnh, tôi va vào anh và làm đổ sách vở lên chân anh. Anh cúi xuống để giúp tôi nhặt chúng lên và đầu chúng tôi va vào nhau. Anh cho tôi biết tên, tất nhiên là tôi đã biết rồi và thường viết bằng kiểu chữ bong bóng^[21] (với hình trái tim trên đầu chữ “i” trong chữ Ronnie) hàng tá lần ở những trang cuối của quyển vở, rồi tôi cho anh biết tên mình. Tôi chạy vào lớp Lịch Sử và giả vờ như chú ý đến

bài học trong suốt buổi học, nhưng đối với tôi, có vẻ như họ đang nói tiếng của người ngoài hành tinh. Tôi đang bận nghĩ ra những câu trả lời khéo léo, dí dỏm với vốn tiếng Anh hoàn hảo của mình trong lần tiếp theo tôi nếu tình cờ gặp anh.

Vào ngày cuối tuần và thỉnh thoảng trong tuần, tôi có việc làm thêm ở nhà dưỡng lão, cách nhà tôi không xa. Khi tôi đang đi bộ đến chỗ làm, mặt cúi xuống đất và đang nghĩ về bài tập về nhà thì tôi thấy một chiếc xe đang từ từ đi bên cạnh rồi đỗ lại cạnh tôi. Tôi nhìn lên và thấy Ronnie trong chiếc Pinto màu xanh da trời.

“Chào Vân.” Anh cười. “Em đi taxi không?”

“Ồ, không.” Tôi đỏ mặt. “Em gần tới rồi.”

“Gần tới đâu?”

“Chỗ làm của em. Nhà dưỡng lão. Ở đây kể đây thôi. Em đến để nhận lương.”

“À, anh cho em quá giang nhé?”

“Không, thật đó. Em sắp tới rồi.”

“Nhỡ đâu em nhận lương khủng thì sao. Em sẽ cần người chở nó về.”

Nụ cười của anh thật tuyệt diệu, nhưng những giọng nói nghiêm khắc trong đầu tôi – giọng của bà, của dì Thu, mẹ Nga, và thậm chí của Mẹ – quá to nên tôi không thể nghĩ ngợi được. “Không, cảm ơn anh.” Tôi không thể tin được những lời tôi vừa thốt ra. Tôi vừa mới từ chối anh ba lần.

“Được rồi. Tùy em thôi. Gặp em ở trường sau nhé.” Anh vẫy tay chào tôi rồi đi mất.

Tôi tiếp tục đi đến nhà dưỡng lão, tự nguyện rửa mình trong đầu. Khi tôi đến, họ đang bắt đầu ăn tối và thiếu người phụ giúp nên dù không phải ca làm của mình, tôi cũng phụ phát khay ăn cho mọi người, giúp những người lớn tuổi không thể cầm nổi muống và nĩa. Khi tôi đang làm thì một y tá tên Ann Daniel gọi tôi đến bàn tiếp tân.

“Em có điện thoại này Vân,” chị nói, đưa điện thoại cho tôi.

“Điện thoại của em ư?”

Điều này chưa bao giờ xảy ra trước đây. Tôi có cho dì Thu số điện thoại phòng trường hợp khẩn cấp, nhưng dì chưa bao giờ sử dụng điện thoại Mỹ, còn dượng Al thì sẽ không bao giờ gọi tôi dù cho nhà đang cháy đi chẳng nữa. Điều duy nhất tôi có thể nghĩ tới là có gì đó đã xảy ra với Bubba.

“Alo, Vân nghe,” tôi nói bằng giọng lo lắng.

“Xin chào. Tôi gọi vì lời đề nghị chở em đến chỗ làm của Ronnie.” Cái giọng Texas ngọt lịm của Ronnie đang vang trong tai tôi. “Anh ta chỉ muốn biết rằng em đã đến chỗ làm an toàn.”

Tôi cười với anh. “Nếu bác là mẹ của anh ấy, bác có thể nói rằng tôi đã đến đây an toàn rồi.”

“Tốt. Vậy thì hôm nay em cho phép anh ta chở em về nhà nhé. Máy giờ thì anh ta có thể đón em đây?”

Lần này, tôi đã chấp nhận lời đề nghị của anh. Nửa tiếng sau, chiếc Pinto của anh đậu bên ngoài, chúng tôi trò chuyện và cười thoải mái trong suốt chặng đường ngắn về nhà tôi. Khi chúng tôi dừng lại, anh nói “Em biết gì không, anh đã biết hết về em rồi.”

“Thật sao?”

Ở Việt Nam, điều này sẽ rất đáng lo ngại. Bất cứ ai ở quê nhà tôi sẽ gặp rắc rối nếu ai đó biết quá nhiều về họ. Nhà của bạn từ miền Bắc đúng không? Bạn có người thân nào làm việc cho chính quyền miền Nam không? Bạn có thân thiết với những người Mỹ không? Có cặp bồ với lính Mỹ không? Có mua bán ở chợ đen không? Quá nhiều thứ để biết hay để che giấu!

“Đúng vậy, anh đã lên đọc hồ sơ của em ở phòng hiệu trưởng. Biết được em từ đâu đến, ở đây bao lâu, đại loại như vậy. Anh cá là em có nhiều chuyện để kể lắm.”

“Đúng là vậy.”

Chiếc xe dừng lại. Tôi bước ra và cười qua ô cửa sổ bên ghế bên. “Cảm ơn anh đã cho em quá giang,” tôi nói, như một người Mỹ thực thụ.

“Không có chi. À mà này, em đã có cặp trong buổi khiêu vũ dành cho học sinh năm cuối chưa?”

Tôi nghĩ ngợi một chút. “Chưa, em không phải là học sinh năm cuối.”

“Không sao cả. Anh là học sinh năm cuối. Em đi cùng anh nhé! Anh sẽ đến chở em đi.”

Điều này quá đổi tuyệt vời nên tôi không thể tin được đó là sự thật. “Em cũng không biết nữa. Em phải xin phép dưỡng Al đã.”

“Tất nhiên rồi. Chúng ta xin phép ngay bây giờ nhé.” Anh tắt máy và cùng tôi bước đến cửa.

Tôi bước vào trước, sắp báo tin có khách đến nhà, thì dưỡng Al đứng lên khỏi chiếc ghế trước ti-vi và mặt dưỡng nở một nụ cười lớn.

“Ronnie.” Dưỡng chìa một tay ra như quý ông. “Thật vui khi

lại gặp cậu. Đã lâu rồi nhỉ.”

“Chào chú Strauss,” Ronnie chào lịch sự. “Chú vẫn làm nổ tung cái sàn đó chứ?”

Dượng Al cười lớn. “Không đâu nếu cậu đến làm cho tôi. Này, đến đây...,” dượng chỉ vào cái ghế. Tôi thật sự sốc. Rõ ràng là dượng Al và Ronnie đã quen biết nhau, có lẽ họ làm cùng một chỗ. Dượng Al quay qua tôi và nói: “Đây là anh chàng mà dượng muốn con gặp. Rất siêng năng và có một thái độ tích cực. Dượng đã cố dụ anh chàng nghỉ chỗ làm cũ và về làm cho dượng.”

Dượng Al và Ronnie nói chuyện về công việc khoảng nửa tiếng (ba mẹ Ronnie cũng là những cựu nhân viên của B&R như dượng Al), rồi mới nói việc chính. Ronnie nói anh đã mời tôi đến buổi khiêu vũ cùng anh và tôi sẽ đồng ý nếu như dượng Al cho phép. Không phải lúc nào dượng Al cũng là một con quái vật. Những năm qua, dượng đã đôi lần thể hiện vai trò là một người cha đối với tôi, đa phần đều tỏ ra miễn cưỡng, nhưng lần này dượng thật tâm đồng ý.

“Tất nhiên rồi, Sissy có thể đi cùng cậu,” dượng nói, lau mũi mình bằng một cái khăn tay. “Đưa con bé về nhà trước 10 giờ nhé.”

Thỏa thuận xong, và không có ai vui mừng hơn tôi hết. Buổi khiêu vũ sẽ diễn ra trong hai tuần nữa, và giữa hai việc làm thêm, bài tập về nhà, công việc nhà, tôi có quá ít thời gian nhưng quá nhiều việc phải làm: tìm kiếm mẫu và vải để may một cái đầm dạ hội đặc biệt cho mình, đi mượn bạn bè một vài món trang sức phù hợp. May là tôi không phải sáng tạo ra một kiểu tóc vắn cao lên – một kiểu đang là một trong đám con gái –

bởi vì Ronnie bảo rằng cái đầu tiên anh ấy thích ở tôi là mái tóc suôn mềm dài tới thắt lưng của tôi. Đêm đặc biệt đó diễn ra như kế hoạch. Đầu tiên chúng tôi dừng lại ở nhà Ronnie vì ba mẹ anh – Floyd và Imogene – muốn chụp một tấm ảnh anh sửa soạn cho buổi khiêu vũ, và thêm nữa, tôi chắc chắn là họ muốn xem mặt cô bạn châu Á nhút nhát của anh. Họ khá trầm tính, còn tôi cũng rất ngại và im lặng. Tôi đã rất yêu con trai họ rồi nên tôi hy vọng họ cũng sẽ mến và chấp nhận tôi. Tôi cũng rất ý thức được mình là người châu Á, và nghèo, và mặc một chiếc áo dạ hội tự may. Tôi đã không ngồi cả buổi chiều tại tiệm uốn tóc để làm đẹp như hầu hết những cô gái khác. Tôi muốn họ thấy những điều khác ngoài những thứ đó, muốn họ chỉ nhìn thấy rằng tôi rất vui mừng và rất tự hào vì được ở bên cạnh con trai họ đêm đó. Chúng tôi cùng chụp ảnh rồi đến buổi khiêu vũ. Đối với tôi đó là một đêm kỳ diệu. Khi kết thúc – tôi cảm thấy quá đổi chóng vánh – sự gắng sức của tôi đã được đền đáp bằng một nụ hôn nhẹ. Nỗi sợ hãi cuối cùng của tôi – rằng tôi sẽ trở lại là nàng Lọ Lem sau khi anh chở tôi về – đã không thành sự thực khi Ronnie ngay lập tức hẹn tôi đi chơi lần nữa. Cuộc sống trong nhà đã trở nên dễ chịu hơn và chuyện ở trường cũng thật sự tốt đẹp, nhưng không gì có thể so với việc có được một anh bạn trai người Mỹ tuyệt vời. Những thiên thần hộ mệnh của tôi lại ở bên tôi lần nữa.

* * *

Sau khi hẹn hò với Ronnie được vài tháng, tôi phát hiện ra

những đôi boots quân đội của anh có ý nghĩa gì. Vì những thành viên khác trong gia đình anh đã phục vụ cho quân đội nên Ronnie cũng nghĩ anh có nghĩa vụ phải tham gia, và anh đã đăng ký chương trình “nhập ngũ sau” của quân đội Mỹ. Điều này có nghĩa rằng để đổi lại lời hứa tham gia vào chương trình Đào tạo căn bản vào một ngày nhất định (trong trường hợp của anh là sau khi anh tốt nghiệp trung học), anh sẽ được xem xét giao nhiệm vụ và nhận chỉ dẫn cao cấp từ ban tuyển quân địa phương về những khía cạnh nhất định của quân đội như nề nếp, tác phong quân đội, những điều lệnh, đại loại như vậy. Anh nói việc gặp được tôi đã làm cho sự hăng hái muốn rời khỏi nhà trong anh giảm lại, nhưng nghĩa vụ của anh còn lớn hơn những cảm xúc của một người đàn ông – ít nhất là trong lúc này. Anh đã hứa nên phải trân trọng điều này. Tôi có những cảm xúc lộn xộn về những người đàn ông mặc quân phục, nhưng tôi phải khâm phục đức tính của anh. Đó là một trong những điều đã tạo nên Ronnie, người mà tôi yêu.

Vì thế, Ronnie tốt nghiệp và rời đi để tham gia chương trình Đào tạo căn bản, còn tôi thì bắt đầu lên lớp Mười một và rất nhớ nhung anh. Các bạn gái của tôi đối xử với tôi như thể tôi là góa phụ thời chiến, và thực sự đó rất giống những gì tôi cảm thấy. Không có tình yêu nào đẹp và đau khổ bằng tình yêu của tuổi trẻ, và nếu những mũi tên của thần Tình yêu có tầm độc thì hẳn tôi là một cái hồng tâm ghim đầy tên. Chúng tôi viết thư cho nhau hầu như mỗi ngày, rồi sau một tháng, những lá thư của anh ngừng hẳn. Tôi chắc chắn là anh đã đá tôi vì một cô gái khác – những căn cứ quân sự lớn đều bị những người phụ nữ thêm chồng vây kín, một bài học mà tôi được học ở Việt Nam –

còn tôi thì tuyệt vọng và đau buồn không nguôi suốt nhiều tuần. Tôi chưa bao giờ là “kiểu người béo tròn mũm mĩm” như bà Gilchrest vẫn nói về những cô gái Texas khác, và việc tôi không thể nuốt trôi thứ gì đã làm tôi nằm liệt giường. Ngay cả dưỡng Al cũng biết tôi không giả bệnh để trốn việc, và khi cả dưỡng cũng thấy những đức tính tốt ở một anh chàng như Ronnie thì dưỡng thực sự đồng cảm cho tình cảnh của tôi. Dưỡng đã vận dụng hết khả năng nấu ăn của mình và đích thân nấu những món xúp rất ngon miệng cho tôi ăn. Tôi không biết là vì thức ăn hay vì lòng tốt chưa từng thấy của dưỡng Al đã chữa lành trái tim thất tình của tôi, nhưng tôi đã khỏe và vui vẻ trở lại sau một tháng. Tôi còn nhận làm phục vụ bàn ở tiệm Dairy Queen, nơi lần đầu tiên tôi gặp Ronnie. Bằng cách nào đó thì việc này làm tôi cảm thấy gần anh hơn. Cuối cùng thì những lá thư của Ronnie lại tiếp tục gửi đến tôi, nhưng phải đến cuối năm lớp Mười hai của tôi. Chưa từng trong quân ngũ, tôi không biết được rằng để trở thành một người lính thì bạn phải ngưng trở thành một thường dân, và điều đó có nghĩa là dành nhiều thời gian làm những việc quân đội muốn bạn thực hiện thay vì làm những việc bạn muốn làm, như là viết thư cho bạn gái chẳng hạn. Một tháng trước khi trung đội đào tạo, anh được phép rời doanh trại để nghỉ ngơi ở Post Exchange^[22]. Trong khi anh đang học để trở thành một người lính thì tôi cũng học để trở thành bạn gái của một người lính.

Sau này, tôi biết được còn một lý do nữa cho sự im lặng kéo dài của anh. Thực sự là có một người phụ nữ khác, một cô gái cùng quê đi cùng nhà thờ mà có lẽ là gia đình anh yêu quý. Ronnie bối rối và mâu thuẫn. Anh biết anh yêu ai, người đó là

tôi. Nhưng vì anh là một người con hiếu thảo và yêu thương gia đình, nên việc làm vừa lòng cha mẹ rất quan trọng. Anh cầu nguyện, lo lắng và lại cầu nguyện nhiều hơn. Cuối cùng, anh nghe theo trái tim mình và những lá thư của anh lại tiếp tục một lần nữa.

Một sự kiện lớn trong năm cuối của tôi là để dành đủ tiền để mua xe riêng. Dượng Al rất tán thành điều này, vì tôi đã có thể dành dụm cho riêng mình gần 5.000 đô trong khi vẫn đóng góp vào chi phí trong nhà. Dượng quá đỗi hào hứng nên tự mình đi mua về một chiếc Plymouth cũ giá 500 đô và ngay lập tức đề nghị bán lại cho tôi với giá 700 đô, đút túi trọn 200 đô tiền lời. Có lẽ dượng đang cố dạy tôi một bài học về buôn bán tự do hoặc cảm thấy rằng tôi nợ dượng vì những món xúp ngon lành mà dượng nấu cho tôi, nhưng tôi không tranh cãi gì và chấp nhận giá cả. Giờ tôi có thể kiêu hãnh lái xe đến tiệm Dairy Queen, đến trường và hằng ngày đậu xe vào chỗ đậu xe cũ của Ronnie.

* * *

Năm 1979, tôi tốt nghiệp trường trung học phổ thông Glen Rose và phải đối mặt với một quyết định trọng đại. Mười tám tuổi, tôi đã đủ trưởng thành để sống độc lập – có thể tự mình mở tài khoản ngân hàng, thuê căn hộ, và làm mọi chuyện mà không cần có sự chấp thuận của phụ huynh. Tôi đã đi một chặng đường dài dưới sự giám hộ nhiều sóng gió và lăm chông gai của dì dượng tôi, và nếu tôi học được điều gì đó về cuộc đời thì đó là nên đi xuống tàu khi tàu cập bến. Khi không còn có tôi ở bên,

cuối cùng dì Thu cũng có được một gia đình hạt nhân – dì, Bubba và (tôi hi vọng) một người chồng người Mỹ vững chãi – mà dì muốn trong hơn một thập kỷ qua. Đã đến lúc tôi phải ra đi. Nhưng đi đâu bây giờ?

Tôi vẫn liên lạc đều đặn với anh Quang và Thủy. Tôi biết anh tôi đã chuyển đến thành phố Oklahoma sau khi tốt nghiệp trường Beattie. Anh đã trở thành một chàng trai thân thiện và có năng lực, nhưng vì là con trai trưởng trong nhà, anh thường bám víu vào những truyền thống cũ. Anh nhớ quê nhà và thấy vui khi sống ở một chỗ đã trở thành cộng đồng đông đảo những “thuyền nhân” Việt – những người đã trốn khỏi chính quyền cộng sản và đến nương nhờ ở đất Mỹ. Như những thành phố lớn khác của Mỹ đã mở rộng không gian và mở rộng trái tim, thành phố Oklahoma đã thiết lập nên một Tiểu Sài Gòn, và anh Quang muốn tới sống ở đây. Ngoài ra, đó là cộng đồng người Việt gần Beattie nhất, mà Beattie chẳng khác nào quê nhà của anh trên đất Mỹ, nơi anh có nhiều bạn bè thời trung học, và gia đình Gilcrest vẫn còn xem chúng tôi là người nhà.

Trong khi anh Quang nhắm tới những cộng đồng châu Á và có được một công việc lương cao, tôi lại nhắm tới một hướng khác. Vì tôi tốt nghiệp loại ưu, các thầy cô và người hướng nghiệp thúc giục tôi học lên đại học – cứ như thể tôi cần được thôi thúc nhiều đến vậy. Mẹ tôi đã luôn tin rằng con gái cần được học cao, và tôi nghĩ cuối cùng tôi cũng đã chuyển hóa được dì Thu nữa. Đối với trẻ con, sự lệ thuộc là chuyện tự nhiên, nhưng đó là điều mà hầu hết chúng tôi muốn thoát ra. Trở nên độc lập tự chủ ở Mỹ nghĩa là có những kỹ năng ngoài việc làm ruộng, có con và biết dọn dẹp nhà cửa. Nói tóm lại, tự chủ nghĩa

là ra những quyết định sáng suốt cho bản thân mình.

Tôi quyết định xin học bổng để học ở trường Đại học bang Oklahoma và gần như ngay lập tức được chấp thuận. Tôi gia nhập cùng đội ngũ sinh viên năm nhất đến khu đại học thành phố Oklahoma như một tay kinh nghiệm (thủ tục quan liêu và những người mới đến nhút nhát đều như nhau trên toàn thế giới, còn tôi thì đã quen với những việc này) và ở cùng anh Quang và em Thủy ở Tiểu Sài Gòn, thành phố Oklahoma. Như những sinh viên năm nhất khác, tôi cũng ngóng trông lá thư đầu tiên gửi từ gia đình, bạn bè ở Texas và từ bất kỳ ở đâu. Giữa mớ phong bì đầu tiên tôi nhận được là một lá thư từ Ronnie. Địa chỉ gửi thư từ trường Bộ binh ở Georgia – để học những thứ khác nữa. Đoạn thư đầu tiên làm tôi kinh ngạc. Anh đang tự hỏi – anh viết – nếu bỏ qua mớ râu mép anh đã để trong quân ngũ thì liệu tôi có đồng ý làm vợ của anh không. Vì chuyến xe đầu tiên trên chiếc Pinto màu xanh đã đem lại kết quả tốt như mong đợi, tôi viết lại “EM ĐỒNG Ý!” trên mảnh giấy đầu tiên mà tôi tìm được.

Chúng tôi kết hôn vào tháng Mười hai năm 1979.

Chương 13

BÊN KIA CẦU VỒNG – 1979 – 1987

Chúng tôi không tổ chức lễ cưới lớn để có nhiều chỗ cho những thiên thần hộ mệnh của tôi đến dự. Mẹ đến với tôi trong đêm đầu tiên của tuần trăng mật, sau khi Ronnie đã ngủ. Linh hồn Mẹ rất vui vẻ, và tiếng Mẹ gọi tên tôi rõ đến nỗi tôi thức dậy và ngồi trên giường. Trong ánh trăng nhẹ nhàng nhìn từ khe hở của tấm màn, Mẹ đứng trước mặt tôi, rõ ràng và thực như Ronnie đang ở bên tôi. Mẹ đẹp tuyệt vời và Mẹ nói bằng giọng nói quen thuộc. Việc của Mẹ đã hoàn thành. Giờ thì Mẹ đã mãn nguyện rồi. Đã đến lúc Mẹ an nghỉ. Ronnie – mắt Mẹ hướng về anh trong một khắc – sẽ chăm lo cho con như Mẹ đã làm, và nó sẽ yêu con như Mẹ đã luôn yêu con. Mẹ cúi xuống và mỉm cười với tôi như hồi tôi còn nhỏ, rồi tan biến đi qua cửa sổ, nhạt nhòa trong ánh trăng. Tôi trở lại giấc ngủ, cảm thấy ấm áp bởi vì chắc chắn rằng tôi không còn là một người mồ côi nữa.

Ronnie là một người lính tận tâm. Sau một vài năm với Sư đoàn Bộ binh Không quân số 82 (được gọi là Binh đoàn Mỹ), anh được đề bạt lên thành Đội trưởng – một hạ sĩ quan như ba tôi vậy. Anh biết được tầm quan trọng của các nhiệm vụ và cố làm tốt trong mọi khía cạnh, nhưng niềm vui thực sự của anh đến từ sự gắn kết của anh đối với các binh lính của mình, giống như niềm vui của tôi đến từ sự kết nối với tổ ấm chúng tôi đã xây dựng nên: Eric ra đời năm 1982 được đặt tên theo một vị thánh

của Thụy Điển và cũng xuất phát từ tên diễn viên Erik Estrada, và Jon ra đời năm 1984 được đặt tên theo thánh John và cũng là tên của một nhân vật khác mà tôi yêu thích – Jon Baker trong phim ChiPs^[23]. Hai đứa cũng khác nhau một trời một vực như em Thủy và tôi vậy, vì thế nếu Mẹ tôi chịu được thì tôi cũng chịu được.



Vân và Ronnie, người lính duy nhất có súng không làm tôi sợ

Kết thúc nhiệm kỳ đầu tiên, Ronnie giải ngũ để ở gần gia đình hơn. Anh làm một vài tháng cho Brown & Root ở Glen Rose, nhưng ba sắc cờ Mỹ đã ăn sâu vào máu anh. Anh nhớ quân đội và lại nhập ngũ với sự chúc phúc của tôi, rồi anh được phục hồi chức vụ cũ – Đội trưởng bộ binh. Trận dàn quân đầu tiên ở nước ngoài của anh là ở châu Á nhưng ở xa về phía bắc hơn là nơi tôi từng sống – trại Casey, một căn cứ quân đội Mỹ gần khu vực phi quân sự hóa ở Dongducheon (đôi khi được đánh vần là Tongduchon hoặc TDC), Nam Triều Tiên. Vì khí hậu khắc nghiệt và sự căng thẳng kinh niên giữa miền Nam và miền Bắc

(tôi không lạ gì chuyện này), quân đội cho rằng đây là “một trận ra quân nhiều thách thức” và không cho phép người phụ thuộc đi theo. Điều này không có nghĩa là những lính Mỹ đóng quân ở đó không có ai có gia đình đi theo, chỉ là chính phủ sẽ không cấp chi phí cho họ. Dù vậy, Ronnie và tôi muốn được ở bên nhau. Tôi không muốn đưa con hai tuổi và đứa con mới hai tháng của anh bắt đầu cuộc sống mà cảm thấy thiếu vắng tình thương của cha như trẻ mồ côi, hay – như tôi trước đây – tự hỏi, ba (người lính) của chúng đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Vì thế Ronnie bán bộ sưu tập súng mà anh cất giữ từ hồi niên thiếu, và chúng tôi đã vét hết tiền bạc để cả gia đình có thể đến sống cùng anh ở Triều Tiên. Chúng tôi thuê một căn hộ có một phòng ngủ (với toilet trong nhà!) gần trại lính, và vì đã quen với việc sống trong những không gian chật chội với trẻ nhỏ, tôi đã tạo dựng nên một mái ấm. Tôi rửa chén và giặt giũ ngay trong bồn rửa và treo đồ ăn để hư hỏng ra ngoài cửa sổ để giữ lạnh – vào mùa đông thì chuyện này không có vấn đề gì. Ronnie phải sống trong trại lính cùng binh lính của mình, và anh được phép mỗi tháng ở với chúng tôi một đêm. Với một cặp vợ chồng trẻ, khỏe mạnh và lại yêu nhau say đắm như chúng tôi thì chừng đó là không đủ, nên, là con gái của Mẹ tôi, tôi tìm cách để đến thăm anh cùng với các con, thậm chí là ngủ lại vài đêm trong lều Quonset. Như Mẹ đã làm với Ba, tôi mang đến cho anh đồ ăn tôi nấu mỗi lần đến thăm – thật tốt cho anh khi được tạm ngưng những bữa ăn quân đội. Thật ra, những lần “tiếp tế đồ ăn” như vậy là lý do chính khiến họ cho tôi qua cổng chính.

Dù những chuyến viếng thăm vợ chồng như vậy là sai quy định, nhưng những người lính trong đơn vị của anh (và tôi cũng

cho rằng cả những sĩ quan nữa) đồng cảm và âm thầm hợp tác. Họ sắp xếp một số bàn ghế trong lều Quonset để tạo thành một cái “tổ” riêng ở phía cuối lều, và chúng tôi được ngủ trên sàn thay vì trên giường xếp của quân đội. Hai cậu nhóc rất hợp tác – Eric (chập chững biết đi) rất được những người lính xa nhà yêu mến – và trong những lúc Jon thức dậy giữa đêm quấy khóc vì đói bụng thì ngay lập tức tôi cho con bú một bình sữa pha sẵn để con ngủ lại. Việc này rất quan trọng để tránh đánh thức những người lính khác ngủ chung trong lều, và tránh sự chú ý của lính đi tuần. Nếu họ biết được Ronnie giấu giếm vợ con thì anh sẽ bị quân sự trừng phạt rất nghiêm khắc: khai trừ khỏi quân đội. Nhìn chung, đó là một khoảng thời gian đầy phiêu lưu nhưng rất đáng nhớ, đặc biệt là đối với tôi, bởi vì chuyện này kết thúc khi tất cả chúng tôi được về nhà cùng một lượt trên máy bay, thay vì Eric và Jon phải đi – một mình – trên một chiếc xe đò nào đó.

* * *

Nhiệm vụ tiếp theo của Ronnie là người hướng dẫn sức khỏe quân đội ở Fort Sill gần thị trấn Lawton, Oklahoma (góc tây nam của bang Oklahoma). Đây là một điều tốt lành. Anh Quang và Thủy vẫn còn sống ở thành phố Oklahoma. Bubba, sau khi cùng với dì dưỡng chuyển đến sống tại khu cựu chiến binh ở Wilburton, Oklahoma, giờ đã ra ngoài thế giới, sống ở McAlester, Oklahoma và làm việc cho hãng UPS. Ông bà nội Choat thì ở bên biên giới Texas, thành phố Rainbow. Chính là ở

đây cuộc sống của chúng tôi đã có một bước chuyển biến khác lạ. Sau khi chúng tôi cưới, vì không muốn xa tôi, Ronnie đã từ chối hai lời đề bạt lên thành Sĩ quan hành chánh (một bước đi có thể dẫn vào ngõ cụt nghề nghiệp). Giờ thì, để thưởng cho sự chỉ huy mẫu mực của anh, quân đội đã cho Ronnie một chỗ trong trường Đào tạo sĩ quan tiềm năng OCS (Officer Candidate School). Đây là một tin vui bởi vì những sĩ quan được đào tạo có mức lương cao hơn và được cấp nhà ở tốt hơn. Điều kiện duy nhất là anh phải hoàn tất hai năm học đại học và có được bằng trước khi khóa học mùa thu 1986 bắt đầu. Ronnie cương quyết ghi danh học thêm lớp ban đêm ở trường Đại học Cameron. Nhờ điểm thi tuyển cao, anh được miễn học nhiều môn bắt buộc, và đối với những môn còn lại, anh có thể học xong, có được bằng và bắt đầu khóa học tại OCS.

Mùa thu năm 1985 là khoảng thời gian đẹp nhất của gia đình trẻ chúng tôi, và cũng là khoảng thời gian hạnh phúc nhất cuộc đời tôi. Tôi đã có một gia đình thực sự là của tôi, một gia đình mở rộng không chỉ có các anh em ruột của tôi, một gia đình làm tràn ngập trái tim tôi sự thoải mái và ấm áp bằng cách “thuộc về ai đó,” từ việc ở với người thật sự là tri kỷ của mình. Chúng tôi yêu con trai mình và chúng tôi cũng thích vui vầy với chúng. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi và đẹp đẽ này, chúng tôi là một gia đình quân đội Mỹ bình thường và hạnh phúc. Tương lai tràn trề hi vọng và xán lạn, và mọi việc thực sự rất tốt.

Chúng tôi vẫn xoay sở được với mức lương bậc Trung sĩ Nhất (E6), và những thói quen thật khó bỏ. Nhờ sự tiện tặn và thực tế tôi học được từ thời thơ ấu ở Việt Nam, tôi đã biết góp gió thành bão. Chúng tôi rời khỏi Triều Tiên với gần 10.000 đô tiết kiệm

được – một món tiền kha khá nhưng vẫn chưa đủ để mua một căn hộ khiêm tốn ở Lawton. Và nói thật là, nếu chúng tôi có tìm được một ngôi nhà cũ xập xệ đi chẳng nữa, hẳn tôi cũng khóa mọi cửa nẻo đến ngân hàng. Ronnie thường suy xét mọi việc theo lẽ thường và không phải là một người tiện tặn chi tiêu. Anh giao phó việc giữ hầu bao chi tiêu của gia đình cho tôi – một vai trò mà Mẹ tôi đã thực hiện trong cuộc hôn nhân của Mẹ. Ronnie tin rằng mục tiêu cuộc đời không cần phải chết trong giàu có, mà phải sử dụng những nguồn lực mà Chúa ban cho để sống một cuộc đời hạnh phúc và hữu dụng. Sự lạc quan của anh thật đáng ngưỡng mộ và đó là một trong những lý do tôi yêu anh. Dù vậy, đối với tôi, tiền đã vào trong tay thì khó có thể ra được. Thỉnh thoảng tôi mang ý nghĩ này thành ra cực đoan, và Ronnie rất biết cách đối phó. Cuối cùng chúng tôi dùng toàn bộ số tiền để dành được để mua một miếng đất hơn 160 ngàn mét vuông mà dưỡng Al đã chọn ở Wilburton. Dưỡng Al đã thuyết phục anh rằng chúng tôi có thể xây dựng căn nhà trong mơ của mình kế bên nhà của dưỡng sau khi nhiệm vụ của anh kết thúc.

Khi chúng tôi còn sống ở Triều Tiên, tôi nhớ là tôi vẫn còn mang đôi giày mua từ hồi học trung học, đã thủng ở ngón chân và đế giày đã há mở, kêu lẹp xẹp khi tôi bước đi. Cuối cùng, khi tôi không hiểu những ngụ ý tế nhị của anh là phải mua một đôi mới, anh đưa tôi đi mua sắm thỏa thuê cho sinh nhật của tôi ở một quận bán lẻ ở Yongsan (trung tâm Seoul), nơi mà hầu hết các lính Mỹ mua đồ đặc cho mình. Anh dừng lại ở một cửa hàng quần áo phụ nữ, lấy cỡ mua cho tôi một đôi dép xỏ ngón bằng cao su, và khi tôi cởi giày ra, anh đã bảo ngay với người nhân viên bán hàng “vứt quách đôi giày này đi!”. Vì tôi không thể đi

chân đất trong mùa đông ở Triều Tiên, anh đã làm được điều mong muốn, còn tôi thì có giày mới để mang.

Ronnie cũng rất thông cảm với những người công nhân đang gặp khó khăn và làm những công việc lương thấp. Một lần vào năm 1985, sau bữa tối kỷ niệm của chúng tôi ở Red Lobster – bữa ăn đầu tiên của tôi ở một nhà hàng chuyên về một món nào đó ngoài hamburgers và nước ngọt – chúng tôi bàn bạc về việc nên boa cho người phục vụ bàn bao nhiêu tiền. Cô gái trẻ rất thân thiện, chăm chỉ làm việc và rất vui khi phục vụ trong buổi tối đặc biệt của chúng tôi, nên Ronnie nghĩ em cũng xứng đáng được cái gì đó đặc biệt, như là năm đô-la. Không, tôi nói, ba đô-la là nhiều rồi, nhưng đêm đó cũng là đêm của Ronnie nên anh để lại cho cô gái tờ giấy năm đô. Khi chúng tôi vừa mới ra tới chỗ đậu xe của mình ở bãi đậu thì cô đuổi theo kịp và ôm choàng lấy chúng tôi. Đó là món tiền boa nhiều nhất mà cô từng nhận được, cô nói, và cô hi vọng là chúng tôi đã không để nhầm. Ronnie đã làm cho cô vui cả ngày, và có thể là cả tuần. Đó là một món quà cho cô và một bài học cho tôi, nhưng lại là một chuyện “bình thường” đối với người đàn ông của tôi.

Anh ngọt ngào và dịu dàng với đôi mắt xanh rất đẹp, và đối với tôi, anh đẹp như một diễn viên điện ảnh. Nhưng không phải vì vậy mà tôi thích anh, tôi yêu anh vì trái tim nhân hậu của anh. Tôi nghĩ bất cứ ai gặp anh cũng sẽ yêu quý anh. Đôi khi anh về nhà muộn, anh xin lỗi và giải thích rằng anh đã giúp một người lạ thay lốp xe bị lủng, giúp khởi động xe, hoặc giúp ai đó đi qua đường. Anh nói rằng anh luôn làm những điều đó vì tôi. Anh muốn tin rằng khi anh tử tế với người khác thì một ngày nào đó sự tử tế sẽ được trả lại cho tôi, giúp tôi khi tôi cần được

giúp đỡ hay trợ giúp.

Tôi cười và hôn anh. Tôi bảo anh đừng quá lo lắng bởi vì những người lạ vẫn thường giúp đỡ tôi. Khi tôi tiếp tục chuẩn bị bữa tối, lần đầu tiên trong nhiều năm trời, tôi nghĩ đến người cảnh sát ở Hồng Ngự đã đưa anh Quang, tôi và Em Bé về nhà vào buổi sáng sau cái đêm nổ súng ở nơi đóng quân của Ba, và người tài xế taxi ở Sài Gòn ngày hôm sau đã dành cả buổi chiều và buổi tối để giúp anh Quang và tôi tìm bà ngoại trong một thành phố có hàng triệu người, một việc tưởng chừng như không làm được. Những người lạ và những thiên thần, mỗi người trong số họ, ai cũng nhân ái và Ronnie cũng vậy.

Thế nhưng, con lắc của cuộc đời lại đang đưa ở cả hai phía.

Trong năm 1986, khi Ronnie chuẩn bị tốt nghiệp trường Đại học Cameron (lớp học ban đêm), anh bắt đầu phàn nàn về những cơn đau dai dẳng ở đầu gối và ở sau lưng. Lúc đầu, chúng tôi cho rằng những cơn đau này có thể là hậu quả của cuộc đời người lính thường ngồi nhiều nên nghĩ rằng chúng sẽ qua mau. Khi những cơn đau không khỏi, Ronnie đến một phòng khám ở trại lính Fort Sill, trợ lý điều trị khám nhanh và không chịu chuyển anh tới bác sĩ. Người này buộc tội Ronnie muốn “trốn nhiệm vụ,” “muốn ở nhà với vợ con,” và bảo anh “thôi phàn nàn mà hãy trở lại công việc đi.” Trong đầu của người trợ lý, “chẩn đoán” của ông ta được xác nhận khi kết quả chụp X-quang của Ronnie không thể hiện điều gì bất thường. Vì là một người lính tốt, Ronnie nghe theo lời anh ta. Anh sống với những cơn đau, cần rằng chịu đựng thêm ba tháng nữa cho đến một buổi chiều tháng Ba, trong lúc đổ xăng ở trạm xăng ngoài cổng trại Fort Sill, anh đổ quỵ xuống.

Một chiếc xe cứu thương đưa anh tới nhà thương trại lính. Bác sĩ ra lệnh xét nghiệm máu thêm và thực hiện xét nghiệm CAT. Một vài ngày sau, kết quả báo: Ronnie, 27 tuổi, đang bị ung thư xương giai đoạn 4. Có lẽ phải hy vọng vào phép lạ, bác sĩ nói tại giường bệnh của Ronnie, anh chỉ có thể sống được khoảng 6 tháng.

Một thời gian ngắn sau, khi Ronnie và tôi đang vô cùng sốc, đau khổ và tuyệt vọng, người trợ lý từ phòng khám đến và xin lỗi chúng tôi một cách hững hờ. “Tôi xin lỗi vì đã không chuyển anh cho cấp trên của tôi, Trung sĩ Choat à,” anh ta nói với một cái nhún vai. “Bất cứ ai cũng có thể phạm sai lầm.”

Không phải sai lầm như thế này đâu, đồ khốn! Tôi điên lên, cơn giận bùng nổ. “Sai lầm của anh lấy đi mạng sống của chồng tôi!”

Ronnie nắm lấy tay tôi, có thể là lúc đó tôi đang sẵn đến để chuẩn bị đám anh ta, và nhẹ nhàng kéo tôi lại. “Bỏ qua đi em,” anh khẽ nói. “Anh ta không cố ý đâu.”

Có thể không, nhưng nhiều tấn bi kịch xuất phát từ những lỗi lầm như vậy. Số phận của quê nhà tôi là một trong số đó.

Đêm đó, tôi cuộn người nằm với hai con trong bóng tối, nghĩ về tất cả những gì đã xảy ra với Ronnie. Tôi cứng đờ với nỗi đau không thể nói ra. Cái chết đã chia ly những người thân yêu nhất của đời tôi, bây giờ nó lại lặp lại một lần nữa. Sự thương hằng bất biến của cái chết luôn đeo bám trái tim tôi. Không bao giờ được Mẹ chải tóc cho tôi lần nữa. Không bao giờ có Ba ôm tôi một lần nữa. Không bao giờ có được sự an ủi vỗ về của bà ngoại. Không bao giờ được Ronnie nắm lấy bàn tay tôi một lần nữa. Đó

là tương lai của tôi. Tôi không thể chịu đựng được. Tôi âm thầm khóc cho đến khi ngủ thiếp đi.

Chỉ trong vài ngày, Ronnie được chuyển đến Trung tâm y tế quân đội Brook tại Fort Sam Houston, San Antonio để điều trị hóa trị và xạ trị. Tất nhiên là cuối cùng quân đội chăm nom mọi thứ của họ. Tôi gửi hai con trai mình cho ông bà nội tại nhà họ ở Rainbow. Họ có đất đai rộng rãi, nhiều không gian ngoài trời để những cậu bé nhiều năng lượng được vui vẻ chơi đùa. Còn tôi đến nhà thương ở với chồng. Khi không thể trông nom nổi hai cậu nhóc đang tuổi ăn tuổi quậy và ba mẹ của Ronnie cần nghỉ ngơi, thì dưỡng Al và dì Thu nhận đưa chúng đến khu cưu chiến binh ở Wilburton. Cho đến giờ, tôi rất ít khi gặp họ và cuộc sống của họ, cũng như tôi, đã thay đổi rất nhiều. Dưỡng Al luôn rất ngưỡng mộ Ronnie và rất vui lòng chăm lo cho con trai anh. Dì Thu, tôi nghĩ đang bị chứng “nhà quá trống” sau khi hoàng tử bé Bubba của dì chuyển đi, nên cũng rất vui khi lại có thể đóng vai trò làm mẹ. Rốt cuộc thì, nếu có cái gì đó dì am tường thì đó là những đứa trẻ mồ côi.

Khi rõ ràng là việc điều trị của Ronnie sẽ rất khó khăn và (nếu chúng tôi may mắn) sẽ kéo dài, tôi phải tìm một nơi tạm trú ở San Antonio. Tôi muốn ở gần nhà thương nhưng cũng muốn hai con cạnh bên để tất cả chúng tôi có thể thăm ba của chúng. Công cuộc tìm kiếm của tôi không thành công – vì những lý do mà tôi đã quên từ lâu. San Antonio là một nơi khác xa so với những khu còn lại của Texas, hay thậm chí là Oklahoma. Nó được bao quanh bởi những khu lính với đầy những người vẫn còn nhớ về cuộc chiến và đổ lỗi cho tôi là một “Việt Cộng” lợi dụng phúc lợi Mỹ, hoặc là một người tòi tẹ không thể bảo vệ nổi đất nước của

mình. Tôi bị chối từ thậm chí là ở những khu vực nghèo nhất và ở những căn hộ bẩn thỉu nhất, chỉ bởi vì tôi là người Việt. May mắn là những nhân viên làm việc tại nhà thương – thấy tôi ngủ hết đêm này đến đêm kia trên ghế sofa ở sảnh – đã đem ra một cái ghế dựa ở phòng nghỉ của y tá để tôi có thể ở lại với Ronnie. Khi tôi cần phải đi khỏi tiếng ồn và mùi ở nhà thương, tôi ngủ vài tiếng ở ghế sau xe hơi, nhưng luôn trở lại phòng bệnh ngay khi thức dậy. Không phải người nhân viên nào cũng thấu hiểu như vậy. Một người quản lý phản đối việc xuất hiện thường xuyên của tôi và đem chuyện này phàn nàn với người Đại tá điều hành nhà thương. “Việc để cho người bình thường ngủ trong phòng bệnh là trái quy định,” ông ta nói. “Được rồi, tôi biết rồi,” Đại tá xoa cằm, nghĩ ngợi một lúc rồi ông trả lời với một sự quyết tâm, “Hãy để cô ấy yên.”

Cuối cùng ông nội Choat đề nghị mang chiếc xe moóc đến San Antonio để hai thằng bé và tôi có thể ở cùng nhau trong khi vẫn ở cạnh Ronnie. Ngay lập tức, tôi tìm thấy nơi cho thuê chỗ đậu xe moóc gần nhà thương. Thấy bãi đậu trống phân nửa, tôi liền đến văn phòng để dàn xếp. Người phụ nữ Texas rần rở đang điều hành chỗ này nhìn tôi từ đầu xuống chân rồi nói, “Xin lỗi, chúng tôi hết chỗ rồi.” Tôi không màng chuyện tranh cãi với bà ta – ở đó có rất nhiều chỗ trống – mà đi ngay đến trạm điện thoại gần nhất để gọi cho ông nội Choat. Ông ấy hỏi tôi số điện thoại của trạm điện thoại và bảo tôi chờ đó. Một vài phút xong, tiếng chuông điện thoại reng lên.

“Xong cả rồi,” Floyd nói, “Ba sẽ đến với chiếc xe moóc vào buổi sáng và đón các con ở nhà thương.”

Tôi không hiểu rõ xong là xong như thế nào cho đến khi ông

chở tôi đến nơi đậu xe moóc cùng chỗ hôm trước, và chúng tôi cùng nhau đến cửa. Ông bảo ông là Floyd Choat từ Rainbow và muốn đặt trước ba tháng. Cũng người phụ nữ quản lý đó, người đã hát tôi ra, thấy tôi đứng sau ba Floyd thì biết điều gì đã diễn ra: “xong” ở đây có nghĩa là đã giải quyết xong bà ta. Bà đẩy ra một tấm sơ đồ chỗ và đơn đăng kí cho ba Floyd rồi bảo “Ông chọn đi.”

Dù vậy, tôi vẫn chưa chiến thắng hoàn toàn – và việc ở lại lâu dài của chúng tôi vẫn chưa được đảm bảo, cho đến khi người phụ nữ này hiểu được “con bò ăn bắp cải như thế nào”^[24], như bà Gilchrest thường nói, trước khi chúng tôi rời khỏi văn phòng.

“Chị còn nhớ tôi chứ?” tôi hỏi.

Bà ta biết đây là câu hỏi đánh đố. “Tất nhiên rồi. Cô đã vào đây hôm qua.”

“Chị bảo rằng chị không còn chỗ nữa. Giờ thì chị nói với ba chồng tôi rằng ông có thể chọn chỗ.”

“Chúng tôi có vài người hủy đăng ký.”

“Mười người hủy đăng ký trong một ngày ư?”

Bà ta phì ra một luồng khói thuốc. “Hôm nay làm ăn bết bát quá, em gái ạ.”

Floyd điền xong đơn nhưng trước khi ba đưa nó cho bà ta, tôi bước tới và điền tên tôi vào ô trống đề là Người đăng ký.

“Tôi rất tiếc là như vậy,” tôi nói đanh thép. “Hy vọng là bà không có một ngày như vậy nữa.”

Trình độ tiếng Anh của tôi đã tốt lên rất nhiều.

* * *

Đáng buồn là chúng tôi không cần toàn bộ thời gian ông nội Choat đặt trước. Khi rõ ràng là Ronnie không khá lên chút nào, anh được chuyển đến Nhà thương VA ở thành phố Oklahoma. Ít nhất thì thời gian còn lại, anh sẽ được ở chỗ quen thuộc và thân thiện. Một vài tuần sau khi anh chuyển đến, họ lại chuyển anh đến một Nhà thương VA nhỏ hơn ở Muskogee, Oklahoma. Có vẻ như nhà thương lớn VA dành cho những bệnh nhân nào có ít nhất là một cơ hội sống sót: họ cần giường trống cho những người sống. Tất cả những gì mà bất cứ ai cũng có thể làm cho Ronnie bây giờ là giúp anh đỡ đau hơn, dễ chịu hơn. Có lẽ là kết thúc cuộc đời của anh như lúc nó bắt đầu, ở một thị trấn thôn dã nhỏ, là cách tốt nhất để kết thúc câu chuyện đời anh. Tuy nhiên, thậm chí cái điều nhỏ bé ấy cũng chối từ anh.

Sau một tháng vụng về thử các cách điều trị, nhà thương Muskogee VA quyết định rằng họ không đủ trang thiết bị để điều trị cho một bệnh nhân ở giai đoạn cuối với các nhu cầu đặc biệt, nên họ lại đẩy anh trở về với Oklahoma City VA. Những người quản lý ở đây lại than phiền rằng họ vẫn không có giường trống cho những bệnh nhân nằm chờ chết, nên anh phải quay trở lại Muskogee hoặc phải vào ở trong nhà điều dưỡng địa phương. Đối với tôi, điều này là đỉnh điểm của sự quan liêu độc ác cho đến khi tôi nhận ra rằng đối với quân đội, mọi người lính đều sẽ hy sinh, dù có mặc quân phục hay không cuối cùng cái chết cũng sẽ đến với bất kỳ ai. Thế nên thay vì cứ hết lần này đến lần khác lôi anh đi hàng trăm dặm về lại miền đông

Oklahoma, tôi thuê một căn hộ ở khu ngoại ô Bethany và tự mình chăm sóc cho anh đến giờ phút cuối cùng, miễn là tôi còn hi vọng. Ronnie chưa bao giờ than vãn, duy có một lần anh nói với tôi rằng có lẽ số phận đang trừng phạt anh vì không hiến tặng nhiều cho nhà thờ, Hội đồng của Chúa. Có lẽ vị Chúa Tin lành nghiêm khắc của anh phản đối khi anh vẫn thường đi lễ nhà thờ Công giáo với tôi. Tôi trấn an anh rằng vị Chúa mà tôi biết chỉ muốn chúng tôi yêu thương và chăm sóc nhau, mà việc này thì Ronnie sẽ đạt số điểm tuyệt đối. Và cũng như Ba, anh là một người lính tốt. Việc than thân trách phận không có trong từ điển của anh.

Chẳng bao lâu khi một người y tá đến thăm, cô nói với tôi Ronnie cần có sự chăm sóc chuyên nghiệp 24/7. Những người ở VA đã thu xếp để anh ở trong nhà điều dưỡng, và anh ở đó cho đến khi tình trạng của anh kiệt quệ và tôi tẻ đến nỗi đơn vị Hồi sức cấp cứu ở nhà thương chính là lựa chọn duy nhất. Trong trường hợp này, họ sẵn sàng dành một cái giường cho anh bởi vì họ biết anh sẽ không ở lại được bao lâu nữa. Đó là nơi cuối cùng của Ronnie.

Đến phút cuối, một cuộc tranh đấu “đạo đức” đã diễn ra ngay trước mặt tôi, theo nghĩa đen, ngay tại giường bệnh của Ronnie. Người trưởng khoa quyết định chấm dứt mọi sự điều trị, trừ việc sử dụng thuốc giảm đau. Việc này không hề được hỏi ý kiến tôi hay Ronnie, không yêu cầu sự chấp thuận từ ai trong chúng tôi, cũng không lời giải thích. Một bác sĩ trẻ hơn phản đối kịch liệt và những lời nói nặng nề được trao qua đổi lại giữa hai người họ, với tôi đứng giữa, cứ như thể tôi không có mặt ở đó. Người đàn ông trẻ tuổi hơn tranh luận rằng người trưởng khoa

đang giết chồng tôi, và anh ta không muốn can dự gì trong quyết định này, và rằng anh sẽ rời khỏi đây. Người bác sĩ lớn hơn trả lời, “Nếu anh đi khỏi, anh sẽ bị đuổi việc!” nhưng người trẻ hơn vẫn đi. Tôi không bao giờ gặp lại người bác sĩ trẻ nữa.

Ronnie bám trụ thêm một vài ngày. Hai đứa nhỏ và tôi luôn ở bên cạnh anh, và có vẻ như anh thấy an ủi khi có chúng tôi ở bên. Anh rất thích ôm hai đứa, và chúng tôi thay phiên nhau nằm trên giường cùng anh, hoặc chỉ nắm tay anh. Trước ngày anh qua đời, Ronnie bảo tôi bế Eric và Jon lên giường nằm bên cạnh anh.

Ronnie nói với Eric, “Ba sẽ phải đi khỏi đây, và con sẽ là người đàn ông trong nhà. Con có nhiệm vụ phải chăm sóc mẹ và em.” Có vẻ như Eric ý thức được tình hình và chấp nhận trách nhiệm này với một cái gật đầu nghiêm trang, mặc dù tôi không chắc là nó hiểu được không.

Tôi lại nghĩ về bản thân mình ở tuổi đó, nhìn Mẹ được đưa xuống mồ mà không tin được điều tôi đã thấy. Rồi nhận ra giờ đây, như tôi đã âm thầm thừa nhận nhiều năm rồi, rằng Ba tôi cũng rất có thể đã bỏ mạng nơi chiến trường đó, để lại chỉ vài bức ảnh ố vàng để thể hiện rằng Ba đã từng tồn tại trên đời này. Từ kinh nghiệm của mình, tôi biết thề thốt lòng trung thành với người chết sẽ là gánh nặng, thậm chí đối với người mạnh mẽ nhất.

Khi tôi bế Eric xuống đất, Jon nắm lấy tay tôi và nói, “Mẹ ơi, khi nào con lớn, con sẽ trở thành bác sĩ để có thể chăm sóc cho cả mẹ nữa.”

Với đôi mắt đầm nước mắt, tôi xoa đầu Jon. Tôi thật sự rất

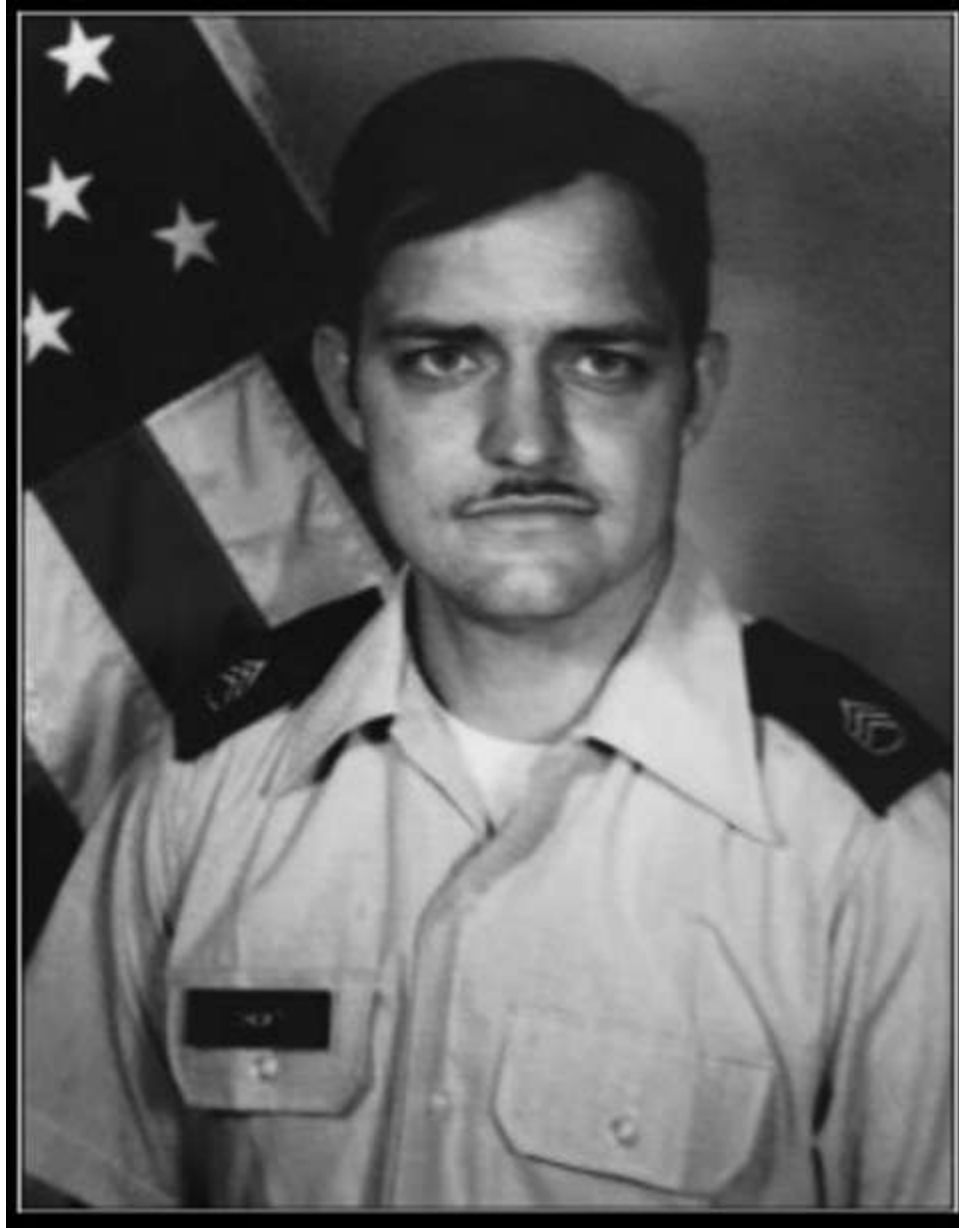
tiếc khi đứa con trai nhỏ của tôi còn quá nhỏ để có được những ký ức về ba nó hay về tình thương của ba. Ba năm sau, ở tuổi lên năm, Jon bảo tôi rút hết tiền trong ngân hàng ra để mua cho nó một người ba, để nó có thể có ba bên mình trong trận đấu bóng chày như những đứa khác.

Tôi cúi xuống gần Ronnie và nói, “Em hy vọng rằng Eric sẽ không mang gánh nặng đó suốt cuộc đời nó.”

“Em đừng lo.” Ronnie mỉm cười nụ cười tuyệt đẹp của anh lần cuối cùng. “Nó là một đứa mạnh mẽ, em trai nó cũng vậy. Giờ thì nó đã có được mục đích của cuộc đời.”

Tôi tin rằng Ronnie đã đúng. Tôi tin rằng Eric đã tự hào khi được ba giao phó bằng cái cách sâu sắc đến vậy, và nó đã không quên những lời của ba nó.

Mục đích cuộc đời. Cho đến lúc đó, tôi không bao giờ nghĩ về cuộc đời mình theo cách này. Là một đứa mồ côi, bị hành hạ, bị đe dọa và sợ hãi – đó là những gánh nặng mà chúng tôi có, nhưng chúng tôi chọn việc mang nó như thế nào. Nếu chúng tôi đã quyết sống, tồn tại, thì đó là vì chúng tôi đã xem nó như mục đích cuộc đời mình.



Ronnie Floyd Choat

Đó cũng là những lời cuối tôi nghe được từ Ronnie. Cả hai đứa nhỏ đã bị cảm vì ở lại nhà thương quá nhiều nên tôi phải đưa chúng về nhà, tắm rửa cho chúng và cho chúng đi ngủ. Khi chúng tôi lên xe đi, tôi đã nghĩ đến việc quay xe và trở lại nhà thương – nếu không chỉ để trấn an hai đứa lần cuối là ba nó sẽ sống, rồi cho rằng mình sai khi biết rằng anh sẽ không thể. Rồi

tôi nghe giọng anh. “Đưa con về nhà đi. Không sao đâu.” Và tôi làm vậy. Chúng ngủ ngay khi đầu chạm vào gối, và tôi cũng thế. Lúc 5 giờ 30 phút sáng, tôi bị đánh thức bởi tiếng chuông điện thoại gọi từ người y tá trưởng ở nhà thương. Ronnie vừa mới ra đi. Không sao đâu, anh trấn an tôi. Không sao đâu. Khi thiên thần hộ mệnh nói chuyện với bạn, thì tôi biết tốt nhất là bạn nên lắng nghe.

Tôi nhớ lại lần cuối cùng Mẹ đến thăm trong đêm tân hôn và tôi tự hỏi vì sao Mẹ hạnh phúc như vậy về cuộc sống mới giữa tôi và Ronnie khi có lẽ Mẹ biết nó sẽ ngắn ngủi. Sau một lúc, tôi biết tôi đã tìm thấy câu trả lời. Ronnie đã để lại cho tôi hai đứa con xinh đẹp, khỏe mạnh và thông minh, và anh để lại cho tôi sức mạnh bên trong mà có thể tôi sẽ không bao giờ khám phá ra nếu không có khoảng thời gian được sống cạnh anh. Đó là lý do vì sao Mẹ mừng cho tôi. Mẹ không hứa với tôi một cuộc sống dài lâu với Ronnie, nhưng bà đã nói với tôi rằng tình yêu của anh sẽ nảy nở trong tôi, cho tôi sức mạnh và nghị lực sống.



Bên mộ anh, Rainbow Texas

Chúng tôi đặt Ronnie xuống an nghỉ tại một nghĩa trang nhỏ ở Rainbow, Texas, phía đông của Glen Rose. Ở một nơi thôn dã với những đồi cỏ, những luồng gió mát làm cho nghĩa trang là một nơi an lành. Mộ của anh chỉ cách cửa nhà ba mẹ anh vài trăm thước. Trước khi người ta đặt anh xuống đất, tôi nhét một tấm ảnh nhỏ hình con tôi và một lọn tóc của tôi, giờ chỉ ngắn tới vai, bên dưới áo vét lễ phục của anh. Tôi đeo chiếc nhẫn của Ba – cái nhẫn mà Mẹ đã đưa cho anh Quang ở Hồng Ngự – vào ngón tay của Ronnie với hy vọng rằng anh sẽ tìm được đường đến chỗ Ba, rằng Ba sẽ nhận ra cái nhẫn và sẽ nhận ra Ronnie. Mong ước lớn lao nhất cuộc đời tôi là linh hồn hai người đàn ông tôi yêu thương nhất cuộc đời sẽ ở cùng nhau ở một nơi nào đó đẹp đẽ, và được gắn kết bằng tình yêu tôi dành cho họ. Đám tang được tổ chức theo kiểu quân đội với một đội danh dự được ban Cựu

chiến binh đưa tới, một lá cờ được gấp lại một cách chu đáo, màn trình diễn đầy ám ảnh của một nghệ sĩ thổi kèn hiệu bậc thầy và một màn súng chào đình tai kiểu truyền thống với 21 khẩu súng, nhưng không có một người sĩ quan nào đến viếng, không một người lính nào, không một bạn bè chiến hữu từ những ban bộ trước của anh. Không có lời chia buồn nào gửi đến gia đình từ quân đội mà anh yêu quý cũng nhiều như anh yêu chúng tôi vậy. Cứ như thể anh đã biến mất khỏi quân đội, lại một người mất tích nữa, một người lính giống như Ba.

Lời cuối

MỤC ĐÍCH CỦA CUỘC ĐỜI

Tất nhiên cuộc sống vẫn tiếp diễn, và tôi cũng tiếp tục sống. Một người con tốt, một người mẹ tốt cũng giống như một người lính tốt không bao giờ rời bỏ vị trí.

* * *

Đó là tháng Giêng năm 1987, và tôi có hai đứa con nhỏ, bốn và hai tuổi, đã sớm mồ côi cha. Theo bà ngoại tôi kể lại thì Ba tôi mồ côi từ hồi Ba mươi bốn tuổi. Tôi mồ côi Ba Mẹ mình từ lúc bốn tuổi. Tôi không phải là người theo đạo Phật nhưng ở bên mộ của Ronnie, tôi đã thề rằng con tôi sẽ không lặp lại cái vòng luân hồi này.

Với sự ra đi của Ronnie, tất cả mọi quyết định trước đây thường do anh quyết hoặc dưỡng Al hoặc bà ngoại – về việc phải làm gì, đi đâu hay sống thế nào – giờ là của tôi. Vì các con mình, tôi đã thề sẽ có những quyết định sáng suốt và khôn ngoan.

Chẳng bao lâu sau ngày Ronnie mất, dưỡng Al đưa cho tôi một tờ hóa đơn liệt kê rõ chi phí 3.100 đô mà dưỡng nói đã chi ra để xây một cầu thang cho Ronnie dùng khi ngồi xe lăn, với chi phí chi tiết đến từng con ốc. Toàn bộ những cái đó không thể

lên tới vài trăm đô-la, nhưng dưỡng đòi tôi trả lại. Trong khi chủ đề này được đưa ra bàn tán, thì dưỡng còn yêu cầu tôi sau khi dưỡng chết, tất cả đám chúng tôi – tôi, anh Quang và Thủy phải đền đáp di Thu bằng một khoản chi tiêu mỗi tháng, trả công cho việc đã nuôi chúng tôi và đưa chúng tôi đến Mỹ. Được thôi, tôi nghĩ, nhưng ngay lúc đó tôi không có tiền. Tôi nói dưỡng Al tôi sẽ trả tiền cầu thang xe lăn khi nào quân đội trả bảo hiểm sinh mạng cho Ronnie, nhưng một năm trời liền tôi không nhận được khoản tiền này. Vì những lý do nào đó không thể lý giải được, Ủy ban Cựu chiến binh ban đầu không tin rằng tôi là vợ của Ronnie. Phải mất nhiều tháng liền với các thủ tục qua lại, cùng với sự hỗ trợ tận tình của một luật sư trẻ của JAG^[25], rồi họ mới chấp nhận. Tôi trả lại tiền làm cầu thang cho dưỡng Al – không thiếu một xu. Giống như mọi thứ khác trong mối quan hệ đầy rắc rối của chúng tôi, dưỡng không bao giờ có thể quyết định nên là ma quỷ hay là một vị thánh.

Dưỡng Al qua đời năm 2002 tại khu cựu chiến binh ở Wilburton, Oklahoma, và di Thu vẫn còn sống ở đó. Giờ này, dưỡng đang được những đảng tối cao hơn tôi phán xét, và tôi chỉ có thể cầu nguyện linh hồn dưỡng tìm thấy bình an.

Năm 1990, tôi xin được việc làm và là nhân viên lập trình ở Ủy ban Cựu chiến binh (VA) (ít nhất tôi cũng biết ít nhiều những thủ tục hành chính) ở Atlanta, Georgia. Tôi và hai con rời khỏi Durant, Oklahoma (nơi tôi đã tiếp tục theo học chương trình Cử nhân tại Đại học Southeastern Oklahoma State) để dọn đến miền Nam và ở đó, năm 1991, tôi hoàn tất chương trình đại học của mình, nhận bằng cử nhân Kinh doanh ở trường Đại học Saint Leo. Tôi sẽ luôn luôn biết ơn những giáo sư ở đó (có lẽ họ

chính là những thiên thần) vì đã cho phép hai đứa nhỏ được theo tôi đến các lớp học ban đêm khi tôi không tìm được người trông trẻ. Những thiên thần hộ mệnh của hai thằng bé hẳn đã giữ chúng im lặng ở cuối lớp, vì chúng rất ngoan, không bao giờ đòi đi vệ sinh cho đến giờ giải lao. Tôi thật may mắn!

Thủy – em gái tôi, người đã rất nhút nhát và sợ trường lớp – đã có bằng Cử nhân tại Đại học Southeastern Oklahoma State. Thủy và hai cô con gái (Vi Vi và Ngọc) dọn về Atlanta cùng với chúng tôi, và ở đó, em cũng xin vào làm việc cho VA, chi nhánh IT. Em gặp chồng mình, ông Horace ở VA và họ vẫn còn ở Duluth, Georgia đến tận hôm nay.

Anh Quang đã có một sự nghiệp lâu dài và thành đạt với hãng xe General Motors (GM). Anh hiện đang sống và làm việc tại Arlington, Texas. Anh có ba người con trưởng thành: Minh, Michael và Tú Anh.

Bubba (Hoàng), là một nhân viên trung thành và kỳ cựu tại công ty giao hàng khắp thế giới United Parcel Service, Inc. (UPS). Bubba hiện đang sống ở McAlister, Oklahoma với vợ mình là Mary, cách nhà dì Thu khoảng 30 dặm. Họ có ba người con: Tyler, Miranda và April.

Năm 1995, tôi trở về thành phố Oklahoma, và một năm sau đó, bắt đầu sự nghiệp của một nhân viên dân sự của lực lượng Không quân, làm việc cho Trung tâm Không vận ở Tinker AFB. Ở đó, tôi đã có bằng Thạc sĩ Khoa học chuyên ngành Quản lý và đã đậu kỳ phỏng vấn để được nhận làm nhân viên hợp đồng, nghĩa là với chữ ký của mình – tôi đã luyện tập rất lâu ở những trường Việt lẫn trường Mỹ trong những năm khó khăn – tôi có thể làm những hợp đồng mua bán cho chính phủ Mỹ có hiệu

lực. Không xoàng đối với một cô nhóc gầy tong yêu quý những cây bút của mình và màu mực tím! Chúc vụ đầu tiên của tôi là nhân viên hợp đồng cho chương trình B-2 Stealth Bomber, nhưng những nhiệm vụ sau này đã mang tôi đến với những công việc về không gian thông qua nhiều chương trình vệ tinh khác nhau.

Sự nghiệp với lực lượng Không quân cuối cùng đã mang tôi tới Nam California vào năm 2005, và hiện nay tôi vẫn còn làm việc ở đây. Tôi đảm nhận một vị trí với USAF Space and Missile Systems Center (Trung tâm Không gian và Hệ thống tên lửa) tại căn cứ không quân Los Angeles Air Force Base (tọa lạc tại thành phố biển El Segundo, tên gọi của nó có nghĩa đen là “căn cứ không quân” duy nhất trong nước không có đường bay!). Tôi tiếp tục là phó Trưởng phòng ở nhiều phòng ban khác nhau.

Về mặt trận trong nhà, như những bậc cha mẹ đơn thân khác, một mình nuôi con cái là một việc khó khăn. Hai đứa trẻ là những cậu nhóc tuổi teen – thông minh nhưng có những suy nghĩ riêng về mọi việc, thường khác xa ý kiến của mẹ chúng. Tất cả chúng tôi đã sống sót và cả hai con đều tốt nghiệp đại học – đứa con út là kỹ sư điện tử, còn đứa lớn học về kỹ sư vi tính – cả hai đều làm việc tại Tinker AFB. Jon cưới một người vợ Việt, Tâm, và chúng đã cho tôi bốn đứa cháu – Jaimee, Justin, Tyson và Whitney, tất cả đều được ban cho những thiên thần hộ mệnh của chúng. Năm 2014, Eric và Hồng cưới nhau. Cả hai đứa con của tôi đều tiếp tục truyền thống của ba, đó là đoàn kết hai dân tộc bằng tình yêu, để cho quá khứ bất hòa có thể trở thành một tương lai tươi sáng hơn.

Dù cho các con tôi và gia đình chúng vẫn ở Oklahoma, chúng

tôi gặp nhau mỗi năm vài lần và thường xuyên sum vầy với ông bà nội Choat, ông bà cố khỏe mạnh góp phần làm sống lại quá khứ của chúng tôi.

* * *

Năm 1991 là lần đầu tiên tôi và anh Quang trở lại Việt Nam sau chiến tranh. Tôi rất trông mong gặp lại bà và bác Chiêu, và có lẽ là để biết thêm điều gì đó chắc chắn hơn về số phận của Em Bé. Chúng tôi đến thăm chú Thành và chị cả của Ba – bác Thơi. Chúng tôi nhắc họ nhớ lại lời hứa của họ khi chúng tôi còn nhỏ, rằng họ sẽ cho chúng tôi biết sự thật về Em Bé khi chúng tôi lớn lên. Chú Thành chỉ nhìn tôi bằng vẻ mặt buồn, ngơ ngác. “Chú xin lỗi. Chú không thể kể chuyện đã xảy ra, nên xin đừng hỏi chú nữa.”

Tim tôi chùng xuống, và lúc đó tôi biết rằng, cuối cùng thì chúng tôi sẽ không bao giờ biết được sự thật. Anh Quang và tôi nhìn nhau.

“Tụi cháu đã đợi một thời gian dài, đây không phải là câu trả lời tụi cháu mong đợi,” anh Quang nói.

Chú Thành và bác Thơi vẫn im lặng...



Bà ngoại hút loại thuốc ưa thích của mình ở biển Vũng Tàu (1991)

Chuyến về nước năm 1991 là lần cuối cùng tôi gặp bà ngoại. Bà đã sống với bác Chiêu và các con trai của bác, anh Ngọc và anh Đức, và bà vẫn rất thích hút thuốc vào chiều tối. Bà nói rằng bà rất nhớ mấy đứa cháu mà bà đã nuôi và rất hài lòng vì anh

Quang, Thủy, Bubba và tôi đã an toàn, sống thoải mái ở Mỹ, và rằng chúng tôi đã cho bà những đứa cháu cố.

Tôi nhớ những câu chuyện bà kể cho chúng tôi nghe về thời bà sống ở miền Bắc với tuổi thơ và thời tuổi trẻ no đủ, sung sướng, về cuộc hôn nhân hạnh phúc với ông ngoại Phan và cuộc sống hạnh phúc của họ ở đồn điền với mười một người con. Sau khi họ mất tất cả – gồm sáu người con thân yêu – và phải trốn vào miền Nam, bà sống cuộc đời của một nông dân nghèo khổ. Nhưng nỗi buồn mất con, mất nhà quá sớm sau khi ổn định tại miền Nam, chồng bà và một đứa con nữa cùng con rể bà cũng qua đời (để lại bốn đứa con) không làm bà ngã quỵ bởi sự thương thân trách phận. Bà rất khôn khéo, quyết tâm và có bản năng sinh tồn dưới bất cứ tình huống nào, dù kinh khủng như thế nào nữa. Bà đã một tay nuôi nấng chăm sóc cho bảy đứa cháu, không có đứa nào trên tám tuổi từ đầu cho đến xuyên suốt cuộc chiến Việt Nam những năm 1960 và đầu những năm 1970. Nếu không có tình thương, sự can đảm và tận tụy của bà dành cho tất cả chúng tôi, không đứa nào có thể sống qua chiến tranh, và chúng tôi cũng không thể là một gia đình nguyên vẹn. Bằng cách nào đó, dù trong cái khốn cùng nhất của nghèo đói, bà vẫn kiếm cho chúng tôi cái ăn, cái mặc và một mái nhà trên đầu trong khi trận chiến đang khốc liệt bên ngoài cửa. Và tôi chưa bao giờ nghe thấy một lời phàn nàn nào của bà, không một cái than vãn thở dài, không một chút giận dữ ca thán trong giọng nói vào những lúc hiếm hoi bà kể về cuộc sống sung sướng mà bà đã mất – chỉ có nỗi buồn thăm thẳm cho những đứa con đã qua đời vẫn còn ở lại với bà trong suốt cuộc đời.

Tôi không thể tưởng tượng ra thế giới như thế nào nếu không

có bà, và đến năm 1995, cuối cùng tôi cũng đã biết được nỗi mất mát đó. Bác Chiêu vấp té khi rời một quán rượu vào một buổi tối và đập đầu vào một tảng đá. Bác qua đời ít lâu sau đó. Việc này là quá sức chịu đựng đối với bà ngoại. Chín trong mười một người con của bà, ngoài dì Thu và cậu Hải – cả hai người đều sống ở Mỹ – đều chết trước bà. Bà không còn muốn sống nữa vì không có họ. Bà bỏ ăn và qua đời sau bốn mươi ngày và bốn mươi đêm. Điều đáng buồn là bà mất một tuần trước khi tôi trở lại Việt Nam với con trai mình, một chuyến đi tôi đã dự tính trước để chúng có thể gặp được bà cố chúng, và bà có thể gặp được cháu cố. Bà đã sống 106 năm. Khi bà mất, một nguồn sáng đã rời khỏi thế gian.

Vào tháng 12 năm 2011, anh Quang và tôi đáp xuống sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất sau một chuyến bay dài bằng qua Thái Bình Dương. Đối với tôi, đó là chuyến thứ tư đến Thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là Sài Gòn, kể từ khi vội vã rời đi vào năm 1975. Đối với anh Quang, đó chỉ là lần gần nhất trong nhiều lần trước đó. Đối với cả hai chúng tôi, mỗi lần trở về đều mang lại những mong đợi đầy lạc quan rằng mọi việc bằng cách nào đó sẽ khác, rằng chúng tôi sẽ có thể xâu chuỗi lại những mảnh ghép cũ và sẽ phát hiện lại những gương mặt thất lạc. Chúng tôi hy vọng về những điều tốt đẹp nhất trong khi vẫn chuẩn bị tinh thần cho những điều tồi tệ, bởi vì những tin tức tồi tệ nhất cũng sẽ được chúng tôi đón nhận nếu nó có thể giúp chúng tôi tìm được câu trả lời cho những câu hỏi cũ đã ám ảnh chúng tôi.



Bác Chiêu (1991)

Không giống như khu phức hợp hậu thuộc địa cũ nát chúng tôi bỏ lại năm 1975, Tân Sơn Nhất chào đón chúng tôi với cấu trúc sáng choang kính và thép, biểu tượng cho sức mạnh của một Việt Nam mới hơn. [...] Mỗi chuyến về nước là mỗi lần tôi

thích thú khi thấy ngày càng nhiều học sinh với những lá cờ Mỹ được thêu trên những chiếc ba lô thời thượng của chúng như là cách để trông “ngầu,” “chất” – cũng giống như những cửa hàng thức ăn nhanh ở những khu trung tâm thương mại hào nhoáng có treo biển hiệu với những lá cờ Mỹ kèm dòng chữ “Bò Mỹ 100%.” Và tôi cũng có chút tự hào rằng quần áo tôi mặc hôm nay thường có mác “Made in Vietnam.” Như thường lệ, Việt Nam là một nơi tuyệt vời để ghé thăm – và thậm chí là để uống một ly Starbucks – miễn là bạn nên để mắt trước những cú bom về văn hóa.

Đối với anh Quang và tôi, nhiệm vụ của chúng tôi không phải là chống phá thể chế mà chỉ để tìm kiếm những câu trả lời. Chúng tôi muốn trở lại Hồng Ngự để xem thử mộ của Mẹ có còn ở nơi mà chúng tôi đã chôn Mẹ vào năm 1964 ở Cù lao Mả trên sông Cửu Long hay không. Tôi biết rằng chúng tôi sẽ có rất ít cơ hội tìm ra chỗ quen thuộc, nhưng trái tim tôi mách bảo chúng tôi cố gắng. Chúng tôi còn hy vọng để tìm, có lẽ, một người cựu binh già nào đó còn sống ở khu vực này, một người có thể sẽ biết về Ba tôi, về số phận của Ba, và tìm ra bất cứ ai – dù bên nội hay bên ngoại – có thể nhớ Em Bé và có một chút tin tức nào đó về chuyện đã xảy ra với em. Dù chắc chắn “sẽ không bao giờ biết được” sau cuộc nói chuyện trước với chú Thành và bác Thới, chúng tôi vẫn mong giải đáp được câu đố về sự biến mất của em. Chúng tôi vẫn còn thăm cầu mong rằng em còn sống, đang sống tốt và có một gia đình thương yêu em, dù cho gia đình đó không phải là gia đình em.

Bên ngoài sân bay, chúng tôi gặp một người phụ nữ dễ thương, thấp người, độ ba mươi tuổi với trang phục phương

Tây thời thượng. Em luôn lách trong đám đông để vẫy một tờ giấy lên quá đầu, gọi tên anh Quang với cái giọng thân thiện.

“Đó là Nhung,” anh Quang nói.

“Hướng dẫn viên của anh à?”

“Người hỗ trợ cho chúng ta. Nhiều người làm ăn và phóng viên nước ngoài cần đến họ. Bất cứ thứ gì em cần – khách sạn hoặc đặt chỗ cho bữa tối, phương tiện đi lại, đến nơi nào đó, hay hẹn gặp những nhân vật chủ chốt – cô ấy là người của em.”

“Là cò sao?” Cò là một phần không thể thiếu trong cuộc sống ở châu Á. Họ có thể tiếp cận được bất cứ ai, bất cứ ở đâu, và bất cứ cái gì – với một mức giá. Họ là người có thể giúp bạn có được một cuộc phỏng vấn với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp hoặc một tay anh chị, một chiếc Aston Martin bằng vàng hay một chai Glenlivet 21 tuổi, tìm ra tất cả sau một tiếng và giữa một mớ hỗn độn. Vài tay cò mỗi chuyên làm những chuyện phạm pháp có thể gặp rắc rối với pháp luật, nhưng những người cán bộ thường sẽ nhắm mắt làm ngơ với họ khi có sự ăn thông giữa hai bên.

“Cò?” anh Quang nhún vai. “Giống “người dàn xếp mọi chuyện” hơn. Thường ngày, cô này làm cho một công ty nhập khẩu Hà Lan. Đây là việc làm thêm. Nhung chỉ muốn giúp mọi người.”

Họ bắt tay nhau, rồi anh Quang nhét vào tay cô một cuộn tiền lớn. Đây không phải là tiền công, chỉ là khoản ứng trước cho những chi phí cô sẽ trả để đưa chúng tôi ra vào một số chỗ, ăn tối sang trọng ở nhà hàng và trả tiền taxi. Anh giới thiệu chúng tôi với nhau và Nhung chào tôi như một người chị em. “Chào

chị!” cô nói rồi đưa điện thoại di động lên tai, nói nhanh và một chiếc Mercedes đời mới ngay lập tức đỗ lại ở đầu hàng. Người tài xế nhảy ra, mở cửa, và đặt hành lý của chúng tôi vào cốp.

“Nhanh thật!” tôi nói, hoàn toàn ấn tượng. Đây là một sự thay đổi lớn so với những chuyến trước của chúng tôi, khi tôi phải chờ nửa tiếng để đón một chiếc taxi và thời gian còn lại giải thích cho họ làm sao để đến nơi tôi muốn đến.

“Tụi em phục vụ tốt nhất cho khách VIP,” Nhung trả lời với một nụ cười. “Chúng ta sẽ thuê xe và tài xế riêng để đến Hồng Ngự vào ngày mai. Lần này thì chị không phải đi xe đò đâu.”

Trên đường đến khách sạn, tôi mượn điện thoại của anh Quang để gọi người bạn cũ của tôi – Thơm, bạn Thơm Ròm đã bảo vệ tôi khỏi những kẻ bắt nạt lớp năm suốt thời gian ở Trại Cá. Tôi đều ghé thăm bạn mỗi lần về nước, và lần này cũng không ngoại lệ. Nhờ bạn, tôi biết được rất nhiều về cuộc sống hậu chiến ở Việt Nam. Đa Minh, nơi bạn vẫn sinh sống, đã thoát khỏi những đôi xử khắc nghiệt mà những người miền Nam phải chịu đựng. Giờ bạn đã có chồng, Bằng, người làm tôi nhớ đến Ronnie, và hai đứa con giỏi giang. “Chúng mình xoay xở được” là những gì bạn nói trừ phi tôi hỏi những câu cụ thể hơn. Vì “tai vách mạch rừng” nên không nên nói quá nhiều. Lần này, Thơm sẽ đi với người chị lớn của mình đến Hồng Ngự – không phải là một chuyến đi dễ chịu nhưng cần thiết.

Sài Gòn hiện tại – Thành phố Hồ Chí Minh – là và đã luôn là một nơi hòa trộn thú vị giữa cũ và mới. Chính quyền hậu chiến đã đổ vào rất nhiều tiền để làm thành phố đẹp hơn, giữ lại những con đường rộng có hai hàng cây đã giúp cho Sài Gòn được mệnh danh là “Paris của Phương Đông,” trong khi vẫn xây

dựng những tòa nhà văn phòng và chung cư cao tầng với tường kính. Những chiếc Mercedes và BMW đời mới, Ford và Toyota đẹp để đường nào cũng có như những thành phố lớn khác. Chỉ trong một vài năm tôi trở lại, sự phát triển mới vẫn thể hiện ở sân bay và trong chuyến xe từ sân bay đến trung tâm thành phố, tôi thấy ngày càng nhiều những cửa hàng thức ăn nhanh (hầu hết của Mỹ), những logo của các tập đoàn lớn, những tấm bảng quảng cáo, những bảng hiệu kinh doanh nhỏ, thường là tiếng Anh – ngôn ngữ phổ biến trong kinh doanh. Hai bên vỉa hè, những thầy tu đạo Phật mặc áo choàng màu cam, cầm chén ngôi xếp bằng với điện thoại di động nghe bên tai. Noi theo gương của Thượng Hải hay Tokyo, Đô thành xưa giờ mọc lên hàng tỷ ánh đèn, trong khi nhiều ngôi làng ở những vùng nông thôn vẫn còn đọc sách bằng đèn dầu. Nhà thờ Công giáo và chùa không chỉ được chấp nhận, mà còn được khuyến khích, bởi những ngày lễ liên quan đến tôn giáo cũng giúp tiền tệ được lưu thông. Có vẻ như mỗi ngôi nhà đều có tượng Phật hoặc hình Đức Mẹ Đồng Trinh ở bộ thờ trên tầng thượng. [...]

Người quản lý khách sạn Hà Hiền đón tiếp chúng tôi từ bên ngoài cùng với toàn bộ nhân viên. Khách sạn này là nơi cư trú thường xuyên của anh Quang nên họ đón tiếp anh và Nhung như những người hoàng gia. Những căn phòng nhỏ được trang trí theo phong cách Mỹ hiện đại, từ khóa cửa điện tử, ti-vi màn hình phẳng đến sàn đá cẩm thạch bóng lộn. Không thiếu sự tiện nghi nào cả, và nếu có đi nữa thì cũng sẽ nhanh chóng được Nhung và những nhân viên tận tụy của khách sạn thu xếp. Tôi đã sống sót ở những nơi tồi tệ hơn như thế này ở Việt Nam, và chấp nhận những cái gật đầu nhẹ với sự hiện đại là dấu hiệu cho

thấy Chính phủ đã đi kịp với thế kỷ 21.

Đúng 6 giờ 30 phút sáng hôm sau, nhân viên tiếp tân gọi và nói rằng Thơm đã tới gặp tôi. Tôi bảo anh ta cho bạn lên.

Thơm Ròm thay đổi không nhiều kể từ những ngày cùng nhau ở Đa Minh. Bạn dễ thương, nhỏ nhắn và tràn đầy năng lượng. Tôi ôm bạn một cái ôm của tình chị em, như là ôm lấy quá khứ của tôi. Thơm và gia đình đã may mắn sống sót. Khi đất nước bắt đầu tự do vào những năm 90, bạn và tôi bắt đầu thư từ qua lại. Khi những cuộc gọi đường dài được mở ra cho công dân, chúng tôi một lần nữa được nghe giọng của nhau. Giờ thì giọng của bạn đang nói không ngừng khi tôi mặc đồ, đánh răng, chải đầu, và chuẩn bị cho một cuộc hành trình đào sâu hơn vào quá khứ.

Chúng tôi gặp anh Quang và Nhung ở sảnh và sau khi ăn sáng, chúng tôi gặp người tài xế và chiếc Mercedes mà Nhung thuê – không giới hạn cây số và bao luôn tiền xăng – trong năm ngày. Đây là sự xa xỉ đối với những người tự mình lái xe như chúng tôi nhưng đó là luật đối với những người nước ngoài tìm kiếm những phương tiện riêng. Hiểu theo cách nào đó thì đây là một chiêu chính trị khôn ngoan. Những du khách đến để xem những cảnh tượng mới hoặc để nhớ lại những nơi cũ, nhưng không ai có thể lái xe trên những con đường chật hẹp ở Việt Nam. Và với người tài xế địa phương lịch sự, rành rẽ đường sá và những “cò” am tường về đủ thứ chuyện như Nhung, chúng tôi có thể thoải mái tập trung vào những việc quan trọng nhất: tìm kiếm quá khứ. Trước 11 giờ, chúng tôi lên đường để đến đồng bằng sông Cửu Long và đến Hồng Ngự, khoảng 5 – 6 giờ ngồi xe.

Dù không có lịch trình cá nhân, chuyển đi về miền Tây Bắc như là chuyển trở về quá khứ. Những khu ngoại ô chật chội của Sài Gòn từ từ nhường chỗ cho những ngôi chợ địa phương và những quầy trái cây, những đám học sinh mặc đồng phục đi từng nhóm nhỏ, đá tung bụi mù và trêu chọc nhau trên đường đến lớp học chiều, những người phụ nữ lớn tuổi với những giỏ, những thùng, còn trai tráng thì những cuộc những xéng. Như là làn gió tan đi, những thứ xô bồ, nhộn nhịp của kính, của thép nhường chỗ cho sự tĩnh lặng của miền quê, nơi mà nghề trồng lúa vẫn tiếp tục như hàng ngàn năm trước, được cấp nước từ hệ thống tưới tiêu, những cơn mưa theo gió mùa, cùng những giọt mồ hôi của hàng thế hệ người lao động.



Chợ Hồng Ngự

Chúng tôi đến Hồng Ngự vào lúc 5 giờ 30 phút chiều. Không như ở Thành phố Hồ Chí Minh, hầu hết nhà hàng đều đóng cửa

khi chiều xuống nên chúng tôi ăn bữa tối sớm. Thời gian còn lại chúng tôi ghé một quán cà phê kể bên khách sạn. Anh Quang muốn biết thêm thông tin về công ăn việc làm của người địa phương, và nếu chúng tôi may mắn, có thể biết được manh mối nào đó về những người lớn tuổi có thể còn nhớ về trận chiến ở Hồng Ngự. Hóa ra, chủ quán café, một người đàn ông gầy khoảng hơn năm mươi tên là Việt chính là một trong những người xưa đó. Anh Quang, luôn là một vị khách vui vẻ, đã trò chuyện thân mật và sau vài phút hỏi xem liệu Việt có biết gì về “đồn đóng quân cũ” đã canh gác cho thị trấn vào những năm 60 và trận chiến năm 1964 không.

Việt lặng im một lúc, rõ ràng là suy nghĩ về câu trả lời của mình. Sự tin tưởng phải đến từ hai phía, và người đàn ông tử tế này không biết được liệu anh Quang chỉ là một vị du khách tình cờ như anh nói, hay là một người của Chính phủ đang muốn tìm kiếm điều gì đó. Cuối cùng, gương mặt chân thật và sự cởi mở của anh Quang đã thắng.

“Tôi đến đây khoảng một năm sau cuộc chiến đó,” Việt nói một cách nghiêm trang. “Người ta vẫn còn nói về cuộc thảm sát. Tôi không biết họ gọi cái đồn đó là gì. Nó bị tấn công và xây lại ba lần. Một số cựu chiến binh chiến đấu ở đó vẫn còn sống và có thể sẽ kể cho anh chị vài chuyện. Anh hỏi làm gì thế?”

Anh Quang nói, “Ba Mẹ chúng tôi bị giết ở đó và chúng tôi còn nhiều điều chưa rõ.”

Việt nhún vai. “Tôi mất cha mẹ từ hồi mười bốn tuổi. Phân nửa người trẻ ở đất nước này được nuôi lớn bởi cha mẹ là người mồ côi.”

“Chúng tôi muốn thăm mộ của Mẹ và tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra với Ba tôi,” tôi nói.

“Chị và những người khác,” Việt nói buồn bã. “Rất nhiều cái xác bị cuốn đi từ những ngôi mộ nông. Chị biết đấy, con sông cứ trôi. Nếu họ chôn Mẹ chị trên cù lao đó thì hẳn là xác bà ấy đã bị mất lâu rồi, bị cuốn về đồng bằng, cuốn tới biển Đông hoặc có thể đã được đào lên nhiều năm trước, để xây nhà và tái xây nhà, công ty dọc theo bờ con sông. Còn cha chị? Ai mà biết? Có thể ông đã bị giết trong chiến tranh và có thể bị chôn tập thể. Nhiều cái xác không thể xác định danh tính, không chỉ ở đây không đâu mà trên toàn đất nước. Nếu ông là chỉ huy của đồn thì ông hẳn đã bị bắt trước tiên. Nếu họ bắt được ông, họ sẽ thẩm vấn và giết chết ông ngay lập tức. Hồi đó, quân miền Bắc ở xa tí chỗ này không giữ tù binh lâu đâu. Nếu là vậy thì họ đã đẩy ông ta xuống sông, và ông ta sẽ trôi ra biển như mẹ của chị. Nếu ông sống sót và đi khỏi, tôi nghĩ là giờ chị đã hay tin từ ông rồi. Có vẻ như ông không phải là người dễ từ bỏ, đặc biệt là gia đình mình. Hãy tin tưởng vào trái tim mình. Hãy tin tưởng vào những thiên thần. Họ thường nói đúng đấy.”

Việt có giới thiệu chúng tôi với một người cựu binh già mà anh cho là ông từng tham chiến tại đồn của Ba tôi. Người đàn ông này là chủ của một cửa hàng tạp hóa gần đó, và ông được gọi là “Người lính một chân.” Việt mời ông ta café và mời ông ta tham gia cùng chúng tôi vào tối đó. Người cựu binh đến, và dù khá trầm lặng, ông cũng kể cho chúng tôi rằng ông biết ba tôi là ai, nhưng ông không thể biết chắc về số phận của ông. Ông cũng nói rằng ông biết người cảnh sát đã tìm thấy chúng tôi vào buổi sáng sau cuộc chiến, và rằng ông này chỉ vừa mới mất thôi. Anh

Quang và tôi đều buồn vì không có cơ hội gặp lại ông ấy.

Khi người cựu binh đi khỏi, ông nói với tôi những lời như Việt đã nói. Ông khuyên chúng tôi nên tôn vinh Ba Mẹ mình, và hãy để những ký ức về họ sống lại bằng cách trở lại Hồng Ngự khi nào có thể, chấp nhận những mục đích của cuộc đời mình mà không ai biết được trừ Chúa.

Với những lời khuyên cuối cùng của Việt và người cựu binh già, cuối cùng chúng tôi rời khỏi nơi yên nghỉ của Mẹ và những hiểu biết về số phận của Ba – để họ sống trong lịch sử của quê hương tôi, và chúng tôi nhìn dòng Cửu Long từ từ chảy ra biển.



Nhìn qua dòng sông Mekong nơi chôn mẹ, Hồng Ngự

Vào tháng 12 năm 2013, tôi về Việt Nam lần cuối trước khi viết câu chuyện này. Anh Quang đi cùng tôi lần nữa, còn có cả Eric – đứa con đã trưởng thành của tôi, Hồng – vị hôn thê của nó, cùng với một người bạn cũ và cũng là người đồng nghiệp của tôi từ

những ngày đầu tiên tôi làm tại Tinker AFB ở Oklahoma, một người đàn ông tử tế và hào hiệp tên John Gatlin. Kế hoạch của chúng tôi lần này là để thế hệ Choat tiếp theo thấy cách mà nửa số gia đình của chúng lớn lên, nơi Hiền đã trở thành Vân và Vân đã trở thành “Sissy,” và làm thế nào bác Quang, mặc dù thời thơ ấu sống sót khỏi những điều không thể nói của mình, trở thành người đàn ông tốt như ngày hôm nay. Nhưng vẫn còn những thứ khác. Anh Quang và tôi chưa bao giờ khép lại câu chuyện về Em Bé, và những người có thể viết nên chương cuối đều đã qua đời. Chú Thành mất năm 2003, còn thím Lan mất năm 1985. Do đó, câu chuyện của Em Bé không có kết thúc. Nó vẫn còn là một điều bí ẩn đối với chúng tôi, nhưng bí ẩn đó không bao giờ có thể bị cuốn trôi như thân xác của Ba Mẹ. Theo lý trí, chúng tôi đã nghĩ chúng tôi biết được sự thật, nhưng trái tim chúng tôi vẫn còn bám víu vào hy vọng rằng có lẽ, chỉ có lẽ, rằng sự thật vẫn còn ở ngoài kia mà chưa được khám phá: có lẽ là em đang ở đâu đó ở một ngôi làng yên tĩnh hoặc ở một thành phố nhộn nhịp, đang điều hành một công ty hoặc đang dạy học, đang làm gốm hoặc làm ruộng, có người thân bên cạnh hoặc đang ngắm hoàng hôn một mình – chỉ là chúng tôi không biết. Đây là cơ hội cuối cùng của chúng tôi.

Lần nữa, Nhung thu xếp một chiếc xe riêng và một tài xế riêng, và một lần nữa, Thơm đi cùng chúng tôi. Chúng tôi thăm lại Phú Nhuận, Gò Vấp (nơi Em Bé được sinh ra), Rạch Giá (nơi ông ngoại và bà ngoại định cư sau khi rời miền Bắc, và nơi chúng tôi được sinh ra), Thủ Đức, Đa Minh, Tân Mai và Biên Hòa, và thực hiện một chuyến đi cuối cùng đến Hồng Ngự để nói lời từ biệt Ba Mẹ ở bờ sông của Cù lao Mả (ngày nay là một vùng

ngoại ô của Hồng Ngự nằm giữa sông Cửu Long) và hứa với Ba Mẹ rằng họ sẽ luôn luôn được con cháu nhớ tới. Chúng tôi còn đi lang thang giữa những tàn tích rậm cỏ của Trại Cá với những ngôi nhà hoang tàn và những cái hồ khô nước. Chỉ có căn nhà chính và chỗ chuồng heo là vẫn còn ở được. Căn nhà được dùng cho những lớp học đêm và những cái quầy được Chính phủ sửa sang lại thành những căn phòng một giường ngủ để làm chỗ ăn ở miễn phí của những giáo viên mới. Cái cổng trước mà dựng Al từng rất tự hào đã bị tháo bản lề và trông rất tồi tàn. Những ngôi nhà nhỏ và những doanh nghiệp hiện nay đã xếp hàng thẳng tắp trên con đường Thơm và tôi thường đi học. Tôi chắc rằng Eric và Hồng phải trợn mắt và thở dài rất nhiều khi mẹ nó và người bạn cũ của mẹ cứ khúc khích cười và nói về những kỷ niệm hay những địa danh đã bị lãng quên, nhưng ít nhất chúng hiểu sẽ phải làm gì khi đến lượt chúng cho thế hệ sau biết lịch sử và những con đường của người xưa.



Nhà ở Trại Cá (2013)

Chỗ dừng chân quan trọng nhất của chúng tôi là Biên Hòa, nơi người con trai duy nhất của chú Thành là Hiếu, người chưa bao giờ rời khỏi Việt Nam, sống cùng gia đình. Hiếu biết về việc tìm kiếm Em Bé của chúng tôi từ những chuyến đi trước và đã từng gọi cho anh Quang ở Mỹ. Hiếu nói với anh Quang là em “đã có tin tức” về Em Bé, nhưng không muốn nói chuyện qua điện thoại, chờ chuyến trở về tiếp theo của chúng tôi. Tất nhiên là anh Quang không chấp nhận chuyện này. Anh ép buộc Hiếu phải kể hết câu chuyện, anh đề nghị trả tiền cước điện thoại hoặc sẽ gọi lại nếu cần thiết. Hiếu ậm à ậm ừ rồi cuối cùng lại lôi ra cái chuyện cũ rích “cho trại trẻ mồ côi” mà anh Quang và nhiều người khác đã nói nhiều năm trước. Lần này, em cho biết trại trẻ mồ côi đó ở Phương Lâm, một thị trấn nhỏ ở đông bắc Sài Gòn. Với tin này, anh Quang gọi cho Nhung và Thơm, nhờ họ gặp Hiếu để tìm hiểu thêm, và kiểm tra các trại trẻ mồ côi trước khi chúng tôi về. Nhưng điều này không dẫn tới đâu hết.

Khi chúng tôi gặp Hiếu ở Biên Hòa, em thừa nhận thông tin em biết được là từ người chồng của người chị họ tên Nhiệm (con đầu của Bác Thơi). Hiếu cho rằng chị Nhiệm và chồng chị biết chuyện đã xảy ra với Em Bé. Nhưng thật không may, chị Nhiệm đã thề sẽ mang chuyện này xuống suối vàng, nên những bí ẩn lại càng bí ẩn hơn. Nếu những câu chuyện này là thật thì có gì bí ẩn và đáng xấu hổ trong việc đem cho một đứa bé cho trại trẻ mồ côi (việc này xảy ra thường xuyên mà) hoặc cho em cho một gia đình giàu có, thậm chí là để lấy tiền? Việc này thật không đáng tin.

Quang và tôi rời khỏi nhà Hiếu trong một tâm trạng nhiều hồi tưởng. Như sự biến mất của Ba, đã có nhiều suy đoán để trả lời cho câu hỏi lớn cuối cùng của gia đình mồ côi này, nhưng rất ít dữ kiện để đi đến kết luận. Như nhiều người khác từ những thời khắc và nơi chốn tối tăm, cuộc đời của Em Bé có lẽ đã chấm dứt một cách tàn bạo. Tất cả ngón tay đều chỉ vào thím Lan là người đã gây ra bi kịch này, nhưng không có ai có thể – hay sẽ – cho biết chắc chắn. Tất cả chúng tôi đều biết rằng mọi cuộc chiến, dù cho ở những vùng đất xưa cũ hay trong tâm hồn của một người, có thể tạo ra những thảm họa trong một khoảnh khắc. Một lần nữa, tôi sẽ phải tin vào trái tim mình và lắng nghe những thiên thần của mình.

* * *

Trở lại Mỹ trong một đêm khuya, tôi được Mẹ đến thăm lần cuối. Mẹ xuất hiện trong một giấc mơ và nói một cách dịu dàng: “Lan. Tên là Lan.”

Là tên kẻ sát nhân hay là nạn nhân? Cả hai? Tôi sẽ không bao giờ biết được. Những lời tiên tri đều chứa đầy những ẩn số, nhưng những lời nói và đôi cánh của thiên thần có ý nghĩa nâng chúng ta lên cao. Tôi thức dậy trong trạng thái hân hoan. Cuối cùng Em Bé đã có một cái tên, thứ gì đó để được khắc ghi bằng cây bút vô hình mà những người mồ côi chúng tôi mãi mãi mang theo trong trái tim và truyền lại cho con cháu của mình.

Lời cảm ơn

Lời đầu tiên, tôi xin được trân trọng cảm ơn chị Phan Thị Lệ – Giám đốc Công ty Sách Phương Nam, người đã tạo điều kiện cho quyển sách của tôi được xuất bản tại Việt Nam. Chân thành cảm ơn em Trần Nhật Hoàng Phương đã tận tâm chuyển ngữ câu chuyện của tôi sang tiếng Việt, em Hoàng Ngọc Diệu đã kiên nhẫn trong quá trình biên tập bản Việt ngữ này, cùng tất cả những người đã giúp tôi được kể lại câu chuyện của mình nơi quê hương yêu dấu.

* * *

Tôi muốn dành lời cảm ơn đặc biệt và chân thành đến người chấp bút cho tôi, anh Jay Wurts. Kinh nghiệm và tài năng của anh đã mang đến màu sắc và sự bóng bẩy cho bản thảo của tôi. Jay là một người thầy, một người định hướng cho những tác giả mới, luôn luôn kiên nhẫn và đáng kính. Tôi cũng muốn cảm ơn đến biên tập viên của tôi, chị Jesssica Wulf, người đã chú ý vào từng chi tiết và đã có nhiều lời khuyên để có bản thảo cuối cùng vô giá và được đón nhận.

Ở chợ đêm Đà Lạt, trong chuyến về nước năm 2013, tôi đã gặp một người thợ của nghề nghiệp cũ nhất thế giới: kể chuyện bằng những bức hình, người họa sĩ cao bồi Phong Vân. Những bức vẽ

xuất hiện trong sách đã làm sống lại cách nhìn từ đôi mắt trẻ thơ của tôi nhiều thập kỷ trước. Cảm ơn Phong Vân, vì những bức vẽ này và vì tình bạn mới của chúng ta.

Tôi nợ lời cảm ơn chân thành nhất dành cho những người đã hỗ trợ tôi trong việc chuẩn bị câu chuyện này: anh Quang và em gái tôi, Thủy, vì những ký ức của riêng họ và đã xác nhận lại những điều tôi nhớ được; cậu Hải và dì Thu đã cho tôi những thông tin về Ba Mẹ tôi, ba mẹ và ông bà của Mẹ tôi; bạn bè tôi ở Việt Nam, Nhung, Loan, Việt và Thơm vì đã tìm kiếm và giúp chúng tôi có được những chuyến trở về Việt Nam thành công và thú vị; và người bạn cũ và người đồng nghiệp từ căn cứ không quân Tinker, ở thành phố Oklahoma. Xin cảm ơn anh, Johnny!

Sự kính trọng chân thành và khiêm nhường xin dành cho tất cả những ai đã ngã xuống trong cuộc chiến ở Việt Nam. Tôi muốn cảm ơn, với tất cả tấm lòng mình, hai người đàn ông, hai người lạ – người cảnh sát ở Hồng Ngự và người tài xế taxi ở Sài Gòn – chỉ trong khoảng 24 giờ họ đã bước vào cuộc đời tôi và anh Quang, họ là những thiên thần hộ mệnh của chúng tôi. Nhờ có họ, chúng tôi không bị vào trại trẻ mồ côi hoặc gặp phải những điều tồi tệ hơn. Tôi không biết tên của họ, và tôi cũng sẽ không bao giờ biết được, nhưng họ là những tấm gương về lòng tốt của dân tộc tôi. Cầu Chúa ban phước lành và luôn ở bên họ!

Dành cho những người miền quê Texas ở Beattie và Glen Rose, những thầy cô và bạn bè thời trung học của tôi. Xin cảm ơn vì đã tử tế và chấp nhận một người tị nạn châu Á. Và tôi đặc biệt cảm ơn bà Charlene Gilcrest, người đã cho chúng tôi một mái nhà, những cánh đồng đậu phộng để làm việc, những bao đựng bột in hình hoa để tôi may quần áo, cho chúng tôi sự hiểu

biết và, quan trọng hơn hết thấy, tình yêu thương.

Về tác giả

Mặc dù các giấy tờ khai sinh đã bị mất trong ngọn lửa chiến tranh, Vân Bích Choat vẫn biết được tên khai sinh của cô là Nguyễn Thị Hiền, sinh ra ở Rạch Giá.

Ông bà ngoại của cô, từng là những phú hộ giàu có ở miền Bắc Việt Nam, đã di cư về miền Nam sau khi người Pháp bị đánh bại vào năm 1954. Như anh trai Quang và em gái Thủy, Vân chỉ gặp ba mình một vài lần trước khi ông mất tích trong một trận chiến, và trận chiến này cũng đã lấy đi sinh mạng của mẹ cô.

Mồ côi cha mẹ trong chiến tranh, Vân và các anh em của mình phải sống cùng nhiều người giám hộ khác nhau, từ bà ngoại với tình yêu thương giàu đức hy sinh đến những người thân thích khác với nhiều kiểu bạo hành công khai. Sau này, dì Thu của cô cưới một người Mỹ lớn tuổi và đã nhận nuôi những đứa cháu mồ côi: bắt đầu một thập kỷ dài chạy trốn khỏi chiến tranh và thoát chết trong gang tấc trong một cuộc xả súng ở Philippines. Trở lại Việt Nam, hy vọng của Vân về một cuộc đời mới lại bị đập tan khi Sài Gòn sụp đổ.

Cùng ba mẹ nuôi của mình đến sống ở một thị trấn nhỏ ở Texas, Vân làm hai việc làm thêm và tốt nghiệp trung học hạng Ưu, được nhận học bổng của trường Đại học bang Oklahoma. Cô kết hôn cùng người bạn trai từ thời trung học của mình, Ronnie Choat – một người lính trong quân đội Mỹ. Cô sinh cho anh hai người con trai, rồi chẳng bao lâu sau đó, anh qua đời.

Một mình nuôi dạy hai con, Vân chuyển đến Atlanta vào năm 1990 và làm việc ở Cơ quan Đặc trách Cựu chiến binh, hoàn tất việc học đại học và có bằng Cử nhân Kinh doanh. Trở lại Oklahoma, cô bắt đầu làm việc cho Bộ Tư lệnh Vật liệu Không quân ở Tinker AFB, tham gia vào chương trình tập sự của lực lượng Không quân và nhận bằng Thạc sĩ Quản trị, sau này là chuyên viên quản lý hợp đồng của Không quân. Vào năm 2005, cô chuyển đến Trung tâm Hệ thống tên lửa và Không gian USAF ở Los Angeles với vai trò là phó Trưởng bộ phận của nhiều phòng ban khác nhau, một vị trí mà cô vẫn làm cho đến ngày hôm nay.

Để biết thêm thông tin, hãy vào trang web của cô là: vanchoat.com

CHÚ THÍCH

[1] Tựa gốc *The Wild Wild West*: bộ phim truyền hình Mỹ, gồm bốn mùa chiếu với 104 tập, được chiếu từ năm 1965 – 1969 (Tất cả chú thích trong sách là của người dịch).

[2] Từ chỉ lính Mỹ nói chung.

[3] Tựa gốc *Passion of the Christ*: tên bộ phim nói về mười hai tiếng cuối đời của chúa Jesus trong ngày bị đóng đinh vào thập giá ở Jerusalem. Bộ phim ra đời năm 2004, sau thời điểm nói đến trong sách, tác giả dùng tên bộ phim để nói về hoạt động diễn lại những cảnh trong kinh Thánh – hoạt động nổi bật hiếm hoi của dân làng San Pedro Cutud.

[4] Một loại bánh mì dẹt làm từ bột bắp hoặc bột mỳ có xuất xứ từ Mexico và các nước Nam Mỹ.

[5] Một dạng cửa hàng tạp hóa ở các căn cứ quân đội của Mỹ trên toàn thế giới. Ban đầu chỉ là những trạm bán hàng, giờ có quy mô như một trung tâm thương mại lớn.

[6] Viết tắt của chữ “Rest and Recuperation” (hoặc Rest and Relaxation), chỉ thời gian nghỉ ngơi, thư giãn của người lính hoặc nhân viên Liên hiệp quốc quốc tế phục vụ trong những doanh trại mà gia đình không được phép đi theo. Từ được dùng phổ biến trong quân đội Mỹ và Anh.

[7] Một loại bánh được nướng bằng chảo, hay được ăn cùng với mứt, trái cây tươi, mật ong... vào bữa sáng.

[8] Khẩu phần ăn của lính Mỹ. Khẩu phần C là thức ăn đóng

hộp được dùng khi nhà ăn không còn thức ăn tươi sống (khẩu phần A), thức ăn chưa chế biến (khẩu phần B). Khẩu phần K là thức ăn hằng ngày khi đánh trận.

[9] Hai nhân vật trong tác phẩm Strange case of Dr. Jekyll and Mr. Hyde của tác giả Robert Louis Stevenson. Trong tác phẩm, tiến sĩ Henry Jekyll là một người hiền lành và tốt bụng nhưng ông không thích tính cách của mình và chế ra một loại thuốc để biến mình thành Edward Hyde – một kẻ có tính cách tàn bạo và thô lỗ.

[10] Bệnh Parkinson: một dạng rối loạn thoái hóa của hệ thần kinh trung ương gây ảnh hưởng tới tình trạng cử động, thăng bằng và kiểm soát cơ của bệnh nhân.

[11] Jane Doe là tên đặt cho một người phụ nữ không rõ danh tính hoặc cần được giữ bí mật. Đàn ông là John Doe, còn em bé là Baby Doe. Từ được dùng phần lớn tại Mỹ và Canada.

[12] Một loại thuốc sát trùng.

[13] Nhân vật bị gù với dung mạo xấu xí trong tác phẩm kinh điển Nhà thờ Đức Bà Paris (tựa gốc Notre-Dame de Paris phát hành năm 1831) của Victor Hugo.

[14] Những loài động vật được chọn để lên con thuyền Noah đóng nhằm vượt qua trận Đại hồng thủy mà Chúa giáng xuống nhằm trừng phạt con người.

[15] Salvation Army Thrift Store.

[16] Tên một chuỗi cửa hàng tạp hóa khá phổ biến ở Mỹ, thường bán hàng hóa với giá khoảng 5 – 10 xu/món.

[17] Viết tắt của chữ “National Hockey League” – Giải Khúc côn cầu Quốc gia Mỹ.

[18] Nhân vật được tạo ra để quảng cáo các nguyên liệu pha chế sẵn và công thức nấu ăn. Ban đầu hình ảnh và thương hiệu này thuộc về công ty Washburn-Crosby Company, sau này thuộc về General Mills.

[19] Viết tắt của “Kindergarten (K) through Twelve (12)” – một loại trường học dạy từ mẫu giáo đến lớp Mười hai.

[20] Viết tắt của bốn chữ “Head, Heart, Hands, and Health”. Mục tiêu của câu lạc bộ là giúp các bạn trẻ phát triển và tận dụng hết năng lực của mình.

[21] Font chữ Bubble.

[22] Trạm bán hàng cho quân đội.

[23] Một bộ phim truyền hình nổi tiếng của Mỹ, chiếu từ năm 1977 đến năm 1983.

[24] Câu thành ngữ được dùng ở một số địa phương Mỹ, dùng để chỉ thái độ răn đe và nghiêm khắc của người nói trước một thái độ không đúng hoặc một sai phạm để điều này không bị lặp lại.

[25] JAG viết tắt của Judge Advocate General – luật sư cho quân đội.